

JUST OUT

the Revised (1963) Edition of
SPEAK VIETNAMESE
by NGUYEN DINH HOA, PH. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

V.N.\$100.00

388 pages

Please order from the Publisher :
TEXTBOOK AND PUBLICATION SERVICE
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION
89 Le Van Duyet Street
SAIGON, VIETNAM

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

文化

Tập XII, Quyển 6

Số 82 (tháng 6, 1963)

NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

Loại mới — Tập XII — Quyển 6

Số 82 (Tháng 6 năm 1963)



NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA, GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
Loại mới — Tập XII — Quyển 6
Số 82 (Tháng 6, năm 1963)

Mục-lục

Huấn-từ của TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA nhân dịp Lễ Đốt
Viên Đá đầu tiên tại Sư-Phạm Đại-Học-Đường, Viện Đại-Học
Sài-gòn (15-5-1963).

I. Văn-hóa Việt-Nam

Bản về "Thượng-Chỉ văn-tập"	NGUYỄN-KHAC-XUYỀN	807
Việt-Nam trong những năm đầu của thế-kỷ XX	PHẠM-VĂN-SƠN	818
Sách "Kiến-văn lục" của Vũ Nguyên-hanh	BỬU CẨM	827
Thiên-Nam ngữ-lục (<i>tiếp theo và hết</i>)	PHẠM VĂN ĐIỀU	835
Nguyễn-Thần-Hiến, một chí-sĩ miền Nam (<i>t. theo</i>)	MINH-TRẦN	849
Thi-ca của ĐÔNG-XUYỀN, ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, ĐẠM-NGUYỄN, ĐÔNG-A-THỊ, THẠCH-ẤN, KÍNH-CHỈ, TẶNG-CHI, QUÝ-ƯU, THANH-SƠN, THƯỜNG-TIÊN, HẢI-ÂU-TỬ, HỒNG - THIÊN, BẠCH - LĂNG, LỘC-MINH...		

II. Văn-hóa Thế-giới

Triết-học Trung-Hoa cận-đại (<i>tiếp theo</i>)	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	863
Sáu nguyên-tắc về hội-hợp của Tq-Hách (<i>tiếp theo</i>)	TRƯƠNG-CAM-VINH	875
Quay về biển cả	THANH-TÂM	881
Vai trò của Viện Bảo-Tàng trong công cuộc giáo-dục tráng-niên và thanh-niên (<i>Bản dịch của Phụng-Ngọc</i>)	SOICHIRO TSURUTA	889

III. Tin-tức Văn-Hóa

Tin trong nước		895
Tin ngoài nước		937
Tin sách, báo		944

IV. Tranh-ảnh

Chín Rồng trong mây và sóng của Trần-Dung (Thế-kỷ thứ XIII).
Thác nước, được coi là của Vương-Duy (698-759).

V. Phụ-trương

- Hệ-thống mẫu-âm trong ngôn-ngữ M'Nong Ralam HENRI F. BLOOD 951
(Nguyên-tác bằng Anh-văn)
- Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên tại Sư-Phạm Đại Học-Đường, Viện Đại-Học Saigon, dưới quyền Chủ-Tọa Tối Cao của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 15-5-1963:
Diễn-văn của Ông Khoa-Trưởng Sư-Phạm Đại-Học-Đường Sài-gòn.
(Bản Việt-văn và bản dịch Anh-văn).
- Diễn-văn của ĐẠI-SỨ FREDERIC E. NOLTING JR.
(Nguyên-tác bằng Anh-văn)
- Diễn-văn của Ông BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC.
(Bản Việt-văn và bản dịch Anh-văn)
- Huấn-từ của TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA.
(Bản dịch Anh-văn)



CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 6
June 1963 (Fasc. 82)

Contents

Message of the President of the Republic at the Ceremony of the Laying of the Cornerstone of the Faculty of Pedagogy, Saigon University (May 15, 1963).

I. Vietnamese Culture

On Thương-Chi's Selected Writings . . .	NGUYỄN-KHẮC-XUYÊM	807
Vietnam in the early years of the 20th Century . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	818
<i>(continued)</i>		
Vu Nguyen Hanh's « Kien Van Luc », . . .	BỬU CẨM	827
The Odyssey of Thien-Nam <i>(continued)</i> . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	385
Nguyen Than Hien, a patriot from the South <i>(continued)</i> . . .	MINH-TRẦN	849
Poems by ĐÔNG-XUYÊM, ĐÔNG-VIỆN, VIỆT-NHÂN, ĐẠM-NGUYỄN, ĐÔNG-A-THỊ, THẠCH-ÂN, KÍNH-CHỈ, TẶNG-CHI, QUỶ-ƯU, THANH-SƠN, THƯỜNG-TIÊN, HẢI-ÂU-TỬ, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG, LỘC-MINH. . .		

II. World Culture

Modern Chinese Philosophy <i>(continued)</i> . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THUC	863
Hsieh Heh's Six Principles of Painting <i>(continued)</i> . . .	TRƯƠNG-CAM-VINH	875
Return to the Sea . . .	THANH-TÂM	881
The Role of Museums in Adult and Youth Education <i>(translated by Phùng-Ngọc)</i> . . .	SOICHIRO TSURUTA	889

III. Cultural News

Vietnam News . . .	895
World News . . .	937
Publications Received . . .	944

IV. Figures and Illustrations

Dragons amidst clouds and waves by Chan Tong (13th Century).
Waterfalls, attributed to Wang Wei (698-759).

V. Supplement

- The vowel system of Uon Njuñ Mngong Ralom . . . HENRY F. BLOOD 951
- Ceremony of the Laying of the Cornerstone of the Faculty of Pedagogy, Saigon University (May 15, 1963):
 Speech by Dr. BUI-XUAN-BAO, Dean of the Faculty of Pedagogy
(Original in Vietnamese and English translation).
 Speech by THE HONORABLE FREDERICK E. NOLTING, JR., U.S. Ambassador
(Original in English).
 Speech by THE HONORABLE NGUYỄN-QUANG-TRÌNH, Secretary of State for National Education.
(Original in Vietnamese and English translation).
 Message of HIS EXCELLENCY NGO-ĐINH-DIỆM, President of the Republic.
(English translation).



CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

SECRETARIAT D'ÉTAT À L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 6

Juin 1963 (Fasc. 82)

Table des Matières

Message du Président de la République à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre de la Faculté de Pédagogie (Université de Saigon) le 15.5-1963.

I. Culture vietnamienne

A propos des oeuvres de Thương-Chi . . .	NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN	807
Le Viet-Nam dans les premières années du XXème siècle <i>(suite)</i> . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	818
«Kiên-Văn-Lục» (Recueil de contes légendaires), oeuvre littéraire de Vũ Nguyên-hanh. . .	BÙU CẨM	827
L'Odyssee de Thiên-Nam <i>(suite)</i> . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	835
Nguyễn-Thần-Hiến, un patriote du Sud Viêt-Nam <i>(suite)</i>	MINH-TRẦN	849
Poèmes de ĐÔNG - XUYỀN, ĐÔNG - VIÊN, VIỆT - NHÂN, ĐẠM - NGUYỄN, ĐÔNG - A - THỊ, THẠCH - AN, KÍNH - CHÍ, TẶNG - CHÍ, QUỲ - ĐU, THANH-SƠN, THƯỜNG - TIÊN, HẢI-ÂU - TỬ, HỒNG - THIÊN, BẠCH - LĂNG, LỘC-MINH. . .		

II. Culture internationale

La philosophie chinoise des temps modernes <i>(suite)</i>	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	863
Six principes de la peinture de Sie Ho <i>(suite)</i> . . .	TRƯƠNG-CAM-VINH	875
Recours à la mer . . .	THANH-TÂM	881
Le rôle des musées dans l'éducation des adultes et l'éducation de la jeunesse <i>(Traduction vietnamienne de Phùng-Ngọc).</i> . . .	SOICHIRO TSURUTA	889

III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam . . .		895
Nouvelles du monde . . .		937
Livres et Périodiques . . .		944

IV. Planches et Gravures

Dragons apparaissant parmi des nuages et des vagues
de Tch'en Jong (XIII^{ème} siècle)
Cascade, attribué à Wang Wei (698-759)

V. Supplément

- Le système vocalique du Uon Njuñ Mngong Rolom. HENRY F. BLOOD 951
(Texte original en Anglais)
- Cérémonie de la Pose de la Première Pierre de la Faculté
de Pédagogie à l'Université de Saigon le 15-5-1963:
Discours du Doyen de la Faculté de Pédagogie
(Texte vietnamien et traduction anglaise).
Discours de S. E. L'AMBASSADEUR FREDERICK E. NOLTING, JR.
(Texte original en anglais).
Discours du SECRÉTAIRE D'ÉTAT A L'ÉDUCATION NATIONALE
(Texte vietnamien et traduction anglaise).
Message du PRÉSIDENT DE LA RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM
(Traduction anglaise)

HUẤN-TỪ

của

TỔNG - THỐNG VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
nhân dịp Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên
Sư-Phạm Đại-Học-Đường, Viện Đại-Học Sài-gòn
(15 - 5 - 1963)

Thưa Quý Vị,

Trong tuần rồi, tôi đã đặt viên đá đầu tiên cho Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa. Hôm nay, tôi lại hoan-hỉ đến chủ-tọa buổi lễ tương-tự dành cho Trường Đại-học Sư-phạm.

Công-trình sắp được thực-hiện ở đây là phần đầu của một dự-án kiến-thiết đại-qui-mô nhằm di-chuyển các trường Đại-học từ Sài-gòn lên Thủ-Đức, tại Khu Đại-học này, một khu mà Chánh-phủ đang chỉnh-trang và xây-dựng, để hiến cho các giáo-sư Đại-học và sinh-viên những cơ-sở giảng dạy và học-tập đầy-đủ tiện-nghi, xa nơi đô-thị huyên-náo, trong một khung cảnh khoáng-dăng, thanh-tĩnh.

Giữa lúc một phần lớn tài-nguyên trong nước phải được vận-dụng để chiến-đấu chống Cộng, thì những công-tác tân-tạo liên-tiếp như những công-tác này là những cố-gắng lớn-lao, biểu-thị ý-chí của chúng ta, cương-quyết đầy mạnh công-cuộc kiến-thiết quốc-gia đồng-thời trong mọi lãnh-vực, văn-hóa cũng như kinh tế xã-hội.

Sở-dĩ chúng ta đã thành-công trong các cố-gắng ấy song-song với những thắng-lợi quân-sự, đó là nhờ ở tinh-thần đoàn-kết và ý-chí tranh-đấu của toàn-dân đã nhận-dịnh rõ chính-nghĩa quốc-gia và nỗ-lực, hy-sinh đề-đề-cao chính-nghĩa đó. Đó cũng là nhờ sự giúp-đỡ thân-hữu của Chánh-phủ và nhân-dân Hoa-Kỳ mà nhân-dịp này, tôi có lời cảm-ơn.

Sinh-viên Sư-phạm,

Tôi muốn nhắc lại với các bạn lời tôi đã nói trước sinh-viên Y-khoa tuần qua, rằng kiến-thức chuyên-môn, dù sâu rộng đến đâu, cũng còn chỉ là lợi-khí của cá-nhân nếu các

bạn thiếu tinh-thần đấu-tranh và đạo-đức cách-mạng : cương-quyết đảm nhận lấy vận-mạng của dân-tộc đang trải qua một giai-đoạn cực-kỳ khó-khăn, không tách rời mình với lập-trường dân-tộc, không thoái-thác trước nhiệm-vụ của người con dân Việt-Nam.

Mà nhiệm-vụ của các bạn thật là trọng-đại, vì lẽ chính các bạn sẽ giữ trách-nhiệm đưa những thế-hệ con em vào cuộc vận-động đấu-tranh của Dân-tộc trên mọi phương-diện chính-trị, kinh-tế, xã-hội, quân-sự, ngoại-giao cũng như văn-hóa.

Vậy nên, ngay từ bây giờ, trong sự học-tập, các bạn phải cố-gắng ý-thức vị-trí của các bạn trong toàn-bộ Đấu-tranh của Dân-tộc vận-động đời sống mới. Nếu không, các bạn sẽ chỉ là những bộ máy ghi nhận và truyền-bá những kiến-thức trừu-tượng, phi-nhân, không còn dính-líu gì đến đời sống cụ-thể, phong-phú của nhân-dân.

Tôi tin rằng trong thời-gian đào-luyện ở Đại-Học, các bạn là những cán-bộ tương-lai của Chính-Phủ Cộng-Hòa, sẽ xứng-dáng với danh-nghĩa đó và sẽ đáp lại đúng mức lòng tin tưởng mà Chính-phủ và nhân-dân đã đặt vào các bạn.

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

bàn về “Thượng-chi văn-tập”

Sở Tu-thư, Dịch-thuyết và Ấn-loát thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục vừa cho tái-bản lần thứ nhất một bộ năm quyển *Thượng-chi Văn-tập*. Sách in gọn, trình-bày trang-nhã, chữ dễ đọc. Thật là một bộ tài-liệu văn-học quý-hóa, nhất là trong tình-cảnh hiểm-hoại sách vở của chúng ta ngày nay.

Trong “lời nói đầu” (có in lại trong bốn quyển sau), Sở Tu-thư cho chúng ta biết : Văn-tập này đã do chính tác-giả chọn lọc “thê theo lời yêu cầu của một số đồng đọc-giả” và cho ấn-hành năm 1943. Rồi Sở cũng cho ta biết thêm : sau hai mươi năm, “thê lời yêu cầu của một số đồng trí-thức”, Sở đã cho tái-bản để làm tài-liệu tham-khảo văn-học-sử nước nhà. Trong lần phát-hành này, ngoài một vài tu-chỉnh nhỏ mọn, Sở in “đúng theo nguyên-văn của tác-giả”.

Sau lời nói đầu của Sở Tu-thư, dền “tự-ngôn” của chính tác-giả, bài này cũng được in lại trong bốn quyển sau. Tác-giả cho chúng ta hay sự do-đự của tác-giả, nhưng sau cùng ông đã nhất-quyết tuyên-lựa một số bài “gọi là nghe được” để đánh dấu một giai-đoạn trong văn-học Việt-nam. Như vậy, năm quyển *Thượng-chi Văn-tập* lần đầu tiên, năm 1943, đã được ra mắt độc-giả ngay trong khi Thượng-Chi còn sống và có lẽ dưới sự trông-nom của ông vậy.

Như chúng ta đã biết : toàn bộ gồm năm quyển, mỗi quyển hơn ba trăm trang, trừ quyển thứ năm chỉ có 219 trang. Như vậy, chúng ta có tất cả gần 1.500 trang sách. Ngắn ấy trang, có lẽ đối với chúng ta là nhiều, nhưng nếu so với một tác-giả phong-phú như Phạm-Quỳnh tiên-sinh, thì có kể là bao ?

Nói chung cả năm quyển, thì các bài được xếp theo thời-gian xuất-bản, nghĩa là từ năm 1917 tới năm 1922. Bài đầu tiên trong quyển nhất là bài viết năm 1917 và bài sau cùng trong quyển thứ năm để năm 1922. Nhưng trong mỗi quyển, sự xếp đặt không hẳn theo tháng năm. Thí dụ trong quyển nhất có nhiều

bài soạn năm 1917, song bài *Nghĩa-vụ* là gì trích ở số 4 tháng 10, còn bài *Văn quốc-ngữ* lại ở số 2 tháng 8 và bài *Hội Hàn-lâm nước Pháp* ở số 1 tháng 7. Trong mục-lục quyền nhất có viết là 1917-1919, nhưng thực ra không có bài nào thuộc năm 1919 và chỉ có một bài thuộc năm 1918.

Sau mỗi bài, người ta đã đặt cho nó một năm soạn, nhưng không cho chúng ta những tham-chiêu minh-xác. Có lẽ những tham-chiêu sẽ không thiết-yêu đối với bản gọi là bản phổ-thông này chăng? Tuy nhiên, nếu có một bảng tham-chiêu ghi rõ số quyền, số tạp-chí, tháng năm, số trang trong Nam-phong, thì bộ tài-liệu này được đầy-đủ và khoa-học hơn nhiều.

Chúng ta cũng lấy làm tiếc rằng ít ra ở cuối quyền năm, cũng nên có một mục-lục tổng-quát tất cả năm quyền để dễ bề tìm kiếm. Lại nữa, nếu có một bảng Mục-lục phân-tích theo bộ-môn chung cho cả năm quyền và đặt ở cuối quyền năm, thì *Thượng-chi Văn-tập* sẽ là tập văn-liệu hoàn-bị hơn nhiều. Có lẽ lần tái-bản này, người ta đã muốn trung-thành với bản in cách đây đúng hai mươi năm chăng?

Nội-dung

Về nội-dung, chúng tôi thấy khá đầy-đủ về các loại văn của Phạm-Quỳnh như trữ-tác, phê-bình, dịch-thuật và biên-khảo. Phần dịch-thuật tương-đối nhiều. Dịch Pháp-văn: *Triết-học nước Pháp* của H. Bergson 1, 205-233; *Lời văn đẹp tư-tưởng hay và dịch Pháp-văn* của nhiều tác-giả 2, 7-23; *Không-phu-từ luận* của Ed. Chavannes 2, 201-231; *Mỹ-thuật Việt-nam* của H. Gourdon 3, 7-39; *Văn-đề tiên-hóa các dân-tộc* của Gulierno Ferrero (?) 3, 41-70; *Lãng-tâm Huế cùng văn-hóa cũ nước Nam* của toàn-quyển Albert Sarraut 3, 71-77 (Phần lớn trích-dịch của Sarraut); *Đông-Á Tây-Âu dung-hòa...* của bác-sĩ G. L. Dickinson 3, 157-162; *Gia-tộc luận* của một tác-giả 3, 167-182; *Không-giáo-luận* của Hovelaque 4, 145-160; *Thơ là gì* dịch của một tác-giả Pháp Paul Géraldy 4, 305-327.

Ngoài ra chúng ta còn có hai bài dịch từ Hán-văn: *Văn-thuyết* của Tống lãnh Liêm 1, 301-307; *Sử-luận* của Đái cát Phu 2, 71-78.

Những bài truyện-bá và giới-thiệu văn-học Pháp cũng chiếm một phần quan-trọng trong toàn-bộ. Ngoài những bài kể trên còn có: *Khái-luận về văn-minh học-thuật nước Pháp*, *Cái nghĩa chết*¹ (Nghĩa cái chết), *Hội Hàn-lâm nước Pháp*, *Lỡ độ đường*², *Chúa bề*³, *Phục-thù cho cha*, *Ông Descartes*, *Thơ Baudelaire*,

¹ *Le sens de la mort*, Paul Bourget.

² *L'Étape*, Paul Bourget.

³ *Le maître de la mer*, Eugène Melchior Vogüé.

Một nhà khoa-học... Marcelin Berthelot, tất cả những bài này đều ở trong quyền nhất. Trong quyền hai có bài về *Một nhà văn tá thực Guy de Maupassant*, quyền ba: *Bình-phẩm về tiểu-thuyết* của ông Jean Marquet. Hai cuốn sách một về *Nước Nam đời xưa* của toàn-quyển Pierre Pasquier 4, 217-234 và một của Gustave Maybon: *Một bộ sách có giá-trị về quốc-sử* 5, 7-37 cũng được bàn tới.

Sau những bài dịch-thuật và những bài giới-thiệu văn-học Pháp và các nhà văn Pháp, chúng ta được đọc những bài khảo-cứu như: *Nghĩa-vụ làm báo*, *Thơ ta thơ tây* (q. I); *Sử-học chuyên-luận*, *Thề-lực đồng tiền*, *Danh-dự luận* (q. II); *Khảo về ngân-hàng*, *Bản về tiểu-thuyết*, *Bản về diễn-thuyết* (q. III); *Phật-giáo lược-khảo*, *Văn-minh luận* (q. IV); *Tổng-luận về luật-học* (q. V).

Về văn-học Việt-nam, chúng ta có bài *Phê-bình "Một tâm lòng"* của Đoàn-như-Khuê, các bài khảo-luận về *Thơ ta thơ tây*, *Văn quốc-ngữ* (q. I); *Chữ nho với văn quốc-ngữ*, *Tiếng Việt-nam có cần phải hợp-nhất không*, *Đã nên làm từ-diễn chưa?*, *Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn Việt-nam được không?* (q. II); *Truyện Kiều*, *Viếng ông Tuyết-trang*, (q. III); *Tục-ngữ ca-dao* (q. IV); *Viếng ông Phan-kê-Bính*, *Cụ Nguyễn-bá-Học* (q. V). Riêng về loại du-ký và trữ-tác chúng ta có những bài: *Tráy chùa Hương* (q. II), *Thuật chuyện du-lịch ở Paris* (q. V); *Cùng các phái-viên Nam-kỳ* (q. III), *Độc-thư cứu-quốc*, *Thơ cho bạn* (q. IV).

Một văn-tập chưa hoàn thành

Nhưng chúng ta tự hỏi: gần 1.500 trang sách đã có thể là tất cả Phạm-Quỳnh được chưa? Hay đây mới chỉ là một phần trong sự-nghiệp rộng-lớn của Thượng-chi tiên-sinh? Chúng tôi lấy làm lạ rằng: tại sao tiên-sinh mới chỉ thu-tập có ngần ấy bài và không cho xuất-bản thêm nữa? Tiên-sinh chưa kịp cho in toàn-bộ và toàn-bộ này, nếu theo cái đã trong năm quyền, thì phải lên tới ít là 30 quyền và có thể hơn nữa nếu kể cả văn dịch-thuật. Hay là tiên-sinh chưa có thời-giờ? Hoàn-cảnh chưa cho phép ông thực-hiện chương-trình: 1943 không xa 1945?

Chúng ta thấy rằng trong năm quyền *Thượng-chi Văn-tập* chỉ có những bài ông viết từ 1917 tới 1922 (Năm 1922 mới chỉ có một bài "Thuật chuyện du-lịch ở Paris"). Vậy còn những bài sáng-tác, dịch-thuật, biên-khảo trong những năm 1922-1932, nghĩa là trong khoảng 10 năm nữa ở đâu? Ta có thể nói được rằng: ta biết một tác-giả chỉ nhờ vào một giai-đoạn đầu của tác-giả đó hay sao? Ở đây, chúng tôi thấy cần-phải xem lại bài Nguyễn-hữu-Tiên cáo-chung từ Nam-phong đăng trong số cuối cùng, số 210, ngày 16 tháng 12 năm 1934. Theo tác-giả bài này, chúng ta biết tạp-chí Nam-phong chia làm ba giai-đoạn. Giai-đoạn 1 kể từ 1917 cho tới cuộc Tây-du của Phạm-Quỳnh. Thời kỳ này là thời-kỳ thí-nghiệm và thực-hành, *thời-kỳ gây thanh-thể*. Đó là những năm đầu từ 1917

Việt, cũng không thể nhất thiết trừ bỏ cái học cổ-diễn ấy đi được» (tr. 118). Bởi vì nếu bỏ các học xưa thì như chia lìa khỏi cái quá-khứ của mình. « Từ khi ban-bỏ Tây học mới... thời hốt nhiên đoạn-tuyệt mất cái nền học cũ nghìn năm đó, khiến cho đời trước với đời sau gián-đoạn nhau, và trong việc trí-dục đức-dục của người Việt-nam có phần khuyết-diếm vậy» (tr. 127).

Đó là đời với cổ-học Hán-văn, còn đời với tân-học Pháp-văn thì sao? Trong bài *Văn-hóa Pháp đối với tiền-đế nước Nam* số 147, tháng 2 năm 1930 Thượng-chí cho rằng: nhà nho muốn hấp-thụ văn-hóa Pháp, song phiên vì không thạo tiếng Pháp, còn kẻ tân-tiền ngày nay biết tiếng Pháp, song một là thiếu óc lão-luyện, hai là học-hành nông-cạn. Kết-luận là phải đào sâu văn-hóa Pháp, biết lợi-dụng văn-hóa Pháp để làm giàu cho nền văn-hóa cổ-hữu dân-tộc. Trong một bài khác, khi nói «tiền-tri» về tình-hình văn-học *Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào?* số 154, tác-giả đoán trước rằng: Nước ta lúc đó gần như độc-lập về chính-trị, kinh-tế, song văn-hóa còn giữ liên lạc với văn-hóa pháp. Ông viết: « Văn-minh nước Nam sau này sẽ in dấu-hiệu của nước Pháp, cũng như xưa kia đã in dấu-hiệu của Cò-Chi-na vậy. Nay cái văn-minh duy-tân đó rồi sẽ ra thế nào? Ta đã nói: sẽ dung-hòa được cả cái tinh-hoa Âu-Á» (tr. 218). Ông còn nhắc lại trong mấy giòng sau: « Cái hương-hòa của nòi giòng đó sau này sẽ sáp-nhập vào trong một hình-thể văn-minh mới, có in dấu tinh-thần của nước Pháp».

Nếu chúng ta tạm bỏ ra ngoài cái âm-hưởng chính-trị và hoàn-cảnh thời-đại, nếu bình-tĩnh và khách-quan suy-xét lại lời nói của ông, rồi không tự-ti mặc-cảm cũng không tự-tôn quá đáng, chúng ta sẽ nhận ra đâu là sự thực và những thiên-lệnh đáng trách. Cũng như ngày nay, nếu chúng ta không biết lợi-dụng bài học của quá-khứ, trong giai-đoạn mà chúng tôi gọi tạm là *giao-thời Việt-Mỹ* này, chúng ta cũng có thể đi vào vết *lỗi-lầm* thời trước.

Thực ra, xét đến cùng, thì vấn-đề đưa ra bàn-giải trong lúc này là vấn-đề mới cũ, vấn-đề bảo-thủ và tiên-hóa. Trong một bài nhan-đề *Bảo-thủ với tiên-hóa*, số 156 tháng 11 năm 1930, Phạm-Quỳnh đứng ra dung-hòa. « Một bên muốn bảo-tồn lấy cái bản-thể của mình, lại một bên muốn tiên-hóa cho thích-hợp với hoàn-cảnh». Nhưng tiên-hóa thế nào? Ông viết: « Nước Nam cần phải tiên-hóa, và cần phải tiên-hóa theo Âu-châu; đó là lẽ tất-yếu, không những thế, lại là một vấn-đề sinh tử nữa. Nhưng tiên-hóa không phải đi từ chỗ không mà bước lên được. Ở chỗ gốc phải có cái gì đã. Cái gì đó là gôm cả cuộc ký-vãng của một dân-tộc, hiện-tại cùng tương-lai của dân-tộc ấy thế nào cũng là tùy-thuộc ở đó» (tr. 433). Cứ xem gương nước Nhật thì rõ. Muốn được vậy, cần phải *Cái-cách về trí-thức tinh-thần* (số 156) nghĩa là « phải biết khéo hòa-hợp

cho thích-nghi, nên việc điều-hòa đó, cần phải có trí khôn-ngoaan sáng-suốt mới làm được».

Tóm lại, trong công-cuộc cải-tiến này, ta sẽ không đồng-hóa một cách mù-quáng, song một cách khôn-ngoaan. « Đồng-hóa với người một cách khôn-ngoaan như vậy, thì không có gì là thái với sự bảo-tồn những cái đức-tính cổ-hữu của giòng Việt-nam ta. Ta thiếu cái gì thì ta mượn của người, bắt tất phải phá-hoại cả cái gốc cũ của ta, hay là khinh-rẻ coi thường nó» (tr. 524), *Gidi-nghta đồng-hóa*, số 163 tháng 6 năm 1931.

Theo Phạm tiên-sinh thì ta thiếu là thiếu cái phương-pháp. Trong bài *Luận về phương-pháp* số 163, ông viết: « Ta mượn là mượn cái phương-pháp của họ, mượn cách tổ-chức của họ, và thuộc về các chuyên-môn thì mượn những cái kỹ-thuật của họ đã sáng nghĩ ra để khéo lợi-dụng các sức mạnh cùng các vật-chất vậy». Rồi sau đó, tác-giả vẫn theo đuổi ý-tưởng điều hòa hai nền văn-hóa. « Nhưng đến khi đã có phương-pháp rồi, thời trong tay như có một cái lợi-khi rất mạnh để khám-phá được những sự bí-mật của khoa-học cùng văn-minh Thái-tây, và vừa giữ được cốt-cách mình, vừa cải-tạo được cho nước nhà cùng nòi giòng.» (tr. 529a).

Nhưng trong buổi giao-thời, khó tránh những đau-đớn, những xâu-xé của nạn-nhân thời-đại, nếu có thể gọi được như vậy. *Nhà nho* (số 172, tháng 5 năm 1932) « có lẽ đến ngày nay là cùng vận. Con nhà nho bây giờ là cái vật trái mùa, còn ai là người quý-chuộng». Tuy nhiên tác-giả thầy rằng nhà nho cần phải được cải-tiến, nghĩa là tinh-thần nhà nho cần phải được tiếp-tục trong lớp người mới, song không phải là hủ nho mà là giới tân trí-thức sáng suốt. « Vì dân ta không thể không có thầy đó được. Cái giòng thầy đó còn cần phải di-truyền mãi. Nhưng có di-truyền, lại phải có tiêu-hóa nữa mới được» (tr. 458).

Phải nho đã vậy, bây giờ đến lớp người trí-thức mới thì sao? Cũng trong buổi giao-thời này, có những cảnh tang-thương. *Chuyện tâm-tình* (số 172 cùng tháng năm) cho chúng ta biết tâm-trạng của một thanh-niên trí-thức thời đó. Anh là người xuất-ngoại trở về quê hương. Nhưng anh sống « vong-bản», mất rễ, xa lạ, ngay giữa những người đồng-bang của anh. Người ta tránh anh và anh trở nên cô-độc. Tác-giả đã đem lời khuyên giải: « Phải cam-nhận cái thân, phận mình... Ta sinh-trưởng là người Việt-nam, thời sống là người Việt-nam, mà chết cũng vẫn là người Việt-nam. Đừng có mơ-mộng thành ra người khác được; đừng có kiếm cách tự mình không nhận mình được» (tr. 463b).

Vấn đề quốc-học

Chúng ta có thể khảo-cứu về vấn đề quốc-học theo mấy tác-giả viết trong Nam-phong, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nói tới mấy bài của Phạm-Quỳnh bàn về vấn đề này.

Trong bài *Trả lời bài « Cảnh cáo các nhà học-phiệt »* của ông Phan-Khôi đăng trong Phụ-nữ Tân-văn, Thượng-chí trước hết đã biện bạch cho mình. Ông chỉ nhận ông là « nhà làm văn, nhà học-văn », lấy « ngôn-ngữ văn-tự trong nước » làm lợi-khí « cõ-động cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-văn » chứ không chuyên chú chính-trị, hoặc đứng ra làm thành một phái bị gọi là phái học-phiệt. Hình như để đổi lại lời lẽ khinh-miệt của Phan-Khôi đối với phái tân-học, ông Phạm-Quỳnh đã « mạnh-bạo » phán-đoán nền cổ-học Việt-nam bằng những lời-lẽ rất danh-thếp, rất khắt-khe. « Nói đến học-thuật chân-chính thì cổ-lai nước ta đã có gì? Không dám bội-bạc với tiên-nhân, nhưng thật không có người nào vậy. » Các cụ ta thời xưa thực ra nào « đã phát-minh được những điều gì, trước-thuật được những sách gì thật giá-trị... » Ông còn nói mạnh hơn nữa: « Nước mình tịnh không có gì cả... Chúng ta lấy làm lạ rằng chính ông Phạm-Quỳnh đã diễn-thuyết ở Pháp cũng như ở Việt-nam để ca-tụng những áng văn hay, những câu ca-đạo ngôn-ngữ, nhất là truyện Kiều, thế mà ở đây ông lại chửi sự-nghiệp của tiên-nhân. Có lẽ khi ông nói là ông có ý vạch cho Phan-quân biết và nhận lợi của người xưa hơn là đồ cho người ngày nay, hoặc giả tiên-sinh có ý nói rằng: nếu so với những sách cổ-diễn của Trung-hoa như tứ thư, ngũ kinh, Tam-quốc... hay của người Ấn-độ như những kinh Vệ-đà, Upanishad, thì quả thật không thể tìm thấy nơi văn-học của ta. Thế rồi, như kết án cả xưa lẫn nay, Thượng-chí viết: « Xưa kia phóng chếp người Tàu, ngày nay bắt chước người Tây. Xưa kia động nói là dương danh ông Không, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình, ngày nay động nói là giờ ra khoa-học với lý-luận, dân-chủ với dân-quyền. Nghe người ta nói mình cũng nói, chứ vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh vi ». Coi những lời lẽ trên đây, chúng tôi chưa rõ hẳn ông muốn kết-án cả một thế-hệ, hay ông nhằm chỉ-trích đối-phương? (Coi số 152).

Trong bài *Bàn về quốc-học*, số 163 tháng 6 năm 1931, Phạm-Quỳnh còn theo đuổi tư-tưởng trên trong những lời phán-đoán « tàn nhân » hơn nữa. Ông viết: « Anh-hùng ta có, liệt-nữ ta có, danh-sĩ cao-tăng ta cũng có, nhưng cõi học nước ta, cõ-kim chưa người nào có tài sáng-khởi, phát-sinh ra những

tư-tưởng mới, thiết-lập ra những học-thuyết mới, đủ có cái về độc-lập một « nhà » đối với các « nhà » khác, như bách-gia chư-tử bên Tàu ngày xưa. Hay thàng hoặc cũng có mà mai-một đi mất, sử-sách không truyền chẳng? » (tr 515). Rồi ông phê-phán cái lối học mô-phỏng không những của tiên-nhân xưa mà của đám tân-học ngày nay nữa. « Trước kia học sách Tàu thì làm học-trò Tàu, ngày nay học sách Tây cũng chỉ làm học-trò Tây mà thôi! » Ông còn viết thêm: « Nếu ngày nay ta lại đồng-hóa theo Tây như ngày xưa đồng-hóa theo Tàu, thì giả sử có thành-công nữa cũng phải đến mười đời, mà rút cục lại chỉ thành một bản phóng mờ của nước Pháp, chứ chẳng có tinh-thần cốt-cách gì cả... » (tr 519). Để kết-luận và để đưa ra một giải-pháp ngõ hầu gây thành một nền quốc-học có căn-bản, tiên-sinh thầy cán phải nhiệm lấy cái tinh-thần khoa-học mà theo tiên-sinh Đông-phương ta thật không có, chỉ có đạo-học thôi. Khoa-học theo ông « là sự học lấy lý-luận làm tiên-phong, lấy thực-nghiệm làm hậu-kính, lấy sự thực hiên-nhiên làm căn-cứ, lấy lẽ phải tất nhiên làm mục-đích ». Cho nên muốn gây lấy một nền quốc-học riêng của ta thì « phải dùng phương-pháp phê-bình khảo-cứu của khoa-học mà phân-tích những học-thuyết cũng nghĩa-lý cũ của Á-đông ta, rồi đem ra nghiên-ngẫm, suy-nghi, đối-chiêu với những điều chân-lý cùng những phát-minh của khoa-học Thái-Tây » (tr. 522).

Nhưng trong công-cuộc gây dựng nền quốc-học đó, quốc-văn giữ một vai trò thiết-yếu tuyệt-đối. Trong bài *Quốc-học với quốc-văn*, số 164 tháng 7 năm 1931, ông cho rằng: sở dĩ nước ta chưa có một nền quốc-học chân-chính chỉ vì ta chưa có một nền quốc-văn xứng đáng. Tại sao vậy? Tại cái chề-độ thực-dân Trung-hoa khi xưa và có lẽ cả thực-dân Pháp-quốc ngày nay nữa. « Trong thời-đại Hán-học, cái hại ấy đã thâm-trầm cho đến nỗi nước ta vẫn có tiếng là nước văn-hiến mà thủy chung không gây được một nền quốc-văn quốc-học cho xứng đáng. Nay đến thời-đại Tây-học, xem ra cũng không thấy khác gì, hình như chúng ta lại muốn bước vào cái vết xe cũ của đời trước » (tr. 3). Cái hại còn sâu-xa hơn nữa bởi vì từ sự chịu ảnh-hưởng của ngôn-từ, chúng ta có thể đi tới chịu ảnh-hưởng cả tâm-tình phong-hóa. « Mượn tiếng người thì mượn cả tư-tưởng của người, mượn cả học-thuật của người, rồi đến mượn cả tinh-tinh phong-tục của người nữa » (tr. 4). Lúc ấy ta đã là người « mất rễ », người vong-bản rồi vậy. Cho nên, ngày xưa và cả đến ngày nay, phải thượng-lưu trí-thức của ta xa lìa quần-chúng, bỏ hẳn cội nguồn: họ đã thành Tàu với người Tàu, thành Tây với người Tây (cũng như ngày nay Nhật với người Nhật, hoặc Mỹ với người Mỹ...). Như thế là gốc đã mất vậy.

Trong một bài khác bàn về Quốc-học với chính-trị, số 165 tháng 8-9 năm 1931, Phạm-Quỳnh phê-phán lời ông Paul Reynaud khi ông này khen bài diễn-văn của ông Bùi-quang-Chiều đọc bằng Pháp-văn rằng: « Có lẽ ngài tây hơn tôi... » Một lời khen, song mỉa-mai thay, cũng như câu ta thường học khi còn theo lớp tiểu-học Pháp trong thời Pháp-thuộc rằng: « Tổ-tiên ta là giống Gô-loa... ». Phạm tiên-sinh nhân-nhủ những nhà làm chính-trị hãy có tinh-thần Việt-nam, hiểu-biết quốc-văn, quốc-học, và đừng « tây hơn tây... » (Mỹ hơn Mỹ hoặc Nhật hơn Nhật, Ấn hơn Ấn...). Ông khuyên ta đừng chọn con đường dễ. Dải là con đường đã dọn sẵn, nghĩa là những ngôn-ngữ của nước người đã hoàn-bị, nhưng hãy chọn con đường khó-khăn, nghĩa là phải bắt đầu bằng mọi sự, mọi việc. Đó là con đường quốc-học, quốc-văn, con đường dân-tộc vậy. Ông cũng hô-hào bậc thượng-lưu trí-thức Việt-Nam hãy làm gương cho quốc-dân đồng-bào trong việc gây dựng nền quốc-văn. Quốc-văn còn thì còn quốc-học, còn quốc-học thì còn quốc-gia: văn-đề chính-trị trọng-yếu vậy. Thật là chí-lý khi Phạm tiên-sinh phê-bình lời Paul Reynaud nói với Bùi-quang-Chiều: « Trong hai chúng ta đây, có lẽ ngài tây hơn tôi ».

Song để bồi-đáp cho quốc-văn, Phạm tiên-sinh chủ-trương thế nào? Theo ông và trong bài số 164 kể trên thì « Văn tiêu-khiển ta đã có ít nhiều, nền vun-trồng cho này nở thêm ra; văn học-văn ta tuy-ên-nhiên chưa có, phải gia-công mà xây-đắp cho thành ». Rồi ông kết-luận: « Ấy quốc-văn quan-hệ cho cho quốc-học như vậy... Đó là cái chủ-nghĩa của tôi bây lâu nay, mà là cái tin-điều thứ nhất trong đạo Quốc-gia của tôi vậy » (tr. 7).

Trên phương-diện lý-thuyết như chúng tôi vừa tìm hiểu và dựa vào những bài bàn về văn-học, chúng tôi thấy Thượng-chi chú-trọng thật vào nền quốc-văn. Còn về đường chính-trị, chúng tôi không tưởng. Năm 1933, sau khi ông đã vào Kinh, có một phóng-viên của tờ Impartial đến phỏng-vấn và những lời ông đáp đã được đăng-tải cũng trong tờ Nam-phong số 189, tháng 10. Ông nói: « Nghề làm báo như vậy, mà nghề dạy học cũng vậy... Nghề dạy học vốn là cái tổ-nghiệp của nhà tôi. Chính tôi cũng từng dạy học ở trường Đại-học Hà-nội. Thân-phụ tôi, tổ-phụ tôi, các cụ tôi đời trước đều là nhà nho dạy học trò cả cho nên tôi nay ra chủ-trương bộ Quốc-dân Giáo-dục mới, thực là nối lại cái nghiệp nhà mày mươi đời làm thầy dạy học... Tôi đã từng có dịp viết văn và diễn-thuyết nhiều lần về việc đó. Tôi quả-quyết chủ-trương rằng nước Nam cần phải có một nền học phổ-thông bằng tiếng nước mình thì cỡ nhiên là học mau hơn, dễ hơn là bằng một thứ tiếng ngoại-quốc... » (tr. 308).

Kết-luận

Có lẽ chúng tôi đã minh-chứng đầy đủ rằng: bộ *Thượng-chi Văn-tập* là một Văn tập chưa hoàn-thành, mới thu-tập một số bài của ông Phạm-Quỳnh trong giai-đoạn « gây thanh-thê », nghĩa là từ những năm 1917-1922. Còn tuy-ên-nhiên chưa có bài nào viết trong những năm 1923-1932 thuộc thời-kỳ toàn-thịnh như lời ông Nguyễn-hữu-Tiền nói. Theo thiên-ý chúng tôi, thì nên hoàn-tật bộ *Thượng-chi Văn-tập*. Sự chọn-lọc có lẽ còn tùy nhiều điều-kiện, nhiều khuynh-hướng khác nhau. Chúng tôi đã trích-lục một số bài mà chúng tôi cho là phong-phú nhất, thiết-yếu nhất cho nền quốc-văn trong thời buổi phôi-thai. Nhưng còn rất nhiều bài thuộc loại dịch-thuật, biên-khảo, trữ-tác chúng ta có thể tuyển-lựa, nếu chúng ta muốn hiểu-biết đầy-đủ về một tác-giả đã làm việc cho văn-học Việt-Nam, trong những hoàn-cảnh xã-hội và chính-trị khó-khăn, trên hơn mười lăm năm trời.*

* Coi NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN, « Bàn về Mục-lục phân-tích toàn-bộ Nam-phong tập-chí » 1917-1934, trong *Đạt-học*, Huế, tháng 2-1963.

Việt-Nam trong những năm đầu của thế-kỷ XX

(tiếp theo V.H.N.S. số 31)

« Phép lấy thuế của dân ở nước tôi trước kia, ruộng chia ra làm ba hạng mà thu, « giá thuế rất nhẹ. Năm nào mất mùa hay lúa xấu, thuế được giảm hay được tha « hẳn. Từ khi nước tôi thuộc Pháp, chính-sách của họ rất là hà-khắc. Thoạt đầu, « ruộng hạng ba lên làm ruộng hạng nhì, ruộng hạng nhì lên làm ruộng hạng nhất « để chịu thuế cao. Nhưng sau, bắt kể xấu tốt ruộng nào cũng bị coi là ruộng « hạng nhất cả. Tiếp tới diện-tích của điền-thổ cũng tăng lên, trước kia là một « ngàn mẫu nay tính là hai ngàn. Dân không chịu nổi thuế nặng xin cho khám « đạc, họ cứ làm ngô, nghĩa là chính-sách của họ chỉ cứ tính ruộng đất ở trên « giấy tờ rồi bắt dân chịu thuế không, dù nặng nề cũng không kêu van vào đâu « được. Không những thế, gặp năm mất mùa hay lúa xấu, thuế vẫn phải nộp đủ « số. Làng nào không nộp được thì lính tráng kéo về bắt gà giết lợn, tra-tấn từ « già đến trẻ, tiếng than khóc rất là thảm-thiết. Kết-cục dân phải bán vợ đợ « con để nộp thuế hay chịu chết quăng thây xuống hang xuống rãnh.

« Đàn ông từ 18 tuổi trở lên phải nộp tiền sưu mỗi người ba đồng bạc rồi « được cấp cho một cái thẻ gọi là giấy thuế thân. Nếu ai không có giấy này « gọi là lậu-đình phải phạt rất nặng. Ngoài đường nơi nào cũng có lính tuần- « cảnh toàn là những người rất hung ác. Ai đi qua lại đều phải khám giấy thuế « thân, nếu không có giấy phải giam vào nhà-lao làm việc khổ-sai, mãn-hạn phải « nộp phạt còn nặng gấp mấy lần tiền thuế. Lính tuần-cảnh nếu mỗi tuần không « bắt được ai phạm pháp thì bị khiển-trách nặng. Họ thường vu tội cho người « để thoát thân. Có lần một người buôn-bán đi qua một thành-phố gặp lính xét « giấy rồi vò nát cho vào miệng định nuốt đi. Người kia sợ quá vội bóp chặt cổ tên « lính không cho nuốt. Tên lính vẫn không nhả, người buôn-bán càng bóp chặt « thêm khiến tên lính tắc thở mà chết. Khi đem xét-xử, người đi buôn khai rõ « sự-thực, mô phỏng-học người lính ra quả-nhiên có cái giấy thuế thân, người

[Tập XII, Quyển 6 (Tháng 6, 1963)]

« lái-buôn mới thoát tội. Đó là một chuyện, nhưng ở trong cái thế-giới đầy gai- « gộc ấy, dăm hàng lên đứng sức mạnh để giữ mình, chỉ có một người ấy thôi, « còn chịu oan-uổng không biết bao nhiêu người mà kể.

« Thuế thân thì chỉ thi-hành cho những người dân thường, còn những « người có phẩm-trật đều được miễn. Ông mới nghe thế tưởng rằng đó là cái « chính-sách quý trọng người sang nhưng không phải đâu. Người nào có phẩm- « trật cứ ba năm phải trình bằng-cấp một lần với cơ-quan hành-chính và phải « nộp 15 đồng bạc gọi là tiền giúp nước. Gọi là « giúp » tiền có sang hơn là « bắt phải nộp nhưng tiền lại mất nhiều hơn, vậy cái cách lừa-dối như câu « chuyện người nuôi khí sáng cho ba quả, chiếu cho bốn quả cũng rất thịnh-hành « ở Châu-Âu chăng? ¹

« Ở thành-phố ngoài thuế-thân ra, mỗi năm người dân còn phải nộp hai « đồng bạc gọi là thuế thông-hành. Có giấy thuế ấy mới được đi tự-do trên « đường phố. Sau khi nộp thuế người dân cũng được cấp một cái thẻ có dán « hình, cảnh-bình xét thấy biết ngay là thật hay giả, không thể lừa-dối được. « Người nhà quê có việc ra đến thành-phố quá ba ngày cũng phải lãnh thẻ « kê trên, nếu không thì phải phạt nặng. Còn người ở nơi thành-phố, từ thức « ăn đồ mặc, nhà ở đồ dùng, không cái gì là không có thuế, đến đại tiêu-tiền « mỗi tháng cũng phải nộp 6 các bạc, kể chi đến những việc khác, như vậy đủ « hiểu người Pháp tham-lam, vor-vét đến thế là cùng.

« Người phải nộp thuế ầu cũng đành đi, nhưng ở thành-phố chó « cũng là một vấn-đề cho thuế má. Ai nuôi chó mỗi năm phải nộp một « đồng bạc. Người ta phát cho một cái thẻ buộc vào cổ chó, nếu không « thì chủ nuôi phải phạt. Còn như trâu tuy không phải nộp thuế vào số « công nhưng phải nộp vào Công-ty bảo-hiêm súc-vật. Nhà nào có nuôi « một con trâu thì mỗi năm phải nộp tiền bảo-hiêm 2 đồng bạc, nếu trâu « mắc bệnh chết, Công-ty sẽ bồi thường theo giá con trâu ấy. Nhưng mỗi khi « có dịch, trâu chết rất nhiều, người ta đến báo với Công-ty, Công-ty bảo phải « đợi khám-nghiệm rồi mới bồi thường, nhưng kết cuộc chẳng bao giờ có người « đến ngó vào đám trâu chết cả, xét ra trong một nước trâu có tới muốn ngàn, « Công-ty bảo - hiêm thu tiền rất nhiều, nhưng nói đến bồi thường từ khi có « Công-ty chưa nghe thấy nói ai được tiền ấy cả. Không phải người ta ai ai « cũng ngu mà vớt của đi đâu, chính vì có Chính - phủ làm hậu-thuần cho

¹ Sách *Trang-Tử* có chuyện một người nuôi khí, buổi sáng cho mỗi con ba quả lạc, buổi tối cho mỗi con bốn quả, lúc khi đều giận dữ ; nay đổi ngược lại sáng cho 4 chiều cho 3, lúc khi đều vui mừng.

« Công-ty, nhà có trâu không thể không bảo-hiêm, bảo-hiêm mà không có hiệu-
« quả không thể không im đi, nếu còn đòi tiền bói-thường đã không ích gì mà
« còn có hậu-họa là khác nữa.

« Ở các miền quê thuê cũng rất nặng dù các thổ-sản rất thường cũng
« phải nộp thuê. Có một người nghèo gánh rau vào chợ để bán, tính ra tiền thuê
« còn nhiều hơn tiền bán cả gánh rau, người ấy không nộp được bị kê thu thuê
« hành-hạ rất khổ phải quăng bỏ gánh rau mà đi. Lại một người nghèo khác
« đem một con heo ra chợ bán không được giá, phải mang về rói đi lại trước
« sau ba lần mới xong việc, cộng tiền thuê ba lần phải nộp thì vừa bằng tiền
« con heo.

« Đại phàm vật gì ở trên mặt đất như cây cỏ, viên sỏi, hòn đá nghĩa
« là cái gì dùng được đều có biên hết vào trong sổ thuê. Thuê đất, thuê nhà,
« thuê môn bài, cứ mỗi năm một tăng. Đi lại ngoài đường thuê xe, thuê ngựa,
« thuê gồng gánh cứ tính ngày mà thu đủ. Nhất là thuê đồ giang đem so với
« các thứ thuê khác lại càng nhiều hơn, vì rằng nước tôi từ Bắc vào Nam sông
« ngòi nhiều như mắc cửi, dân-cư trú-ngụ hai bên sông muốn qua lại buôn bán
« thường phải dùng thuyền-đạo nên mỗi năm thuê đồ giang là một nguồn lợi về
« thuê to-tát vô cùng.

« Ngoài thứ thuê này đến thuê rượu lại càng kỳ lạ và ác hại hơn. Dân
« chúng tôi ở về nhiệt-đới, do đó mà ít nghiện rượu, giá rượu rất rẻ. Từ 10
« năm nay một số con buôn Pháp xin với chánh-phủ lập một Công-ty cất rượu
« độc quyền. Dân-gian không ai được nấu rượu, Công-ty tha hồ bán đất, nhưng
« rượu của Công-ty có độc, uống đến ba chén là nhức đầu hoa mắt, người
« nghiện chỉ chừng nửa năm là chết. Dân khuyên nhau đừng uống rượu thì
« Chánh-phủ chiều theo số đình bắt mỗi xuất phải mua ba chai mỗi tháng.
« Chính-sách ấy mới thi-hành ở một vài tỉnh nhưng từ đó trở đi, họ vẫn dụ
« dỗ cho dân uống rượu. Người của sở Thương-chính đi tuần khắp các làng
« xóm, xông-xáo vào cả buồng the nhà người ta mà lục xét xem có rượu lậu
« hay không, hoặc theo gót người để xem đi đâu, có giấu-giếm ở nơi nào, xuất
« năm xôn-xao như đi lung bắt giặc. Ai mà nấu lậu, bắt được một chai rượu
« phạt tới vài bốn trăm đồng bạc trở lên, nghèo không nộp được thì bắt người
« thân thuộc phải nộp thay, thân thuộc nộp không đủ bắt đến làng xóm, giam
« cầm tù đầy đến cả người vô tội khiên có người phải mang cả nhà đi tròn.
« Trước khi chưa nộp được phạt, hàng ngày kẻ phạm-pháp phải làm việc khổ
« sai, đêm tới thì bị giam vào ngục tối hoặc nửa năm, hoặc một năm khổ-sở
« vô cùng đến khi tha về thì thân hình tiều-tụy, nhà cửa tan-tác, nhiều người
« buôn khổ phải tự-tử. Ở huyện Quảng-Xương tỉnh Thanh-hóa có một làng nhỏ

« chỉ có độ hơn một trăm nóc nhà mà có ba người phạm vào lệnh cấm nấu
« rượu vì dân làng ấy trước đây vẫn làm nghề buôn rượu. Viên Công-sứ sức
« cho quan Huyện bắt mấy người ấy và cả làng phải liên-đời nộp phạt. Bị
« tù giam mấy năm số tiền phạt vẫn chưa sao nộp đủ được, dân kêu với quan
« Huyện xin nộp hết ruộng nương nhà cửa để thanh-toán việc này cho khỏi nạn
« bắt bớ giam cầm. Quan Huyện bắm lên viên Công-sứ, sau đó có việc phát
« mại ruộng đất làng này. Từ đó làng chỉ có người mà không có ruộng đất
« nữa, nhưng dân vẫn không dám rời đi nơi khác vì còn có những thuê-má
« khác phải đóng. Đó là việc chính tôi được thấy rõ, xét ra mấy năm nữa dân
« làng này sẽ kiệt-quệ mà chết.

« Bên nước tôi những ruộng muối ở ven biển xưa kia vẫn để cho dân
« tự-do làm rồi đem buôn bán với nhau. Muối làm ra đã tốt lại rất rẻ. Từ
« khi có Công-ty muối lập ra, dân bị cấm không được làm muối như đối với
« việc rượu vậy. Muối của Công-ty bán ra lần cả đất cát, giá lại rất cao, nhà
« nghèo có được tý muối thường quý hơn gạo cho nên người có Hán-học nước
« tôi khi ăn cơm lại nhớ đến câu thơ của Tô-đồng-Pha:

Khởi thị văn thiếu giai vọng vị,

Nhi lai tam nguyệt thực vô diêm.

« Dịch nghĩa là: "Há có phải nghe nhạc-thiếu hay quá mà quên cả vị thức ăn.
« Sờ-di ăn không biết vị gì là ngon vì đã ba tháng ăn không có muối".

« Người nước Pháp cho nước tôi là nơi có nhiều muối nên kéo nhau
« sang lữ-lược, ngoài những công-ty rượu, công-ty muối, họ còn lập các đồn-diễn
« nữa. Họ thuê người cấy cuộc khai-khẩn và chăn nuôi súc-vật những nơi gần
« núi. Nhưng ở đâu họ cũng cậy quyền cậy thế chiếm-đoạt ruộng đất của các
« làng, đồn-diễn nào cũng có ít nhất 1/3 ruộng đất đã khai-khẩn sẵn do mồ hôi
« nước mắt của dân bấy lâu ăn-nặc để tránh thuê. . .

« Tỉnh Quảng-Nam là một tỉnh về phía Nam kinh-thành nước tôi, dân
« khổ về sưu cao thuế nặng, kéo nhau đến đình Công-sứ kêu xin. Viên Công-sứ
« không nghe cho quân lính ra xua đuổi, dân ngã xuống sông chết đuối là người.
« Dân-chúng nổi giận, mới đem xác ba người chết đuối ấy để trước cửa đình
« Công-sứ rồi tụ-hợp vài ngàn người mặc đó tang-chê khóc vang trời đất, hàng
« tuần không chịu giải-tán, nằm ngổ ngồn-ngang cả ra đường. Viên Công-sứ
« không biết làm thế nào đánh điện báo viên Khâm-sứ. Viên Khâm-sứ vào hỏi
« dân vì có gì dám làm loạn. Dân trả lời: « Chúng tôi tay không, khí-giới không
« có, làm loạn thế nào được, chỉ vì sưu thuế nặng, công dịch nhiều chịu không
« nổi nên đem nhau đến đây kêu xin mà thôi ». Viên Khâm-sứ nói: « Chúng bay
« nghèo-nản cùng khôn, không đóng đủ được thuế khóa thì chết đi là hơn ». Nói

« xong y ra lệnh cho lính xạ súng bắn vào dân, dân chết đến mấy trăm người, máu chảy lênh láng, bây giờ mới chịu giải-tán. Ngoài ra còn có ông Lê-Khiết là Bò-chánh đã về hưu và ông Trần-quý-Cáp do Tiên-sĩ cũng đều bị giết. Ông Lê-Khiết vì ngày thường vẫn ghét chính-sách bạo-ngược của Pháp, ông Trần-quý-Cáp viết thư cho người bạn có 7 chữ «ngô dân thu cự khoái khoái khoái!» (dân ta làm việc ấy khoái, khoái lắm). Người Pháp biết được ghép vào tội phản nghịch đem chém luôn cả hai người. Than ôi, cái đầu kêu van đã bị cái họa «mắt xác, nói lời khằng-khái cũng bị cái tội chém đầu, như thể tính-mạng của dân nước tôi thiệt không bằng cỏ rác vậy.

«Vài năm trước đây người Pháp làm con đường sắt ở biên giới xứ Bắc-kỳ nước tôi để đi thông sang tỉnh Vân-Nam bên Tàu. Nhưng vì dân ở nơi đó không làm nổi cả cái công-trình lớn-lao ấy, họ mới mộ dân nghèo ở các địa-phương khác đến làm công. Vì ở đó khí độc lam chướng nặng lắm, họ hứa trả công rất nhiều cho người ta xô đến. Sau họ lại nuốt lời hứa, thường có người làm việc suốt ngày mà không được bữa cơm no. Thấy chết ngồn-ngang ở nơi hang núi không biết bao nhiêu mà kể, nếu người có lòng nhân-từ qua đây hẳn nghĩ rằng tình-trạng này so với cảnh chiến-trường ngày xưa còn gấp bội. Việc xé núi ấy hàng ức muốn người làm, không phải là không có ai về được, nhưng vì trong khi làm việc bị đói rét lại nhiễm phải khí độc lam chướng nên thân hình tiều-tụy có vẻ đến nhà vài tháng rồi cũng chết và không chết cũng thành đờ đờ, suốt đời không làm ăn gì được nữa. Con đường ngoằn-ngoào đầu từ tỉnh Tam-Tuyên, cuối đến đất Lục-Chiêu (Lục-Chiêu là tên đất Tàu thuộc tỉnh Vân-Nam) người Pháp gọi là con đường sắt, nhưng người nước tôi gọi là con đường máu.

«Giặc Pháp thôn-tính nước tôi chưa đầy 30 năm mà đã thay đổi ngôi vua đến 4 lần (2 vua bị phê: Hàm-Nghi, Thành-Thái, một vua bị đầu-độc: Đông-Khánh) hoặc vì vua có tư-chất anh-minh nên họ ghét ngấm, hoặc có vua không chịu nổi sự đề nén thường phản-đổi lại nên họ giận mà bỏ đi. Vua nổi ngôi ngày nay chỉ có bảy tám tuổi (vua Duy-Tân) họ ôm lấy để sai khiến thần dân trong nước. Họ giết những người trung-nghĩa hiền-lương bảo là theo chỉ của triều-đình, tăng việc sưu thuế bảo là Dụ của hoàng-thượng. Ông vua thật ra chỉ là bù-nhìn, đó chơi của họ. Theo ý đoán của tôi, sau 10 năm nữa, ông vua trẻ tuổi kia mỗi ngày thêm mờ-mang trí-thức thế nào cũng sẽ bị nạn².

«Giặc Pháp đối-đãi với quan-lại nước tôi không những coi là bầy tôi-tố, còn sai như sai chó, đánh như đánh trâu, làm cho họ mắt hết lòng thương dân

2 Cụ Nguyễn-thượng-Hiền quả là nhà tiên-tri vì sau này vua Duy-Tân cũng nổi lên chống Pháp và bị đày sang Réunion là một đảo nhỏ ở phía đông đảo Madagascar.

«và đức liêm-sĩ. Những kẻ xe ngựa nghênh-ngang huy-chương rực-rỡ ngày nay đều là hạng tôi tớ hèn mạt của nước tôi ngày trước cả. Như vậy họ cũng không đáng trách. Còn những người có đủ tư-cách làm người, có nhân-phẩm thì bị hãm vào thế cùng khôn; người có lòng trung-nghĩa không bị giết cũng bị đày, quân giặc không thể lấy lợi mà dừ, lấy uy mà hiệp được.

«Trước kia các tỉnh miền Nam, miền Bắc nước tôi vẫn đi lại thông đồng. Nhân-dân đem hàng-hóa đi buôn bán với nhau dễ-dàng. Từ mấy năm nay, quân giặc ra lệnh nghiêm cấm người Nam-kỳ không được ra Trung-kỳ, người Trung-kỳ không được đến Bắc-kỳ, vì vậy việc thương-mại đình-trệ, sinh-kê của dân-chúng rất là khôn-quần, gặp phải năm mất mùa, lúa gạo không chuyên vận được từ vùng này qua vùng khác, dân đành chịu chết đói. Thử hỏi cái lệnh cấm ác-nghiệt ấy người Anh có thi-hành với dân Ấn-Độ không? Người Mỹ có thi-hành với dân Phi-luật-Tân không? Con người mà bị bóp chặt cổ họng không cho thông khí vào phổi, cánh tay bị đóng đinh, các bộ-phận trên dưới cách biệt nhau có thể sống được chăng? Than ôi, giặc cố ý làm những việc tàn-ác ấy chỉ do ý muốn tiêu-diệt dân-tộc tôi vậy.

«Gần đây phong trào Âu-Mỹ tràn lan sang khắp Châu Á, người ta biết rằng cứ khư-khư giữ mãi lệ lỗi cũ thì không thể nào cứu vãn được sự bại vong và mong sinh tồn trên Thế-giới được. Vậy nên người nước tôi ra du học ngoại-quốc ngày một nhiều thêm, trong nước thì trí-thức đã lo việc khai hóa dân-chúng, mở trường học, hội buôn, đua nhau học tập, ham chuộng thực-nghiệp. Quân giặc thấy thế nghiêng rãng trợn mắt tìm cách vùi dập. Chúng kết hiệp với các nước mạnh ở lân-cận để chặn đứng mọi mưu-mô cách-mạng, rồi chúng phê-bỏ ông vua anh-minh của nước tôi là vua Thành-Thái. Gần đây vua nước tôi rèn luyện được một đội quân tleo kiêu mới, hàng hái nghiên-cứ tân-học, chúng bức bách lập hiệp-uớc mới, ngài không nghe nên bị phê. Chúng còn cho bắt những người có óc duy-tân đem giết hay lưu đày cùng tịch thu tài-sản. Chúng buộc những ai ra ngoại-quốc 6 tháng phải trở về nếu không cha anh phải tội, những ai đọc tân-thư, nói chuyện về ngoại-quốc và lập hội buôn cũng là phạm-pháp. Chúng lại tung ra hàng trăm ngàn quân trinh-thám lúc ẩn lúc hiện như ma quái. Có người đang ngồi trên xe bỗng chốc bị xích tay, có người đang đi ngoài đường bị bắt đưa đến nhà tù, không biết mình vì sao mà phải tội. Người cả nước lo sợ như ngồi trên đồng chông gai hay nước sôi lửa bỏng, ngậm-hồn nuốt giận cay đắng trăm chiếu, thế mà giặc vẫn chưa thỏa. Nghe nói chúng lại sắp tăng thuế, mở rộng thêm nhà ngục. Tình cảnh nước tôi ngày nay đau đớn thảm hại không khác gì nước ông thế mà càng ngày giặc càng làm thêm những việc tàn-ác, có lẽ chúng sẽ biến dân tôi thành giống Mọi châu Phi cả.

« Tuy nhiên ở đời phàm việc gì cũng cực lắm tất có phản-ứng, sự oan « độc càng khốc-liệt, trí phục-thù càng bén vững, sự nguy hiểm càng cấp-bách, « sức tự-vệ càng mạnh thêm. Nước Mỹ độc-lập, nước Đức nổi dậy đều do ở sự « bị chà đạp, cùng quẫn, khổ nhục quá mà sinh ra. Xưa nay có nước nào lớn mạnh « lại không bao giờ bị đổ vỡ, có nước nào suy yếu lại không bao giờ trở dậy « được ? Thân ta chưa chết, chí ta hầy còn, ta quyết thế cùng chú bác, anh em « in sâu sự báo thù rửa hận vào trong đầu óc, kẻ trước ngã xuống, người sau tiên « lên, người già chết đi, lũ trẻ nối tiếp nuôi chí quật-cường đấu gập trăm lần « thất bại cũng không hề thoái nản. Một ngày kia ta sẽ nhân kẻ hờ, thừa cơ hội « thuận tiện mang máu nóng của muôn người rửa sạch non sông, chắc đuổi loài « dị-tộc, phục lại đất nước bốn ngàn năm của họ Hồng-Bàng chẳng là điều khó « vậy . . . »

PHỤ-LỤC

Vài hàng về tiểu-sử của cụ Nguyễn-thượng-Hiền. Cụ Nguyễn-thượng-Hiền có hiệu là Mai-Sơn hay Mai-Thứ, lại có biệt-hiệu nữa là Thiệu-Mai sơn-nhân. Cụ thân-sinh ra cụ là cụ Ngũ Sơn Nguyễn-trọng-Phiên, đỗ nhị-giáp nhà sĩ đời Tự-Đức làm quan đến Công-bộ thượng-thư. Ông ngoại của cụ là cụ Phan-huy-Vịnh Lễ-bộ thượng-thư người làng Sài-Sơn (Sơn-tây). Nhạc-phụ của cụ là cụ Tôn thất-Thuyết thượng-tướng-quân, quân-vụ Đại-thần kiêm Binh-bộ thượng-thư. Như chúng ta biết, cụ Tôn-thất-Thuyết đã cầm đầu cuộc đột kích vào Trần-bình-đài (thành Mang-Cá) và tòa Khâm đém móng 5-7-1885 Ất-dậu.

Cụ Mai-Sơn đậu Cử-nhân năm Giáp-thân 1884 và đậu kỳ thi Hội và thi Đình năm Ất-dậu (1885) được nhiều điểm nhưng không may việc thất thủ kinh thành xảy ra đúng vào ngày truyền lô do đó cuộc thi này bị bãi bỏ. Năm Tân-mão (1891), cụ lại ứng-thí nhưng để bài thi nói chạm đến thời thế, khoa thi này cũng bị hủy. Năm sau là năm Nhâm-thìn (1892), cụ đậu nhị giáp tiên-sĩ. Đầu đã leo được khá cao trên cái thang công danh, Nguyễn tiên-sinh không có ý xuất chính, ở lại Phú-Xuân họp bạn lấy ngâm vịnh làm thú vui để khuấy khỏa mỗi sáu vong quốc. Các bè bạn đều phục tiên-sinh vào hàng thi-bá. Nhiều cụ trong hàng quan lớn của Nam-triều vốn quen biết với gia-đình hai bên nội ngoại của tiên-sinh e ngại trong thi ca của tiên-sinh có điều va chạm đến chánh-quyền thuở ấy có khuyến tiên-sinh nên từ bỏ lối tiêu-khiên nguy-hiểm này và còn mời tiên sinh ra làm quan nữa. Kẻ đến cụ thân-sinh cũng có ý này và để chiều lòng cha già, tiên-sinh phải vào làm chức Toàn-tu trong Quốc-sứ quán ít lâu. Để tỏ sự bất-mãn tiên sinh có bài thơ dưới đây :

Nhật hoạn vị thân khuất,
Cảm sinh'vưu oán tâm.
Hà san nhật hối thú,
Huyền tạo cơ chung bí,
Thương sinh họa dữ thâm.
Gian nan tư báo quốc,
Tâm qui Đổ-Lăng ngâm.

Dịch

Uôn mình vì chức mọn,
Quán chi chiếu lòng cha.
Ngodnh lại nhìn non nước,
Khăn tay giọt lệ nhò. ¹
Nhiệm mầu cơ tạo hóa,
Dân đen luống xót xa,
Gian nan đến nợ nước,
Thơ then Đổ-Lăng mà.

(M. D.)

và di-nhiên lòng đã chẳng có sự ham-chuộng danh-lợi thì sự hiện-diện của cụ Hoàng-giáp làng Liên-Bạt trong đám quan trường xứ Huế chỉ là chuyện nhất thời. Năm 1906 sĩ-phu Việt Nam phát-động phong trào Đông-du. Năm 1908 Nguyễn tiên-sinh đang làm Đốc-học ở Nam-định liền dứt áo ra đi sau khi chất vắn phủ Toàn quyền về việc phê bỏ vua Thành-Thái. Rồi do họ Nguyễn qua Tàu, cụ Tây-Hồ bị đày ra Côn-đảo, một số sĩ phu không sống được bằng rau Vi ra đầu Pháp tiếp tục cuộc sống vống lọng, hầu non nên có bài thơ sau đây :

Nỡ bỏ quan đi lúc vắng nhà,
Rừng xanh trơ đó bóng hồng sa.
Vùi xuân vợi nhĩ cổ còn trẻ,
Nặng nợ thương ôi Móm chửa già.
Thơ lão Tấn làm oan bạn gái,
Đặt ngài Điều chẳng mát đàn bà.
Ông Trinh ra biển, ông Hiến tềch ³,
Đã gán cho đời lại tiềch hoa.

³ Câu này nhắc việc cụ Tây-Hồ bị đày và cụ Mai-Sơn xuất ngoại. Lão Tấn ở đây chỉ cụ Phó-Bàng Trần-tân-Bình, một nhà nho đồng thời với cụ Mai-Sơn.

Bài này hình như của một nho-già làm ra để châm-biếm ông huyện Móm ở Ninh-Bình đã mắt cò ái-thiếp nhỏ tuổi trong khi đi công-cán và ghi chép cuộc khủng-bỏ Cách-mạng Việt-Nam của Pháp. Bởi nó có liên-hệ đến Lịch-sử chúng tôi nêu ra tưởng không là điều vô ích.

Sau này vào 30-6-1925 cụ Phan-bội-Châu bị bắt về nước, cụ Phan-chu-Trình mất ngày 12-2-1926, các đồng-chí cách-mạng thừa thớt đầu, phong-trào ái-quốc suy-sụp trông thấy; đại-cục nước nhà rõ-rệt không phương cứu vãn, cụ buồn phiền ngày đêm chỉ tụng kinh niệm Phật tại chùa Thượng-tịch-quang trên núi Cô-Sơn (Hoàng-châu) và xa lánh mọi người. Ngày 13-11 năm Ất-Sửu (1925) cụ Mai-Sơn qua đời, ôm mỗi quốc-hận về bên kia thế-giới. Theo lời cụ dặn, các đồng-chí và cháu cụ là Nguyễn-thượng-Huyền đã thiêu xác cụ ra tro quai xuống sông Tiên-Đường. Phải chăng cụ muốn nhờ sóng nước Tây-Hồ rửa sạch mỗi sáu đầu biển và trăng gió Hàng-châu dâng cao niềm chính khí?



THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

(kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm (12 số) :	120\$
		nửa năm (6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm (12 số) :	240\$
		nửa năm (6 số) :	120\$

Gửi báo-dám, mỗi số tính thêm 7\$00
Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về
O. GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).

sách “Kiến văn lục” của Vũ Nguyên-hanh

Có nhiều người tưởng lầm sách *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄 và *Kiến văn lục* 見聞錄 là một. Kỳ thực, hai tác-phẩm ấy hoàn-toàn khác nhau.

Kiến văn tiểu lục do Lê Quý-Đôn 黎貴惇 (1726-1784) soạn, tựa viết năm 1777, ghi chép những điều tác-giả thấy trong khi đọc các sách, liên-quan đến lịch-sử hoặc văn-hóa nước ta, gồm có 12 quyển, chia ra các mục: *Châm cảnh* 箴儆 (quyển 1); *Thê lệ* 體例 (quyển 2-3); *Thiên chương* 篇章 (quyển 4); *Tài phẩm* 才品 (quyển 5); *Phong vực* 封域 (quyển 6-8); *Thiên đạt* 祥逸 (quyển 9); *Linh đạt* 靈逸 (quyển 10); *Phương thuật* 方術 (quyển 11); *Tùng đàm* 叢談 (quyển 12).

Kiến văn lục do Vũ Nguyên-hanh 武元亨 soạn, nhưng ít người biết, vì thế mới có sự ngộ-nhận như đã nói ở trên.

Tôi có thu-thập được ít nhiều tài-liệu về Vũ Nguyên-hanh và *Kiến văn lục*, xin đem ra giới-thiệu cùng độc-giá.

I. Tiểu-sử Vũ Nguyên-hanh

Các bản *Kiến văn lục* đều có ghi câu này: 蘭池漁者武元亨輯編 (Lan-trì ngư-giá Vũ Nguyên-hanh tập biên).

Trong câu đó, chỉ có *hiệu* (Lan-trì ngư-giá) và *tự* (Nguyên-hanh) chứ không có tên thật của tác-giá.

Nhân tìm trong *Đại Nam chính biên liệt truyện* 大南正編列傳, tôi được biết rằng: Vũ Trinh, tự Duy-chu, hiệu Lai-sơn và Lan-trì ngư-giá, là tác-giá sách *Kiến văn lục*. Nhưng trong *Liệt truyện* không thấy chép tên tự Nguyên-hanh của Vũ Trinh. Có lẽ hai chữ Nguyên-hanh được tác-giá *Kiến văn lục* dùng làm tên chữ (tự) trong lúc văn-niên, cho nên sử-gia không biết để chép vào *Liệt truyện* chăng?

Dưới đây là tiểu-sử Vũ Nguyên-hạnh theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, quyển XX, tờ 12a - 15a:

« Vũ Trinh 武脩, tự Duy-chu 維周, biệt-hiệu Lai-sơn 萊山, lại có hiệu Lan-trì ngư-giã 蘭池漁者, người ở huyện Lương-tài 良才 (Bắc-ninh). Tô-phụ là Hy-Nghi 希儀, đỗ tiên-sĩ đời Lê, làm đến Binh-bộ Thượng-thư 兵部尚書, Bồi-tụng 陪從. Thân-phụ là Chiêu 招¹, đỗ hương-công « triêu Lê, làm đến Tham-ngự 參議.

« Vũ Trinh lúc nhỏ rất tinh-ngộ, đọc sách một lượt là thuộc lâu; « năm 17 tuổi lĩnh hương-tiền và do tập-âm được bổ chức Tri-phủ Quốc-oai 國威 (Sơn-tây).

« Gặp loạn Tây-sơn, vua Lê (Chiêu-thông) vời Trinh vào châu. Trong lúc ấy, Nguyễn Hữu-Chính 阮有整 cày công làm những điều kiêu-cang, « ngang-ngược; vua Lê muốn ngắm mưu với Trinh kiếm kẻ giết Chính, « nhưng Trinh can rằng: « Nay ở ngoài đang có cường-khâu, mà ở trong lại giết cường-thần, chỉ sợ sinh ra biến loạn». Sau Hữu-Chính thất bại, « vua Lê xuất bôn. Trinh cùng phụ-thân rước vua về nhà phụng-sự. Vua Lê sai bôn Lê Quýnh 黎愷 sang Thanh-triều cầu viện. Trinh và phụ-thần theo vua Lê bôn-bá khắp các xứ Kinh-bắc 京北, Hải-dương 海陽, « Sơn-nam 山南 rồi vào Huyền-đỉnh sơn 懸釘山² chờ quân tiếp-viện « của nhà Thanh.

« Lúc Tôn Sĩ-nghị 孫士毅 đem viện-binh sang, các văn võ cụ-thần của nhà Lê đều trốn-tránh, vua Lê chỉ phái Vũ Trinh ra nghinh « tiếp và đem trâu (bò) rợu khao quân. Sĩ-Nghị hỏi về hiện-tình trong « nước, Trinh đối-đáp trôi chảy rõ-ràng, được người Thanh khen là có « tài ăn nói.

« Sau khi phục quốc, vua Lê cho Trinh làm chức Tham-trì chính-sự « 參知政事. Nhưng chỉ được mấy tháng thì quân nhà Thanh bại trận, vua « Lê phải chạy sang Tàu. Trinh chạy theo không kịp, trở về ẩn lánh nơi thôn-lý.

« Gia-long nguyên niên (1802), đại binh khắc-phục Bắc-thành, nhà vua hạ « chiếu thu-lục các bé-tôi cũ của nhà Lê. Vũ Trinh, Nguyễn Duy-Hiệp 阮維洽, « Lê Duy-Đán 黎維贊, Lê Huy-Trám 黎輝瓘, Ngô Tiêm 吳暹, Nguyễn « Đình-Tứ 阮廷賜, Nguyễn Đường 阮瑄, Phạm Thích 范適, Vũ Đình-Tê « 武廷樺, Nguyễn Huy-Thắng 阮輝儒, gồm có mười người, được triệu đến

1 Chữ này cũng có âm *thiều* và *thệu*, theo *Khang-hy tự-diễn*.

2 *Huyền-đỉnh sơn*: ở phía Đông huyện Phượng-nhan, tỉnh Bắc-ninh (xem *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志, bản vi-ảnh của Đông-dương văn-khố 東洋文庫, quyển 38, tờ 16).

« yết-kiến ở nơi Hành-tạ. Vua Thê-tô ân-cần hỏi-hạn, ban-tứ rất hậu và cho « tất cả các vị ấy làm quan Vũ Trinh được trao chức Thị-trung học-sĩ 侍中 « 學士, theo xa-giá về Kinh.

« Năm Gia-Long thứ 2 (1803), linh-cửu của vua Lê từ Yên-kinh đưa về « nước. Bộ Lễ không biết phải xưng hô-thê nào cho hợp-lý, có người bàn rằng « vua Lê đã mất nước thì cứ chép ngay tên thực, nhưng Vũ Trinh nói: « Xin « cứ gọi theo hiệu cũ là "Lê Chiêu-thông đế" thì hợp lễ hơn». Vua Thê-tô « chấp-thuận đề-nghị ấy. Trinh nhân đây tâu rằng: « Thần là bé-tôi cũ của nhà « Lê, xin được giải chức trở về Bắc để nghênh đón linh-cửu của cô-chúa». Vua « Thê-tô khen là người trung-nghĩa nên cho phép Trinh được toại ý, và nhân « tiện sai Trinh hội-khám việc đề-chính ở Bắc-thành. Chẳng bao lâu, Trinh « lại được triệu vào làm việc ở Kinh-đô.

« Năm Gia-long thứ 6 (1807), Trinh sung chức Giám-thí trường thi « Sơn-tây.

« Năm Gia-long thứ 8 (1809), Trinh sung làm chánh-sứ đi sang nhà « Thanh. Lúc trở về, Trinh cùng Nguyễn Văn-Thành 阮文誠 và Trần-Hựu 陳宥 vàng mệnh vua soạn-thảo sách luật. Nguyễn Văn-Thành vốn « kính-trọng Vũ Trinh, nên cho con là Thuýn 詮 đến học với họ Vũ.

« Năm Gia-long thứ 12 (1813), Trinh thiên chức Hình-bộ Hữu-tham- « tri 刑部右參知, rồi sung làm Giám-thí trường thi Quảng-đức.

« Năm Gia-long thứ 15 (1816), Nguyễn Thuýn, con của Nguyễn Văn-Thành, « bị Nguyễn Trương Hiệu 阮張效 tố cáo mưu nghịch và đưa ra một bài thơ của « Thuýn làm chứng-cớ. Vua Thê-tô bảo các thị-thần: « Nếu Thuýn không có lòng « mưu nghịch, thì có sao thơ của y toàn một giọng bội-phản? » Vũ Trinh nói: « Bài thơ này hẳn là có những lời bị-bội, nhưng trong ấy có câu « U cốc sinh « hương thiên lý viễn 幽谷生香千里遠, chữ hương 香 đáng lẽ phải viết là « lan 蘭, song vì tránh quốc-húy nên đổi ra hương; một chữ húy cũng còn biết « kiêng thì chân-tâm của y tựa hồ không có ý bội-nghịch » Vua Thê-tô cả giận nói: « Nếu khanh không phải là bè đảng của tên Thuýn thì sao lại biện-hộ cho y? » « Rồi ra lệnh lột chức và giam Trinh vào ngục.

« Sau khi Nguyễn Văn-Thành tự sát bằng thuốc độc, có người khuyên « Trinh nên lo liệu đền sớ-phận mình. Trinh nói: « Nếu quả đác tội với Triều- « đình thì tôi xin gior cớ ra chịu chém, còn như vô tội, có sao mình tự hại lấy « mình để chịu tiếng xấu về sau »

« Năm Gia-long thứ 17 (1818), Triều-đình thẩm xét giảm cho Trinh án « tử-hình, nhưng bị đưa đi an-trị tại Quảng-nam. Ở đây, Trinh đã dạy học-trò « và lấy văn-chương sớ sách làm vui.

«Năm Minh-mệnh thứ 9 (1828), vua Thánh-tổ giá-hạnh Quảng-nam. Lúc «bảy giờ Trinh đã già và hay đau yếu nên sai con ra trần-tỉnh xin được ân-xá. «Vua Thánh-tổ thương tình, tha cho Trinh trở về với gia-đình. Trinh về tới «quê-hương được mấy ngày thì mất, thọ 70 tuổi.

«Trinh học-văn uyên-bác, văn-chương điển-nhã. Phần nhiều những chiếu-«sách văn-thư đầu đời Gia-long do tay Trinh soạn-thảo. Trinh có những tác-phẩm: «Sứ Yên thi tập 使燕詩集, Cung oán thi tập 宮怨詩集 và Kiền văn lục «見聞錄³».

II. Nội-dung «Kiến văn lục»

Hiện nay, tôi biết được ba bản *Kiến văn lục* sau đây:

(1) Bản của Á-tê-á hiệp-hội (Société asiatique), đánh số HM 2173, gồm có 2 quyển, đóng chung 1 tập, chép tay; (2) Bản của Pháp-quốc Viễn-Đông học-viện (Ecole française d'Extrême-Orient), đánh số A : 31-269, cũng có 2 quyển, chép tay; (3) Bản đăng trong *Nam-phong tạp-chí*, phần chữ Hán.

Trên bản giấy tôi bây giờ có sẵn bản của PQVĐHV và bản đăng trong *Nam-phong*. Vậy tôi xin đưa 2 bản đó ra giới-thiệu cùng quý vị đọc-già.

A. Bản của Pháp-quốc Viễn-Đông học-viện.

Như trên đã nói, bản này là sách chép tay, đánh số A : 31-269, cả thảy 39 tờ, chia làm 2 quyển, chưa kể phần đầu. Nội-dung như sau:

Phần đầu gồm có 4 bài tựa của 4 nhà văn:

Thanh-oi Ngô-Thời [Thi] Hoàng⁴ Huyền-trai 青威吳辰 [時] 橫玄齋, Tín-như-thị 信如氏, Thiên-thai Trần Danh-Dao 天台陳名瑤 và Hải-diên Nguyễn Tử-Kính 海顛阮子敬.

Quyển I gồm có 13 chuyện:

1. Lôi thủ pha 雷首坡. 2. Cấn hải thần 芹海神. 3. Xà sinh 蛇生. 4. Hải đảo tiên 海島仙. 5. Nguyễn Quỳnh 阮瓊. 6. Phạm Viên 范員.

3 Người ta cho rằng sách *Đại Nam kỳ nhân liệt truyện* cũng do Vũ Trinh soạn, mặc dầu trong chính-sử (*Đại Nam chính biên liệt truyện*) không chép. *Nam-phong tạp-chí*, số 118, tháng 6 năm 1927, phần chữ Hán, tr. 70-71, có đăng bài *Lê triều hoàng giáp Định-nhạc hầu bi-ký* 黎朝黃甲定岳侯碑記. Cuối bài có ghi: «Lan-tri ngư-giá Nguyễn-hanh Vũ Trinh can chí 蘭池漁者元亨武楨謹誌». Câu ấy cho ta biết cả hiệu, tự và họ tên thật của tác-giả. Tương cũng nên nói thêm: Định-nhạc-hầu là tước của Trần Danh-Ấn 陳名晏, tự Liễu-am 了庵, thụy Trung-mẫn 忠懇.

4 Chữ này 儂 chúng ta quen đọc là hoàng, nhưng đọc quang mới đúng theo âm trong *Khang-hy tự-điền*.

7. Cái tiên 丐仙. 8. Nghta hổ 義虎. 9. Sản dị 產異. 10. Tài sinh 再生. 11. Nữ biến thành nam 女變成男 hoặc Nữ hóa vì nam 女化為男. 12. Thấu (đu) nhi 偷兒. 13. Nguyễn ca-kỹ 阮歌妓.

Quyển II gồm có 22 chuyện:

1. Thanh-trì tình trái 青池情債. 2. Thần ngư 神魚. 3. Hấu猴. 4. Hiệp hổ 俠虎. 5. Vu do (uản) 巫媼. 6. Lan quận phu-nhân 蘭郡夫人. 7. Đỗ Thượng-thư 杜尚書. 8. Cổ-trâu liệt-phụ 古鄒烈婦. 9. Thạch-thần tiêt-phụ 石炭節婦. 10. Tiên trưng 前徵. 11. Kỳ tam sinh 記三生. 12. Liên-hồ quận-quân 蓮湖郡君. 13. Nhân hổ 仁虎. 14. Nguyễn Trật 阮秩. 15. Báo-ân tháp 報恩塔. 16. Nguyễn Trọng-nguyên 阮狀元. 17. Kỳ mộng 奇夢. 18. Hùng hổ đầu 熊虎鬪. 19. Linh-xà 靈蛇. 20. Tướng sĩ 相士. 21. Chiêu-trung thần 昭徵神. 22. Hải-sơn động 海山洞.

Như thế là cộng cả 2 quyển được 35 chuyện.

B. Bản của Nam-phong tạp-chí

Bản này do Nghĩa-viên Nguyễn Văn-Đào 義園阮文挑 sao-lục⁵ và đăng vào *Nam-phong* (phần chữ Hán) như sau:

Số 57, trang 99-103, đăng 4 bài tựa của:

(1) Song thanh Huyền-trai chủ-nhân⁶ Ngô Thời [Thi] Hoàng 雙青玄齋主人吳辰(時)儂;

(2) Tín-như-thị 信如氏;

(3) Thiên-thai Lâu-hà chủ-nhân⁶ Trần Danh-Dao 天台樓霞主人陳名瑤;

(4) Hải-diên Nguyễn-tử⁶ 海顛阮子.

Tiếp theo đó là 2 chuyện: Lôi-thủ pha 雷首坡 và Cấn hải thần 芹海神.

Số 58, tr. 145-148, đăng tiếp 4 chuyện: Xà sinh 蛇生, Hải đảo tiên 海島仙, Nguyễn Quỳnh 阮瓊, Phạm Viên 范員.

Số 79, tr. 15-16, đăng tiếp 1 chuyện: Cái tiên 丐仙.

Số 82, tr. 73-74, đăng tiếp 1 chuyện: Nghĩa hổ 義虎.

5 P. BOUDET và R. BOURGEOIS, *Bibliographie de l'Indochine française*, Hà-nội, IDEO, 1943, tr. 460, đã chép lầm là: «Préf. de Nghĩa-viên Nguyễn Văn-Đào» (Tựa của Nghĩa-viên Nguyễn Văn-Đào).

6 So-sánh với danh-hiệu của các người đề tựa ở bản của PQVĐHV.

Sở 83, tr. 93-97, đăng tiếp 5 chuyện: *Sản dị* 產異, *Tái sinh* 再生, *Nữ hóa vi nam* 女化為男, *Thâu (du) nhi* 偷兒, *Thần ngư* 神魚.

Sở 86, tr. 36-37, đăng tiếp 1 chuyện: *Nguyễn ca-kỳ* 阮歌妓.

Sở 87, tr. 56 58, đăng tiếp 2 chuyện: *Thanh-trì tình trái* 青池情債, *Hầu* 猴.

Sở 88, tr. 77 79, đăng tiếp 2 chuyện: *Hiệp hổ* 俠虎, *Vu áo (uán)* 巫媼.

Sở 89, tr. 94-96, đăng tiếp 4 chuyện: *Lan quận-công phu-nhân* 蘭郡公夫人, *Ngộ tiền sinh* 悟前生, *Đỗ Thương-thư* 杜尚書, *Tàng thần* 藏神.

Sở 91, tr. 19 20, đăng tiếp 2 chuyện: *Lân* 麟, *Cỏ-trâu liệt-phụ* 古鄒烈婦.

Sở 92, tr. 38-40, đăng tiếp 4 chuyện: *Thạch-thần tiết-phụ* 石炭節婦, *Đầu quỷ* 頭鬼, *Tiền trung* 前徵, *Tướng-sĩ* 相士.

Sở 93, tr. 58-60, đăng tiếp 6 chuyện: *Nguyễn Danh-Dược* 阮名藥, *Ký tam sinh* 記三生, *Linh xà* 靈蛇, *Chiêu-trưng thần* 昭徵神, *Hải-sơn động* 海山洞, *Phù thạch* 浮石.

Sở 94, tr. 73-74, đăng tiếp 4 chuyện: *Đại nhân* 大人, *Hùng hổ đầu* 熊虎頭, *Nguyễn* 龍, *Thủy sơn* 水山.

Sở 95, tr. 83 86, đăng tiếp 4 chuyện: *Thụ yêu* 樹妖, *Liên-hồ quận-quân* 蓮湖郡君, *Nhân hổ* 仁虎, *Nguyễn Trật* 阮秩.

Sở 96, tr. 95 98, đăng tiếp 3 chuyện: *Báo-ân tháp* 報恩塔, *Nguyễn Trạng-nguyên* 阮狀元, *Kỳ mộng* 奇夢.

Bản này có 45 chuyện, nhiều hơn bản của PQVDHV đến những 10 chuyện.

*

Những chuyện trong *Kiến văn lục* phần nhiều có tính-chất thần-kỳ quái-dân, phảng-phất chuyện *Liêu-trai*.

Có lẽ Vũ Nguyên-hanh đã viết tác-phẩm này trong thời-gian bị an-trì ở Quảng-nam (1818-1828) là lúc tiên-sinh ốm một nỗi uất-ức và đau-khổ âm-thâm.

Trước kia, Bồ Tùng-Linh 蒲松齡 vì bất-mãn chế-độ Mãn-Thanh và xã-hội đương-thời, nên đã gửi nỗi lòng vào bộ *Liêu-trai chí dị* 聊齋志異. Bồ tiên-sinh đã chán ngán cuộc đời, vì những cảnh ngang trái thường bày ra trước mắt, nên đắm ra hoài-nghi cả nhân-tâm thế-đạo, nhưng không dám nói rõ sự thật, đành phải mượn chuyện "ma trâu, thần rắn" để thông-mạ bọn tham-quan ô-lại và chỉ-trích những sự xấu-xa thối-nát của xã-hội Trung-quốc về đời Thanh. Lời văn của tiên-sinh đầy giọng bi-phẫn, cảm-khái, nhưng không thiếu tính-chất phóng-thích, khôi-hài.

Cùng một tâm-sự ấy, Vũ Nguyên-hanh đã viết *Kiến văn lục*. Vẫn là cự-thần của nhà Lê, tiên-sinh phải miễn-cưỡng ra hợp-tác với tân-triều, không ngờ lại bị nghi-ky, tù đày vì mấy lời nói thẳng. Bởi vậy, tiên-sinh phải dùng lời ngụ-ngôn, ẩn-tí, mượn chuyện hoang đường kỳ-quái để trữ-phát nỗi uất-hận chắt chứa trong lòng. Ta thấy tiên-sinh luôn luôn ngụ ý bao biện phẩm-bình trong những lời văn bóng-bẩy, kín-đáo.

Để tựa cho *Kiến văn lục*, Huyền-trai chủ-nbản đã viết:

"Bản ý làm sách của ông (chỉ Vũ Nguyên-hanh) há phải chỉ cốt ghi chép những điều nghe thấy mà thôi đâu! Lòng bi thời mẫn thê và chí muốn đời đời phong-tục thường thường biểu-lộ ở lời văn. Có chuyện nói việc biển nhưng không mất lẽ chính. Đại để ngụ ý khuyên-trừng, khiến người sau xem đến, có thể thấy điều lành mà bắt-chước, thấy điều dữ mà răn-đe, thật có ích cho thế-đạo..."

Những lời ấy cũng đủ chứng tỏ tác-phẩm của Vũ Nguyên-hanh không phải chỉ để dùng làm trò tiêu-khiển cho những kẻ giàu sang trong lúc trà dư tửu hậu.

Tóm lại, đọc *Kiến văn lục* hoặc *Liêu-trai chí dị*, nếu không nghiên-cứu thời-đại, hoàn-cảnh và tâm-sự tác-giả thì mất cả ý nghĩa và hứng-thú, vì không hiểu được nguyên-nhân sáng-tác và cũng không nhận-định được giá-trị của tác-phẩm?



7 Trong lúc viết bài này, tôi được biết Sở Tu-thư, Dịch-thuật và Ấn-loạt đã nhờ một vị túc-nho dịch sách *Kiến văn lục* (bản của PQVDHV) và sắp in.

“VĂN-HÓA TÙNG-THƯ”

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Những tập Văn-Hóa Tùng-Thư

đã xuất-bản :

SỬ-LIỆU VIỆT-NAM (V.H.T.T. số 1)	
(246 trang)	
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên soạn	25\$
CỒ-ĐỒ HUỆ (V.H.T.T. số 7 và 8 hợp nhất)	
(Lịch-sử, Cờ-tích, Tháng-cảnh và Thi-ca) dày	
487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ)	
Thái-Vân-Kiểm biên soạn	70\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT	
Tu Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch	
Tập thượng (152 trang) (V.H.T.T. số 2).	20\$
Tập hạ (132 trang) (V.H.T.T. số 3).	15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TỈNH THANH-HÓA	
A-Nam Trần-Tuân-Khai phiên-dịch	
Tập thượng (122 trang) — (V.H.T.T. số 4).	15\$
Tập hạ (174 trang) — (V.H.T.T. số 5).	15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN	
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch :	
Kinh-sư (96 trang) — (V.H.T.T. số 6).	15\$
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) (V.H.T.T. số 9)	20\$
Thừa-Thiên-Phủ, Tập thượng (144 trang) — (V.H.T.T. số 10). .	15\$
Tập trung (152 trang) — (V.H.T.T. số 11).	15\$
Tập hạ (134 trang) — (V.H.T.T. số 12).	15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn).

PHẠM VĂN ĐIỀU

Giảng-sư

Đại-học Văn-khoa Đà-lạt

Thiên-nam ngữ-lục

(tiếp theo V.H.N.S. số 81)

Thiên-nam ngữ-lục thể-hiện một giá-trị văn-học rõ-rệt như thế nên ta có thể nói rằng nó không phải đơn-thuần là một áng văn diễn-ca lịch-sử như *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca*, mà là một tác-văn trường-thiên có dáng-dấp kiểu truyện nôm bằng thơ, là một hệ-thống gồm nhiều truyện lịch-sử diễn-thuật theo thứ-tự niên-đại. *Thiên-nam ngữ-lục* gồm 8.136 câu lục-bát so với *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* gồm 2.054 câu lục-bát, tức dài hơn khoảng 4 lần mà chỉ chép chuyện từ Hồng-Bàng đến hết Hậu-Trần (1414), trong khi *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* chép lại cả lịch-sử từ Hồng-Bàng mãi đến hết thời Lê Chiêu-thông (1793). Cụ-thể hơn, ta hãy trở lại 4 thí-dụ trên, và đem so-sánh với những đoạn tương-đương trong *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca*. Cùng một chuyện Thánh Gióng, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* tóm-tắt trong 18 câu (câu 81-98) trong khi *Thiên-nam ngữ-lục* sử-dụng 254 câu (câu 223-476), dài gấp 14 lần. Tả hình-dung, lai-lịch Thánh Gióng, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* nói lược trong 6 câu :

Làng Phù-đồng có một người,
Sinh ra chẳng nói chẳng cười tro-tro.
Những ngờ oan-trái bao giờ,
Nào hay thân-tượng đợi-chờ phong-vân.
Nghe vua cầu tướng ra quân,
Thoát ngôi thoát nói, muốn phần khích-ngang.

Cuộc chiến-đầu kỳ-vi thần-tộc của Thánh Gióng cũng cô-động trong 2 câu :

Trận mây theo ngọn cờ đảo,
Ra uy sấm sét, nửa chiếu giặc tan.

Trái lại, ngòi bút của tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* ân-cần phóng-túng mà kể lai-lịch Thánh Gióng qua 38 câu (câu 223-260), miêu-tả cuộc chiến-dầu phi-thường của người nhà trời trong 110 câu (câu 339-448).

Chép chuyện *My-Châu Trọng-Thủy*, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* thu gọn trong 38 câu (câu 181-218) trong khi *Thiên-nam ngữ-lục sử-dụng* 390 câu (câu 769-1158), dài gấp 10 lần. Tả mỗi giao-tình *Trọng-Thủy My-Châu* thuở ban đầu, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* chỉ thuật trong 6 câu:

*Thực-cơ tên gọi My-Châu,
Gả cho Trọng-Thủy, con dẫu Triệu-vương.
Trăm năm đã tạc đá vàng,
Ai ngờ thê-tử ra đàng phụ-ân.
Tóc-tơ tó hết xa gần,
Thừa cơ đem máy nỏ thần đối đi.*

Tả *Triệu Đà* đem binh phạm cõi, *Thực-vương* nước mắt nhà tan phải giết con rồi đi xuống bể, cũng tóm lược trong 6 câu:

*Kim-qui đầu lại hiện linh,
Mới hay giặc ở bên mình không xa.
Bây giờ Thực chúa tỉnh ra,
Dứt tình phó lữai Thái-a cho nàng.
Bê Nam đến bước cùng đường,
Văn-tễ theo ngọn suối vàng cho xuôi.*

Tỳ-mỹ hơn, *Thiên-nam ngữ-lục* theo dõi tấn kịch giao-tình ấy từng bước một trong quá-trình diễn-tiến của nó với 46 câu (câu 769-915). Đoạn tả *Thực* mắc mưu thua trận, chung-cục bi-thảm gồm 213 câu (câu 945-1158).

Chép chuyện *Hai Bà Trưng*, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* chỉ đóng khung trong 24 câu (câu 329-352), trái lại *Thiên-nam ngữ-lục* tung-hoành ngòi bút trong 410 câu (câu 1435-1844), dài gấp 17 lần. *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* giới thiệu *Hai Bà* và lý-do *Hai Bà* khởi-nghĩa thu gọn bằng 4 câu (câu 331-334):

*Bà Trưng quê ở châu Phong,
Giận người tham-bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương-tử thay quyền tướng-quân.*

Miêu-tả sự kỳ-tài và cuộc chiến-thắng của *Hai Bà* văn-vện chỉ có 4 câu (câu 335-338):

*Ngàn Tây nổi áng phong-trần,
Ám-ám binh-mã xuống gấn Long-biên.*

*Hồng-quân nhẹ bức chinh-yên,
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên-thành.*

Thiên-nam ngữ-lục tả người tả việc nhiều hơn, chép lai-lịch của *Thi Sách* và *Hai Bà* suốt 62 câu (câu 1435-1496), miêu-tả tướng-tận cuộc dấy binh và chiến-thắng *Tô Định* dâng-dặc trong 274 câu (câu 1497-1770).

Về truyện *Đình Tiên-Hoàng*, *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* văn kể rất hết sức giản-lược, như nói về buổi thiêu-thời của cậu bé *Đình Bộ-Linh* là đoạn chủ-yếu và hào-hứng nhất chỉ tóm-tắt trong 6 câu (câu 751-756):

*Có ông Bộ-Linh họ Đình,
Con quan thứ-sứ ở thành Hoa-lư.
Khác thường từ thuở còn thơ,
Rủ đoàn mục-thu mở cờ bông lau.
Dập-diu kẻ trước người sau,
Trần-ai đã thấy vương-hầu uy dưng.*

Trái lại, *Thiên-nam ngữ-lục* phong-phú và mỹ-lệ hơn, đã dẫn ta đi vào một đoạn đời ly-kỳ hấp-dẫn, hết màn này đến màn khác, sâu-sắc và thâm-thía thảy rõ trong suốt 298 câu (câu 3603-3900), nghĩa là dài gấp 49 lần đoạn *tương-dương* trong *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca*.

Sự so-sánh tỳ-mỹ giữa *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* và *Thiên-nam ngữ-lục* xác-nhận rằng *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* đã theo sát sử chính-thống mà tự-thuật sự việc, miêu-tả nhân-vật, văn-chương giản-ước, tinh-luyện, cốt chép sự thực, không thích chuyện tưởng-tượng, tỏ rõ cái cốt-cách những ngòi bút sử-quan, mục-thước, hay hoài-nghi, nặng mùi lý-trí khô-khan của nho-giáo. Sự so-sánh ấy càng làm nổi bật tính-chất văn-học sâu-sắc và đậm-thấm, tề-nhị, tính-chất tiểu-thuyết-hóa của *Thiên-nam ngữ-lục* đã chép việc tả người kỹ-càng thâm-đáo theo lối văn dã-sử, truyện-thuyết, truyện cổ dân-gian, và đòi hỏi một sức chứa-đựng rộng lớn hơn 8000 câu thơ. Do đó mà *Thiên-nam ngữ-lục* gắn-gửi với các truyện nôm về mặt bút-pháp và kết-cấu, nhất là rất gần với loại truyện nôm lịch-sử có tính-cách bình-dân như *Truyện chúa Thao*, *Ông Ninh có truyện* 翁寧古傳, *Chuyện Vợ ba Cai Vàng* v. v. . . , và xa loại văn sử-ký hơn *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca*. Có điều khác biệt cần ghi-nhận là *Thiên-nam ngữ-lục* không phải chỉ chuyên-chú phát-triển một truyện riêng-biệt nào, mà là gồm bao nhiêu truyện lịch-sử trình-bày theo trình-tự của chính-sử, lời thơ nhiều chỗ đẹp-đẽ, thú-vị, lại có chỗ hùng-tráng đạt đến sắc-thái sử-thi. Tuy-nhiên, ta nên nhớ rằng, mặc dù *Thiên-nam ngữ-lục* có tính-chất văn-học rõ-rệt hơn *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca*, nhưng văn lại không được đúc-chuốt,

tình-luyện, mục-thức bằng Đại-Nam quốc-sử diễn-ca. Thiên-nam ngữ-lục dạt-dào và phong-phú, song không tránh được sự bề-bộn, rườm-rà; tuy đã chú-ý đến sắc-thái từng nhân-vật để xây-dựng thành những hình-tượng nghệ-thuật, mô-tả cuộc đời tâm-tinh nhân-vật trong quá-trình diễn-biến lịch-sử, nhưng không phải lần xây-dựng nào cũng thành-tựu, và ngay trong những lần thành-tựu luôn luôn vẫn có những tỳ-vết méo-mó, non-nớt. Người ta có thể tìm thấy ở Thiên-nam ngữ-lục hình-ảnh một con sông dữ vượt qua bao nhiêu rừng núi, đóng bằng mịt-mùng thăm-thẳm trước khi tuôn vào lòng bể cả. Trên con đường "vạn-lý trường-chinh" ấy, sông kia quanh-co gám thét giận-dữ đã bao phen, đó đây cũng có những nơi nước biếc in bóng trời xanh mây lơ-lững, thanh-bình muôn vẻ đẹp. Thiên-nam ngữ-lục là một tác-phẩm lớn, nhưng cũng vừa là một sự thí-nghiệm, nên giá-trị không đều như con sông dữ kia vậy.

4. «Thiên-nam ngữ-lục», một tác-phẩm văn-nghe thông-tục

Nều về phương-diện nội-dung, Thiên-nam ngữ-lục đã tiếp-thu ở kho dã-sử, truyền-thuyết, truyện cổ dân-gian khá nhiều đề-liệu và cả trong lối kết-câu, thì về mặt hình-thức nó cũng thừa-thụ ở văn-học dân-gian truyền-khẩu những phương-thức biểu-hiện, sử-dụng rất rộng-rãi nguồn văn-liệu cùng ngôn-ngữ thông-tục, và do đó mà hãy còn giữ được khá nhiều ngôn-ngữ cổ cuối thế-kỷ XVII.

Cũng như các tác-phẩm văn-học thông-tục, Thiên-nam ngữ-lục chép bằng thơ lục-bát. Lối thơ lục-bát có lẽ phát-hiện từ xưa¹, tuyệt-đại đa số ca-dao, dân-ca đều dùng thể này, đến khoảng thế-kỷ XVI-XVII đã được dùng để viết truyện nôm về và văn: *Truyện Chúa Thao*, *Ngọa-long-cương văn* 卧龍崗輓, *Tư-dung văn* 思容輓, *Ông Ninh cổ truyện*, và chắc rằng hồi bấy giờ đã có rất nhiều truyện nôm bằng lục-bát, bài ca bằng lục-bát xuất-hiện mà trong *Bài 47 điều giáo-hóa đời Trịnh Tạc* (1757-1682) hãy còn ghi:

... Cùng là truyện cũ nôm-na,
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này.
Tiếng dậm để khiến người say...

Những tác-phẩm trên đây số lớn ắt đã vì sự bách-hại của lệnh-chỉ chúa Trịnh Tạc "chớ cho in bán hại nầy thói thuận" mà thất-lạc. Tuy vậy, thông-qua

¹ Trong văn-chương của nước Cồ Chiêm-thành cũng có hình-thức thơ lục-bát, chữ thứ 6 câu lục văn với chữ thứ 4 câu bát. Điều này, có thể mở ra cả một hướng mới khi khảo-cứu về nguồn gốc, tính-chất văn-thơ lục-bát mà dư-luận chung lâu nay vẫn cho rằng đó là một thể thơ độc-sáng của dân-tộc ta.

Thiên-nam ngữ-lục, ta có thể chắc rằng thể lục-bát từ trước rất thông-dụng và đến cuối thế-kỷ XVII thì trường-thành. Toàn-thể tác-phẩm gồm 8136 câu, trong đó có 4068 câu bát, mà chỉ riêng một câu số 1348 là 7 chữ đúng ra phải là câu 8 chữ, như thể số chữ trong hầu hết câu giữ đúng khuôn-khổ. Về niêm, có 7 câu thất niêm (những câu 3930, 4219, 4242, 4678, 4680, 6192, 7166), và tỷ-lệ thất niêm là 1/1162 số câu. Về vận, có 100 câu xuất-vận, tỷ-lệ xuất-vận là 1/80 số vận. Về cách hiệp-ván, có 7 câu vận ở chữ thứ 5 câu bát (văn biên-thức), tỷ-lệ văn biên-thức là 1/581 số vận lưng chừng-tỏ khuôn-khổ lục-bát rất ít khi bị phá vỡ. Ngoài ra, lại có 517 câu có vận lưng ở chữ thứ 4 câu bát, tỷ-lệ số vận lưng nằm ở chữ thứ 4 câu bát trên tổng-số vận lưng là 517/4068 hay là 1/8, cũng xác-nhận rằng thể lục-bát chính-thức đã giữ vững khuôn-khổ. Tập *Truyện Song-Tinh* của Nguyễn Hữu-Hào làm ra về khoảng mười mấy năm đầu thế-kỷ XVIII ở Nam-hà, miền đất mới và xa-xôi, là cả một bằng-chứng trường-thành lớn rộng của lối thơ lục-bát hồi này. Nhìn chung, kết-quả của sự thông-kê và kiểm-điểm trên xác-nhận văn lục-bát trong *Thiên-nam ngữ-lục* đã hoàn-chỉnh, khuôn-khổ lục-bát chính-thức đã xác-thành để sau này nghiêm-túc hơn và chiếm địa-vị độc-tôn trong *Truyện Hoa-tiên*, *Truyện Kiều* cùng những áng truyện nôm hữu-danh khác ở thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Về văn-chương, *Thiên-nam ngữ-lục* tiếp-thu một cách sâu-sắc phong-thái và ý-thức dân-gian. Điều ấy, ta thấy rất rõ trong từ-ngữ thông-tục và dễ-dàng của cuốn truyện, bắt cứ là ở đoạn nào. Những ngôn-từ ở cửa miệng mọi người, những ca-dao tục-ngữ và thành-ngữ được tác-giả ân-cần đưa dùng trong văn-chương. Nhiều áng ca-dao, tục-ngữ, thành-ngữ đem vào câu văn làm phương-tiện phổ-diễn mà vẫn giữ vẹn nguyên-hình. Một vài ví-dụ:

Chớ thấy sóng cả mà người mới chèo (Câu 3812)
Làm dơi làm chuột (Câu 3558)
Tre già măng mọc (Câu 4622)
Như gió thổi bèo, như nước lá khoai (Câu 6124)
Thập-thò như chuột trong hang (Câu 8007)

Tuy-nhiên, lối quen thuộc vẫn là lối thích-nghi biên-chê văn-liệu thông-tục mà khuôn-đúc trong thơ-văn minh một cách tài-tinh, rút được ở tục-ngữ, ca-dao những cái tề-nhị, cái mỉa-mai chua-chát về cuộc đời. Tục-ngữ có câu:

Èch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung

thì ở *Thiên-nam ngữ-lục* thành ra:

Học loài èch giếng khoe-khoang (Câu 7947)

Thành-ngữ có câu : «Đại như vịch», «Hồi như cú», thì ở Thiên-nam ngữ-lục thành ra :

Vịch vốn đại rày cú dăm khoe thom (Câu 808a)

Tục-ngữ có câu :

Múa riu qua mắt thợ

thì ở Thiên-nam ngữ-lục biến thành :

Mắt thợ ai hấu riu dăm múa qua (Câu 810b)

Ngoài ra, còn bao nhiêu hình-tượng khác mang phong-cách ngôn-ngữ thông-tục, hoặc có thể là rút ra từ vốn văn-học dân-gian, hoặc giả do tác-giả sáng-tạo ra theo tâm-thức công-cộng :

Ngàn cân nhẹ bóng như hình cái kim (Câu 392)

Mỗi đụn nên núi, kiền đùn nên sông (Câu 1430)

Đẻ thẳng răng trắng hiệp người răng đen (Câu 1434)

Tên tựa mưa rào, súng tựa cơn sôi (Câu 2366)

Một đũa nhỏ sào cả vạn cùng xuôi (Câu 4686)

Nó như hùm đói bắt càn,

Chẳng nề chó ghê, những toan lợn sề. (Câu 6971-6972)

Giận buồn biết mấy khúc nhôi,

Như ngồi nhà đột, như ngồi chiến chằm. (Câu 7555-7556)

Phong-thái và ý-thức thông-tục ảnh-hưởng rất lớn đến tác-giả nên trong Thiên-nam ngữ-lục tác-giả có một ngòi bút tả-thực bộc-trực nhiều khi táo-tợn, mà các nhà văn điển-nhã thường vẫn tránh. Lệ như trong những đoạn tả lai-lịch các vị đế-vương khi là thần-nhân đầu thai, khi thì quý dữ đầu thai, tác-giả luôn luôn trở đi trở lại một chi-tiết «tục» trong việc thụ-thai của bà mẹ :

Mẹ Lê-Hoàn thụ-thai :

Tự ấy nhân động thai cung,

Nguồn đào nước chẳng thấy thông thái-hồ. (Câu 4013-4014)

Mẹ Công-Uân thụ-thai :

Thai cung tự ấy mở ra,

Dạ hòa lớn dậy, vũ hòa cực lên. (Câu 4391-4392)

Mẹ Lý Thân-Tông thụ-thai :

Tự-nhiên chuyển-động trong lòng,

Nguồn đào chẳng thấy phù hồng chẳng sai. (Câu 5305-5306)

Tuy-nhiên, tính-cách táo-tợn trong lời văn nhiều khi cũng đưa đến những hình-tượng tân-kỳ : lệ như trường-hợp miêu-tả tinh hoa-nguyệt triển-miền của vua Lê Ngọa-Triều :

Hòa tham nhan-sắc nguyệt-hoa,

Rượu là cơm bữa, gái là áo đêm. (Câu 4331-4332)

Ngòi bút tả thực bộc-trực ấy cũng đã đem lại cho tác-phẩm một không-khí đặc-biệt ít thấy trong các tác-phẩm cổ-diễn ngày xưa. Đó là cái không-khí của đất nước thời cổ với tất cả những phong-tục, tập-quán, tín-ngưỡng cũ : hội-hè, ở xã-thôn, sinh-hoạt ở chùa-chiến, tục bói chân gà, xem tướng, đóng-dao, sấm-ký, triết-tự, sự tham-gia của trời, tiên, phật, thần, thánh vào cuộc đời trần-giới, tình gà, tình rắn, điếm lành, điếm dữ... Lối tả-thực ấy mặt khác cũng đem lại trong văn những màu-sắc sinh-hoạt nông-thôn, sinh-hoạt binh-dân. Điều ấy thấy rõ ở những khi tác-giả đi sâu vào lai-lịch hàn-vi của một số nhân-vật lịch-sử, như trong truyện Mai Thúc-Loan ta được dịp biết cuộc đời dân làm muối, như với truyện Đinh Tiên-Hoàng ta lại trở về cùng cái sinh-hoạt đông-nội của hạng chân tâu, điển-tốt, với Lý Công-Uân ta như sống lại tình-cảnh hạng người cùng-dân cổ-công giữa xã-hội cũ..

Trong các áng văn cổ thể-ký XVII và khoảng đầu thế-kỷ XVIII, Thiên-nam ngữ-lục là tác-phẩm chứa-đựng nhiều chữ cổ hơn tác-phẩm nào hết. Hiện-tượng này do một phần cũng bởi vì nó là một tác-phẩm trường-giang nên số-lượng chữ cổ tất phải nhiều hơn, một phần có thể tìm thấy lý-do ở phong-cách dân-gian nơi tác-giả. Đi sâu vào ngôn-ngữ cổ này, ta có thể phân làm sáu loại. Loại thứ nhất là những chữ rất xưa hầu như vắng hẳn trong các áng tác-văn thế-kỷ XVIII về sau, như chữ *báy* là *thề này, vốn là*, chữ *bỡ* là *bèn mới, cho nên mới*, chữ *cong* từng thấy trong *Quốc-âm thi-tập* lại gặp luôn ở đây và có nghĩa là ở *trong, ở nơi ấy*, chữ *nuôi* là *mày, nhà người, hẳn ta, nó*, chữ *nầy* là *trao quyền, giao-phó trách-vụ*, chữ *mỡ* là *chờ nên*, chữ *phiên* hoặc *phen* có nghĩa là *sánh bằng*, chữ *song*... *nga tức là nửa nọ nửa kia, bốn-chỗn, ngập-ngừng*. Loại thứ hai là những chữ cổ rất thông-dụng trong Thiên-nam ngữ-lục nhưng lại vắng-về thưa-thưa trong những tác-văn thế-kỷ XVIII-XIX, ví-dụ : tiếng *dái* có nghĩa là *sợ*, tiếng *chỉn* nghĩa là *thật như vậy*, hoặc chỉ là tiếng đưa-đẩy, chữ *mộ* là *chẳng chút nào, một chút*, chữ *hàng* tức là *thường, luôn luôn*, chữ *thìn* tức là *giữ-gìn, e-dè*. Loại thứ ba là những chữ cổ mà ngày nay hầu còn dùng nhưng đã chuyển nghĩa hơi khác trong Thiên-nam ngữ-lục, ví như tiếng *sấm* vốn nghĩa là *sắp-sửa sắp-tám*, chữ *tươi* là *ngay tức-khắc*, chữ *vé-vang* là *trau-chuột có dáng đẹp*... Loại thứ tư là những tiếng xưa dùng rộng mà nay nghĩa hạn-chè hơn, ví như chữ *ban* có nghĩa là *lúc, khi* (ban tý thời, ban nghèo, ban già) nay chỉ còn thấy dùng hạn-chè trong một số trường-hợp «ban sáng», «ban trưa», «ban tối» mà thôi, và như chữ *cơn* có nghĩa là *thời-cơ, trường-hợp, hoàn-cảnh, khi mà* (cơn này... , cơn nào... , cơn vui...)

giới-hạn rất rộng-rãi và không bó hẹp trong một số trường-hợp như ngày nay: "con mưa", "con giông", "con buồn" . . . Loại thứ năm là loại tiếng ngày xưa có thể đứng một mình mà ngày nay thường chỉ gặp trong tiếng đôi, ví như tiếng *âu* cô ngày nay chỉ ở trong tiếng đôi *lo-âu*, tiếng *han* chữ cô ngày nay chỉ ở trong tiếng đôi *hỏi-han*, tiếng *ngôi* cô ngày nay thường thấy trong tiếng đôi *ngôi-ngôi*, chữ *tác* cô nay chỉ dùng trong tiếng đôi *tubi-tác*, chữ *đỉnh* cô nay chỉ dùng trong tiếng đôi *đỉnh-đỉnh*, chữ *xôn* cô nay chỉ thấy trong tiếng đôi *xôn-xao* . . . Loại thứ sáu là loại tiếng dùng để đưa-dây không có nghĩa gì rõ-rệt, như chữ *chưng*, chữ *chln*, chữ *hòa*, chữ *mổ*. Ngoài ra, *Thiên-nam ngữ-lục* còn ghi lại được nhiều âm cô, một số nay đã tiêu-trám, một số vẫn được dùng hạn-chê trong một ít vùng, ví như âm xưa kia đọc là «*bê*», nay đọc là *trê*, âm xưa đọc là «*bui*» nay đọc là «*vui*», âm xưa đọc là «*lác* thầy» nay đọc là «*nhác* thầy», âm xưa đọc là «*láy*» về sau này đọc là «*tráy*», âm xưa đọc là «*tâu-tâu*» về sau đọc là «*châu-châu*» v. v. . .

Đầu sao, tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* căn-bản cũng vẫn là một nhà nho, cho nên trong văn ảnh-hưởng của Hán-học khá rõ-rệt, nhiều điển-cổ đã được rút ra từ các sách *Bắc-sử*, *Tả-truyện*, *Luận-ngữ*, *Đại-học*, *Kinh-thi*, *Kinh-thư*, *Kinh-dịch* v. v. . . Nhưng cái phong-cách phóng-khoảng hào-dật của tác-giả cho ta thấy tác-giả còn dùng những điển-cổ rút ra trong các sách ngoại-thư: *Tây-Hán chí*, nhất là *Tam-quốc chí*, v. v. . . làm cho tác-giả không giống hẳn các nhà văn nôm điển-nhã khác.

Tổng chi, về các mặt phương-thức biểu-hiện, sách *Thiên nam ngữ-lục* trước sau vẫn chứa-đựng nhiều yếu-tố dân-gian, đượm rõ màu-sắc thông-tục. Tất-nhiên, trên chiều dài hơn 8000 câu thơ, vẫn có nhiều chỗ táo-tợn, thô-kịch, ý-tứ có nhiều chỗ sỗ-sàng nó là cái khuyết-diêm không tránh khỏi của ngôn-ngữ bình-dân, nhưng nhìn toàn-thể vẫn toát ra một vẻ đẹp tươi-tắn, sinh-động dào-dạt, kết-quả của một sự phối-hợp và chọn-lọc giữa hai tinh-thần điển-nhã và dân-gian rất khoáng-dạt. Đó là ấn-tượng chủ-yếu của ta sau khi đọc xong áng văn trường-giang này.

*

Học-giả Nguyễn Văn-Tổ, trong bài *Một bài thơ cổ về Bà Trưng*, đã nhắc một đoạn văn mà nhận-định về giá-trị *Thiên-nam ngữ-lục* như sau: «*Nội những bài thơ nói về Bà Trưng, có lẽ không bài nào dài bằng bài này; dài mà thôi, chứ không xuất-sắc gì: làm câu lại xuất-vận. Tuy vậy cũng nên in ra quốc-ngữ*

để giữ lấy một ít tài-liệu về cổ-ngữ và sử-học».² Nhận-định này chỉ là cái nhận-định sơ-bộ về một đoạn văn, nó không thể áp-dụng cho cả toàn-thể, nhưng ít ra vẫn nêu lên được những tính-cách chung: văn trường-thiên, có giá-trị về cổ-ngữ và sử-học. Sự thật khi đi sâu vào lòng áng văn, và xét trên lập-trường văn-học, thì *Thiên-nam ngữ-lục* quả là một tác-phẩm lớn cuối thế-kỷ XVII đã đóng góp rất nhiều cho giòng văn-chương tài-tử, cho bao nhiêu áng thơ truyện nôm giai-đoạn cuối Lê đầu Nguyễn.

Xét về phương-diện nội-dung, *Thiên-nam ngữ-lục* đã theo sát *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, và đồng-thời tiếp-thu rất nhiều tài-liệu ở thần-thoại, truyền-thuyết, dã-sử, thần-tích còn lưu-truyền ở khoảng thế-kỷ XVII. Giá-trị sử-học của *Thiên-nam ngữ-lục*, đo đó, đáng được các nhà sử-học lưu-ý, và về mặt này, nó vượt bỏ hẳn tác-phẩm đồng-loại là *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* chỉ chép theo chính-sử, lại rất sơ-lược, nếu người đọc không thuộc trước sử trong từng chi-tiết, thì vẫn trở thành tời-tăm không thể linh-hội được. Ý-kiến của Nguyễn Văn-Tổ, về giá-trị sử-học, đến đây đã có thể tìm thấy cái lý-do xác-đáng của nó. Ngoài giá-trị sử-học nói trên, *Thiên-nam ngữ-lục* lại có một ưu-điểm nổi bật: ấy là tinh-thần dân-tộc. Tác-giả dường như trong đời có thắm ôm điều bất-đắc-chí, khi già xa-lánh chôn phôn-hoa và sống cuộc đời thanh-bạch ở chôn đồng ruộng, đó đó phong-cách thâm-nhiêm sâu-xa ý-thức thông-tục, nặng tình quê hương đất nước, nặng lòng yêu nhân-nghĩa. *Thiên-nam ngữ-lục* ra đời trong hoàn-cảnh ấy, nên trong văn phản-ánh rõ-rệt tinh-thần ái-mộ quá-khứ, yêu nhân-dân, yêu nòi-giông, những đoạn tả tội ác của bọn cướp nước hay những đoạn tả chiến-thắng oanh-liệt của ta đều là những đoạn đặc-sắc nhất. Tác-giả như xé hận với người xưa mà nói lên những lời căm-phẫn vạch mặt «*bọn sài-lang*» giấy-xéo dân ta, và vẽ bằng những lời sảng-khoái, hùng-tráng dung-mạo, hành-trạng các bậc anh-hùng hào-khiet vì dân vì nước, nâng họ lên ngang hàng với thần-linh. Hai chị em Bà Trưng, sau khi đuổi xâm-lãng, thì nửa đêm ruổi về trời, hình-ảnh Thánh Gióng là hình-ảnh vì thiên-thần, lòng trung-nghĩa của Triệu Quang-Phục được thần-linh giúp-đỡ v. v. . . Còn bao người anh-tài khác như Yết-Kiều Dã-Tượng v. v. . . xuất-thân ở nơi tăm-tối mà lên, cũng đều một lòng vì vua vì nước, bất-khuất chống lại giặc, chống lại sự cường-gian man-trá, nói chung thành bại tuy không giống nhau, nhưng tất cả đều lưu lại một gương sáng, một truyền-thông tốt đẹp của Dân-tộc anh-hùng. Tóm lại, *Thiên-nam ngữ-lục* đã phản-ánh trung-thực tinh-thần dân-tộc mạnh-mẽ mà ta vẫn thường thấy trong truyền-thuyết, dã-sử, thần-tích dân-gian. Tuy vậy, tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục*

² Nguyễn Văn-Tổ, «*Một bài thơ cổ về Bà Trưng*» trong *Tri-tán*, số 38 ngày 11-3-1942, trang 10.

cũng không tránh khỏi sự hạn-chê của thời-đại. Ấy là quan-điểm thiên-vị những dòng vua gọi là chính-thống trong sử cũ: nhà Hồ, họ Mạc bị phê-phán một cách nhục-nhã, khinh-bạc; và đến thời sau hết, tác-giả đã có một quan-điểm phê Trịnh rất hẹp-hòi, nên đoạn cuối tác-phẩm chép thiên-vị xóa mờ nghiệp lớn nhà Lê, do đó áng văn bị méo-mó, mất một phần chất-lượng đáng tiếc. Duy phần đầu từ Hồng-Bàng đến Hậu-Trần là có giá-trị, đọc phần cuối người ta có cái cảm-giác nhà thơ chỉ còn là một con chim bó cánh.

Về hình-thức nghệ-thuật, tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* tự tạo cho mình một sắc-thái độc-đáo biểu-hiện rõ-rệt phong-cách và ý-thức dân-gian. Lời thơ buông theo ý thơ, linh-lung như bồi xúc cánh mà sinh tình, phần lớn dùng lời nói của ca-dao, tục-ngữ, thành-ngữ, trau-chuốt thể lục-bát thành một thể văn dễ chép truyện, và trong văn-học ta thể truyện hình-thành hoàn-chỉnh từ đó. Hơn tám nghìn câu thơ lục-bát đủ chứng-tò một cái gì độc-đáo trong nghệ-thuật tác-giả khi khai-thác chính-sử, dã-sử, truyền-thuyết, thần-tích để hoàn-thành một hệ-thống những truyện lịch-sử anh-hùng. Những câu truyện chông xâm-lãng, những sự-tích truyện lịch-sử anh-hùng. Những câu truyện chông xâm-lãng, những sự-tích truyện lịch-sử anh-hùng. Những câu truyện chông xâm-lãng, những sự-tích truyện lịch-sử anh-hùng. Những câu truyện chông xâm-lãng, những sự-tích truyện lịch-sử anh-hùng.

Nhìn chung, *Thiên-nam ngữ-lục* đích-thực là một tác-phẩm nghệ-thuật thông-tục, về nội-dung lẫn hình-thức. Cuộc đời tuổi-già của tác-giả ở miền nông-

thôn điển-dã đã giúp tác-giả tiếp-thu sáu-sắc phong-thái dân-gian giống như cuộc đời và thơ-văn của Nguyễn Bình-Khiêm, Nguyễn Hằng, Hồ Xuân-Hương, Nguyễn Đình-Chiêu, Nguyễn Khuyến v.v... Trong tình-hình di-văn hiện nay của chúng ta, *Thiên-nam ngữ-lục* là một tác-phẩm dài nhất, gần gấp hai lần rưỡi *Truyện Kiều*, người ta có thể nghĩ rằng đó là một kết-tinh đẹp-đẽ của phong-trào sáng-tác bằng chữ nôm của thời-đại tác-giả với cao-trào quốc-sử bột-hưng dưới đời Trịnh Tạc, của thời-đại văn nôm thịnh-đạt với Trịnh Căn nguyên là một ông chúa thi-si hay nôm. Mặc dù nội-thân hãy còn chứa-đựng nhiều khuyết-điểm, nhưng *Thiên-nam ngữ-lục* trước sau vẫn là một tác-phẩm lớn, hiểu theo nghĩa một cuộc thi-nghiệm vi-đại của thể truyện, đã kết-thúc lời truyện thơ lục-bát của thể-kỳ: *Truyện Chử Tháo, Ông Ninh cô-truyện* v.v... bằng sự thành-công. Tập văn hữu-danh của Nguyễn Hữu-Hào ở Nam-hà, *Truyện Song-tinh* viết vào đầu thế-kỳ XVIII, đủ xác-chứng điều ấy, và chính sự trường-thành này đã đưa đến những lâu-đài văn-học mỹ-lệ nguy-nga của thế-kỳ sau trong *Hoa-tiên, Truyện Kiều* . . .

SÁCH BÁO ĐỀ KÈ-CỨU

I. Sách Hán-Việt

1. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* 大越史記全書.
2. *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* 欽定越史通鑑綱目.
3. *Đại-Việt tiếp-lục sử-ký* 大越捷錄史記.
4. *Đại-Việt Lê-triều đề-vương trung-hưng công-nghiệp thực-lục* 大越黎朝帝王中興功業實錄.
5. *An-nam chí-lược* 安南志畧.
6. *Việt-sử lược* 越史畧.
7. *Đại-Nam dật-sự* 大南逸事.
8. *Đại-Nam nhất thông-chí* 大南一統志 (Phần các tỉnh Bắc-phần và Miền Bắc Trung-phần).
9. *Thiên-uyển tập-anh* 禪苑集英.
10. *Việt-điện u-linh tập* 越南幽靈集.
11. *Linh-nam trích-quái* 嶺南摭怪.
12. *Đại-Việt lịch-triều đăng-khoa lục* 大越歷朝登科錄.

II. Chữ Nôm

1. *Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ* 天南語錄外紀, sách nôm ký-hiệu AB. 478, của Học-viện Đông-phương Bắc-cổ Hà-nội, bản vi-ảnh.
2. *Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ*, sách nôm ký-hiệu AB. 192 của Học-viện Đông-phương Bắc-cổ Hà-nội, bản vi-ảnh.
3. *Thiên-nam minh-giám* 天南明鑑, bản nôm cổ chép tay.
4. *Truyện Chúa Thao*, bản nôm chép tay.
5. *Ông Ninh cô-truyện*, bản nôm chép tay.
6. *Nhật-dụng thường-dâm* 日用常談 của PHẠM ĐÌNH-HỒ.
7. *Tự-đức thánh-chê tự-học giải-nghĩa ca* 嗣德字學解義歌.

III. Chữ Quốc-ngữ

1. *Thiên-nam ngữ-lục*, Tập I và Tập II, do NGUYỄN LƯƠNG-NGỌC và BÌNH GIA-KHÁNH phiên-âm chú-thích và giới-thiệu, Nhà xuất-bản Văn-hóa, Hà-nội, 1958-1959.
2. *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* do HOÀNG XUÂN-HÂN giới-thiệu và chú-thích, Trường-thi, Sài-gòn, In lần thứ III.
3. *Trịnh-gia chính-phả*, Nhà in Ngô Từ-Hạ, Hà-nội, 1933.
4. "Điều-lệ giáo-hóa Triều Lê" (47 điều), *Nam-phong* số 88, Octobre 1924, trang 322-328.
5. NGUYỄN VĂN-TỐ, "Một bài thơ cổ về Bà Trưng", *Tri-tân*, từ số 38 đến số 40.
6. NGUYỄN VĂN-TỐ, "Truyện vua Đinh Tiên-Hoàng", *Tri-tân*, số 41.
7. *Tri-tân*, Đặc-san về Trần Hưng-Đạo, số 17.
8. *Tri-tân*, Đặc-san về đời Trần, số 64.
9. *Tri-tân*, Chuyên-san về vua Lê Thái-Tổ, số 65.
10. SỞ CƯỜNG, *Vợ ba Cai Vàng* trong *Nam-quốc nữ lưu*, Nhà in Trung-Bắc tân-văn, Hà-nội, 1929, trang 18-29.
11. *Truyện Song Tinh* do Đông-hồ sao-lục và khảo-cứu, Xuất-Bản Bồn-Phương, Sài-gòn, 1962.
12. HOÀNG XUÂN-HÂN, *Lý Thường-Kiệt*, Tập I và Tập II, Sông Nhi Hà-nội, 1950.
13. TRẦN TRỌNG-KIM, *Việt-nam sử-lược*, Tân-Việt Sài-gòn in lần thứ V.

14. PHẠM VĂN ĐIỀU, *Văn-học Việt-nam*, Quyển thứ nhất, Tân-Việt, Sài-gòn, 1960.
15. *Việt-nam tự-diễn* của Hội Khai-trí Tiên-đức.

IV. Từ-diễn Quốc-ngữ — Nôm — Pháp

1. *Nam-Việt đương-hiệp tự-vị* của TABERD.
2. *Đại-Nam quốc-âm tự-vị* của HUỖNH TỊNH-CỬA, Sài-gòn 1895-1896.
3. *Đại-Việt quốc-âm Hán-tự Pháp-thích tập-thành* của GÉNIBREL, Sài-gòn 1898.

V. Từ-diễn Trung-hoa

1. *Khang-hi tự-diễn* 康熙字典.
2. *Từ-nguyên* 辭源.
3. *Từ-hải* 辭海.

ĐÌNH CHÁNH

Văn-Hóa Nguyệt-San số 80 vừa qua, trong bài «*Lược-sử và văn-chương Mạc-Đình-Chi*», có mấy chỗ cần đính-chính như sau :

(1) Trang 553 trong về câu đối chữ Hán mà viên quan coi cửa ải Nam-quan ra cho Mạc-Đình-Chi có lầm một chữ, vậy xin sửa là :

到 關 遲 關 關 閉 願 遇 客 遇 關

(2) Trang 557, trong về chữ Hán của trạng Mạc-Đình-Chi đối lại số 7 bỏ sót mất một chữ, xin sửa thêm là :

蛙 鳴 井 底 讀 鄰 書 獨 樂 樂 與 衆 人 樂 樂 孰 樂

Sau hết xin bộc bạch cùng độc-giả chú-tôn là loại bài này, phần nhiều sao dịch theo các bản linh-linh viết bằng chữ Hán của cổ-nhân ta ngày trước, trong đó cũng thường gặp những chỗ rách nát không toàn và cũng có chỗ mỗi nơi ghi chép một khác, nên không khỏi còn có những điều chưa được thỏa đáng. Dám mong độc-giả chú-tôn nếu có điều gì sơ kiến bất-đồng và có bằng cứ rõ-ràng thì xin chỉ bảo thêm vào, tác-giả lấy làm thâm cảm.

CÔI-HOÀNG-NHẬN

**NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ TU-THƯ
DỊCH-THUẬT VÀ ẮN-LOÁT XUẤT-BẢN**

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương. Tập IV. G. S. Nguyễn-Đấng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bi ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	70\$
Quyển III	
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	80\$
Quốc-triều đàng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	75\$
Tang-thương ngũ lục. Đạm-Nguyên	32\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	75\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomache của Aristote). Đức-Hình	32\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	30\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngạn	
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Ame : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	60\$
Kháng-biện-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	48\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dùng	28\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dùng	40\$
Thượng-chi Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	35\$
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	25\$
Quyển V giá	
Anh-Ngữ Đệ Thất (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các tỉnh và tại Sở Tu-Thư, Dịch-Thuật và ẮN-Loát, số 89 đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn.

-849-

MINH-TRẦN

**Nguyễn-thần-Hiền
một chí-sĩ miền Nam**

(tiếp theo V.H.N.S. 81)

IV. Rời Nam-Việt

Ở Cán-Thơ, cuối năm Mậu-thân (1908) ông Nguyễn-thần-Hiền bắt đầu bị đê ý, nhưng nhờ sự che-chở của ông Chánh Chủ-Tỉnh nên thám-tử chưa dám công khai đưa ông ra trước pháp-luật. Vẫn được giới công-chức triết để ủng-hộ mặt báo tin, ông biết đã bị người Pháp tình-nghi và sắp bủa lưới vây bắt, ông liền trốn đi. Đàng đêm, ông vội-vàng lên sang xóm chài, trú-ấn nơi bà Hương-giáo Trang là một người thường đên nhờ ông trị thuốc. Ông ở đó được một tuần-lễ thì có tin cho hay, người Pháp đang ráo-riết tập-nã ông. Bà Hương-giáo Trang liền cho người con thứ tư của bà là chú tư Huế theo hộ-yê ông để giúp ông vượt biên-giới, sang Căm-bốt hoặc Thái-Lan. Lúc bây giờ, không thể trốn theo đường quan-lộ hay đường thủy, mà phải lợi tất ngả ruộng, sinh lầy quá gỏi, ông Nguyễn-thần-Hiền đành chịu không đi được. Chú tư Huế liền cõng ông băng theo đường đồng, qua rạch Cái-Nai, đưa ông vào nhà Nguyễn-thị-Dương em gái của ông, hiện ở Cái-Răng Bé. Nơi đây, chú tư Huế mới mượn xuồng, đưa ông sang Cái-Bè là nơi cư-ngụ của ông Lê-chí-Thuần, rể thứ hai của ông.

Thời đó, tinh-thần dân-chúng ở Nam-Việt khá cao, nên đên đâu ông Nguyễn-thần-Hiền cũng được niềm-nở tiếp-đãi và mọi người đều sẵn-sàng che-chở, không cho thám-tử Pháp biết chỗ trốn của ông.

Ba hôm sau, ông Lê-chí-Thuần tìm mượn được một chiếc ghe lưới chuyên đánh cá ngoài khơi. Họ băng lòng đưa ông Thần-Hiền vượt bè sang Thái-Lan.

Khi thuyền đi ngang Hà-Tiên, chạnh nhớ mộ-phần tổ-tiên, ông nhờ người chủ ghe tạt vào Rạch Vược. Thuyền ghé bên vào lúc vừa tối, bà con hay tin tới hỏi thăm, ông nhờ sắm giùm lễ-vật, rồi đàng đêm ông dột được,

[Tập XII, Quyển 6 (Tháng 6, 1963)]

Số 82

lên núi, tạ mộ mẫu-thân một lần chót, trước khi rời bỏ quê - hương, sang đất khách.

Thuyền ra khỏi cửa Hà-Tiên vào lời bốn giờ sáng. Nhờ thuận gió nên vượt ngang Phú-Quốc được dễ-dàng. Hôm sau, trời vừa nhá-nhem tối, thuyền đang lênh-bềnh ngoài khơi thì gặp tàu tuần của Pháp. Trên tàu có tiếng hỏi vọng xuống: «Ai đó? Thuyền hay bè?». Dưới thuyền, mọi người đều nằm rạp xuống khoanh nín im thin-thít. Vừa lúc đó, một đám lục bình to bằng nửa công đất từ đầu trời tới, tấp vào thuyền. Trên tàu lại lên tiếng hỏi. Dưới ghe vẫn im lặng. Một loạt súng nổ, nhưng không trúng thuyền, vì nhờ đám lục bình che khuất. Vừa lúc đó một trận cuồng phong nổi lên. Tàu tuần vội chạy về hướng đảo Phú-Quốc tránh bão, còn thuyền thì bập-bênh trên nước, chịu gió đập sóng giội. Những người nằm dưới khoang bị mưa lạnh rét run, đánh nhắm mắt chờ chết. Nhưng may thay! sáng hôm sau bão tạnh, chủ thuyền nhờ quen chịu sóng gió nên trở dậy trước leo lên mũi thuyền, ngắm địa-thê: Thì ra trận gió đêm hôm đã đẩy thuyền trôi dạt về đất Thái-Lan. Nhưng người trên thuyền lại bị một phen kinh-khủng, vì hàng trăm đèn cườm bám theo be thuyền, cột buồm cột chèo. Họ phải dùng cây gạt chúng xuống biển để chúng khỏi cản vào mình.

Họ xuôi thuyền vào đất liền. Tháng chạp năm Mậu-thân (1908) ông Nguyễn-thần-Hiền đã bỏ lên Chính Bụng (Chantaboum), chia tay cùng chú tu Huế mặc áo chú tha-thiết xin theo giúp-đỡ cho ông. Nhưng ông sợ thân-nhân chú ở nhà bị liên-can nên khuyên chú theo ghe lưới quay về Nam-Việt, và nhờ chú báo-tin cho gia-đình ông biết ông đã đến chỗ được bình-yên.

V. Sang Thái-Lan

Từ Chính-Bụng (Chantaboum), ông Nguyễn-thần-Hiền đáp tàu thủy lên Vọng-Các (Bangkok), đến xóm Việt-kiểu nương-náu. Sở người Pháp theo dấu, tìm ra tông-tích, ông Thần-Hiền dùng họ mẹ, đổi tên là Hoàng-Xương.

Nhờ giới Đông-Y, ông Nguyễn-thần-Hiền làm thuốc sanh nhai. Có lần ông được triệu vào hoàng-cung Thái-Lan trị bệnh cho một tên phi-tấn người Việt. Bà nhìn là di họ của ông nên ông được thông-thả ra vào săn-sóc bà. Có sự che-chở của bà di phi-tấn ấy, ông Nguyễn-thần-Hiền sống tạm yên-ôn nơi đất Thái-Lan gần suốt hai năm.

Bây giờ, đức Cường-Đề cũng mới từ Nhật sang Thái-Lan, ở đậu với tên Phan-tất-Chánh, nơi chùa Phỏ-Phước. Ông Nguyễn-thần-Hiền hay tin, liền ra mắt người và được người tin dùng cử làm Tổng ủy-viên sự-vụ, giữ trọng-trách liên-lạc với các đồng-chí ở Nam-Việt.

Đầu năm 1909, ông Phan-Bội-Châu cũng sang Thái-Lan nhưng chỉ ở một thời-gian ngắn, rồi cùng đức Cường-Đề trở lại đất Tàu.

Lúc lưu-trú ở Thái-Lan, ông Phan-Bội-Châu được ông Nguyễn-thần-Hiền đưa lên chùa Phỏ-Phước, giới-thiệu với Thiện-Quảng thiền-sư, tục gọi là «Thầy Rau» vì thiền-sư tuyệt-cốc, chỉ ăn mỗi ngày hai chén rau luộc vào giờ ngọ.

Thiền-sư được tin-đó Phật-giáo ở Thái-Lan kính-mền làm Mọi người đều ca-tụng đức-độ của thiền-sư vì cả đời thiền-sư không bao giờ cầm tiền trong tay. Vua Thái-Lan cũng trọng thiền-sư rất mực, mỗi khi gặp ngày Đại-lễ, vua cho thỉnh thiền-sư đến Thủ-đô Vọng-Các thuyết-pháp vì thiền-sư tu ở trong hang núi, thỉnh thoảng có việc cần mới về Vọng-Các.

Báo Lạc-Việt, năm thứ nhất, số 1, ngày 12-11-1948 nơi trang 2, trong bài «Gương hy-sinh trong phong-trào Quốc-gia giải-phóng», có thuật tỉ-mỉ cuộc hội kiến giữa thiền-sư và hai ông Phan-Bội-Châu, Nguyễn-thần-Hiền như sau:

«Một hôm, cụ Phan-bội-Châu đương cùng mấy người đồng-chí ở Xam-Xèn, bỗng được tin Thiện-quảng Thiền-sư mới về và hiện đang ở chùa Phỏ-Phước. Trong lòng đương bận-rộn, lo nghĩ về vấn-đề tài-chánh, cụ Phan liền «lợi-dụng cơ-hội nhờ nhà tu-hành một phen, may giải-quyết được vấn-đề khó khăn này chăng.

«Sau bữa cơm chiều, cụ Phan liền đến kiếm cụ Nguyễn-thần-Hiền, biệt «hiệu là Chương-Chu, người Cán-Thơ, để bàn tính nên nhờ Ngài về nước đặng «câu-cứu với đồng-bào Nam-Kỳ. Cụ Chương-Chu nói với cụ Phan: «Về việc «viện lương, ta cứ dènh nhờ cậy Thầy Rau là thượng-sách. Tôi với ông đến thăm «thầy, chúng ta cứ lấy đạo-lý từ-bi cứu dân cứu nước mà nói với thầy, chắc «thầy cũng phát-nguyện bỏ-đề-tâm, về Nam-Kỳ giúp việc sanh sống cho chúng «ta. Thầy lại chính là người Nam-Kỳ (Bên-Tre), tất-nhiên được đồng-bào Nam-«Kỳ tin-nhiệm».

«Hôm sau, hai cụ Chương-Chu và Sào-Nam đến chùa Phỏ-Phước thăm bái «Thầy Rau. Thầy Rau tiếp đãi hai cụ rất niềm-nở, rồi sau vài câu-chuyện xã-giao, «ba người cùng dặt nhau lên trên lầu, đối trước tượng Phật nói chuyện. Hai nhà «cách-mạng ngó ý với thiền-sư muốn nhờ Ngài giúp-đỡ một việc là trở về nước «quyền tiến trợ-cấp cho các đảng-viên của Phong-trào Đại-Đông-Du hiện đương «lâm vào cảnh khốn-đốn. Thiền-sư nghe hai nhà ái-quốc tả hết nỗi-khó cảnh của «các đồng-bào vì việc nước bôn-đào ở hải-ngoại, mà không sao cầm được mối «thương-tâm, gạt nước mắt và hứa nội trong tuần, Ngài thu-xếp công-việc rồi «sẽ trở về nước. Quả-nhiên, một tuần sau, thiền-sư vào bái-yết Xiêm-hoàng xin «về hang núi tu-hành, như kỳ thiết Ngài cùng một đảng-viên cách-mạng là «Minh-Trai lên đường, lên về Nam-Kỳ. Hơn một tháng sau, Ngài cùng Minh-«Trai trở lại với một số tiền 2.000\$00 và nói nếu cần món tiền lớn năm sau

«Ngài sẽ về nước một lần nữa, đây chỉ là sớ tiến của đám đồ-dệ Ngài chung góp chớ chưa phải quyền-thỉnh của ai.

«Năm sau, thiên-sư Thiện-Quảng đứng hện lại trở về nước định quyền «món tiến lớn cho đảng cách-mạng Việt-Nam hoạt-động, nhưng than ôi! trời «chàng chiếu người, Ngài cùng một đảng-viên cách-mạng do đường bộ, ngã «Cao-Miên xuyên đường rừng núi xuống Tây-Ninh, không may bị lộ hình-tích, «cả hai thầy trò đều bị bắt; giọt máu ái-quốc đã hòa-lẫn với giang-san đất Việt.

«Năm đó, Thiên-Quảng thiên-sư mới trong vòng 50 tuổi. Hiện giờ còn «tâm bìa đá kỷ-niệm công-đức Ngài trong hang Kho-Lẽm (Xiêm) do bút tự các «cụ Chương-Chu và Sào-Nam để.»

Cuối năm Canh-tuất (1910), Đức Cường-Đề lại trở qua Thái-Lan vì nghe tin nghe tin nhóm Đặng-Tử-Kính, Đặng-ngọ-Sinh mới gây dựng một cơ sở cây cỏ chân-nuôi ở Bạt-Thảm trong vùng Kamburi về mạn Tây-Bắc Vọng-Các. Nhưng đức Cường-Đề ở Thái-Lan không lao lâu thì Ngài lại đáp tầu sang Hồng-Kông.

Cùng lúc ấy, ông Nguyễn-thần-Hiển bị người Pháp lùng bắt vì nhìn ra ánh ông mà mặt-thăm đã chụp lên lúc ông ở Vọng-Các. Ông liền cải-trang thành người Trung-Hoa, đáp tầu sang Hồng-Kông tìm đức Cường-Đề và ông Phan-bội-Châu. Nhờ nói thành-thạo ba thứ tiếng Triều-Châu, Hải-Nam, Phước-Kiên, ông tránh được nhiều bỡ-ngỡ lúc để chơn lên đất Tàu.

(còn tiếp)

ĐÌNH - CHÍNH

Trong bài «Nguyễn-Thần-Hiển, một chí-sĩ miền Nam» in V.H.N.S. số 80, tr. 574, về bài thơ dịch «Đề miếu Mạc-Lĩnh-Công», soạn-giả xin đổi lại câu đầu và câu cuối như sau:

«Tôi chọn *minh-quân*, chúa chọn tài,
Khẳng-khất đương thời, có mấy tay?».

THI - CA

MỪNG MƯA

Hè sang, chợt đổ trận mưa hè,
Hơi nóng tiêu đi, mát trở về.
Hạt nước trời cho chan-chứa ngọc,
Nụ cười ta nở thắm-tươi huê!
Mối lo đại-hạn tan mây núi,
Khúc hát phong-niên vẳng gió quê.
Tựa Hỷ-vũ-đình, xem Đất Nước:
Ngàn xanh xanh mơn... lá liên-chi!!

ĐÔNG-XUYỀN

[Tập XII, Quyển 6 (Tháng 6, 1963)]

NHỚ NHÀ CHÍ-SĨ
SÀO-NAM PHAN-BỘI-CHÂU

Tiếng thơm muôn thuở vẫn còn đây,
Chí-sĩ Sào-Nam một bậc thầy.
Thấy cánh thương nôi lo nước quá,
Quyết tình lấp bề vá giời ngay.
Giang-hồ lặn-lội thân nào quản,
Mưa gió toi-bời dạ há lay!
Lỡ bước anh-hùng cam nuốt hận,
Mở xem trang sử ử đôi mây.

ĐÔNG-VIÊN

TẶNG NGƯỜI TRONG GƯƠNG

Lần gót hồng-trần chẳng nhớ năm,
Bóng ta nào phải bóng ai nhăm.
Thật hay giả nữa chưa bàn đến,
Ta với mình đây vẫn dấu thăm.
Ngoài mặt tẻ vui cùng thấu rõ,
Trong lòng hay dờ dể dò thăm.
Nhìn nhau chỉ mỉm cười không nói,
Phơ-phất pha sương mái tóc râm.

Việt-Nhân VŨ-HUY-CHIỀU

ĐỀ BẢN DƯ-ĐỒ VIỆT-NAM
HÌNH-THẺ¹

Hơn bốn ngàn năm: đất nước này,
Dư-đồ Đại-Việt tượng-trưng đây.
Ruộng-nương rải-rắc, ba phần khắp;
Sông núi quanh có bốn mặt đầy².
Ái trấn Nam-quan ngăn mạn bắc;
Nước vùng Đông-hải tưới miền tây.
Giang-sơn gấm-vóc, trời riêng định,
Cùng với cần-khôn trải thảng ngầy.

ĐẠM-NGUYỄN

¹ Bản-đồ do Ô. Đạm-Nguyễn kiến-tạo (Bản-đồ tượng-trưng này chỉ có sông, núi, ruộng; đường đi và bè).

² Hai câu này ảnh-hưởng ở câu chữ Hán: "Sơn-hà tứ-diện, toán quan nhi nhiều".

ĐI THUYỀN BÈ

Đời như nước mặt bè khơi,
Người như chiếc lá ngược xuôi giữa giòng.
Biết bao sóng gió hãi-hùng,
Chân sào, tay lái, ai cùng với ta.
Dừng theo con nọan mới sa,
Thấy cơn sóng bạc tưởng là mồi ngon.
Lênh-đênh bay lội chập-chờn,
Biết bao hy-vọng theo nguồn nước xuôi ?
Kiền-khôn một giấc mộng dài,
Mộng trong giấc mộng: vui cười được bao !
Ngàn mê, bến giấc, bến nào ?
Thương nhau xin bắt lái vào cùng nhau.
Lòng này hẹn với cao sâu,
Trái tim vẫn chứa lưng bầu máu xưa.
Trăm năm mấy hội tình cờ,
Cánh buồm mưa gió ta chờ đợi ta.
Thế-gian còn thú yên-hà,
Trên thuyền tri-kỷ còn ta còn mình.
Giang-hồ muôn tượng thênh-thênh,
Sá chi những giống lênh-đênh bọt bèo.
Tấn thân từng trải đã nhiều,
Bao nhiêu nguy-hiềm bấy nhiêu anh-hùng.
Nguồn trong giòng nước càng trong,
Xin đừng cuộn đục cho lòng thêm thương.
Có phen qua vượt trùng-dương,
Can-trường mới biết can-trường phải chẳng ?

Bè sóng coi như mặt đất bằng,
Bờ đời ngang dọc chí đương hăng.
Mim cười hỏi lại trang tri-kỷ:
Tê-độ kia ai tiếng gọi rằng ?

ĐÔNG-A-THỊ

MÀU TÍM HƯƠNG THƠ

Tôi yêu màu tươi lưu thiên thu
 Nhuộm lạnh hoàng hôn lướt mặt hồ
 Áo mỏng chập chờn hương cụu-niệm
 Hoa gầy vương vấn bước phiêu-du
 Thơ không viết trọn lời thương mến
 Mắt vẫn thăm trao hẹn mịt mù
 Ói Tím, băng khuâng say ý nhớ
 Lòng người em trong tình hoang-vu

Mưa gió đưa người đến cuối thôn
 Trời hoàng-hôn lộng ý hoàng-hôn
 Ngựa xe đồm dập dăng đầy lối
 Tâm sự nao nao thấm lạnh hồn
 Lệ đọng hương tàn hoa tỷ-muội
 Bụi lấm vạt ướt áo vương-tôn
 Dâu đây vọng tiếng chim chiều lạc
 Mặt cúi, lòng ngăn đợt sóng cồn

THẠCH-ÀN

VỊNH HOA SEN

Vườn xuân đào lý rộn đua chen,
 Hồ cũ trời hè lại nở sen.
 Ở chốn bùn lầy mà vẫn sạch,
 So bề hương sắc thật không hèn.
 Nhà thơ họ Lý còn tên gọi,¹
 Nước bước bà Phan đề tiếng khen.²
 Vì có duyên lành nên thấy Phật,³
 Tâm-thường hoa khác chớ hờn ghen.

*

Diềm-tô dù thiếu sức Đông-quân,
 Phàm-giá hoa sen cũng bội phần.
 Ngạo-nghề nắng mưa trời tháng hạ,
 Phó-trương hồng trắng cảnh ngày xuân.
 Thanh-cao chẳng khác lòng quân-tử,⁴
 Diềm-lệ chi nhường mặt mỹ-nhân.⁵
 Lan cúc họa chẳng so-sánh được,
 Ở trong hương-sắc, có tinh-thần.

KINH-CHỦ

Trăm hoa thanh-quý nhất hoa Sen,
 Sống giữa bùn lầy, chẳng nhuộm đen.
 Cuống thẳng, lòng thông, thân ngọc truyết,
 Đài xanh, cánh trắng, nhị vàng chen.
 Tinh-thần quân-tử, Nho-tôn mến,
 Cốt-cách tiên-dồng, Phật-tổ khen.
 Lửa hạ không sờn, hương thoảng mát,
 Mẫu-đơn, hoàng-cúc có khi ghen.

TẶNG-CHI

- 1 Lý-Bạch, nhất danh Lý Thanh-Liên.
- 2 Phan-Phi bộ bộ sinh liên hoa.
- 3 Kinh-Phật có câu: Nguyễn cửu phạm liên-hoa vi phụ-mẫu hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh.
- 4 Liên vi quân-tử hoa.
- 5 Lục-Lang diện tự liên-hoa.

[HUẾ NGÀY NAY

Từ năm đình-chiến (1954) đến năm nay,
Cảnh Huế, ngày qua khác một ngày.
Nền-móng tòa Khâm tan-tác vỡ,
Lâu-đài kiều Mỹ vững-vàng xây.
Trường-tiền, Thương-bạc thêm đông khách,
Đất-mới, Đường-ngang đã vắng tây!
Đại-Nội ra vào đi thả cửa,
Chẳng ai canh gác, chẳng ai rầy.

QUỶ-TRU (Huế)

NÚI NON - BỘ

Bát-ngát ngàn trùng cổ-lý xa,
Tam thu non-bộ cánh sơn-hà.
Rêu xanh phẳng-phất làn sương nhẹ,
Đá trắng long-lanh dải ánh tà.
Cây cỏ gọi kêu hồn đất nước,
Lá hoa mơ tưởng bóng quê nhà.
Nhờn-nhờ lữ cá khoe vàng thắm,
Đâu nhớ Đèo-Ngan vắng cuộc ca. . .

THANH-SƠN

ĐÊM TRƯỜNG NHỚ BẠN

Giật mình nghe tiếng gáy xa xa,
Lấp-lánh ngoài sân bóng nguyệt tà.
Bên trường ngằn-ngờ diêm nhạc-mộng¹,
Góc vườn lờ-lệt bóng thu-ba.
Chim kêu rú bạn lòng tê-tái,
Gió động rơi sương dạ thiết-tha.
Buồn ngắm mây vàng tuôn Liễu-Phổ²,
Trường-vi đã trở mấy lần hoa.

THƯỜNG-TIẾN

1 Chỉ núi Nam-Nhạc, nơi của Giáng-Tiên ở.

2 Liễu-Phổ tên-sào: Chỗ Đức Khổng-Phu-tử dạy học trò.

VỊNH TÙNG¹

Thảo mộc cùng loài bị ghép chung,
Rừng nhỏ riêng tặng « Trượng phu tùng » ...
Chống trời cốt cách nhường cao cả,
Che đất ôn lương chẳng lạ lòng.
Bãi biển đầu non đầu cũng có...
Dân chài câu mán gác không dùng!
Đông-lương phong-dộ nền kia sẵn,
Xuân hạ thu đông tiết vẫn hùng!

HẢI-ÂU-TỬ

TIỀN NGƯỜI ĐI HÀNH-QUẢN

Tôi tiền người đi dưới bóng cờ,
Mà lòng tôi cũng thấy say sưa.
Lá cờ tổ-quốc phơi màu đẹp,
Tiếng nhạc hành-quân tỉnh giấc mơ.
Người lấy hùng-tâm tô đất nước.
Tôi đem tú-khâu diêm sông hồ.
Cương xưa chói-lọi chưa mờ bóng,
Cúi gắm niềm riêng mấy vận thơ.

HỒNG-THIÊN

GỢI NHỚ MONG

Gió vèo ngọn trúc thoảng hơi nồng,
Lối cũ đường khêu gợi nhớ mong...
Tóc liễu lê-thê cài trước ngõ,
Tơ trời lững-thững mắc trên không.
Thuyền qua sông lạ khơi buồm nhạt,
Khách lại vườn xưa nặng gót hồng.
Bên xóm cây thưa lộng ánh lửa,
Ven bờ chập-choạng... bóng ai trong!!

BẠCH-LĂNG 2

1 Bộ-vận bài nguyên-tác của Cụ Kinh-Chi Phan-vân-Hy đăng trong V.H.N.S. số 78, (trang 215)

2 Trong bài thơ « Hải-hồ cất nước » cũng của nữ-sĩ Bạch-Lăng đăng trong V.H.N.S. số 79 (trang 413), câu thứ sáu xin đổi là:

« Cánh đồng bạt gió biển mênh-mông. »

THƯỞNG SEN

Mưỡu

Sen hồng đua nở ào trong,
Ngó trời mặt nước, tơ lòng vấn-vương.
Nhị vàng gió lướt đưa hương,
Xa gần mắt-mẻ, ai nhường say-sưa...

Nói

Liên-trì ngoạn-thưởng,
Ngắm sen hồng, đầu nhượng óa phù-dung,
Hương thoảng đưa bay tỏa khắp vùng,
Lồng nhật-nguyệt, hoa rung theo sóng gợn...

Lá che mặt nước, dài xanh mơn,
Ngó vớng tơ lòng cánh đỏ tươi,

Ưa lục-hà, ai rong-ruổi chiếc thuyền bơi,
Vui chung bóng thanh-thời lòng thấy mát,
Khi gió nổi, hương trời càng ngát,
Tưởng xuân về, say hát đón hồng-y...

Cao-hiền liên-xã tương-trì,
Mến ai thanh-khiết đi về có nhau.

Lòng riêng âu vẫn hảo-cầu...

LỘC-MINH

題系屏煥景圖
長安勝景但聞名
照片後來遂轉情
屏嶺雨深堪八棹
系以水濤噴雪轟
半空斜日多秋在
何處歸舟一棹橫
安掛老樓供玩賞
德能大已到神京

東川



Phiên âm

ĐỀ HƯƠNG BÌNH VÂN-CẢNH ĐỒ

Trường-an thắng-cảnh dân văn danh,
Chiếu-phiến kham lai toại xứng tình.
Bình-linh vân thâm kham nhập mộng,
Hương-giang thủy dưng thính vô thanh.
Bán không tà-nhật thiên thu tại,
Hà xứ quy-chu nhất-chạo hoành?
Mỗi quài thư-lâu cung ngoạn-thưởng,
Du-nhiên như đi đảo Thần-Kinh!!

ĐÔNG-XUYẾN

Dịch nghĩa

ĐỀ ẢNH HƯƠNG BÌNH VẼ CHIỀU

Cảnh Huế, từ xưa biết tiếng thoi,
Bây giờ, xem ảnh, xiết bao vui!
Lơ-mơ núi Ngự chòm mây phủ,
Lắng-lặng sông Hương đợt sóng giời.
Còn mãi... nghìn thu, vắng ác xế...
Về đâu một lá, mái chèo bơi?
Làm tranh lâu sách treo mà ngắm,
Phảng-phất Thần-Kinh ngỡ đến nơi!

Tác-giả tự dịch

THÀNH PHỐ

Tôi làm quen thành-phố
 Từ thuở mới lên mười
 Bên khúc quanh Cổng-kiểu
 Có ngôi nhà mái gờ
 Ông tú già yêu cúc
 Ngâm thơ những buổi mai

Nhưng tôi thích Trường-tập
 Những chiều dẫm mờ-hôi
 Quấn quanh cùng lũ bạn
 Rủ nhau gọi ời ời
 Rồi lớn lên không biết
 Thành những thằng con trai

Sáng bốn lăm (1945) thức giấc
 Rào-rạt một bề người
 La hoan-hô đã-đảo
 Nhưng chảo dầu đang sôi
 Cự Tú già năm bệnh
 Nghĩa-địa thêm mờ với
 Vườn xưa từng cúc rụi
 Thời xưa chừng qua rồi

Lũ bạn năm bảy đứa
 Kề lòng như thép tôi
 Ra đi ghì chặt súng
 Vẫy người yêu mím cười
 Rồi ngã xuống mặt trận
 Ngủ yên đến muôn đời

Có thằng sau bão loạn
 Lận-đận thi Tú-tài
 Chạy một chân công-chữ
 Đi mạn ngược miền xuôi
 Lại hoan-hô đã-đảo
 Trán nhăn rướm mờ-hôi

Có chị lấy chồng sớm
 Một tay đưa vảnh nôi
 Gặp nhau nhắc chuyện cũ
 Mắt nhìn trời xa-xôi...

Tôi vẫn gặp thành phố
 Với vi-la ngồi tươi
 Bên cỏ-thành rêu bám
 Nhấn-nại nhìn con người
 Với giáo-đường trầm lặng
 Với chuông chùa buông lời
 Nguyễn cầu cho kẻ chết
 Mừng vui bé ra đời

Sáng tháng năm trong đẹp
 Mây trắng trên nền trời
 Đêm tháng mười đến vội
 Mưa buồn tí-tê rơi
 Mùa đông lá vàng chết
 Mùa xuân cây lên chồi
 Thời-gian như cơn gió
 Thì thầm mãi không thôi
 Thành-phố vẫn còn đó
 Trong lịch-sử con người

NGUYỄN-VĂN-HÀM

NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC
 Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

triết-học Trung-hoa cận-đại

(tiếp theo V.H.N.S. số 81)

Chủ-trương cách-mệnh «Vạn-ngôn-thu»

Một ý-tưởng chạy suốt bài số này là : muốn cải-cách chế-độ trị thiên-hạ để cho dân-cường quốc-phú thì trước hết và trọng-đại nhất là phải có một lớp người mới, một hạng nhân tài thích-hợp cho công-cuộc cải-tổ. Đây cũng là tôn-chỉ mà sách Đại-học đã tuyên-bố :

“Có người ấy là có đất, có đất ấy là có tài-sản, có tài-sản ấy là có ích dụng”. (有人此有土, 有土此有財, 有財此有用 : Hữu-nhân thử hữu thổ, hữu thổ thử hữu tài, hữu tài thử hữu dụng. “Đại-học” ch. 9).

Bởi vậy mà Vương-an-Thạch chú-trọng vào vấn-đề nhân-sự trước-tiên trong chương-trình cải-cách. Vương viết : 方今之急在於人才而已. 誠能使天下之才眾多, 然後在位之才可以擇其人之手足焉. 在位者得其才矣, 然後稍視時世之可否而因人情之患苦, 變更天下之弊法以趨先王之意甚易.

«Phương-kim chi cấp tại ư nhân tài nhi dĩ ! Thành năng sử thiên-hạ chi tài chúng đa, nhiên hậu tại vị chi tài khả dĩ trạch kỳ nhân chi thủ túc yên. Tại vị giả đắc kỳ tài hi, nhiên hậu sảo thị thời thế chi khả phủ nhi nhân nhân tình chi hoạn khổ, biến canh thiên hạ chi tệ pháp dĩ xư tiên-vương chi ý thậm dị.»

(Ngày nay việc cần kíp chỉ ở chỗ nhân-tài mà thôi. Thật có thể khiến cho tài-năng ở trong thiên-hạ có nhiều thì rồi tài-năng ở địa-vị có thể chọn người mà lấy cho đủ được. Ở chức-vị được người có tài-năng xứng đáng thì rồi mới nhìn thấy thời-thế có thể làm được hay không, mà nhân-tình-trạng đau khổ của người

[Tập XII, Quyển 6 (Tháng 6, 1963)]

ta biến-đổi cái chế-độ tời-tệ của thiên-hạ đi ngõ hầu mới hướng theo ý-chí của tiên-vương rất dễ vậy.)

Ở đây, Vương cũng chủ-trương với ý-kiến thống-truyền của Trung-hoa là người sau noi theo gương người trước, cho nên mới nói đến bắt chước tiên-vương. Nhưng bắt chước tiên-vương là bắt chước tinh-thần mà thôi, không phải nệ theo hình-thức. Ông viết:

« Thời-thế ngày nay cách xa thời-thế tiên-vương lắm rồi, chỗ biến-đổi, chỗ gặp gỡ không giống nhau như in, vậy mà muốn tu-sửa chính-trị của tiên-vương thì dù kẻ ngu hết sức cũng biết là khó. Như thế mà thần bảo sự hư hỏng ngày nay là vì không bắt chước chính-sách của tiên-vương, chỉ nên bắt chước cái ý của tiên-vương mà thôi. Kìa hai đế, ba vương cách nay ngàn đời, lúc bình-trị, lúc loạn-lạc, lúc thịnh lúc suy đủ cả. Cái chỗ trái qua biến-đổi, cái chỗ gặp-gỡ cũng mỗi thời mỗi khác. Phương-pháp thi-hành cũng khác nhau, nhưng cái ý-tưởng vì thiên-hạ quốc-gia, quan-niệm đầu cuối gốc ngọn chưa từng không giống nhau. Cho nên thần bảo chỉ nên bắt chước cái ý mà thôi, thì cái chỗ thay đổi canh-tân không đến làm cho tai mắt thiên-hạ phải kinh-hãi, làm cho miệng lưỡi của thiên-hạ phải xôn-xao mà rất hợp với chính-sách của tiên-vương vậy!»

Nhưng cái hạng nhân-tài làm cán-bộ cho chính-sách Tân-pháp theo Vương-an-Thạch quan-niệm thì như thế nào là hiền-năng? Và phương-pháp đào-tạo ngày nay ra sao?

Tài kiêm văn-võ:

Những nhân-tài mà họ Vương cần cho Tân-pháp phải có cái học văn-võ kiêm-toàn, thực-dụng để nhằm ứng-phó với việc đời, phụng-sự cho dân cho nước về thực-tế, chứ không phải chỉ biết ngâm-thơ gọt-văn hay là trí-thức lý-thuyết suông. Ông viết:

« Ở đời tiên-vương, việc mà kẻ-sĩ phải học là cái đạo văn-võ. Tài kẻ-sĩ, có người đáng làm Công, Khanh, Đại-phu, có người đáng làm quan văn, cái tài lớn nhỏ nên làm chức này hay chức kia thì có; đến như việc võ thì tùy tài lớn nhỏ, chưa từng có ai không học. Cho nên người có tài to, ở trong triều thì làm quan-khanh lực-quân, đi ra, ngoài thì làm chủ-tướng lực-quân. Bậc dưới thì làm thầy trong họ mạc xóm làng, cũng đến có tài điều-khiển một cơ, một lữ binh-lính. Bởi vậy, chức-trách phòng-thủ bờ-cõi hay chốn cung-cấm kinh-sư, cũng là hạng sĩ đại-phu làm, chứ phường tiểu-nhân vô tài không được tin dùng việc đó.

« Người đi học ngày nay cho văn võ là việc khác nhau, ta chỉ biết rèn việc văn-chương mà thôi. Đến như công-việc biên-cương túc-vệ thì đó

trút cho hạng lính-tráng, phần đông là lũ gian-tà vô-lại. Vì bằng người có tài-hạnh đủ tự-phụ ở chốn thôn-quê, cũng chưa thấy ai chịu xa thân-thích bà con mà đi ứng-mộ làm lính giúp nước...

« Kinh Dịch nói: « Cái lợi cung tên để lập uy với thiên-hạ » (弋矢利以威天下 Hồ thì lợi đi uy thiên-hạ). Tiên-vương có phải chỉ lấy việc học bắn để tập lễ-nghi vái-nhường mà thôi đâu? Kỳ thật lấy việc bắn làm việc võ to-tát quan-hệ hơn cả, và nó tức là khí-cụ để hộ-vệ nước nhà, khiến cho thiên-hạ phải kiêng nể mình vậy. Khi ở nhà thì mượn nó để tập lễ nhạc, lúc ra ngoài thì lấy nó để đánh giặc. Kẻ sĩ biết hôm sớm học tập mà số người bắn giỏi có nhiều, thì chức-vụ phòng-thủ bờ-cõi, hộ-vệ kinh-đô, muốn lựa chọn đảng nào chẳng được.

« Kẻ-sĩ vốn học đạo tiên-vương, nét-hạnh đã được xóm làng tôn-trọng rồi, bấy giờ nhân cái tài họ mà phó-thác cho công việc phòng-thủ bờ-cõi, hộ-vệ kinh-đô; vì thế, ông vua đời xưa có thể trao gửi can-qua vào tay người, mà trong ngoài không có điều gì lo ngại vậy.

« Trái lại ngày nay cái trọng-nhiệm giữ-gìn đất nước mà ông vua đáng phải lựa chọn cực-kỳ cẩn thận, người ta lại đem giao-phó vào tay những kẻ gian-ngoaan vô-tài, tài-hạnh không đủ cho dân làng đếm xỉa vào đâu; ấy là chỗ hiện nay đang ngom ngớp lo ngại cho việc phòng-thủ biên-cương, mà chính ngay kinh-đô cũng e không đủ tin cậy vào đó để làm cho yên-đn vậy.

« Ngày nay những kẻ có trách-nhiệm phòng-thủ biên-cương túc-vệ, thật ta không đủ nhờ cậy cho được yên-đn, điều ấy còn ai chẳng thừa biết? Khốn nhưng các ông văn-gia học-sĩ trong nước đều cho sự cầm binh-khi trong tay là xấu-hỗ, và lại cũng chẳng có ông nào biết nghề cỡi ngựa bắn cung, cầm binh đánh trận là gì, vậy ta không trông vào lính mộ gánh vác công-việc thì còn trông cậy vào ai?

« Ôi! không biết cách dạy-dỗ, không biết lựa chọn nhân-tài thì kẻ sĩ hồ-thẹn cầm binh-khi và chẳng biết gì là nghề kỵ-xa trận-mạc, thật là một lẽ cố-nhiên. Mà sở-di đến thế, đều bởi giáo-dục nhân-tài không phải đường vậy». Vì giáo-dục nhân-tài không phải đường cho nên họ Vương mới phân-đoái kịch-liệt chế-độ giáo-dục đương-thời.

Ông viết:

« Hiện nay ở các châu huyện tuy có trường học nhưng chỉ là hư thiệt đấy «thời, không có quan dạy-dỗ dẫn-dắt, và cũng không cốt làm việc giáo-dục « nhân-tài. Chỉ có ở nhà Thái-học tại kinh-đô là có chức quan giáo-đạo, « song việc lựa chọn lại không được nghiêm. Những việc lễ-nhạc, hình-« chính của triều-đình chưa từng đem ra giảng học. Kẻ đi học cũng mịt-mù

“ tự nghi hình-chính, lễ-nhạc là việc của quan lại (hữu-ty) chứ không phải “ đến phận mình đáng biết. Văn-đề người ta được dạy, được học là giảng “ thuyết chương-cú mà thôi.

« Giảng thuyết chương-cú vốn không phải cái đạo dạy người của đời xưa. « Gần đây lại dạy lối văn-chương thi-cử, lạ gì văn-chương thi-cử, không « ra sức đêm ngày đọc nhiều nhớ rộng thì không hay. Đến lúc gò gắm « được câu văn hay thì cũng chẳng ích-dụng, lớn không đủ để vận-dụng « thiên-hạ quốc-gia, nhỏ không đủ để cho thiên-hạ quốc-gia dùng được « việc gì. Cho nên bạc đầu ở trường-ốc, kiệt sức đêm ngày để theo đuôi « giáo-huấn của nhà vua ban cho mà đến khi ra làm chính-sự thì bỡ-ngờ « mặt-mù, chẳng biết đường nào mà hướng-dẫn.

« Bởi vì cách giáo-dục đời nay, không những không gây dựng thành tài cho « con người ta mà lại còn làm cho khôn-khở hủy-hoại đi, khiến cho nhân-tài « chẳng nảy nở ra được, là vì sao ?

« Phải biết cái tài của người ta thành ở chuyên mà hỏng ở tạp. Cho nên « tiên-vương xử-trí tài-năng của dân, tài nào việc ấy: để người thợ ở quan « phủ, nhà nông ở ruộng nương, lái buôn ở phố phường, kẻ sĩ ở nhà học, « khiến ai nấy đều chuyên-chú vào nghề mình làm, mà không thấy vật lạ, « sợ vật lạ làm rối trí người ta thành ra có hại cho nghề nghiệp vậy...

« Ngày nay kẻ-sĩ nên học là để dùng cho thiên-hạ quốc-gia. Vậy mà người « ta bỏ không dạy, mà lại đem dạy văn-chương thi-cử, khiến họ hao-tồn « tinh-thần, hết ngày dùng sức vào việc ấy. Đến khi dùng vào việc quan-chức « thì lại xếp xó văn-chương mà giao trách-nhiệm việc nước việc đời.

« Ôi ! kẻ-nhân sớm tối chuyên-cần vào vấn-đề thiên-hạ quốc-gia mà còn có kẻ « có tài, bắt tài ! Huống chi bây giờ bắt buộc người ta đem hết tinh-thần, « mất hết ngày giờ để sớm tối theo đuổi hết vào cái học vô-bổ. Đến khi dùng « người ta vào công việc thực-tế lại thốt-nhiên bắt phải hữu-dụng cho quốc- « gia thiên-hạ, hèn chi mà hiếm có tài-đức để làm trọn công-việc. Vì thế tôi « nói rằng không chuyên-chú đặc-biệt thì không nên được nhân-tài mà còn « làm hư hỏng tài-tệ đi, khiến cho nhân-tài không nảy nở được ».

Tóm lại, Vương-an-Thạch trong bức thư « Văn-lời » dâng lên vua Nhân-tôn thời Tống đã chú-trọng về vấn-đề nhân-tài thích-hợp cho mục-đích phú-quốc cường dân lúc bấy giờ, cốt ở bốn điều căn-bản : Giáo, Dưỡng, Thủ, Nhiệm « 教之養之取之任之有其道而已 » (Giáo chi, Dưỡng chi, Thủ chi, Nhiệm chi hữu kỳ đạo nhi dĩ) nghĩa là « dạy, nuôi, lấy, dùng có đường lối của nó ».

Đến khi biến-pháp, ông đã bỏ cái lối giáo-dục hư-văn mà chú-trọng về « đường thực-dụng cho việc “ Thiên-hạ quốc-gia chi-dụng 天下國家之用 »

Thay vào hư-văn, phải dạy chuyên khoa đề về sau ứng-dụng với đời, giúp việc cho nước, ai có sở-trường khoa nào thì trông nom thi-thố việc ấy mới có kết-quả tốt đẹp.

Về tôn-chỉ lý-tài của ông : “ dùng sức thiên-hạ làm ra của cho thiên-hạ, rồi lấy của thiên-hạ mà làm việc cho thiên-hạ”, ông đã ứng dụng vào chương-trình cải-cách kinh-tế rất mới mẻ như vấn-đề “ nông điền thủy lợi ” 農田水利, phép “ Thanh-miêu ” 青苗 nhà nước cho dân vay vốn để cày cấy khỏi bị nhà giàu bóc lột, phép “ Thị-dịch ” 市易 để xem xét hàng-hóa lưu-thông trong nước và tìm nơi tiêu-thụ cho nhà buôn, ví như kinh-tế hướng-dạo ngày nay, phép “ Phương-diễn quân-thuế ” 方田均稅 mục-đích chỉnh-lý được bốn khoản “ thuế của nhà nước trở nên rõ-ràng, để việc tra xét thu nộp, vừa lợi cho nhân-dân tránh khỏi mối tệ của quan-lại địa-phương khai ít đánh nhiều, phủ-thu lạm-bổ, mà dân nộp thuế được đều hơn ; ngoài ra nào phép “ Quân-thâu ” 均輸, phép “ Mộ-dịch ” 募役, phép “ Quân-khí-giám ” 軍器監, phép “ Tam-xá ” 三舍 ; tất cả chín kế-hoạch tổ-chức lại chế-độ kinh-tế, chính-trị, giáo-dục, xã-hội đương-thời áp-dụng vào Tân-pháp.

Nhưng về phạm-vi tư-tưởng, kế-hoạch Tam-xá đối với trào-lưu đương-thời quả nhiên đã chống-đối lại với cái học khoa-cử từ-chương mà mở ra một con đường duy-tân cận-đại. Ông nói : “ Kẻ-sĩ đang lúc trẻ mạnh nên giảng cầu cái chính-lý của thiên-hạ mới phải. Nay chỉ đóng cửa học làm thi-phú, đến khi ra làm việc đời không biết gì cả. Thế là phép khoa-cử làm cho hư-hỏng nhân-tài vậy ! ”

Bảy tám thế-kỷ sau này, Lương-khải-Siêu, Tôn-dật-Tiên hay là phong-trào Tân-sinh-hoạt cũng không có chủ-trương gì khác hơn.

Ông muốn mở rộng đường học-thuật, không giới-hạn vào một hệ-thống Nho-giáo, bởi vậy ông làm ra bộ sách *Tư-thuyết* 序說, nói cả Lão-học và Phật-học để dạy học trò, phòng lúc thi-cử hỏi đến như tinh-thần giáo-dục Việc-Nam đời Lý, Trần lấy khoa Tam-giáo làm căn-bản vậy !

Nhưng cũng như các nhà cách-mệnh tiền-phong, ông đã vấp phải cái thành-kiến của hủ-nho đương-thời. Chúng ta chỉ cần xem lập-trường đối-lập với ông là quan-diêm của danh-nho đương-thời Tư-mã-Quang 司馬光, tác-giả bộ sử *Tư trị thông-giám* 資治通鑑 và Tô-Thức tức Tô-đông-Pha 蘇東坡 tác-giả nổi tiếng về bài phú Xích-bích赤壁賦.

Tô-đông-Pha dâng sớ lên vua kịch-liệt đả-kích Tân-pháp, cho là cái phép cầu-lợi : “ Tam-tý Điều-lệ-ty là cái tên cầu-lợi, sáu bảy ông thiếu-niên và hơn bốn chục vị sứ-giã kia là cái máy cầu-lợi ”.

Vì nhà văn-thơ không cần đến chính-sách phú-quốc cường-dân của nhà chính-trị. Đông-Pha viết: «*國家之所以存亡者在道德之淺深而不在于強與弱，歷數之所以長短者在風俗之厚薄而不在于富與貧*». (Quốc-gia chi sở dĩ tồn-vong giả, tại đạo-đức chi thiển thâm nhi bất tại hồ cường dữ nhược, lịch số chi sở dĩ trường đoản giả, tại phong tục chi hậu bạc nhi bất tại hồ phú dữ bần). (Nước nhà sở-dĩ còn mất ở chỗ đạo-đức nông sâu chứ không phải ở chỗ mạnh hay yếu. Vận-số sở-dĩ dài vẫn, ở chỗ phong-tục dày mỏng chứ không ở chỗ giàu hay nghèo).

Và Tư-mã-Quang cũng căn-cứ vào Khổng-Mạnh để phản-đối cơ-quan xếp-đặt mở-mang lý-tài trong nước của Vương-an-Thạch là Tam-ty Điều-lệ-ty 三司條例司. Theo Tống-sử chép, năm Hi-ninh thứ hai đặt ra Tam-ty Điều-lệ-ty cầm quyền sửa sang tài-chính nhà nước, biến-đổi phép-tắc cũ xưa, đề mở rộng nguồn lợi trong thiên-hạ.

Tư-mã-Quang viết cho Vương-an-Thạch một bức thư dài trong đó ông trách:

«*Lại đặt Tam-ty Điều-lệ-ty tụ-hợp những nhà văn-chương và bọn người thông-thạo tài-lợi, khiến họ ngồi giảng cứu phương-pháp cầu-lợi. Khổng-tử nói: «*Quân-tử rành về điều nghĩa, tiểu-nhân rành về điều lợi*» (Quân-tử dụ ư nghĩa, tiểu-nhân dụ ư lợi) (Luận-ngữ) 君子喻於義 小人喻於利 (論語). Phần-tu xin học cày. Khổng-tử còn bị thay, cho là «*người không không biết lễ nghĩa, hưởng chi ngày nay giảng-cứu những cái «*mạt lợi buôn bán* ư?»*»*

Đây là luận-diệu của cựu-dảng chống với chính-sách cải-cách của tân-dảng. Muốn hiểu rõ sự cách biệt đường tư-tưởng của hai phe, chúng ta chỉ cần so-sánh hai quan-điểm khác nhau về một sự-kiện tai tường hay diềm lành diềm dữ của trời. Tư-tưởng này vốn bắt đầu nảy nở từ cái vũ-trụ-quan ma-thuật Âm-dương Ngũ-hành của Trâu-Diên mà Đông-trọng-Thư đời Hán đã đem vào Nho-giáo để cụ-thể-hóa cái ý-niệm Thiên-Nhơn hợp-nhất mà áp-dụng vào việc chính-trị quân-quyền. Vào khoảng 1069, gặp lúc miền Đông-bắc nhân-dân bị thiên-tai địa-biến, nạn hạn-hán, nào dịch-tễ, tân-dảng cựu-dảng ở trong triều có cố đưa đến cuộc xung-đột kịch-liệt. Nhà vua Thần-tôn bấy giờ vẫn chưa thoát khỏi cái ý-tưởng «*úy thiên kính tở*» như các vua khác, tự-nhiên phải tin là thiên-tai nhân-sự có liên-quan mật-thiết với nhau, hề mình làm phải thì trời thường, làm quấy thì trời phạt, nhất là mình đây là đại-diện trên thế-gian, sự có mặt của Thượng-đế như là «*con Trời*» Thiên-tử 天子. Bởi vậy nghe quan ngự-sử nói đến hai tiếng «*Trời phạt*» thì nhà vua hơi lo, tự nhận lỗi và sắp sửa trai giới để làm lễ cầu trời xá tội cho mình và sinh phúc cho dân.

Giữa triều-đình và trước mặt Tư-mã-Quang lãnh-tụ cựu-dảng, Vương-an-Thạch lãnh-tụ tân-dảng nói như nhà khoa-học ngày nay:

«*Ông Trời chẳng làm thiện làm ác gì được cho nhân-loại, những tai «*biến* như nắng hạn, nước lụt, chỉ là hiện-tượng tự-nhiên; người ta «*muốn* tránh nước lụt, đắp đê mà ngăn, khơi dòng sông cho nước chảy, «*cũng* như muốn tránh nắng hạn thì làm công cuộc dẫn thủy cho ruộng «*nương* lúc nào cũng đủ nước cày cấy. Ta phải lấy nhân-lực ngăn ngừa «*thiên-tai*, chứ cầu đảo ông Trời đừng giáng tai-họa là việc làm vô-«*nghĩa* và vô-ích.»*

«*Tư-mã-Quang* cãi lại, bảo người làm tôi khộng nên nói với ông «*vua* những lời trái nghịch như thế, vì nói thế khác nào xui giục, làm «*cho* ông vua mất lòng tin-tưởng kính-sợ mệnh Trời; vua không có lòng «*kính* sợ mệnh Trời thì sẽ sa ngã vào đường lầm-lỗi, không còn gì kiễm-«*chế* được nữa. Ông vua làm chủ cả thiên-hạ, muốn làm gì thì làm, «*không* sợ bị ai trừng phạt, chỉ duy có Trời. Nay bảo ông rằng không «*có* trời và trời không tác-oai tác-phúc gì được, chừng đó ông tha hồ «*buông* lỏng, phóng-túng, làm mọi việc can-rỡ mà không biết kiêng nề, «*không* chút hối-hận; kẻ làm tôi có lòng trung ái rất mực còn biết vin «*vào* đầu, lấy cách gì mà can ngăn vua, hầu đem ngài trở lại đường «*ngay* lẽ phải nữa?»

Ta xem thế, đủ thấy rõ hai khuynh-hướng tinh-thần trái nghịch, khuynh-hướng bảo-thủ của Nho-giáo hình-thức của cựu-dảng, với khuynh-hướng tiến-bộ của Nho-giáo thực-tiến của tân-dảng, quan-niệm vũ-trụ của hai bên chống nhau rõ-rệt, khác hẳn nhau, không sao dung-hòa nhau được. Hai khuynh-hướng khác nhau ấy cũng sẽ chi-phối lịch-sử tư-tưởng triết-học Trung-hoa từ đời Tống cho đến Minh, Thanh vậy.

Bình-luận cuộc tranh-chấp giữa hai phe Tân, Cựu về tư-tưởng chính-trị, xã-hội mở đầu đời Tống trên đây, một triết-học sử-gia Âu-Tây về triết-học sử Tàu là Zenker đã kết-luận:

«*Nhà* nho do Tư-mã-Quang lãnh-đạo đã hết sức phá-hoại thế-«*lực* của họ Vương ảnh-hưởng vào nhà vua, nhưng không đưa đến đâu. «*Vương* vẫn giữ quyền-thế và phá hủy tất cả cái gì là sức mạnh của nhà «*Nho*. Người ta đặc-biệt nhận thấy điều ấy trong việc cải-cách về giáo-«*đục* quốc-gia cùng chế-độ khoa-cử.

«*Nhà* nho đã vận động được triều-đình lấy Ngũ-kinh và Tứ-«*thư* cùng với những chú-sớ kèm theo trở nên tài-liệu giáo-khoa chính

« ở trường tỉnh và bắt buộc trong các khoa-thì. Vương đã xin nhà vua « năm 1075, ban sắc-lệnh chỉ nhận những chú-thích bình-giải chính-thức « về kinh-diễn Nho như Thi, Thư, Chu Lễ mà chính Vương đã làm lấy « (*Tam-kinh tân-nghĩa* 三經新義), và gạt bỏ bộ *Xuân-thu* với những « chú-giải vũ-đoan của phái Nho chính-thống đã làm đề-dùng cho mình. « Trái lại, trong các phép thi-cử ông bỏ những đề-tài thực-tế như kinh- « tế, chính-trị, pháp-luật và các đề-tài tương-tự khác. Năm 1086, cả ba « nhân-vật Vương-an-Thạch, Tư-mã-Quang và vua Thần-tôn đều mất. « Nhưng những nguyên-tắc của Vương còn chỉ-đạo cho giáo-dục quốc- « gia mãi về sau khi tân pháp đã thu về. Cuộc cách-mệnh Vương đã « làm, tuy chỉ ngắn-ngủi, nhưng nó cũng chứng-minh rõ-rệt, dù ở thời « Tống, Khổng-học còn xa mới trở nên thế-lực tinh-thần độc-tôn như « nó đã biến thành năm sáu thế-kỷ về sau này dưới triều Mãn-Thanh, « Di-nhiệm, các nho-si với ảnh-hưởng của họ đã được các nhà vua coi « trọng dù có không ưa cũng phải dùng, nhưng bấy giờ địa-vị của họ « còn bất thường mà họ cần phải củng cố luôn luôn cho nên trong những « điều-kiện ấy thì khuyh-hưởng tinh-thần của họ cũng chưa bị đóng « khung cố-định». (Tác-phẩm đã trích dẫn trên, tr. 430)

Nguyên-lai Tống-học

Tông-chỉ Tống-học mà giới trí-thức đời Thanh hay dùng để phân biệt với Hán-học là mệnh-danh cho cái đặc-tính học-vấn của đời Tống chuyên chú vào Đạo-học hay Lý-học. Xưng là Đạo-học thì bắt đầu từ Hàn-Dũ (Hàn-xương-lê 韓 昌黎). Xưng là Lý-học thì tuy bắt đầu có chữ Lý từ Dịch-truyện, nhưng đến đời Tống, danh từ Lý-học mới thực phổ-thông. Thuộc về vấn-đề vũ-trụ thì có danh-từ "Lý-khí 理氣", thuộc về tâm-lý có danh-từ "Tinh-tức Lý tính 即理", thuộc về phương-pháp thì nói "Tồn Lý khứ dục 存理去欲".

Chữ Lý đến Tống-Nho đã trở nên danh-từ hoàn-toàn nói về cái vật tuyệt-đối, như Lý-úy-Ngô 李畏吾 đời Thanh bảo :

«宋儒乃把理字做個大布袋精粗巨細無不納入其中» (Tống Nho nãi bả lý tự tổ cá đại bố thối tinh thô cự tế vô bất nạp nhập kỳ trung). Nghĩa là Tống-Nho lấy chữ Lý làm cái túi vải lớn, tất cả cái gì tinh thô lớn nhỏ đều cho vào trong ấy cả (*Thuyết-văn giải tự bản*).

Nguyên-nhân có sự bột-hưng ra Tống-học thuộc về hai hạng :

(1) Nguyên-nhân xa thì có sự phản-ứng với Lão Phật rất bành-trướng kể từ Ngụy, Tấn, Tùy, Đường như chúng ta sẽ thấy phân-chiếu vào thái-độ bài Phật của Hàn-Dũ.

(2) Nguyên-nhân gần là thời-đại chính-trị của đời Tống như đã nói ở trên. Hơn nữa chính sách văn-trị của triều-đình lại càng khuyến-kích cho sự học hỏi. Nào việc tổ-chức nhiều thư-viện công và tư, nào sự phát-minh kỹ-thuật ấn-loát. Trước đời Tống, sách cũ chỉ có bản viết gọi là tả-bản 寫板 chưa có ấn-bản 印板 là bản in. Mãi đến cuối đời Đường mới có kỹ-thuật in sách. Mãi đến đời Tống-nhân-tông, Tất-thăng 畢昇 mới lại phát-minh hoạt-tự-bản có thể in trăm ngàn bản rất là mau lẹ. Sự bột-hưng của Tống-học cũng do nghệ-thuật ấn-loát tiến-bộ gây nên một phần nào vậy.

Về kinh-sách căn-bản thì ở thời Lương-Tấn trong phong-trào Thanh-Đam, người ta chỉ nghiên-ngẫm Lão, Dịch. Đến đời Tống với Y-xuyên và Hối-am, hai thiên sách *Lê-Kỷ* mới được tách ra để hợp với *Luận-ngữ* và *Mạnh-tử* làm *Tứ-thư*. Sách *Tứ-thư* ấy đối với giới trí-thức đời Tống quả như lời Y-xuyên nói: «入德之門無如大學其他莫如論孟.» (Nhập đức chi môn vô như Đại-học... ngoài ra không gì hơn được Luận-ngữ và Mạnh-tử).

Lại nói: «學者當以論語孟子為本，論語孟子既治，則六經可不治而明矣.» (Học-giả đương dĩ Luận-ngữ, Mạnh-tử vi bản. Luận-ngữ Mạnh-tử ký trị tắc lục Kinh khả bất trị nhi minh hĩ). (Người đi học nên lấy sách Luận-ngữ, Mạnh-tử làm gốc. Luận-ngữ Mạnh-tử đã xem rồi thì sáu Kinh có thể không xem cũng sáng tỏ vậy). Và Hối-am cũng nói: «讀書先讀大學以定其規模，次讀論語以定其根本，次讀孟子以觀其發越。次讀中庸以求古人之微妙.» (Độc thư tiên đọc Đại-học dĩ định kỳ qui mô, thứ đọc Luận-ngữ, dĩ định kỳ căn bản, thứ đọc Mạnh-tử dĩ quan kỳ phát-việt, thứ đọc Trung-dung dĩ cầu cổ-nhân chi vi diệu). (Độc sách trước hết đọc Đại-học để thiết-định mẫu mực, rồi đến Luận-ngữ để thiết-định gốc rễ, rồi đến Mạnh-tử để xét bề mở mang cao cả, rồi đến Trung-dung để tìm chỗ vi-diệu của cổ-nhân).

Tác-phẩm danh-tiếng nhất đời Tống về triết-học như Chu-liêm-kê 周濂溪, có *Thái-cực đồ thuyết* 太極圖說 và *Thông-thư* 通書; Thiệu-khang-Tiết 邵康節 có *Tiên-thiên-học* 先天學; Trình-minh-Đạo 程明通 có *Định-tính-thư* 定性書, *Thức-nhân-thiên* 識仁篇; Trình-Y-xuyên 程伊川 có *Dịch-truyện* 易傳, *Nhan tứ sở-hiền hà-học luận* 顏子所好何學論; Trương-hoành-cử 張橫渠 có *Tây-Minh* 西銘, *Chính-Mông*

正宗; Chu-hối-Ông 朱晦翁 có *Tứ-thư tập chú* 四書集注, *Cận tư lục* 近思錄.

Những tác-phẩm tuy đều lập - thuyết trên nguồn gốc của Tứ-thư, Ngũ-kinh như «Thái-cực Âm Dương 太極陰陽» lấy ở *Dịch* 易, «Nhân tâm, Đạo tâm 人心道心» lấy ở *Thư* 書, Kinh 經 và Nhân 仁 lấy ở Luận-ngữ 論語. Nói «Tâm tâm», «Tính tính» lấy ở *Mạnh-tử*. «Cách vật trí tri 格物致知», «Chính tâm thành ý 正心誠意» lấy ở *Đại-học* 大學. «Vi-phát chi trung 未發之中», «Trung-hòa 中和», «Thành-minh 誠明», «Thận độc 慎獨» lấy ở *Trung-dụng* 中庸.

Nhưng đây chỉ là những khởi-niệm xuất-phát mà đem phát-triển mở rộng tri-giác về bề sâu đến chỗ tinh mật thì cõ-nhân chưa từng làm. Đây là công-phu của Tống-Nho đã thuyết-minh giảng-giải thành hệ-thống triết-học có mạch-lạc chặt-chẽ mà chúng ta sẽ nghiên-cứ ở các thiên sau.

Tống-học theo «Tống Nguyên học-án 宋元學案» gồm vào hai kỳ phái biệt như sau:

Bắc Tống lấy Y-xuyên làm chủ,
Nam Tống lấy Hối-Ông làm chủ.

Từ Y-xuyên thuộc về «Lạc-học 洛學» cho đến cuối đời Bắc Tống. Nam-Tống bắt đầu với Hối-Ông là thời kỳ «Mân-học 閩學». Lạc-học với Mân-học đây là hai thời-kỳ chính, tóm lược vào đồ-biểu sau đây:

Lạc-học thời-kỳ:

Học-phái của Chu-liêm-Khê (Đôn-di);
Học-phái của Tư-mã Thúc-Thủy (Quang);
Học-phái của Thiệu-bách-Nguyên (Ung);
Học-phái Lạc-học Trình-minh-Đạo (Hiệu), Trình-Y-xuyên (Di), (anh em);
Học-phái Quan-học của Trương-hoàng-Cừ (Tái);
Học-phái Thực-học của Tô-lão-Tuyền (Tuân), Tô-dông-Pha (Thức), Tô-đình-Tân (Triệt) (cha, con, anh, em);
Học-phái Tân-học của Vương-kinh-công (An-Thạch).

Mân-học thời-kỳ:

Học-phái Mân-học của Chu-hối-ông (Hy);
Học-phái Hồ-nam của Trương-nam-hiệu (Thức);
Học-phái Triết-giang-học;
(1) Vũ-trụ của Lã-dông-lai (Tô-Khiêm);

(2) Vinh-gia của Tiết-cẩn-Trai (Quý-tuyên) và Trần-chỉ-Trai (Truyền-lương), Diệp-thủy-tâm (Thích);

(3) Vinh-khang của Trần-long-xuyên (Lượng).

Học-phái Giang-Tây của ba anh em họ Lục là Lục-thoa-son (Cửu-Thiều), Lục phục-trai (Cửu-Linh) và Lục-trương-son (Cửu-Uyên).

Theo Trần-trọng-Kim trong bộ Nho-giáo thì:

«Phái Lý-học đời nhà Tống tuy kể cả tượng-số-học, đạo-học và tâm-học, nhưng hậu-nho thường lấy đạo-học làm chính tông. Cái học này khởi phát ra từ «Chu-đôn-Di lấy lý-thuyết trong các Kinh truyền mà bàn về đạo-lý và tâm-tính cho nên gọi Đạo-học hay Tâm-tính-học. Đồng-thời với Chu-đôn-Di có Trương-Tái cũng theo cái tôn-chỉ ấy mà lập giáo, rồi đến Trình-Hạo và Trình-Di là môn-đệ «Chu-đôn-Di cố sức đem phát-minh cái học ấy ra. Đến đời Nam-Tống lại có «Chu-Hi góp/cả cái học của họ Thiệu, họ Chu, họ Trương và họ Trình mà lập thành một cái học có nghĩa lý rất cao. «Hậu-nho chia phái Đạo-học ra làm bốn «phái và lấy tên chỗ ở của Chu-đôn-Di, Trương-Tái, Trình-Hạo, Trình-Di và «Chu-Hi mà gọi là: (1) Liêm-phái 濂派; (2) Quan-phái 關派; (3) Lạc-phái 洛派; (4) Mân-phái 閩派». (Nho-giáo, q. III, tr. 160)

Những sự phân-biệt học-phái trên đây không có giá-trị đối với triết-học vì chúng không căn-cứ vào sự biến-đổi về khuynh-hướng tinh-thần. Về phương-diện triết-học-sứ thì sự phân biệt ra Bắc-phái và Nam-phái hay là phân-biệt ra số-học, đạo-học và lý-học lại còn có ý-nghĩa hơn.

Khái-luận về thời-đại tư-tưởng đời Tống, Nguyên, Minh, nhà sử-gia tư-tưởng Trung-hoa gần đây là Tiền-Mục viết:

«Tư-tưởng Trung-quốc lấy Nho-học làm dòng chính. Nho học có thể «phân ra Nho học đời trước Tần, Nho-học đời Hán, Đường, Nho-học đời «Tống, Nguyên, Minh, Nho-học đời Thanh, tất cả có bốn thời-kỳ, Nho-học đời Hán, đời Đường và ở đời Thanh đều trọng kinh-diễn. Công của «đời Hán đời Đường là ở chỗ truyền lại kinh-diễn. Đời Tống, đời «Nguyên, đời Minh thì trọng về cái học thánh-hiền hơn là kinh-diễn, «trọng nghĩa-lý hơn là khảo-cứu huấn-hổ. Từ đời Tần về sau trong tư-tưởng có sự chống-đối nhau giữa Nho-học và Đạo-học. Từ đời Tống «về sau thì Nho-học chống với Phật-học.

«Đạo-gia coi trọng trời-đất tự-nhiên, do đấy mà tất cả vấn-đề chống-đối «của Nho-học với Đạo-học thu cả vào vấn-đề giới trời - đất và giới «nhân-sinh,

«Phật-học trọng về ý-thức tâm-tính, do đấy mà tất cả vấn-đề chống-đối giữa Nho-học với Phật-học là vấn-đề giới tâm-tính với giới sự-vật. Thiên-tông lạt bớt tinh-thần tôn-giáo của Phật-học, vẫn-hồi lại phương-diện nhân-sinh hàng ngày. Song xét đến cùng thì Phật-học cầu thanh-tịnh «niết-bàn. Nho-học Tống, Minh nối tiếp với Thiên-tông tiến một bước về «giới nhân-sinh, quay về vấn-đề tu-thân, trị-quốc, bình-thiên-hạ của nhân-sinh đoàn-thể đời trước Tần, nhưng lại có tiếp-nhận dung-hóa tất cả ý-kiến «và kết-quả của sự phân-tích nghiên-cứu về tâm-tính. Nho-học Tống, Minh «hội-thông Phật-học để mở rộng Nho-học cũng ví như triết-học Dịch-học truyền và Trung-dụng đã hội-thông với Lão-Trang học để mở rộng cho «Nho-học. Sự công-hiến của Nho-học đời Tống đời Minh vào lịch-sử «tư-tưởng Trung-quốc chính ở tại điểm ấy, ở chỗ có thể làm toàn - bộ «Phật-học dung-hóa đi. Bởi thế mà một khi có Nho-học Tống, Minh thì «thì Phật-học thật đi đến lu-mờ, mà Nho-học lại có một phen tỏ sinh-khi «mới, vận-mệnh mới!» (Trung-quốc tư-tưởng sử, Tiền-Mục).

Xem thế đủ biết ở Tàu, qua các thời-đại không từng có cái tinh-thần tam-giáo tịnh-hành lấy làm tinh-thần Quốc-học như ở Việt-Nam thời Lý Trần vậy.

(trích trong bộ *Đông-phương triết-học-sử* tập V đang in)

Sáu nguyên-tắc về hội-họa của Tạ-Hách

(tiếp theo V.H.N.S. số 81)

Qua những giải-thích của ông R. Petrucci về sáu nguyên-tắc của Tạ-Hách, qua những phẩm-bình của Trương-Ngạn-Viên về các họa-sĩ, chúng ta đã có thể có một ý-tưởng tổng-quát về những tư-tưởng của Tạ-Hách. Điều đặc-biệt đáng chú-ý là, mặc dầu sáu nguyên-tắc đã được nêu ra bởi một họa-sĩ chuyên về nhân-vật và nhất là để áp-dụng vào nhân-vật-họa, thế mà những văn-sĩ thời sau lại giải-thích là để áp-dụng vào sơn-thủy hội-họa và phẩm-bình theo chiều-hướng đó. Từ thời Tạ-Hách cho đến thời các văn-sĩ này, một tiên-triền sáu-xa đã đem lại nhiều yêu-tỏ mới. Cụu-truyền bích-họa, như đã được tiết-lộ bởi những hình chạm nổi thạp thời Hán và bởi kiểu vẽ của Cồ-Khải-Chi, đã được thay thế bằng những quan-niệm mới về nhân-vật-họa của mỹ-thuật Phật-đạo cùng ảnh-hưởng lẫn-lộn của các nền mỹ-thuật Ấn-Hi (Ấn-Độ Hi-Lạp) và thành-phần khác nhau từ miền Trung-Á đem lại. Sáu nguyên-tắc không được áp-dụng vào kiểu-thức mới này. Ngoài ra, sơn-thủy-họa do Vương-Duy¹⁶ thiết-lập vào thế-kỷ thứ VIII, đã chiếm trọn của nhân-vật-họa những cụu-nguồn cảm-hứng của tâm-hồn người Trung-Quốc. Như vậy, không có gì lạ là sơn-thủy-họa đã dành riêng cho mình sáu nguyên-tắc và sáu nguyên-tắc này đã bắt lấy một ý-nghĩa mới mẻ, chắc chắn có phần khai-quát hơn là ý-nghĩa mà Tạ-Hách đã định cho từ buổi đầu.

Còn điều đáng chú-ý nữa là bài khảo-luận hội-họa viết trong cuốn *Cổ-Họa Phẩm-Lục* của Tạ-Hách không phải là bài đầu tiên về loại đó trong lịch-sử mỹ-thuật Trung-Quốc, nhưng là một bài đã có nhiều qui-tắc áp-dụng đại-cương nhất. Tác-giả thực tình không được nổi tiếng vì tài họa nhân-vật nhưng vì đã hiểu biết sáu-xa về những họa-sĩ cổ-thời. Theo một nguồn vô-danh của ông

¹⁶ Vương-Duy (Wang Wei 王維 698-759), thi-họa-sĩ nổi danh thời Đường. Ông được coi như là người sáng-lập ra Nam-Trường Sơn-Thủy Hội-Họa. Xin xem « Một hình-ảnh của Đạo » trong bức «Thác nước» ở tờ phụ-trang số 2.

G. Giles, thi thời phỏng lại những cổ-họa là do Tạ-Hách mở đầu. Phương-pháp này, vì dễ thực-hành, nên về sau trở thành một con đường mở rộng cho tất cả mọi người, mặc dầu rất khó diễn-tả cảm-hứng. Phỏng một cách chính-đáng là phải tìm hiểu tư-tưởng của tác-giả, chứ không phải là chỉ cứ chép theo những nét được thấy trong bức họa. Địa-vị của Tạ-Hách, dù có tài nhưng không giỏi lắm, đã được xác-định trong cuốn *Tục Họa-Phẩm* của Diêu-Tôi¹⁷.

Ta sẽ làm nền ta coi sáu nguyên-tắc của Tạ-Hách như là một tân-thức, một bí-quyết riêng ông tìm được ra. Ngay trong thời ông, những ý-tưởng chính-yếu dường như cũng đã được phổ-biến từ trước rồi, nhưng ông vẫn là người đầu tiên viết hẳn-hoại thành một qui-tắc về hội-họa, nhờ vậy tên ông được gắn liền vào đây mãi. Về định-thức, dường như ông chịu ảnh-hưởng của Kinh Dịch¹⁸.

17 Diêu-Tôi (Yao Ts'ouei 姚暉).

18 Trong cuốn *Ông Thánh và đời sống huyền-bí của Lão-Tử*, nhà khảo-cổ H. Maspero nhận xét rằng, về đại-thể, nền-tảng triết-lý của Đạo-giáo đã có từ trước môn-phái liên-hệ đến tên Lão-Tử. Quan-niệm về Đạo hay về nguyên-thủy của Vũ-trụ, cũng như quan-niệm về âm-dương đã được thấy có từ trước ở trong Kinh-Dịch, một loại sách về chiêm-bóc-thuật tối cổ, dạy cách tìm hiểu nguyên-thủy của Đạo qua những biểu-diện của vật-thể bằng phép Lục-nhâm đại-dộn: Nhờ ánh-sáng của Kinh Dịch, kẻ nào đã tiến tới trình-độ hiểu biết nguyên-thủy của Vũ-trụ, sẽ trở nên chủ-tể của Vũ-trụ. Độc-sáng của môn-phái gọi là của Lão-Tử là tìm đường tới Đạo, không phải bằng khoa bói toán, mà bằng cách tu-thân, tin-tâm, hành-đạo, và hóa mình vào lẽ huyền-vi của Đạo. Trong cuốn *Nhận xét về đạo Lão thời xưa*, Ông Marcel Granet cũng nhận xét đạo Lão theo chiều-hướng đó. Ông viết: "Đạo Lão đã mượn nội-dung tôn-giáo ở nơi mà « Không-giáo cũng mượn, nhưng với một tinh-thần khác. Dù dưới hình-thức chánh-trị với lý-vọng lập một nền luân-lý thực-tiến, hay dưới thần-bi-thuyết của những tư-tưởng-giáo ở bên này hay bên kia môn-phái, thì chúng ta cũng vẫn thấy cùng chung một truyền-thống tôn-giáo. Dường như không nên coi những tu-hành Đạo-giáo như là những giáo-tò trong phong-trào ấy, tựa như mà ta gọi là Đạo-giáo. Hơn nữa, hình như họ lại không dự gì đến phong-trào ấy, tựa như phái Duy-trí (gnostiques) đã đứng bên ngoài phong-trào Gia-Tô-giáo. Những văn-phẩm mà người ta bảo là của Đạo-giáo thời xưa, thực tình tương-đối không lấy gì làm lâu lắm, nhưng nói vậy không có ý bảo rằng trào-lưu tư-tưởng của Đạo-giáo không từng phát-nguyên từ một thời thái-cổ xa-xăm». Trong cuốn *Những vũ-điệu và truyện truyền-kỳ của Trung-Quốc thời xưa*, Ông Granet lại viết: "Chính vào thời-kỳ mà các môn-phái chuyên-tu còn hoạt-động lê-tê mà có sự phân-chia học-thuyết Trung-Quốc ra hai trào-lưu tư-tưởng. Hai trào-lưu này chỉ thật chống-đối nhau vào đầu thời-dại đế- quốc. Bấy giờ mới sinh ra phái Không-giáo và phái Đạo-giáo". Trong cuốn *Lão-Tử*, trang 76 Ông Ngô-Tất-Tổ cũng viết: "Có người nói Lão-Tử không phải là người thứ nhất khởi-xướng ra thuyết Đạo-đức. Trước Lão-Tử đã có một vài người truyền-bá thuyết ấy, hiện nay người ta còn có thể biết tên. Nhưng những người này chưa từng viết ra sách. Khi Lão-Tử chán ghét xã-hội rối loạn, suy-vi, bỏ nhà Chu, đi vào cửa ải Hàm-Cổ, mới viết ra cuốn *Đạo-Đức-Kinh* để cho người giữ ải. Tài-liệu của quyền Đạo-Đức-Kinh, Lão-Tử đã góp nhặt ở nhà tăng-thư trong khi làm quan nhà Chu. Vậy thì thuyết Đạo-đức do từ đâu mà tới nhà tăng-thư ấy? Theo sự phỏng-đoán của nhiều sử-giả, thuyết Đạo-đức đã từ Ấn-Độ qua Tàu, vì về đời ấy đạo Upanishad là một tôn-giáo rất rộng, đạo-giáo đương rất thịnh-hành ở Ấn-Độ. Nhưng người ta không hiểu người nào đã đem nó truyền vào nước Tàu và truyền từ đời nào".

Như vậy, chúng ta thấy sáu nguyên-tắc về hội-họa của Tạ-Hách đã bắt nguồn từ một nền-tảng tôn-giáo truyền-thống thái-cổ, mặc dù vẫn có thể dựa vào những giáo-lý cao-siêu của Lão-Tử và chúng ta vẫn nên giải-thích những nguyên-tắc ấy theo đường lối của Ông R. Petrucci, tức là theo chiều-hướng học-thuyết của Đạo-Lão.



Hình 1

Museum of Fine Arts, Boston

CHÍNH BỔNG TRONG MÂY VÀ SÓNG (tiếp)
(Chi-đầu trong một cuốn dài, cho bản vẽ dài 40,996
của Trần-Dương (thế-kỷ thứ XIII)
Thủy mặc trên giấy, được tô màu bằng màu



Hình 2

THẠCH NƯỚC
được coi là của Vương-Duy (698-759)

sưu-lập số-danh

Ngay trong thời ông, đã có nhiều người viết những bài khảo-luận tương-tự về thi-pháp và thư-pháp, tựa như bài "Thi-Phẩm" của Chung-Vanh¹⁹, bài "Thư-Phẩm" của Dữu-Mi-Ngô²⁰. Tất cả đều cùng một nguồn cảm-hứng với cuốn *Cổ-Họa Phâm-Lục* của Tạ-Hách. Cuốn này, lúc đầu, chỉ có tên là Họa-Phẩm.

Để được thêm ý-tưởng về cách áp-dụng sáu nguyên-tắc vào hội-họa, chúng ta tìm đến ý-kiến sau đây của Lưu-Đạo-Thuấn²¹, một phê-bình-gia thời Tống. Theo Lưu-Đạo-Thuấn, người họa-sĩ phải biết sáu điều cần-thiết và sáu điều siêu-việt sau đây:

Sáu điều cần-thiết là: (1) Khí-vận tức là bút-lực, (2) Những đường vẽ và những lớp xa gần phải được vững chắc, rõ-ràng; (3) Những chỗ thay đổi và khác nhau phải được hợp-lý; (4) Màu sắc phải được phân-phối điều-hòa; (5) Đường bút đi lại phải linh-hoạt. (6) Trong khi học và bắt chước, phải biết bỏ đi những gì không tốt.

Sáu điều siêu-việt là: (1) Linh-động trong vẽ thô-lậu; (2) Tài khéo trong vẽ vụng-về; (3) Lực-điệu trong vẽ tinh-tề và thanh-nhã; (4) Hợp-lý trong vẽ lộn-xộn và dị-thường; (5) Có sắc mà không cần đèn mực; (6) Có không-gian trên tờ giấy phẳng.

Chúng ta dễ nhận thấy tính-cách chuyên-môn của sáu điều cần-thiết đòi-chiêu với tính-cách triết-lý của sáu điều siêu-việt. Thiết-tưởng chẳng cần bàn đến ý-nghĩa của sáu điều cần-thiết vì chúng hiển-nhiên quá đối với những ai đã có chút hiểu biết về hội-họa. Để tìm hiểu sáu điều siêu-việt, chúng ta lại phải nhờ đến ánh sáng triết-lý của Đạo-giáo. Chúng ta sẽ thấy ngay chủ-định phân-đề giữa mục-đích và phương-tiện. Nét bút điều-hòa linh-động trong vẽ thô-lậu, tài khéo trong vẽ vụng-về... Bấy nhiêu điều khiến ta phải nghĩ tới những định-thức của Lão-Tử về Cực Đầy và Cực Rỗng: «Cái Đạo sáng-suốt thì giống như tối-tăm, cái Đạo tiền tới thì giống như thối lui... Những cái rất hoàn-toàn giống như khuyết-diêm, cái gì thực đầy lại dường như trống không; cái gì thật thẳng giống như cong; người rất khéo giống như người vụng; người biện-luận rất giỏi giống như người đần-độn...»²². Khuynh-hướng giải-thoát tác-phẩm mỹ-

19 Chung-Vanh (Tchong yong 鍾嶸).

20 Dữu-Mi-Ngô (Yu Kien Wou 庾肩吾) hay Dữu-Tin (Yu Sin 庾信) hay Tử-Son (Tseu chan 子山) hay Tử-Tuấn (Tseu Taiun 子俊) là thi-sĩ và văn-sĩ về thế-kỷ thứ V.

21 Lưu-Đạo-Thuấn (Licou Tao Chouen 劉道醇 thời Tống), phê-bình mỹ-thuật-gia. Người đời đã gán cho ông bài tựa đề năm 1059 của cuốn *Ngũ Đại Danh Họa Bổ Di* (Wou tai ming hova pou yi 五代名畫補遺). Ông là tác-giả cuốn *Thánh Triều Danh Họa Bình* (Cheng tch'ao ming hova p'ing 聖朝名畫評).

thuật khỏi mọi tính-chất cụ-thể, hợp-lý-hóa một trạng-huống giống như: cuồng-dại, ăn-tàng một tài-hoa cực-xảo dưới vẻ thô-lậu, vụng-vé, dấn-dấn... Đây là nền tảng triết-lý của Đạo-giáo. Khuynh-hướng ấy muốn cấp cho nguyên-tắc thâm-mỹ một giá-trị thiện-toàn bằng cách truyền giá-trị ấy vào tác-phẩm hội-họa, tức là nơi mà học-thuật đường như bị lãng quên, công-nghiệp đường như chẳng có gì, nhưng nguyên-lý tự-tại của Đạo lại được dễ-dàng bộc-lộ.

Đệ-ngũ và đệ-lục siêu-việt cũng phải tuân theo ý-nghĩa tổng-quát đó, nhưng lại đòi hỏi một vài nhận-xét dưới một khía-cạnh khác: «Tìm màu sắc mà không cần nhiều mực, trong tờ giấy phẳng mà «lấy được không-gian...» Đây là tìm cách lấy «Viễn-thị trên không gian» (perspective aérienne) mà chúng ta sẽ có những tỷ-dụ cụ-thể sau này, khi bàn tới Sơn-thủy hội-họa.²²

Một phê-bình-gia khác tên là Lộc-Sài²⁴ cũng đề ra một ý-kiến tương-tự nhưng lại luận-lý theo một đường lối khác. Ông nói: «Về việc vẽ, có người ưa lời phức-tạp, lại có người khác ưa lời giản-dị. Phức-tạp là không «tốt, mà giản-dị cũng không tốt. Có người ưa lời dễ-dàng, lại có người khác «ưa lời khó-khăn. Khó-khăn không tốt mà dễ-dàng cũng không tốt. Có người «coi như tao-nhã là phải có phương-pháp, lại có người coi như tao-nhã là «không có phương-pháp. Không có phương-pháp là không tốt, mà bao giờ «cũng ở trong phương-pháp thì lại càng không tốt. Bắt đầu phải đọc theo một «khuôn-phép thật chặt-chẽ, rồi sau phải biết thấu-triệt một cách khôn-khéo «mọi biến-hóa. Mục-dích chiếm lấy phương-pháp là để trở thành như, không «ta phải có phương-pháp đã. Nếu ta muốn giản-dị, muốn phẩy mây nét trong «được, thì ta phải bắt đầu học lấy những điều phức-tạp và rục-rở đã».

Nay nếu chúng ta trở lại mà so-sánh những luận-lý trên với sáu điều cần-thiết và sáu điều siêu-việt của Lư-Đạo-Thuần, thì chúng ta thấy những điều này thật tương-xứng với những gì mà Lộc-Sài gọi là phức-tạp, và giản-dị, gọi là phương-pháp và vô-phương-pháp. Phức-tạp, khó-khăn, phương-

22 Xin xem *Lão-Tử* trang 62-63 của Ngô-Tất-Tố và Nguyễn-Đức-Thịnh.

23 Xin xem ghi-chú số 16 của bài «Một danh-nhân thời Bắc-Tống»; *Mê-Nam-Cung*, VHNS số 76 tr. 1397.

24 Lộc-Sài (Lou Tch'ai 鹿柴) là tên tự của Vương-Khái (Wang Kai 王概). Vương-Khái còn những tên khác là Vương-An-Tiết (Wang an tie 王安節) Vương-Cải-Biên (Wang kai pen 王改本). Ông là người đã giúp Trần-Tâm-Hữu (Chen Sin yeou 沈心友) và Lý-Ngư (Li Yu 李漁) đề soạn và ấn-hành lần thứ nhất cuốn *Giới Tử Viên Họa Chuẩn* (芥子園畫準)

pháp, đây là phần chuyên-môn phải được lưu-ý của sáu điều cần-thiết. Giản-dị, dễ-dàng, vô-phương-pháp, đây là phóng-đạt mà lại dôi-dào tài-lực, đây là trí não đã nhập-diệu khuôn-phép đến độ thoát-ly khuôn-phép, đây là linh-cảm mãnh-liệt và dễ-dàng cả sáu điều siêu-việt!

Đề phê-bình ý-tưởng của Lộc-Sài, Ông R. Petrucci viết: «Lộc-Sài đã «dẫn cho ta thấy rằng kẻ nào chưa đạt được phần chuyên-môn, thì dù có cảm-«hứng cũng vẫn thiếu phương-tiện diễn-tả tư-tưởng của mình. Bởi vậy cho «nên «bắt đầu phải đọc theo một khuôn-phép thật chặt-chẽ, rồi phải biết thấu-«triệt một cách khôn-khéo mọi biến-hóa». Léonard de Vinci, trong cuốn *Khái-«Luận Hội-Họa*, cũng nhấn mạnh sự cần-thiết phải tìm hiểu hình-thể bằng «cách phân loại những vấn-đề đã được đặt ra và bắt đầu phải thấu-triệt «mọi phương-tiện mà người họa-sĩ sẽ phải dùng để diễn-tả tâm-hồn mình. «Léonard viết: «Chúng ta biết rằng thị-năng bắt nhìn rất nhanh và chỉ trong «một khoảng-khắc nó đã thu được không biết bao nhiêu hình-thể. Nhưng «thị-năng không thể hiểu được tất cả cùng một lúc. Tỷ-dụ: Anh là người «đọc sách. Nếu anh liếc nhìn tờ giấy này, anh hiểu ngay rằng nó có đầy những «chữ, nhưng anh không thể biết ngay là những chữ gì cùng nghĩa của chúng «thế nào. Bởi vậy anh phải đọc từng chữ một, từng dòng một, rồi anh mới «hiểu nghĩa những chữ ấy. Như anh muốn hiểu hình-thể của mọi vật, thì anh «cũng phải bắt đầu xem-xét từng chi-tiết, từng đặc-tính của mỗi vật, và anh «không thể chưa xét xong đặc-tính này mà anh đã xét sang đặc-tính khác. Và «anh nên nhớ rằng anh phải học xét thật đúng đã, rồi anh mới học đến tài-«năng.» Như vậy, rõ ràng chuyên-môn chỉ là một phương-tiện, nhưng lại là «một phương-tiện cần-thiết. «Bắt đầu phải đọc theo một khuôn-phép thật «chặt-chẽ» nhưng một khi đã nắm vững phương-pháp thì ta lại phải gắng sức «chê-ngự nó để quên được nó, như thế mới là Siêu-Việt. «Không có phương-«pháp là không tốt, mà bao giờ cũng ở trong phương-pháp thì lại càng không «tốt», đây là buộc chặt mình trong một kiểu mẫu sẵn có và nhạt-nhẽo của «truyền-thông mà chẳng nguồn cảm-hứng nào có thể làm tươi lên được. «Tâm-tư của người họa-sĩ phải luôn luôn biến-hóa bởi vì bao nhiêu hình-«tượng hữu-danh bất-thần hiện ra, thì lại phải bày nhiều suy-luận», đây «là lời của Léonard. «Phải nên thấu-triệt một cách khôn-khéo mọi biến-hóa», «đây là lời của Lộc-Sài. Như vậy, người họa-sĩ mới có thể thấu-hoạch «được mọi hiểu biết thâm-thúy về sự-vật, về mọi câu-tạo căn-bản của chúng «và diễn-tả chúng theo với trạng-thái tiết-lộ của chính linh-quan mình. «Mộng-tưởng của họa-sĩ phân-chiêu trên hình-tượng đã vẽ ra. Như thế, họa-«sĩ bày tỏ được những gì mà họ đã thấy và hiểu, không phải bằng thị-giác «mà bằng những cảm-giác linh-diệu của tâm-hồn. Họ tiết-lộ cho người đời

«biết một chút hiện-tượng phi-thường và huyền-ào của sự Đẹp. Bây giờ, họa-sĩ không còn bị kiểm-tòa trong vòng chuyên-môn nữa. Họ như quên những phương-pháp đã học được; phương-pháp trở thành một bản-ngã thứ hai, cũng biến-hóa theo hình-tượng vẽ ra và theo mọi xúc-động trong tâm-tinh.

«Nhưng đã phải gắng sức biết bao, lao-khổ biết mấy, mới có thể đạt tới về giản-dị và ngây-thơ như trẻ con ấy²⁵? Phải qua biết bao khó-khăn trở ngại chuyên-môn; phải đã tìm thấy, qua những biểu-diện thiên-hình vạn-trạng, những nguyên-tắc căn-bản; và bởi giản-dị chi-phôi phức-tạp, nên phải rút lại tất cả những gì là phức-tạp bề ngoài của vạn-vật thành giản-dị, ào-diệu, và chính-xác²⁶. Kẻ nào đã có thể leo tới nơi tuyệt đỉnh ấy, nếu không phải là bậc cao-nhân? Điều mà thần-nhân Leonard de Vinci đã có thể bày tỏ trong Lịch-Sử Hội-Họa Âu-Châu lại cũng là nguyên-tắc dẫn-đạo cho những bậc sư-trưởng lỗi-lạc của nền Thẩm-mỹ Trung-Quốc».



25 Xin xem *Lão-Tử* trang 80 của Ngô-Tất-Tố và Nguyễn-Đức-Thịnh: Lão-Tử vì bậc thánh-nhân chứa đức đầy-dù như đứa con đỏ... suốt ngày kêu gào mà họng không khản...
26 Cũng xin xem trang 46 của bài "Lão-Tử" trên: Muốn vật đều động-tác sinh-trưởng, ta để xem cuộc trở lại. Các vật bồi-bồi, vật nào cũng trở về căn-bản của vật ấy. Trở về căn-bản gọi là im lặng. Như thế tức là trở lại định-mệnh. Trở lại định-mệnh gọi là vĩnh-viễn. Đức vĩnh-viễn không rời-dứt lại trở về ngây-thơ; đức vĩnh-viễn không sai-lạc, lại trở về vô-cực; đức vĩnh-viễn đã đầy-dù, lại trở về mộc-mạc.

THANH-TAM
sưu-tám

quay về biển cả...

Vấn-đề số một của thời-đại không phải là bom nguyên-tử hay hòa-tiến, không phải là những lý-thuyết kỳ-diệu, cũng chẳng phải là những thị-hiệu mới-mề đang gây bao xáo-trộn trong mọi phạm-vi, gia-đình, xã-hội và nhân-loại, mà là một nhu-cầu vô cùng tâm-thường sắp vào thời-kỳ thiêu-huyệt ghê-gớm: năng-lực.

Sở người trên trái đất gia-tăng mau chóng, thứ năng-lực trước tiên dùng để cho những sinh-vật biết nghỉ này sinh-tồn, tiếm-tàng trong thức ăn, chẳng bao lâu sẽ chẳng còn đủ cung-phụng cho hàng chục tỷ người nữa... Diện-tích trồng-trọt có giới-hạn, người ta đã nghĩ đến những thức ăn trong lòng biển cản gia-tăng để bù-đáp vào sự thiếu hụt sắp đến với ta trong vòng không đầy một thế-kỷ ấy. Nếu sự cố-gắng không thành thì nhân-loại sẽ đi đến những tranh-chấp vô-cùng tàn-bạo để dành quyền sống. Cá, phiêu-sinh-vật, và nhất là rong biển là những nguồn thực-phẩm hứa hẹn rất nhiều. Các cường-quốc thấy rõ sự khẩn-khiết này nên đã dẹp các mối bất-hòa cùng nhau gắng sức tìm hiểu biển cả để tiện bề khai-khản. Hải-dương học, rồi đây sẽ là then chốt cho nền kinh-tê toàn thế-giới, từ trước vẫn bị coi thường. Mặc dầu nước nào cũng có những hải-học-viện, nhưng thực ra người ta đã biết được mấy về biển cả đâu.

Trong khi trên đất liền, người ta biết rõ từng ngọn núi, từng lạch sông, đo kỹ từng mẫu đất, nghiên-cứu hàng vạn giòng cây-côi hoa-màu, thảo-triệt những tài-nguyên của đất thỉ dưới biển từ các dòng nước, ngọn thủy-triều, đến các loài sinh-vật và đời sống của chúng ở các độ sâu, sự hiểu-biết của con người vẫn cực-kỳ khiêm-khuyết, đến ngay những điều-kiện khí-tượng bên trên mặt biển người ta cũng còn mơ-hớ phải nhờ đến các vệ-tinh nhân-tạo mới đẩy mới bỏ-khuyết phần nào.

Bác sĩ Revelle, một nhà hải-dương học đại-tài, cho rằng ta chỉ mới biết nổi 2 phần trăm địa-thể đáy biển mặc dầu hình-thể dưới đó hùng-vi ngoạn-mục gấp bội trên mặt đất, với những thung lũng (như gán quần-đảo Tonga mà Roger Revelle đã đo được) sâu gấp bảy lần thung-lũng lớn nhất thế-giới ở Colorado, hoặc những ngọn núi to lớn như ngọn núi ngầm giữa Đại-Tây-Dương chạy xuốt từ vĩ-tuyến 55 đến đảo Islande hay ngọn Lomonosov do người Nga tìm ra tại miền bắc-cực. Các kết-quả khảo-sát lại còn nhiều khi không phù-hợp nhau, như hai tấm bản-đồ đáy biển tại Hải-Học-Viện Hoa-Kỳ, một tấm do viện Lamont lập chỉ rõ một đường rạn lớn chạy từ Đại-Tây-Dương, vòng quanh Nam Mỹ-Châu sang Thái-Bình-Dương, một tấm do viện Scripps lập lại chẳng ghi một vết rạn nào tại Thái-Bình-Dương hết. Hiện thời chẳng biết tấm nào đúng, chứng tỏ sự hiểu biết về đại-dương kém cỏi đến mực nào...

Cách đây gần một thế-kỷ, năm 1872, chiếc tàu của Anh là Challenger đã đi thám-hiêm khảo-sát đại-dương trong ba năm rưỡi trời, đem về 4.717 hải vật mẫu thuộc 715 loại khác nhau, với năm chục cuốn ghi chép những điều phát-giác. Từ đây đến nay chưa có được một chuyến khảo-sát đại-dương nào lâu-dài và quan-trọng đến như thế.

Nhu-cầu thúc-bách, con người cần phải chinh-phục «tân lục-địa» nơi đáy biển để trường-tồn, nên năm địa-cấu vật-lý-học 1958 hội-hợp đủ mặt các quốc gia đã dành nhiều ngân-khoản quan-trọng để khảo-sát đại-dương. Nhưng có tiến chưa hẳn là đủ, vì riêng việc khảo-sát đại-dương không hẳn là một khoa-học mà trái lại là một dịp áp-dụng mọi khoa-học vào đại-dương, do đây, những người được chọn đi khảo-sát không những phải là những tay thủy-thủ giỏi mà còn phải là những nhà bác-học giỏi và đủ mọi ngành khoa-học: vật-lý-học, hóa-học, sinh-vật học... và cả toán-học nữa.

Nhờ những bộ máy cá-nhân do thiếu-tá thủy-quân Cousteau tìm ra, người ta đã hiểu thêm nhiều về sự sinh-sống dưới biển, nhưng chỉ mới ở độ sâu tám-thường thôi. Phải nhờ những máy lặn hoàn-bị và chắc-chắn như những chiếc «bathyscaphes» mới xuống nổi những mức sâu lớn chụp hình đời sống dưới đó, như chiếc FNRS-3 của thủy-quân Pháp, chiếc Trieste của giáo-sư Piccard hiện đang dùng tại San Diego, California, chiếc Aluminaute đang được chế-tạo tại Hoa-Kỳ.

Riêng tại Hoa-Kỳ, năm 1946, Tổng-Thống đã ra sắc-lệnh tuyên-bổ miền đáy biển cạnh duyên-hải Hoa-Kỳ thuộc vào phần đất Hoa-Kỳ và một «Hội Duyên-Hải Hoa-Kỳ» đã tụ-tập những tay lặn tài-tử để khảo-sát một cách có phương-

pháp các đáy sâu miền duyên-hải, đếm các loại cá, xét những cuộc di-trú của các loại cá v. v.

Tại Pháp thì Cousteau nghĩ ra lời cho hai người là Claude Wesly và Albert Falco xuống ở ngay trong một chiếc phòng kín thả xuống biển để khảo sát. Đây là bước đầu tạo ra một hạng người từ bỏ cuộc sống trên cạn, xuống làm quen với đời sống thủy-tộc, và biết đâu một ngày kia người ta chẳng tạo ra từng «làng» dưới biển sâu, có đủ cả nhà thương, trường học, cùng những trại ngầm nơi đáy biển để nuôi các loại cá như ta hiện nay nuôi gà vịt hay heo trong nhà vậy?

Xuống sâu bao nhiêu, công việc càng phức tạp và càng nhiều: nào là dùng các-bon 14 xét nghiệm từng lớp nước xem chúng ở đây tự thuở nào, thả và nhặt các phao ngầm do J. C. Swallow chế ra năm 1955 để dò các dòng nước sâu mà mới đây người ta mới biết đến, đo địa-chấn dưới đáy biển, đo sự sai biệt về độ nóng và trọng-lực dưới đó, khám-phá sự bí-mật về san-hồ mà tới nay vẫn chưa biết rõ cấu-tạo ra sao (các nhà bác-học mỗi người chủ-trương cái nghĩa một cách) và nhất là phân chất thứ bùn đọng lại dưới đáy biển từ bao vạn năm... Bao nhiêu công-phu cốt nhằm một mục-đích chánh-yêu là khai-thác biển cả lấy thức ăn. Tuy hàng năm, các tàu thuyền đánh cá toàn thế-giới thu về được chừng 29 triệu tấn cá, nhưng con số đó chẳng đáng là bao so với khả-năng sản-xuất của biển vì: các nhà bác-học đã tính ra rằng mỗi năm biển sản-xuất chừng 100 tỷ tấn sinh-vật.

Như vậy ta chẳng nên lầy lậm lạ khi thấy chính-phủ Nga chế kỹ-nghệ đánh cá của họ là kém cỏi, mặc dầu trong có 10 năm số cá họ đánh được mỗi năm đã từ 2 triệu tăng lên 3 triệu rưỡi tấn. Họ gắng tiền tới 5 triệu tấn vào năm 1965.

Những đoàn tàu đánh cá hiện thường được trang-bị bằng những máy dò-tần như sonar, phi-cơ thăm dò v.v. nhưng các lời câu, các kiểu lưới nổi, lưới vét vẫn không hơn chi thời nhân-loại còn phải dùng thuyền buồm. Để cải-thiện người ta đang thí-nghiệm tại biển Caspienne lời dùng đèn pha chiếu sáng để nhử cá đến rồi dùng vòi hút, hút cá lên, hoặc như ở Nhật-Bản người ta chẳng đèn rồi cho bật lặn-lặn hết bóng này đèn bóng khác dẫn đường cho cá theo, đưa đầu vào lưới. Nhưng những phương-pháp ấy vẫn chỉ có một hiệu-quả hạn-chế. Dùng điện để thu-hút hay xua-đuổi cá, làm chúng lóa mắt, hoặc dẫn đường chúng, thường chỉ dùng được nơi nước ngọt, còn ở biển thì chắt muối khiến nước dễ chuyển điện, làm cho dòng điện dễ bị tản mát.

Về phương-diện phẩm-chất, các nhà hải-dương-học đang tìm cách kiểm-tra các loại cá từng vùng biển, hồng tìm ra những loại cá mới ít người biết

hoặc đưa chúng từ miền này sang miền khác. Bác-sĩ Maxwell còn chủ-trương nên dùng cả những loại cá hiện thời không ai ăn, nghiền thành một thứ bột có nhiều chất đạm-bạch-tinh (protéine) với một sức dinh-dưỡng mạnh. Đáng lẽ thì thứ bột này đã ra đời rồi, ít ra tại Hoa-Kỳ, nếu cơ quan Y-Tê không đòi một điều-kiện khó-khăn, vì quá tốn-phí, là phải rửa sạch tất cả những cá đó trước khi nghiền thành bột. Các nhà sinh-hóa-học hi-vọng sẽ tìm ra trong bao loại hải-vật ít ra là vài chất trừ sâu bọ, trừ cỏ hay có thể dùng được trong y-học. Người ta còn dự-định dùng sự sai-biệt về tỷ lệ muối trong các tầng nước biển để đặt những ống hút ngoài biển khơi, luôn luôn hút các kim-loại từ đáy biển lên mặt biển.

Về loại phiêu-sinh-vật mà người ta từng nói đến nhiều, hiện nay vẫn chưa có phương-pháp nào khả dĩ khai thác có lợi, biến chúng thành thực-phẩm.

Ngoài ra, biển còn là một kho-tàng cực lớn chứa khoảng 160 triệu tấn muối và 25 tấn vàng trong mỗi dặm khối, nghĩa là tất cả nước biển chứa khoảng 8 tỷ tấn vàng! Lại thêm các chất kền, sắt, bô-tạt, măng-ga-ne, cô-ban (cobalt), đồng v.v... Toàn là những kim loại quý giá đối với kỹ-nghệ.

Hiện-thời tất cả số magnésium và 80% số brome do Hoa-Kỳ sản-xuất đều lấy ở nước biển. Người ta còn trú tính: muốn tận khai-thác biển cả, cần lập 2 nhà máy để lấy chất bô-tạt, 3 nhà để lấy diêm vàng (soufre), 63 để lấy chất fluorine, 247.000 nhà máy lấy chất kền, 800.000 nhà máy lấy chất đồng và phải chừng... 10 triệu (!) nhà máy mới khai thác hết chất sắt. Thực là một gánh nặng vi-đại, sẽ gây ra bao nhiêu va-chạm về quyền-lợi giữa các quốc-gia.

Vì thế, một thứ công-pháp quốc-tê về biển cả đang đi dần đến chỗ thành hình. Trong khi chờ đợi, nước nào cũng nỗ-lực khảo-sát: 7 quốc-gia đã trang bị 14 chiếc tàu đi khảo-sát tại vịnh Guinée đến tận duyên-hải Nam Mỹ-Châu. Nga có chừng 100 tàu khảo-sát, trong đó 7 chiếc dùng làm phòng thí-nghiệm, với hai chiếc tàu phá băng, mỗi chiếc trọng-tải 12.000 tấn và một chiếc tàu ngầm. Xét riêng một chiếc Vitiaz trọng-tải có 3.500 tấn mà đã gồm một thủy-thủ đoàn 64 người, với 73 nhà bác-học và 13 phòng thí-nghiệm trang-bị đầy đủ, thì ta đủ lượng ra tầm quan-trọng của « đoàn quân bác-học » của Nga đóng đến mực nào. Mỹ cũng không kém: hiện đã có 45 chiếc và đến 1970 số tàu thám-hiêm đại-dương của Mỹ sẽ lên đến 95 đơn-vị.

Việc ganh-đua khảo-sát đại-dương này thực ra chưa có gì là gay-gò, vì thế một quốc-gia kỹ-nghệ hùng-hậu như Hoa-Kỳ, từng nhất-đán quyết-định và thực-hiện mau chóng việc thành-lập « hạm-đội Hai Đại-Dương » ngay trong thời chiến, mới chỉ có một chương-trình tương-đối « khiêm-tôn » như vậy mà thôi.

Nhưng một khi những điều khảo-sát về Đại-Dương đã đầy-đủ, một khi những đường lối khai-thác đã được nghiên-cứu hoàn-tất, ta sẽ được chứng-kiến một cuộc thi-đua vô-cùng vi đại giữa hai quốc-gia khổng-lô Mỹ-Nga, và những tranh-chấp gay-gò sẽ khó lòng tránh nổi nếu không ấn-định ngay từ bây giờ quyền-hạn khai-thác của mỗi quốc-gia. Đó là điều lo-âu của nhiều nhà bác-học, chính-trị-gia và của cả Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc nữa.

Những tài nguyên phong-phú khác

Nhưng ta sẽ làm, nếu tưởng rằng Đại-Dương chỉ quan-trọng vì sẽ là nguồn tiếp-tê thực-phẩm và kim-loại. Đối với con mắt nhà bác-học biển cả còn có một tầm quan-trọng khác lớn hơn nhiều lắm: nó sẽ là kho năng-lực tương-đối vô-tận, và một ngày không xa, có lẽ nước biển sẽ là phương-tiện cuối-cùng mà con người có thể sử-dụng để giữ vững chủ-quyền trên vạn-vật.

Thực thể, sở-di con người đạt được trình độ văn-minh hiện tại, có được một đời sống đầy tiện-nghi như hiện nay, và còn đang tiền-bộ mãi, đó là nhờ biết lợi-dụng những năng-lực thiên-nhiên, bắt chúng phục-vụ cho mình.

Trình độ văn-minh cơ-khí càng tiến, số năng-lực dùng càng hết nhiều, cứ sau 10 năm số tiêu-thụ lại tăng thêm gấp đôi. Theo đà tiến ấy, chẳng-bao lâu nữa chúng ta sẽ dùng hết mọi kho nhiên-liệu cổ-diễn như than-đá, dầu-hoà v.v. đến năm 2.060 sẽ tận-dụng số Uranium 235 và Plutonium 239, đến năm 2.260 sẽ đốt sạch kho Uranium thiên-nhiên. Khi ấy biết trông-cậy vào đâu?

Trước cái tương-lai đen-tối đã « kè-cận » ấy, giới bác-học tìm cách khai-thác hai nguồn năng-lực của biển cả có tính-cách trường-cửu hơn: lực-lượng thủy-triều và « nhiên-liệu » deutérium.

Phương-pháp dùng sức thủy-triều chạy máy đã có từ cổ xưa, lâu không kém phương-pháp dùng thác nước (than đá trắng) hay gió lộng để làm chuyên-vận máy. Nhưng nước thủy-triều không được chú-trọng đến cho lắm, vì ít nơi tại ven biển có được những điều-kiện thuận-tiện để lập nhà máy khai-thác. Những chiếc máy xay xưa kia chạy bằng nước triều lên xuống đã biến mất vì không cạnh-tranh nổi những máy dùng các nguồn năng-lực khác rẻ hơn điện-lực, hơi nước v. v.

Điều-kiện tối yếu là độ cao của thủy-triều. Với nhà máy, đặt ở vài nơi có mực lên xuống cao nhất của nước biển trên thế-giới, người ta mới hòng thu lợi tương-đương với các nhà máy chạy bằng thác nước.

Tính lợi-hại thì không ai muốn bỏ tiền ra lập nhà máy chạy bằng thủy-triều cả, nhưng xét về ích-lợi cho nhân-loại, thì nguồn năng-lực ấy thực là trường-cứu, dù có kém-cỏi cũng nên khai thác.

Hiện nay nước Pháp là một trong những quốc-gia có địa-thê thuận-tiện nhất là trong vịnh Saint Malo, nơi cửa sông Rance. Ở đây, thủy-triều lên xuống 2 lần trong một ngày và độ sai-biệt giữa hai mực nước cao nhất và thấp nhất từ 13,2 mét đến 6,6 mét, và cứ sau 15 ngày lại đến độ sai-biệt cũ. Nước thủy-triều đều đặn hơn các thác nước vì nó không chịu ảnh-hưởng của thời-tiết, mưa lũ, nên người ta có thể tính trước được những giờ lên xuống cũng những mực-độ sai-biệt cao thấp. Nhưng nó lại có một điều bất-tiện: những giờ nước lên xuống, tuy tính được nhưng không làm thay đổi được, nếu cho máy chạy thẳng bằng những dòng nước lên xuống để phát điện thì thường khi điện phát ra rất mạnh trong lúc trên đất Pháp sức tiêu-thụ giảm bớt, đến lúc cần dùng đến nhiều điện thì mực nước lại đứng, máy không chạy được.

Do đó, một trong những mục-đích của công-cuộc tìm-tòi là làm thế nào để việc sử-dụng sức thủy-triều mềm-dẻo hơn, nói một cách khác là có thể điều-hoà cho thủy-triều phát điện ăn khớp với nhu-cầu của quốc-gia. Từ năm 1737 (cách đây đã hai thế-kỷ) Bélior đã đưa ra giải pháp: lập những bể chứa không-lố kếp, một bên mở ra lấy nước vào khi thủy-triều lên cao nhất và một bên mở ra cho nước xuống đồng với mực thủy-triều thấp nhất. Như thế, giữa hai bể chứa người ta có được một mức chênh-lệch muốn dùng để chạy máy lúc nào cũng được.

Phương-pháp Bélior thực là hợp-lý, nhưng khó lòng thực-hiện được, vì độ sai-biệt giữa hai thủy-triều không lớn mấy, tất nhiên phải chứa.cực nhiều nước mới có được một số năng-lực tích-trữ đáng kể. Những công-trình kiên-trúc bể chứa vĩ-đại ấy rất tốn kém.

Cơ-quan Điện-Lực-Cuộc Pháp-Quốc tìm ra một giải-pháp khác, lợi hơn. Lúc biển làm chạy máy và lúc toàn-quốc dùng nhiều điện, thường chỉ sai nhau ít giờ, người ta có thể lợi-dụng địa-thê thiên-nhiên, đắp những đập dài, tạo ra một bể chứa duy-nhất. Máy có thể chạy được cả hai chiều, khi nước lên lúc nước xuống. Nó lại có thể lúc thì tiêu-thụ năng-lực để tạo ra điện, lúc lại tích-trữ năng-lực bằng cách bơm nước vào bể chứa. Như vậy, khi thủy-triều lên người ta cho mở cửa đập lấy nước vào. Lúc thủy-triều xuống, nếu đóng lúc cần dùng thì cho phát điện, nếu vào lúc không cần dùng thì cho chạy máy bơm, đón thêm nước vào bể chứa để gia-tăng mực cao của nước trong bể chứa.

Phương-pháp này thực là uyên-chuyên và hữu-hiệu nên hiện nay nước Pháp đã có được nhà máy cung-cấp điện-lực cho dân-chúng bằng thủy-triều,

tiết-kiệm được khá nhiều cho các thác nước: mỗi năm thủy-triều cung-cấp chừng 800 triệu kí-lô-oát giờ.

Song-song với phương-pháp trên đây, người ta còn gia-công tìm những cách chứa điện mới. Nếu ngày kia có được những bình chứa nhẹ nhàng và dung-lượng lớn, có thể dùng chạy máy xe-cộ, thì vấn-đề điều-hoà giờ phát điện của những nhà máy thủy-triều sẽ không thành vấn-đề nữa; vì bất cứ máy chạy vào lúc nào, theo thủy-triều, điện-lực phát ra vẫn dùng được để cho vào các bình chứa điện.

Tuy-nhiên việc khai-thác thủy-triều vẫn không đáng kể so với việc khai-thác "nhiên-liệu" deutérium mà chúng tôi sẽ xin trình-bày ở kỳ sau.

(còn tiếp)

JUST OUT

SAY IT IN VIETNAMESE

(Saigon: Kim-Lai An-Quán, 1963)

Hoa's Vietnamese Phrase Book revised to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.

134 pages. Index.

VN \$ 75.

«CULTURE LIBRARY»

published by the Directorate of Cultural Affairs
Department of National Education

Already Published :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*.
(Culture Library No 1, 246 pages) 25\$
- CÔ-ĐỒ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*
(Culture Library Nos 7-8, 487 pages, 53 illustrations and maps). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
The 6 provinces of South Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Part I (Culture Library No 2, 152 pages) 20\$
Part II (Culture Library No 3, 132 pages) 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Province of Thanh-Hoa)
translated by *A-Nam Trần-Tuấn-Khê*.
Part I (Culture Library No 4, 122 pages) 15\$
Part II (Culture Library No 5, 174 pages) 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
a) *The Capital* (Culture Library No 6, 96 pages) 15\$
b) *Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình*
(Culture Library No 9, 208 pages) 20\$
c) *Province of Thừa-Thiên*, Part I (Culture Library No 10, 144 pages) 15\$
Part II (Culture Library No 11, 152 pages) 15\$
Part III (Culture Library No 12, in press) 15\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẬT** (329 Bđ Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (266 Công-Lý Street, Saigon).

SOICHIRO TSURUTA

**vai trò của viện bảo-tàng trong
công-cuộc giáo-dục tráng-niên
và thanh-niên***

Tuy rằng danh-từ 'bảo-tàng' được thông-dụng trên thế-giới nhưng mỗi nước lại đặt ra một giới-thuyết khác nhau. Trong bài này chúng ta dùng giới-thuyết của ICOM (Conseil international des musées : Hội-đồng Quốc-tế Bảo-tàng-viện) : 'Chữ bảo-tàng' dùng ở đây để chỉ một cơ-quan thường-vụ thiết-lập vì công-ích để bảo-tồn, nghiên-cứu, khai-thác bằng mọi phương-tiện, và nhất là để trưng-bày những di-sản văn-hóa vừa làm đẹp lòng quần-chúng, vừa giáo-dục họ nữa : những đồ sưu-tập về nghệ-thuật, lịch-sử, khoa-học và kỹ-thuật, thảo-cầm-viên, chậu nuôi cá. Được đồng-hóa với bảo-tàng-viện các thư-viện công-cộng và trung-tâm lưu-trữ văn-thư lúc nào cũng có những phòng triển-lãm". Theo giới-thuyết đó, thì bảo-tàng-viện có những đặc-tính như sau :

1. Một bảo-tàng-viện có những đồ vật đặc-sắc mà du-khách có thể nghe được, thí-nghiệm hay vận-dụng bằng tay được.

Người ta có thể xếp nhưng đồ vật đó thành ba loại chính :

- (a) họa-phẩm, điêu - khắc - phẩm, y-phục, gia-cụ, cơ-giới, động-vật và thực-vật tiêu-bản, và nhiều phẩm-vật khác.
- (b) Động-vật và thực-vật sống.
- (c) Khung-cảnh thiên-nhiên mà những tiêu-bản được đặt lại trong một cư-trú thích-hợp.

Vì vậy mà một di-tích cổ có thể được bảo-vệ, và người ta có thể gọi tất cả miền phụ-cận là « bảo-tàng-viện của phong-cảnh » kể cả tòa nhà gần đó dùng để trưng-bày những cổ-tích. Cũng ở trong loại thứ ba này, những bảo-

* Dịch-thuật theo bài : « Le rôle des musées dans l'éducation des adultes et l'éducation de la jeunesse » của S. Tsuruta.

tàng-viện ở ngoài trời tái-lập các tòa nhà và đồ vật dùng trong một thời-kỳ nhất định nào, hay những bảo-tàng-viện thiên-nhiên gồm có vườn động-vật và vườn thực-vật có nhiệm-vụ không những bảo-vệ các động-vật và thực-vật đặc-biệt mà còn tái-lập toàn bộ những cư-trú của chúng nữa. Những bảo-tàng-viện thuộc loại đó giúp cho du-khách bồi-bổ kiến-thức của họ, nhờ ở sự quan-sát các liên-lạc mà những cơ-quan sinh-hoạt duy-trì được trong hoàn-cảnh thiên-nhiên của chúng. Thực ra nhiều phòng thí-nghiệm và nhiều viện cũng có những đồ sưu-tập, nhưng không mở cửa luôn luôn cho công-chúng ra vào, và không có tính-cách giáo-dục quần-chúng. Về quyền sở-hữu những đồ đặc-sắc, một bảo-tàng-viện đối với những cơ-quan giáo-dục khác cũng như là người mua sỉ đối với người người bán lẻ; vai trò chính-yếu của bảo-tàng-viện là cho các cơ-quan giáo-dục ấy mượn những đồ sưu-tập để trưng-bày cũng như là chuẩn-bị cho họ những cuộc triển-lãm lưu-động mà họ có thể sử-dụng được trong phạm-vi chương-trình giáo-dục của họ.

2. Một bảo-tàng-viện tiếp-xúc với quần-chúng qua những cuộc triển-lãm và hoạt-động về giáo-dục. Tuy là một sự tiếp-xúc trực-tiếp, nhưng bảo-tàng-viện chỉ giữ một vai trò chuẩn-bị và thường khi là nông cạn. Muốn cho những cuộc tiếp-xúc ấy chặt-chẽ hơn, người ta có thể giúp nhiều khả-năng học-tập cho những người nào muốn mở-mang kiến-thức — nhất là những gian buồng và phòng thí-nghiệm để xem xét các đồ sưu-tập dưới sự hướng-dẫn của những chuyên-viên.

3. Một bảo-tàng-viện sử-dụng những đồ trang-bị thích-hợp cho quảng-đại quần-chúng và những tài-sản riêng-biệt để thực-hiện công-việc trang-bị. Nếu bảo-tàng-viện có hai đặc-tính nói trên đây, thì trái lại, nhiều cơ-quan có mục-dịch giáo-dục cung-cấp được cho quần-chúng nhiều khả-năng học-tập. Bảo-tàng-viện khác hẳn các cơ-quan đó là sử-dụng được nhiều cách. Tuy rằng những cuộc triển-lãm và những hoạt-động giáo-dục của bảo-tàng-viện nhằm phục-vụ quảng-đại quần-chúng, bảo-tàng-viện không thể nhất-dán đáp ứng được những nhu-cầu của tất cả các du-khách. Vì vậy mà một bảo-tàng-viện bắt đầu xếp các du-khách vào 3 loại đây: những du-khách ở gần bảo-tàng-viện, ở các địa-phương khác trong xứ và du-khách ở ngoại-quốc đến; những tráng-niên và thiếu-nhi; những người dùng bảo-tàng-viện để bồi-bổ kiến-thức, và những người coi bảo-tàng-viện như một phương-tiện giáo-dục ngoài học-đường; những người đã có sẵn một số kiến-thức phổ-thông và những người có nhiều năng-lực chuyên-môn; sau hết, những người ngẫu-nhiên đi qua mà vào, và những người đến luôn luôn và đều đều. Những cuộc triển-lãm của bảo-tàng-viện có thể tổ-chức cho một nhóm người chuyên-môn, hay riêng cho hạng

du-khách trung-lưu Ngoại trừ những dụng-cụ triển-lãm thường lệ, một bảo-tàng-viện tân thời có thể cung-cấp nhiều dễ-dàng: phòng rửa mặt, phòng cho hội viên, tiệm ăn không có người hầu bàn, thư-viện, phòng diễn-thuyết dùng để chiếu phim được, chỗ giải-trí, phòng tiếp khách, phòng thí-nghiệm và phòng học mở cho quần-chúng.

Bảo-tàng-viện có nhiệm-vụ thu thập và giữ-gìn những đồ vật, rồi sưu-tầm những tài-liệu về các đồ vật đó và tổ-chức dưới nhiều hình-thức — triển-lãm ở ngoài trời, triển-lãm ở trong phòng hay triển-lãm lưu-động. Triển-lãm ở ngoài trời là một phương-pháp thuận-tiện để trưng-bày những động-vật hay thực-vật. Những cư-trú thiên-nhiên, những phương-tiện chuyên-chở và giao-thông, cũng như là những tòa nhà cổ-kinh hay những đồ vật chế-tạo đặt lại trong khung-cảnh lịch-sử của chúng. Nhờ vậy mà du-khách mới có một ý-tưởng rõ-rệt về đời sống thời trung-cổ, có thể dạo chơi trong một phong-cảnh thời tiền-sử được tái-lập, hay có thể lái một chiếc xe hơi kiểu cổ chạy 4 cây số một giờ trên một loại đường có từ thời xe ấy ra đời. Những bảo-tàng-viện sử-dụng phương-pháp trưng-bày ấy là những bảo-tàng-viện lịch-sử ngoài trời (như Rijksmuseum voor Volkskunde Het Nederlands Openluchtmuseum ở Hòa-Lan, như Colonial Williamsburg ở Hoa-kỳ, như Skansen ở Thụy-điền), hay những bảo-tàng-viện ngoài trời « hình-dung » một cảnh-vực địa-phương — như những vườn triển-lãm và những bảo-tàng-viện của phong-cảnh tổ-chức trong các công-viên ở Hoa-kỳ. Những bảo-tàng-viện ngoài trời đang thời-kỳ phát-triển và nhiều nước đang thí-nghiệm về loại triển-lãm này. Một trong những lợi ích chính-yếu của phương-pháp này là các du-khách có thể vừa bồi-bổ những kiến-thức về lịch-sử và khoa-học của họ, vừa hưởng-thụ một khung-cảnh ngoại-giới ngoạn-mục.

Hình-thức trưng-bày thứ hai, tức là cuộc triển lãm tổ-chức ở trong phòng là phương-pháp thông-thường nhất và thích-hợp cho vô số dễ-tài. Người ta có thể phân ra hai loại chính như sau:

Trong loại thứ nhất, dễ-tài chính của cuộc triển-lãm phải được trình-bày thế nào cho các du-khách nhận-thức được ý-nghĩa một cách dễ-dàng. Những cuộc triển-lãm đó sử-dụng rất nhiều dụng-cụ lý-giải như thấu-thị-họa*, sự tái-lập khung-cảnh lịch-sử và sự trưng-bày nghệ-thuật-phẩm trữ-danh. Thí-dụ như cuộc triển-lãm dành cho « những danh-tác và đặc-sắc của họa-phẩm ở thời-kỳ Phục-hưng » phải được chuẩn-bị thế nào cho một du-khách ngẫu-nhiên vào chơi, lúc ra cảm thấy thích-thú vì được thưởng-thức những bức họa và nhận ngay được những yếu-tố nào đã góp phần vào sự phát-triển hội-họa thời bấy giờ.

* Tranh có đèn chiếu sáng để người xem đứng trong bóng tối trông cho rõ.

thuật bảo-tàng-viện ở Cleveland gửi các giáo-sư lưu-động và dụng-cụ triển-lãm đến các trường học ở đô-thị và ở các miền xung-quanh nhất là các trường ngoại-ô thành-phố. Nhiều diễn-giả đã nói chuyện ở các cuộc họp do những đoàn-thể của các bà nội-trợ và những hiệp-hội tổ-chức.

• Trong số các hoạt-động ở ngoài, không cần đến dụng-cụ triển-lãm, người ta có thể kể những cuộc du - ngoạn để thu-thập các tiêu-bản, những cuộc lữ-hành nghiên - cứu, cũng như là những lớp học mùa hạ và mùa đông. Một bảo-tàng-viện cũng có thể tổ-chức những hoạt-động có tính-cách chuyên-môn hơn, như những cuộc du-ngojan để nghiên-cứu về địa-chất-học, về thu-thập dụng-cụ về phong-tục-học và thủ-công-nghiệp; trong loại hoạt-động này ta cũng nên ghi thêm sự phổ-biến tin-tức về bảo-tàng-viện bằng bích-chương, hay ấn-phẩm, trong báo-chí hay máy phát-thanh, bằng những bản ghi câu hỏi, hay những cuộc điều-tra của các bảo-tàng-viện

5. *Chương-trình phối-hợp của các hoạt-động giáo-dục.* Có những hoạt-động cũng một loại thực-hiện ở trong và ở ngoài bảo-tàng-viện có thể tổ-chức thành một toàn-bộ phối-hợp có phương-pháp dưới hình-thức của những dự-án dài hạn dành riêng cho những nhóm người nào đó. Tuy rằng hoạt-động của nhiều bảo-tàng-viện biểu-hiệu ở trong cũng như ngoài trú-sở, những dự-định để thiết-lập các chương-trình dài hạn phối-hợp hai loại hoạt-động giáo-dục đó thường thường không đem lại được những kết-quả khả-quan. Để cứu-vãn tình-trạng đó, ngày nay các bảo-tàng-viện bắt đầu đem thực-hiện những chương-trình toàn bộ soạn-thảo có phương-pháp. Đó là một quan-niệm mới mẻ của bảo-tàng-viện để trở thành một trung-tâm văn-hóa và giáo-dục bình-dân. Nếu có kết-quả, cuộc thí-nghiệm này sẽ mở đường cho nhiều khả-năng tân-kỳ nhất là cho những tráng-niên khi đã mãn khóa học muốn nghiên-cứu thêm về các vấn-đề khác để mở rộng tầm kiến-thức.

Để tóm tắt bài trần-thuật này, chúng tôi quan-niệm một bảo-tàng-viện như một viện cố-gắng giúp mọi người ham thích tìm hiểu những đồ vật hiện-thực. Sự thành-công còn tùy thuộc ở quần-chúng muốn thử một bước đầu, họ sẽ thấy là bảo-tàng-viện có thể giúp họ được nhiều việc, nhất là trên lãnh-vực giáo-dục. Ngược lại, sự ham thích của quần-chúng sẽ thúc đẩy các bảo-tàng-viện, các nhân-viên phát-triển những cơ-quan đó, phổ-biến những kết-quả của các công-cuộc sưu-tầm rộng-rãi hơn và đảm-nhiệm việc sử-dụng những đồ sưu-tập một cách hoàn-bị hơn.

(PHÙNG-NGỌC dịch)
UNESCO

TIN-TỨC VĂN-HÓA

A. TIN TRONG NƯỚC

1. LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN TRƯỜNG ĐẠI-HỌC SU-PHẠM Ở THỦ-ĐỨC.

Sáng 15-5-63, Tổng-Thống đã đặt viên đá đầu tiên Trường Đại-Học Su-Phạm mới của Viện Đại-học Sài-gòn trong một buổi lễ trọng-thể cử hành giữa trời trong khung-cảnh thanh-tịnh của khu Đại-học Thủ-Đức.

Trên khán-đài danh-dự, người ta nhận thấy sự hiện-diện của các nhân-vật cao-cấp Thủ-đô: Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ, các ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-hội; Đinh-Văn-Huân, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến; các vị Bộ-Trưởng, các vị Trưởng nhiệm-sở Ngoại-giao và Lãnh-sự; Đại-tướng Lê-Văn-Ty, Tổng-Tham-mưu trưởng Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa, các vị Dân-biểu, ông Viện-trưởng Viện Đại-học Sài-gòn, các Khoa-trưởng và Giáo-sư Đại-học.

Tổng-Thống đến nơi đúng 8g30. Liên đó, có Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và Đại-tướng Lê-Văn-Ty, Tổng-Tham-mưu trưởng Quân-đội Việt-Nam Cộng-hòa thấp tưng, Tổng-Thống đã duyệt qua các phân-đội Hải Lục Không-quân, sinh-viên sĩ-quan Thủ-Đức và các sinh-viên Trường Đại-học Su-phạm Sài-gòn cùng Trung-tâm Huấn-luyện giáo-sư Trung-học.

Trước hết, ông Bùi-Xuân-Bào, Khoa-trưởng Đại-học Su-phạm đọc diễn-văn (có đăng trong VHNS số này), bày tỏ lòng tri-ân của toàn-thể sinh-viên và ban giảng-huấn của Trường Đại-học Su-phạm đối với lòng ưu-ái đặc-biệt của Tổng-Thống.

Sau khi nhắc lại quá-trình xây-dựng của Trường Đại-học Su-phạm, ông Bùi-Xuân-Bào phác qua trường-sở mới của Đại-học Su-phạm tại Thủ-Đức.

Ông Khoa-Trưởng Đại-Học Su-Phạm kết-luận:

« Chúng tôi sẽ cố-gắng để các giáo-sinh tự-giác và hiểu rõ rằng những tư-tưởng siêu-việt và những sáng-tác quý-giá nhất không phải là do học đòi bắt chước mà ra, mà do tìm-tòi trong tinh-thương và trong hy-sinh. Vì vậy, trong

lúc đưa lại cho giáo-sinh những kết-quả mà các nhà tư-tưởng hay khoa-học đã đạt được, trường Đại-học Sư-Phạm có bổn-phận thiết-yếu làm thế nào để giáo-sinh ý-thức trọn vẹn tinh-thể đặc-biệt của nước nhà, ngõ hầu giúp họ tự tìm thấy mình và tìm thấy kẻ khác trong nhịp sống của dân-tộc.

« Và sau này, khi đến lượt các sinh-viên đó tiếp-xúc với những linh-hồn non trẻ và hăng-hái của học-sinh, họ biết hướng-dẫn các thế-hệ sau tiếp-tục sống và tranh-đấu theo tất cả chiều-hướng của con người cụ-thể, trong những điều-kiện kinh-tế, xã-hội và lịch-sử của nước nhà ».

Sau đó, ông Frederick E. Nolting, Đại-Sứ Hoa-Kỳ, đọc diễn-văn (có đăng trong số báo này) và nhấn mạnh rằng lần thứ hai trong khoảng chưa đầy 10 ngày, Đại-Sứ có vinh-dự được tham-dự buổi lễ khởi-công xây cất những công-trình kiến-tạo quan-trọng thuộc lãnh-vực giáo-dục ở Việt-Nam — những công-trình có ý-nghĩa sâu-xa đánh dấu con đường tiến-bộ của nhân-dân Việt-Nam dưới quyền lãnh-đạo của Ngô Tổng-Thống.

Đại-sứ Frederick E. Nolting tuyên-bố :

« Thừa Tổng-Thống, cách đây mấy ngày, Tổng-Thống đã đặt viên đá đầu tiên Trung-tâm Giáo-dục Y-Khoa và hôm nay Tổng-Thống lại chủ-tọa lễ khởi công xây cất Sư-Phạm Đại-Học-Đường và trường Trung-học thực-hành trực-thuộc. Những công-cuộc đó đều có ý-nghĩa cao-cả. Đó là những hành-động cụ-thể chứng-tỏ mối quan-tâm của Việt-Nam Cộng-Hòa và Hoa-Kỳ đối với sự an-lạc của nhân-dân Việt-Nam. Những công-cuộc ấy cũng đánh dấu những tiến-bộ thực-hiện từ 8 năm nay trong việc xây-dựng hạ-tầng cơ-sở nền Dân-chủ Việt-Nam.

« Không một sức mạnh nào, không một sự hăm-dọa khủng-bố nào hay xuyên-tạc sự thật, không một lời vu-khống nào có thể ngăn chặn sự tiến-bộ của qui-vị hướng về một xã-hội tự-do và hạnh-phúc, nếu qui-vị quyết-tâm theo đuổi con đường tiến của mình ».

Nhấn mạnh về vai trò của giáo-dục trong cuộc tranh-đấu hiện nay chống lại chủ-nghĩa Cộng-sản và bổn-phận của các nhà giáo-dục hướng-dẫn các tâm-hồn non trẻ, Đại-Sứ Hoa-Kỳ đoán chắc rằng Chính-phủ Mỹ sẽ luôn luôn hết lòng hợp-tác với Việt-Nam trong một công-cuộc có giá-trị cao-cả như thế này.

Tiếp lời, Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Trinh, Bộ-Trưởng Quốc Gia Giáo-Dục, đọc diễn-văn (có đăng trong số báo này). Trước hết, ông nhắc lại rằng chính Tổng-Thống đã đích-thân lựa chọn địa-diểm, một vùng rộng lớn diện-tích 60 mẫu, để xây-dựng khu Đại-học lớn-lao này. Đoạn ông vạch rõ tầm quan-trọng của công-cuộc đào-tạo giáo-chức và ông kết-luận :

« Lúc ấy, nhà trường, nơi giáo-huấn thật sự chứ không phải chỉ là nơi phổ-biến các môn học được ghi trong chương-trình, sẽ là mối dây liên-lạc giữa giáo-chức và gia-đình, sẽ là một Trung-tâm tranh-đấu như Tổng-Thống đã dạy trong buổi lễ đặt viên đá đầu tiên cho Trung-tâm Giáo-dục Y-Khoa trong tuần rồi. Hơn bao giờ hết, chúng tôi mong ước phụ-huynh học-sinh và thầy giáo thường tiếp-xúc nhau, để diu-dắt con em hữu-hiệu hơn, trong giai-đoạn tích-cực đấu-tranh hiện-tại của dân-tộc ».

Kể đó, Tổng-Thống ban huấn-từ (nguyên-văn có đăng trong tập V. H. N. S. số này). Tổng-Thống kết-luận :

« ... Nhiệm-vụ của các bạn thật là trọng-dại, vì lẽ chính các bạn sẽ giữ trách-nhiệm đưa những thế-hệ con em vào cuộc vận-động đấu-tranh của Dân-tộc trên mọi phương-diện chính-trị, kinh-tế, xã-hội, quân-sự, ngoại-giao cũng như văn-hóa.

Vậy nên, ngay từ bây giờ, trong sự học-tập, các bạn phải cố-gắng ý-thức vị-tri của các bạn trong toàn-bộ đấu-tranh của Dân-tộc vận-động đời sống mới. Nếu không, các bạn sẽ chỉ là những bộ máy ghi nhận và truyền-bá những kiến-thức trừu-tượng, phi-nhân, không còn dính-liú gì đến đời sống cụ-thể, phong-phú của nhân-dân.

Tôi tin rằng trong thời-gian đào-luyện ở Đại-Học, các bạn là những cán-bộ tương-lai của Chính-Thể Cộng-Hòa, sẽ xứng-đáng với danh-nghĩa đó và sẽ đáp lại đúng mức lòng tin-tưởng mà Chính-Phủ và nhân-dân đã đặt vào các bạn ».

Sau khi ban huấn-từ, Tổng-Thống đã đặt viên đá đầu tiên xây-dựng trường Đại-Học Sư-Phạm tại Khu Đại-Học Thủ-Đức.

Buổi lễ kết-thúc bằng một cuộc, viếng thăm chính-thức tại Phòng triển-lãm trưng-bày các dự-án và đồ-hình của các tòa nhà Trường Đại-Học này.

2. LỄ KHAI-GIẢNG LỚP HUẤN-LUYỆN ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC TẠI BÌNH-THUẬN.

Hôm 28-5-63, Ông Ngô-Đình-Nhu, Cố-Vấn Chính-Trị tại Phủ Tổng-Thống, đã đến thăm nhiều nơi tại tỉnh Bình-Thuận.

Cùng đi với Ông Cố-Vấn có nhiều vị Bộ-Trưởng, công-chức và sĩ-quan cao-cấp. Ngoài ra, còn có nhiều nhân-viên cao-cấp của Phái-Bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, trong số ông Giám-Đốc Joseph L. Brent.

Tại tỉnh-lỵ Phan-Thiết, Ông Cố-Vấn Chính-Trị chủ-tọa lễ khai-giảng khóa huấn-luyện Ủy-viên Giáo-dục Ấp chiến-lược các tỉnh Bình-Thuận và Ninh-Thuận.

Trong khóa này có 52 ủy-viên theo học trong hai tháng. Khóa học nhằm mục-dịch phát-động một chương-trình đại qui-mô thực-hiện trong năm nay gồm việc xây cất 1.320 lớp học, huấn-luyện 880 ủy-viên giáo-dục và 380 hiệu-trưởng trường sơ-cấp tại các tỉnh toàn-quốc. Sau bài diễn-văn của Ông Giám-đốc Khóa huấn-luyện, Ông Cố-Vấn Chính-Trị đã ngỏ lời nhắn-nhủ các ủy-viên, ý-thức đến đặc-tính cách-mạng của nhiệm-vụ mình trên mặt trận văn-hóa.

Ông Cố-Vấn nói: « Nhiệm-vụ của giáo-giới là bảo-vệ sự sống còn của dân tộc về mặt văn-hóa. Trước hết giáo-giới phải hiểu thấu đặc-tính đấu-tranh của nhiệm-vụ mình rồi nuôi-dưỡng và áp-dụng tinh-thần tranh-đấu ấy vào nếp sinh-hoạt của mình. »

Ông Cố-Vấn cũng nhấn mạnh đến sự cần-thiết phải dung-hòa lý-thuyết và thực-hành.

Tiếp đó, vào khoảng 10 giờ 40, Ông Cố-Vấn Chính-Trị cùng các nhân-vật đi thăm viếng đồng-bào các Ấp chiến-lược Long-Khê, Long-Hòa và Lương-Thiện thiết-lập vào tháng mười năm 1962, ở cách tỉnh-lỵ 22 cây số về phía Đông-Bắc, nằm trên quốc-lộ số I, dân-số nơi đây vào khoảng 5.330 người. Các ấp này ở gần mặt-khu Lê-Hồng-Phong Việt-Cộng.

Nhân-dịp này, Ông Cố-Vấn đã trao tặng quà ủy-lạo cho các chiến-sĩ các ấp và chứng-kiến một cuộc thực-tập báo-động tổ-chức tại ấp Long-Khê.

Buổi chiều, Ông Cố-Vấn Chính-Trị đến thăm trại Mưu-Sinh của Thanh-niên Cộng-Hòa tổ-chức tại Xã Thiện-Khánh, quận Hải-Long, cách Phan-Thiết 10 cây số và chủ-tọa lễ tuyên-thệ của 1.700 nam nữ Thanh-niên Bình-Thuận, nguyện trung-thành với Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa và Ngô Tổng-Thống.

Sau khi chấp-thuận lời thề, Ông Cố-Vấn Chính-Trị cũng là Tổng Thủ-Lãnh Thanh-Niên Cộng-Hòa đã hiểu-thị các nam-nữ thanh-niên hiện-diện, đại-ý nhắc-nhủ họ ý-thức nhiệm-vụ của mình trong cuộc đấu-tranh chống ba thứ giặc Chậm-tiến, Chia-rẽ và Cộng-sản, dựa trên các nguyên-tắc hoạt-động tự-giác, tự-nguyện và tự-túc.

Tiếp đến Ông Cố-Vấn và các nhân-vật quan-sát các trú-khu của trại-sinh trước khi trở về Thủ-đô.

3. ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG THĂM TRUNG-TÂM NGHIÊN-CỨU ĐỊA-LÝ THUỘC VIỆN ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN.

Sáng 20-5-63, Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã viếng thăm Trung-tâm nghiên-cứu địa-lý, mới thành-lập được 5 tháng nay tại Viện Đại-học Sài-gòn, nhờ sự giúp-đỡ của Tổ-chức Viện-trợ Văn-hóa Á-Châu (Asia Foundation).

Sau khi cùng với các ông Viện Trưởng Viện Đại-học Lê-Văn-Thới, Khoa-Trưởng Đại-học Văn-khoa Bùi-Xuân-Bào, Khoa-trưởng Đại-học Sư-phạm Phạm-Hoàng-Hộ, Đại-diện Tổ-chức Viện-trợ Văn-hóa Á-Châu tại Việt-Nam Howard Thomas, viếng thăm các cơ-sở của Trung-tâm, ông Bộ-Trưởng đã nghe bà Quách-Thanh-Tâm, Giảng-viên tại Đại-học Văn-khoa, Giám-Đốc Trung-tâm nghiên-cứu địa-lý, trình-bày về hoạt-động và nhiệm-vụ: nghiên-cứu về phương-diện địa-lý hình-thể và địa-lý nhân-văn và tham-gia vào việc đào-tạo các giáo-chức và các nhà sư-tâm về phương-diện khoa-học.

Trong khuôn-khố các hoạt-động, Trung-tâm sẽ tìm cách tối-tân-hóa các phương-pháp giáo-khoa trong việc giảng dạy Sử-Địa ở bậc Trung-học cũng như bậc Đại-học. Nhân dịp này, bà Quách-Thanh-Tâm đã trình-bày những kết-quả cuộc nghiên-cứu về các phương-pháp giáo-khoa và các chi-tiết về khí-hậu, lịch-sử... để thiết-lập một bản-đồ về mật-độ dân-số.

Cuộc viếng thăm chấm-dứt sau khi các nhân-vật hiện-diện trao đổi ý-kiến về một dự-án thông-dịch ra tiếng Việt các danh-từ Địa-lý cho bậc Trung-học.

4. BỒ-NHIỆM MỚI TẠI BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục vừa ký sự-vụ lệnh, bổ-nhiệm ông Bùi-Xuân-Bào, tiến-sĩ văn-chương, khoa-trưởng Đại-Học Sư-Phạm, giữ chức-vụ khoa-trưởng Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn thay thế ông Nguyễn-Đặng-Thục, từ-chức vì lý-do sức khỏe.

Theo lời yêu-cầu của Ông Bộ-Trưởng, ông Nguyễn-Đặng-Thục tiếp-tục điều-khiển ban Triết-lý Đông-phương tại trường Đại-học này và đảm-lãnh trách-vụ giám-sát các Ủy-Ban Phiên-Dịch các cuốn sách triết-học ra Việt-ngữ.

Cũng theo sự-vụ lệnh nói trên, ông Phạm-Hoàng-Hộ, thạc-sĩ Văn-vật, Tiến-sĩ khoa-học, Giảng-sư tại trường Đại-học Khoa-học được bổ-nhiệm làm khoa-trưởng Đại-học Sư-Phạm thay thế ông Bùi-Xuân-Bào.

Ngoài ra, Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục còn ký sự-vụ lệnh cử ông Nguyễn-Chung-Tú, tiến-sĩ khoa-học vật-lý, giảng-sư tại trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn giữ chức giám-đốc Hải-học-viện Nha-Trang, thay thế ông Hoàng-Ngọc-Cần, Ông Hoàng-Ngọc-Cần tiếp-tục điều-khiển Phòng Thi-nghiệm Lý-Hóa của viện này.

5. LỄ MÃN-KHÓA VI, CẤP TRUNG-ĐẰNG TRƯỜNG QUỐC-GIA NÔNG-LÂM-MỤC BẢO-LỘC.

Sáng 1-6-63, Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã chủ-tọa lễ mãn-khóa VI, cấp Trung-đẳng trường Quốc-gia Nông-Lâm-Mục Bảo-Lộc. Trong số rất đông quan-khách, người ta nhận thấy có Tỉnh-Trưởng

cùng các vị Phó Tỉnh-Trưởng, các vị Trưởng-Ty, và nhiều nhân-vật từ Sài-gòn tới như ông Nguyễn-Đình-Hưng, Đồng-Lý Văn-phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Đặng-Quang-Diên, Giám-Đốc Nha Nông-Học, Bác-sĩ Hammond và Bác-sĩ High thuộc Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Mỹ (USAID).

Sau khi ông Quan-Hữu-Kim, Giám-Đốc trường Nông-Lâm-Mục, phác qua những sự tiến-triển của trường và những kết-qua đã đạt được từ khi trường được thành-lập năm 1956, ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã đọc diễn-văn ngỏ lời khen ngợi Ban Giám-đốc trường và các học-sinh.

Ông Bộ-Trưởng tuyên-bố: « Tôi muốn nhân dịp này cảm tạ tất cả những Vị đã góp công góp của vào công việc phát-triển nền nông-nghiệp nước nhà. Tôi thành-khẩn mong rằng Quý Vị sẽ tiếp-tục công-tác với chúng tôi để đào-tạo cho mọi ngành hoạt-động, những cán-bộ có đủ khả-năng chuyên-môn để thúc đẩy sự phát-triển kinh-tế và đem lại cho dân-tộc một đời sống-phong-phú ».

Đoạn, ông Bộ-Trưởng cho biết về những cải-tổ sắp tới tại trường Nông-Lâm-Mục: « Trong kế-hoạch kiến-tạo Quốc-Gia, nền giáo-dục nông-lâm-súc phải giữ một vai trò quan-trọng. Với mục-dịch cải-thiện mọi ngành học về phẩm cưng như về lượng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đang cải-tổ kế từ niên-học 1963-64 chương-trình cấp Trung-đẳng về Canh-Nông, Thủy-Lâm và Mục-Súc. Chương-trình này ấn-định một phần học căn-bản về phổ-thông và chuyên-môn đưa đến cấp-bằng Trung-học đệ-nhứt-cấp và Tú-Tài Kỹ-Thuật ngành Nông-Lâm-Súc và sau mỗi cấp bằng ấy, một phần học chuyên-nghiệp bổ-túc đưa đến văn-bằng Huấn-sự và Kiểm-sự Canh-Nông, Thủy-Lâm hay Mục-súc. Chương-trình này được thực hiện ngay tại 3 Trường hiện có Bảo-Lộc, Cần-Thơ và Huế và sẽ được áp-dụng tại những Trường sắp được mở sau này. Đồng thời, Bộ sẽ bổ-nhiệm thêm giáo-sư với chuyên-viên đào-tạo trong nước cũng như đã gởi đi du-học, và dự-định mở Ban Sư-Phạm ngỏ hầu đào-tạo nhân-viên giáo-huấn một cách hoàn-hảo hơn ».

Tiếp đó, các nhân-vật hiện-diện trong buổi lễ đã trao cấp bằng và 3 giải thưởng do Hãng Shell tặng, cho các học-sinh.

Cuối cùng, ông Bộ-Trưởng và các quan-khách đã đi quan-sát rất lâu những cơ-sở của trường, như Thư-viện, phòng ăn, phòng ngủ của học-sinh, khu nhà dành cho các giáo-sư, các xưởng máy, xưởng mộc, các phòng thí-nghiệm vật-lý và hóa-học, các lớp Nữ-công, các cơ-sở trồng-trọt và chăn-nuôi, cùng phòng triển-lãm các họa-phẩm và mô-hình, máy móc, vạch rõ những hoạt-động của nhà trường và của học-sinh.

6. HAI VIỆN BẢO-TÀNG MỸ TRAO TẶNG 150 CỒ-VẬT VIỆT-NAM CHO VIỆN BẢO-TÀNG QUỐC-GIA.

Chiều 20-5-63, đã cử hành lễ trao tượng-trưng các cồ-vật do các Viện Bảo-tàng Harvard.Yenching (Yến-Kinh) và Peabody ở Cambridge (Massachusetts) tặng Viện Bảo-Tàng Quốc-gia.

Lễ trao tặng này, đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Trình Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và ông Frederick E. Nolting, Đại-sứ Hoa-Kỳ.

Trước nhiều nhân-vật cao-cấp, trong số có các ông Lê-Văn-Thời, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn, Roger Lalouette, Đại-sứ Pháp, Joseph Brent, Giám-đốc Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, các Cố-vấn và Tùy-viên Văn-hóa các Sứ-quán, ông Trương-Bửu-Lâm, Giám-đốc Viện Khảo-Cổ đã ngỏ lời nhấn mạnh về lượng và phẩm những tặng-phẩm khiến cho dân-chúng có thể theo dõi những giai-đoạn của nền văn-minh Việt-Nam.

Tặng-phẩm này, gồm 150 cồ-vật, hiện trưng-bày tại Viện Bảo-Tàng, đã tìm thấy trong những cuộc đào kiếm cổ-tích ở Bắc và Trung-Việt (Đông-Son, Lạch-Trương, Sa-Huynh) dưới sự hướng-dẫn của Giáo-sư Olof Janse được trường Bác-Cổ bảo-trợ.

Những cồ-vật này thuộc quyền sở-hữu trong nhiều năm các sưu-tập của Viện Bảo-Tàng Peabody ở Cambridge, Tiểu-bang Massachusetts (Hoa-Kỳ) gồm mảnh vỡ đồ sứ, đồng tiền kẽm, đĩa, vỏ-khí, trống đồng, đồ gốm về lạng-tầm, đã được trưng-bày tại Triển-lãm Văn-hóa Việt-Nam ở Hoa-Kỳ.

Tới nay, nhờ có sáng-kiến của ông Brew, Giám-đốc Viện Bảo-tàng Peabody và các nhân-viên Hội-đồng Quản-trị Viện Harvard Yenching trong số có ông Reischauer, Đại-sứ Hoa-Kỳ tại Nhật-Bản là Chủ-tịch và Giáo-sư Glen Baxter là Tổng Thư-ký, nên các cồ-vật này được trao trả lại các nguyên xứ.

Khi trao tượng-trưng một cồ-vật cho ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục, Đại-sứ Hoa-Kỳ đã bày tỏ sự hân-hoan được đại-diện các nhà hảo-tâm trao lại các cồ-vật cho các nguyên xứ. Như vậy, nhân-dân Hoa-Kỳ đã góp phần vào sự thông-cảm giữa hai dân-tộc về phương-diện văn-hóa cũng như về phương-diện kinh-tế.

Tiếp đó, ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã tuyên-bố đại-ý như sau: « Các cồ-vật có một giá-trị không thể ước-lượng được trong việc nghiên-cứu về quá-khứ và nguồn-gốc nền văn-minh Việt-Nam.

« Những nguồn gốc đó không được rõ lắm vào khoảng cách đây 30 năm khi Giáo-sư Janse bắt đầu các công-cuộc đào tìm cổ-tích. Hồi đó, dư-luận thường cho rằng nền văn-minh của Việt-Nam chỉ là một hình-thức địa-phương của nền văn-minh Trung-Hoa. Những cuộc khám phá cổ-tích ở Đông-Son, Lạch-Trương, Sa-Huynh đã góp phần chứng-tỏ rằng quan-niệm quá giản-dị đó là sai lầm và khiến người ta có thể quả-quyết rằng nền văn-minh Việt-Nam có những gốc-tích riêng biệt. Hồi đầu kỷ-nguyên này, trong số những yếu-tố đã góp phần tạo-lập cho nền văn-minh Việt-Nam một hình-thái đặc-biệt, có những yếu-tố từ Trung-Hoa đưa tới, song cũng có những yếu-tố từ Ấn-Độ đem sang. Ngoài ra còn có những yếu-tố từ thật xa đưa đến nữa, chẳng hạn như từ biên-cương của thế-giới Hy-Lạp — La-Mã

thời xưa. Còn về tôn-giáo, những gốc-tích sâu xa bắt nguồn từ những tín-ngưỡng những thần-bì của nhân-dân bản xứ sinh sống từ xưa trên bán đảo Đông-Dương này.

Ông Bộ-Trưởng kết-luận nhấn mạnh rằng « những cổ-tích đào-được ở Ốc Eo và do Viện Bảo-tàng Guimet ở Ba-Lê trao cho Chính-phủ Việt-Nam cách đây mấy năm, cùng 150 cổ-vật mà Việt-Nam nhận được hôm nay của Viện Bảo-tàng Peabody đều là những bằng-chứng quý-giá về 3 giai-đoạn văn-hóa quan-trọng mà Việt-Nam đã trải qua. Những cổ-vật ấy từ nay lại khiến cho Viện Bảo-tàng của Việt-Nam được phong-phú thêm và sẽ giúp cho những nhà khảo-cứu Việt-Nam đạt được những công-cuộc tìm-tòi hữu-ích về quá-khứ nước nhà ».

Một tiệc trà đã chấm dứt buổi lễ.

7. CHIẾN-LƯỢC-HÓA NỀN GIÁO-DỤC ĐỀ ĐÁP-ỨNG VỚI CUỘC CÁCH-MẠNG TOÀN-DÂN HIỆN NAY.

Sáng 5-6-63, toàn-thể giáo-chức Đại-học và Cao-đẳng tham-dự Khóa Huấn-luyện Đặc-biệt về Quốc-sách Ấp Chiến-lược đã quyết-định chiến-lược-hóa nền giáo-dục nước nhà để đáp-ứng với cuộc cách-mạng toàn-diện hiện nay.

Trong bản quyết-định tuyên-đọc trong lễ bế-giảng Khóa Đặc-biệt 12/2 tại Trại Nhân-Trí-Dũng sáng nay, 197 giáo-chức dự-thính-viên đã nhận-định rằng việc chiến-lược-hóa nền giáo-dục nước nhà có tính cách trọng-đại và cực-kỳ khẩn-cấp, nên đồng-thanh quyết-nghị ngay sau khi trở về trường sẽ tiếp-tục thảo-luận để sửa lại chương-trình và phương-pháp giảng-dạy theo đúng tinh-thần đấu-tranh của Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Các giáo-chức dự-thính-viên đã cho rằng Quốc-sách Ấp Chiến-lược là một công-cuộc cách-mạng toàn-diện nhằm đưa dân-tộc Việt-Nam ra khỏi vòng chậm tiến, chống lại mọi âm-mưu phá hoại của Phong-Thực-Cộng, nên chính-sách giáo-dục nói chung và chương-trình Đại-học nói riêng cần được gắn liền vào công-cuộc cách-mạng toàn-diện của dân-tộc.

Trong khung-cảnh đấu-tranh đó, bản quyết-nghị nhận-định rằng các giáo-chức, ngoài nhiệm-vụ bảo-vệ và phát-huy những giá-trị tinh-thần vĩnh-viễn ngoài không-gian và thời-gian vì đó là kho-tàng văn-hóa chung của nhân-loại, còn phải thích-ứng các giá-trị trường-cửu đó vào trong điều-kiện không-gian và thời-gian, nên cần có một ý-thức-hệ rõ-rệt ngõ hầu chuẩn-bị thanh-niên góp phần tích-cực vào công-cuộc cách-mạng dân-tộc.

Giáo-chức : Người tranh-đấu trên mặt trận giáo-dục.

Buổi lễ bế-giảng sáng nay đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Ngô-Đình-Nhu, Cố-Vấn Chính-Trị tại Phủ Tổng-Thống, trước sự hiện-diện của một số đồng quan-khách. Sau khi ông Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Đại-Học Sài-gòn, đại-diện ban

³⁷ Giám-đốc phúc-trình về khóa-học, Ông Cố-Vấn Chính-Trị đã giải-đáp thắc-mắc và hiểu-thị dự-thính-viên.

Ông Cố-Vấn cho biết rằng chiến-lược-hóa nền giáo-dục không gì khác hơn là xây-dựng một nền giáo-dục tự-do và sáng-tạo, trong trường-hợp và điều-kiện lịch-sử và địa-lý của nước nhà.

Ông Cố-Vấn nhấn mạnh rằng nền giáo-dục đó phải được tiến-phát từ hai yếu-tố nhân-vị và chậm-tiến, tức chú-trọng đến con người linh-hoạt trong hoàn-cảnh và điều-kiện của một dân-tộc chậm tiến. Trong quan-niệm đó, giáo-chức là những người tranh-đấu trên mặt trận giáo-dục để xây-dựng Đồi Sóng Mới. « Vì chúng ta, ông Cố-Vấn nói, là những người phải đảm-nhận lấy vận-mệnh của nước nhà. »

Ông Cố-Vấn đề-cập đến vấn-đề này khi trả lời một trong những thắc-mắc của đại-diện các dự-thính-viên nêu lên. Ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giáo-sư Diễn-giảng Đại-học Văn-khoa, đại-diện các dự-thính-viên, đặt câu hỏi rằng việc chiến-lược-hóa giáo-dục nếu đi sâu vào các ngành chuyên-môn có còn tôn-trọng giá-trị chuyên-môn và có theo kịp với trào-lưu tiến-hóa quốc-tế hay không? Ông Cố-Vấn nhấn mạnh rằng dĩ-nhiên là có.

Sứ-mạng kinh-tế của Ấp Chiến-lược.

Trả lời một thắc-mắc về hướng tiến và tổ-chức kinh-tế của các Ấp Chiến-lược, ông Cố-Vấn Chính-Trị nói rằng Ấp Chiến-lược có mục-đích để giải-quyết ngay những vấn-đề kinh-tế trước mắt cho dân và do dân tự-động tổ-chức với sự giúp-đỡ của chính-phủ mà không làm lúng-cứng thị-trường. Mặt khác, Ấp Chiến-lược còn là một trung-tâm xuất-phát tư-tưởng tổ-chức kỹ-thuật, nuôi-dưỡng và thúc-dẩy phong-trào kỹ-nghệ-hóa nước nhà, nơi giáo-dục tâm-lý người dân phù-hợp với đà kỹ-nghệ-hóa. Đây là một giải-pháp đặc-biệt và hoàn toàn khác hẳn những kolkhoze của Nga, kibbutz của Do-Thái, công-xã của Trung-Cộng.

Giải-đáp xong những thắc-mắc, Ông Cố-Vấn trở lại nói chuyện với các dự-thính-viên và mong ước rằng những khóa hội-thảo trẻ-trung cởi mở như thế này sẽ được tổ-chức cho các giáo-chức trung và tiểu-học. Có thể, mới có thể thảo-luận và giải-quyết những vấn-đề quan-trọng, trong số đó, vấn-đề căn-bản cốt-cần là vấn-đề giáo-dục.

Khóa 12/2 mang tên Anh-hùng Giáo-chức Nguyễn-Ngọc-Trác.

Đến đây, Ông Nguyễn-Đình-Hưng, Đồng-ly Văn-phòng Bộ Quốc-gia Giáo-Dục trong Ban Giám-đốc khóa-học, đọc tiểu-sử của Anh-hùng Giáo-chức Nguyễn-Ngọc-Trác để xin ông Cố-Vấn đặt tên Khóa Đặc-biệt 12/2.

Ông Nguyễn-Ngọc-Trác sinh ngày 21-3-1938 tại Hà-Đông (Bắc-phần) là giáo-chức tại Trường Công-Đông Bình-Thanh, Ty Tiểu-học Biên-Hòa, đã hy-sinh trong khi cùng với Đoàn Cán-bộ Xây-dựng Ấp Chiến-lược công-tác tại đồn-diên cao-su S. I. P. H. tại Long-Thành, Biên-Hòa.

Ông bị Việt-cộng bắn chết tại nơi công-tác chiều ngày 17-11-1962 trong khi đang cùng đoàn cán-bộ kiểm-thảo công-tác đã thi-hành. Ông độc-thân, chết đi để lại 7 em nhỏ mà Ông là anh cả, và niềm đau-khổ cho cha mẹ.

Trong buổi lễ bế-giảng, có sự hiện-diện của thân-phụ và thân-mẫu của Ông Nguyễn-Ngọc-Trác và 2 người em của Ông. Ông Nguyễn-Đình-Hưng đã giới-thiệu họ với Ông Cố-Vấn. Sau khi buổi lễ bế-giảng chấm dứt, Ông Nguyễn-Đình-Hưng cũng đã đại-diện các dự-thính-viên trao tặng 9.000\$ số tiền đóng góp của toàn-thể giáo-chức trong khóa 12/2 để tỏ tình liên-đới.

Khóa 12/2 khai-giảng ngày 29-5-63. Trong suốt thời-gian 6 ngày, Ông Lê Văn-Thới, Viện-trưởng Đại-học Sài-gòn, Giám-đốc khóa huấn-luyện cho biết các dự-thính-viên đã cố-gắng thấu-triệt nền tảng lý-thuyết, phương-pháp tổ-chức và kỹ-thuật của Quốc-sách Ấp Chiến-lược, để xác-định vị-trí nền Đại-học Việt-Nam nói chung, của người giáo-chức Đại-học Việt-Nam nói riêng, trong cuộc cách-mạng toàn-diện đó. Ông Giám-đốc cho biết, các buổi thuyết-trình, cũng như những cuộc thảo-luận đã diễn ra trong một bầu không-khí vui-vẻ hào-hưng, thành thực, và hoàn-toàn dân-chủ. Có thể nói rằng chúng ta đã thực-thi dân-chủ pháp-trị ngay trong Hội-trường này: mọi người đã thẳng-thắn tham-gia ý-kiến trong các vấn-đề, đã góp phần vào việc dự-thảo và biểu-quyết bản quyết-nghị cuối cùng.

Ông Giám-đốc kết-luận: «Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu. Sự chiến-lược-hóa nền giáo-dục, mà đặc-biệt là ngành Đại-học và Cao-đẳng Việt-Nam, là một vấn-đề vô cùng phức-tạp, đòi-hỏi một cuộc nghiên-cứu chân-thành, kỹ-lưỡng, theo định-hướng của chủ-nghĩa nhân-vị cộng-đồng và trong sự đoàn-kết chặt-chẽ của tất cả anh em giáo-chức Đại-học trên cương-vị sứ-mệnh của nhà giáo Việt-Nam trong cuộc vận-động lịch-sử của dân-tộc».

Buổi lễ bế-giảng chấm dứt bằng một chương-trình văn-ngệ gồm những màn hợp-tấu và hợp-ca của Hội Văn-hóa Duy-Linh, và những màn hòa-tấu cổ-nhạc do các nhạc-sinh Quốc-gia Âm-nhạc trình-bày.

Quyết-nghị của các Giáo-chức Đại-học và Cao-đẳng tham-dự Khóa Huấn-luyện Đặc-biệt về Ấp Chiến-lược.

Toàn-thể các giáo-chức đại-học và cao-đẳng tham-dự khóa Huấn-luyện Đặc-biệt về Quốc-sách Ấp Chiến-lược, tổ-chức tại Trung-tâm Nhân-Trí-Dùng (Súi Lồ-Ồ) từ 29-5-1963 tới 5-6-1963,

Xét rằng:

Quốc-sách Ấp Chiến-lược là một công-cuộc cách-mạng toàn-diện nhằm đưa dân-tộc Việt-Nam ra khỏi vòng chậm-tiến, chống lại mọi âm-mưu phá-hoại của Phong Thục Cộng;

Chính-sách giáo-dục nói chung và chương-trình đại-học nói riêng cần được gắn liền vào công-cuộc cách-mạng toàn-diện của dân-tộc;

Các giáo-chức có nhiệm-vụ bảo-vệ và phát-huy những giá-trị tinh-thần vinh-viễn, ngoài không-gian và thời-gian, vì đó là kho-tàng văn-hóa chung của nhân-loại;

Đồng-thời, các giáo-chức phải thích-ứng các giá-trị trường-cửu đó vào trong điều-kiện không-gian và thời-gian, nên cần có một ý-thức-hệ rõ-rệt, ngõ hầu chuẩn-bị thanh-thiếu-niên góp phần tích-cực vào công-cuộc cách-mạng của dân-tộc;

Sự chiến-lược-hóa nền giáo-dục ở nước nhà có tính-cách trọng-đại và cực-kỳ khẩn-cấp, vì vậy cần được thảo-luận sâu rộng ngay sau khi bế-mạc khóa huấn-luyện đặc-biệt về Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Đồng-thanh quyết-nghị:

1. Ngay sau khi trở về trường mình sẽ tiếp-tục thảo-luận để sửa lại chương-trình và phương-pháp giảng-dạy theo đúng tinh-thần tranh-đấu của Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

2. Thiết-lập một Ủy-ban gồm có đại-diện của tất cả các trường Đại-học và Cao-đẳng ở Sài-gòn, Huế và Đà-Lạt để soạn-thảo trong thời-hạn hai tháng một dự-án tuyên-ngôn chung khả-di dùng làm nền-tảng cho chính-sách văn-hóa và giáo-dục ở nước nhà.

3. Giao cho Ủy-ban nói trên công-việc chuẩn-bị để tiến-tới sự thành-lập Hội Ái-Hữu Giáo-chức Đại-học và Cao-đẳng, ngõ hầu duy-trì và tăng-cường tinh-trương-thân tương-ái giữa các giáo-chức Đại-học và Cao-đẳng toàn-quốc.

*Làm tại Trung-tâm Nhân-Trí-Dùng Súi Lồ-Ồ
Ngày 5 tháng 6 năm 1963*

8. QUY-CHẾ RIÊNG CHO NGẠCH QUẢN-THỦ VĂN-KHỐ VÀ THU-VIỆN.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã ký ngày 3-5-1963 nghị-định số 651-GD/PC/NĐ thiết-lập một ngạch Quản-Thu Văn-Khố và Thư-Viện, Ngạch này thuộc loại thường-trú.

Nhân-viên ngạch này có nhiệm-vụ :

(a) Phụ giúp các Giám-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện và nếu cần, sẽ thay thế các vị này trong công việc điều-khiển.

(b) Điều-khiển một Phòng Lưu-trữ Công-văn tại các Bộ, Nha hay 1 Phòng Lưu-trữ Công-văn tại các cơ-quan hành-chính địa-phương.

Sẽ áp-dụng cho nhân-viên ngạch Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện tất cả những điều-khoản của Quy-chế chung ấn-định trong Dự số 9 ngày 14-7-1950 sửa đổi bởi Dự số 16 ngày 1-6-1953, nhất là về thể-thức tuyển-bỏ, tập-sự, lương bổng, phụ-cấp, thăng-thưởng, kỷ-luật, v. v...

Nhân-viên ngạch Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện được tuyển-bỏ, thực-thụ, thăng thưởng hay đặt vào những tình-trạng dự liệu ở Điều 62 Quy-chế chung do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục với sự thỏa-hiệp Bộ phụ-trách Công-Vụ.

Đẳng-cấp và chỉ-số lương căn-bản ngạch Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện được ấn-định như sau :

Đẳng cấp	Hạng	Chỉ-số lương
Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện thượng-hạng ngoại-hạng	B	640
- - - - -	hạng nhất	600
- - - - -	hạng nhì	560
- - - - -	hạng ba	520
- - - - -	hạng tư	480
Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện	hạng nhất	440
- - - - -	hạng nhì	410
- - - - -	hạng ba	380
- - - - -	hạng tư	350
- - - - -	hạng năm hay tập-sự	320

Có thể tuyển-bỏ vào ngạch Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện :

1. Sau khi trúng-tuyển một kỳ thi nhập-ngạch :

Những thí-sinh có bằng Tú-Tài toàn-phần hay một văn bằng tương-đương.

2. Sau khi trúng-tuyển một kỳ thi chuyên-nghiệp :

(a) Những Thư-ký thiết-thợ các ngạch Trung-Uơng : có ít nhất 6 năm công-vụ tại các Thư-Viện công hoặc tại các Phòng Lưu-Trữ công, có bằng chuyên môn Văn-khố Hà-Nội hay chứng-chỉ tu-nghiệp về Thư-Viện và Văn-khố do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục hay Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh cấp, hoặc đã đi tu-nghiệp tại ngoại-quốc về khoa Thư-Viện hay Văn-Khố ;

(b) Những công-chức các ngạch Trung-đẳng (B-2 và B-3) có bằng Trung-Học Đệ nhất cấp hay một văn-bằng tương-đương, có ít nhất chỉ-số lương 300, có bằng chuyên-môn Văn-Khố Hà-Nội hay chứng-chỉ Tu-nghiệp nói ở Đoạn (a) hoặc đã đi tu-nghiệp tại ngoại-quốc về khoa Thư-Viện hay Văn-Khố.

Thể-thức và chương-trình những kỳ-thi nhập-ngạch và chuyên-nghiệp sẽ ấn-định sau do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục sau khi thỏa-hiệp với Bộ phụ-trách công-vụ.

Những thí-sinh nói ở Đoạn (1) Điều 5, nếu trúng-tuyển kỳ thi nhập-ngạch sẽ được bổ Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện tập-sự, chỉ số 320.

Những nhân-viên nói ở đoạn (2) Điều 5, nếu trúng-tuyển kỳ thi nhập-ngạch sẽ được bổ Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện vào trật có chỉ-số lương liền trên chỉ-số lương cũ nhưng sẽ mất hết thâm-niên trong ngạch cũ.

(a) Các Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện ngạch Văn-Khố và Thư-Viện Đông-Đương cũ, được đương-nhiên cải-bổ sang ngạch Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện, theo bảng sắp đổi dưới đây :

Ngạch cũ	Ngạch mới
Quản-thủ Văn-khố và Thư-viện ngạch Đông-Dương cũ	Quản-thủ Văn-khố và Thư-viện
Thượng-hạng hạng đặc-biệt	Thượng-hạng ngoại-hạng
Thượng-hạng ngoại hạng	Thượng-hạng hạng nhất
Thượng-hạng hạng nhất	Thượng-hạng hạng nhì
Thượng-hạng hạng nhì	Thượng-hạng hạng ba
Thượng-hạng hạng ba	Thượng hạng hạng tư
Hạng nhất	Hạng nhất
Hạng nhì	Hạng nhì
Hạng ba	Hạng ba
Hạng tư	Hạng ba
Hạng năm hay tập-sự	Hạng tư hay tập-sự (chỉ số 350)

(b) Các Tham-sự hành-chánh hoặc các ngạch tương-đương hiện đảm-nhiệm công việc của ngành Văn-Khố và Thư-Viện có bằng chuyên-môn Văn-Khố Hà-Nội hay chứng-chỉ tu-nghiệp do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục hoặc Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh cấp, nếu có đơn xin, sẽ được cải-bổ sang ngạch này.

Các đương-sự sẽ được xếp vào trật có chỉ-số lương tương-đương và được giữ nguyên thâm-niên trong ngạch trật cũ.

Các Quản-Thủ Văn-Khố và Thư-Viện tuyển-dụng theo khế-ước hay công-nhật, tại chức ngày mở kỳ thi nhập ngạch nói ở Điều 5 trên, có đủ điều-kiện cấp bằng, nếu dự kỳ thi này, sẽ được hưởng một số điểm tăng phụ là 1/40 tổng số điểm tối-đa cho mỗi năm đã làm việc, song không được quá 1/16 tổng số ấy. Mỗi năm khởi sự làm việc được kể là một năm trọn.

9. QUY-CHẾ RIÊNG CHO NGẠCH THỦ-THƯ VĂN-KHỐ VÀ THƯ-VIÊN VIỆT-NAM.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã ký ngày 3-5-1963 Nghị-định số 652/GD/PC/NĐ, ấn-định quy-chế riêng cho ngạch Thủ-Thư Văn-khố và Thư-viện. Ngạch này thuộc loại thường-trú.

Nhân-viên ngạch này có nhiệm-vụ phụ-tá nhân-viên hai ngạch Giám-Thủ và Quản-Thủ Văn-khố và Thư-viện cùng thừa-hành những công-việc thông-thường về Văn-khố và Thư-viện.

Sẽ áp-dụng cho nhân-viên ngạch Thủ-Thư văn-khố và Thư-viện tất cả những điều-khoản ấn-định trong Quy-chế chung do Dự số 9 ngày 14-7-1950, sửa đổi bởi Dự số 16 ngày 1-6-1953, nhất là về thể-thức tuyển-bổ, lương bổng, phụ-cấp, tập-sự, thiết-thụ, thăng-thưởng, kỷ-luật, v. v. . .

Ngoài ra, ngạch ấy sẽ tổ-chức theo những điều-lệ riêng quy-định sau đây:

Nhân-viên ngạch Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện sẽ được tuyển-bổ thiết-thộ, thăng-thưởng hoặc đặt vào những tình-trạng dự liệu ở Điều thứ 62 Quy-chế chung, do Nghị-định của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục với sự thỏa-hiệp của Bộ phụ-trách Công-vụ.

Đang-cấp và chỉ-số lương căn-bản ngạch Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện được ấn-định như sau :

Đ ă n g c ấ p	Hạng	Chỉ-số lương
Thủ-Thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng ngoại hạng	B	450
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng hạng nhất	-	420
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng hạng nhì	-	390
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng hạng ba	-	360
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng hạng tư	-	330
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện hạng nhất	-	300
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện hàng nhì	-	280
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện hạng ba	-	260
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện hạng tư	-	240
Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện hạng năm hay tập-sự	-	220

Các Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện thượng-hạng có thể được tạm-thời ủy-nhiệm chức-vụ Chủ-sự Phòng Văn-khố và Thư-viện Trung-ương hay Địa-phương, hoặc Chủ-sự Phòng Công-Văn và Lưu-trữ các Bộ sở-quan.

Ngoài những điều-kiện ghi ở Điều 22 của Quy-chế chung, muốn được tuyển-bổ vào ngạch này, các ứng-tuyển-viên phải có bằng Trung-học Đệ nhất cấp hoặc một bằng tương-đương và đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch.

Những người trúng tuyển kỳ thi nhập ngạch sẽ được bổ Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện tập-sự, chỉ số 220. Nếu có trên 4 năm công-vụ ngoại ngạch đồng loại, đương-sự sẽ được bổ vào trật hạng tư, chỉ-số lương 240.

Chương-trình kỳ thi sẽ do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục ấn-định với sự thỏa-hiệp của Bộ phụ-trách Công-vụ.

Điều-khoản chuyển tiếp :

Đề hợp thành ngạch Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện :

A. Sẽ được đương-nhiên cải-bổ sang ngạch này :

Các Thư-ký ngạch Văn-khố và Thư-viện cũ theo bảng sắp-đổi hợp dưới đây :

Ngạch cũ	Ngạch mới
Thư-ký Văn-khố và Thư-viện : thượng hạng ngoại hạng	Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện : thượng hạng ngoại hạng
- - - hạng 1	- - - hạng 1
- - - hạng 2	- - - hạng 2
- - - hạng 3	- - - hạng 3
- - - hạng 1	- - - hạng 4
- - - hạng 2	- - - hạng 1
- - - hạng 3	- - - hạng 2
- - - hạng 4	- - - hạng 3
- - - hạng 5	- - - hạng 4
- - - hạng 6	- - - Tập-sự
- - - Tập-sự	- - - Tập-sự

Các đương-sự được giữ thâm-niên ở ngạch cũ.

B. Các Thư-ký hành-chánh Trung-ương hoặc thuộc các ngạch tương-đương hiện đảm-nhiệm công-việc thuộc ngành Văn-khố và Thư-viện nếu có đơn xin sẽ được cải-bổ sang ngạch này.

Các đương-sự sẽ được xếp vào trật có chỉ-số lương tương-đương và được giữ nguyên thâm-niên trong ngạch trật cũ.

C. Các Thư-ký đánh máy Trung-ương từ trật hạng 4 trở lên có thể được cải sang ngạch này theo đơn xin, nếu có đủ những điều-kiện sau đây:

- o Đã phụ-trách công-việc thuộc ngành này trong thời-gian ít nhất là 2 năm, tính đến ngày 31-12-1959.
- o Có bằng Cao-đẳng Tiểu-học hay một bằng tương-đương và chứng-chỉ tu-nghiệp về môn lưu-trữ công-văn và thư-viện;
- o Được các cấp chỉ-huy đề-nghị có lý-do và Ủy-ban nói ở Điều 8 chấp-thuận.

Các đương-sự được xếp sang ngạch mới vào một trật có chỉ-số lương tương-đương với Chỉ-số lương cũ và giữ trọn thâm-niên ở ngạch cũ. Trong trường-hợp không có chỉ-số lương tương-đương, các đương-sự được xếp vào một trật có chỉ số lương liền trên chỉ-số cũ và mất hết thâm-niên ở ngạch cũ.

Những đơn xin cải-ngạch phải nộp theo hệ-thống hành-chánh trong hạn một tháng kể từ ngày Công-báo đăng Nghị-định này tới các Tòa Thị-Chính và Tỉnh-Trưởng.

Một Ủy-ban do Nghị-định Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục thành-lập sẽ phụ-trách việc xét đơn xin cải-ngạch và đề-nghị xếp các đương-sự vào ngạch mới theo điều-khoản 103 quy-chế chung.

Thành-phần của Ủy-ban gồm có:

Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục hay vị Đại-diện

Một Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh do ông

Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh đề cử

Đại-diện Nha Tổng Giám-Đốc Ngân-sách và Ngoại-viện

Đại-diện Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ

Một Giáo-sư Học-viện Quốc-gia Hành-Chính do ông

Viện-Trưởng Viện này đề-cử

Giám-Đốc Nha Văn-Khố và Thư-Viện Quốc-Gia

Một Viên-chức Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

(không có quyền biểu-quyết)

Chủ-Tịch

Hội-viên

-

-

-

-

-

Thư-ký

Những Thủ-thư Văn-khố và Thư-viện tuyển theo khế-ước hay công-nhật, đương tại chức, có đủ điều-kiện và cấp bằng, nếu dự kỳ thi nói ở Điều 5, sẽ được hưởng một số điểm tăng phụ là 1/40 tổng-số điểm tối-đa cho mỗi năm làm việc, song không quá 1/16 tổng-số ấy.

Nếu đã làm việc được 3 năm, họ sẽ được miễn điều-kiện về văn-bằng và chỉ được hưởng tăng điểm như trên bắt đầu từ năm làm việc thứ ba.

10. AN-ĐỊNH CÁC ĐIỀU-KHOẢN TỒ-CHỨC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÍNH.

Theo Nghị-định số 627-GD/PC/NĐ ngày 30-4-63 của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, Trường Cao-Đẳng Công-Chánh tại Trung-tâm Quốc-Gia Kỹ-thuật Phú-Thọ được tổ-chức theo những điều-khoản sau đây:

Trường Cao-Đẳng Công-Chánh có mục-dịch đào-tạo những Kỹ-sư và Cán-sự cho các ngành Công-Chánh Địa-Chánh và Địa-dư. Trường này gồm có 2 bậc:

Bậc Cao-Đẳng : hạn học 4 năm.

Bậc Trung-Đẳng : hạn học 3 năm.

Trường Cao-đẳng Công-chánh có một Giám-Đốc điều-khiển do Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục bổ-nhiệm.

Các điều-khoản về các Hội-đồng ấn-định do Nghị-định số 189-GD/PC/NĐ ngày 1-2-1961 về tổ-chức Trung-tâm Quốc-Gia Kỹ-thuật được áp-dụng cho trường Cao-Đẳng Công-Chánh.

Điều-kiện nhập học, thời-hạn học, thề-lệ các kỳ thi nhập học, lên lớp và mãn-khóa, và việc cấp phát văn-bằng ấn-định do Nghị-định số 5999-GD/NĐ ngày 21-4-1959 chung cho các trường Cao-Đẳng thuộc Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật được áp-dụng đối với Trường Cao-Đẳng Công-Chánh.

Sinh-viên bậc Cao-Đẳng và sinh-viên bậc Trung-đẳng Trường Cao-Đẳng Công-chánh có thể được cấp học-bằng theo thề-lệ hiện hành áp-dụng cho sinh-viên các trường Cao-đẳng và Trung-đẳng khác.

11. SỬA ĐỔI VỀ ĐỀ-NGHỊ AN-ĐỊNH THỀ-THỨC TRỢ CẤP CHO CÁC TRƯỜNG BÁN CÔNG.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa vừa ký Nghị-định số 387-GD bãi bỏ điều 5 Nghị-định số 599-TTP/NS ngày 24 tháng 2 năm 1956 ấn-định thề-thức trợ-cấp cho các trường bán công, và thay thế bằng điều-khoản như sau:

Điều 5 (mới). Tại Đô-Thành, mỗi Thành-phố hay Tỉnh có trường bán công, sẽ thành-lập một Hội-đồng phụ-trách xét đơn xin trợ cấp cho các trường này. Sau khi điều-tra tại chỗ từng trường một, Hội-đồng sẽ đề-nghị số tiền trợ cấp.

Thành-phần Hội-đồng gồm có:

Đô-Trưởng, hay Thị-Trưởng hoặc Tỉnh-Trưởng

Phó Đô-Trưởng hay Phó Tỉnh-Trưởng hoặc Tổng

Thư-ký Tòa Thị-Chính

Quản-đốc Bệnh-viện hay Thanh-tra Y-tế

Trưởng-Ty Công-Chánh

Chủ-Tịch

Phó Chủ-Tịch

Hội-viên

Trưởng-Ty Tiều-Học
 Hiệu-Trưởng trường Trung-học công-lập
 Chủ-sự Phòng Kế-toán Đô-Thành, Thành-phố hay Tỉnh
 Đề-nghị của Hội-đồng nói trên sẽ được gửi đến Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
 qua Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ.

Đề án-dịnh số tiền do Ngân-sách Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục trợ cấp, sẽ thành-lập tại Bộ này một Hội-đồng gồm có :

Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục
 Đại-diện Bộ Nội-Vụ
 Tổng Giám-Đốc Công-Vụ hay đại-diện
 Tôn Giám-Đốc Ngân-Sách và Ngoại-viện hay đại-diện
 Đồng-lý Văn-phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
 Tổng Thư-ký Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
 Tổng Giám-Đốc Trung, Tiều-học và Bình-dân Giáo-dục
 Giám-Đốc Nha Tư-thục và Bình-dân Giáo-dục
 Giám-Đốc Nha Đại-diện Giáo-dục Huế hay đại-diện
 Một Thanh-tra Tư-thục
 Chủ-sự Phòng Trung-học tại Nha Tư-thục

Chủ-Tịch
 Hội-viên

Thư-ký

12. CÓ 35.465 THÍ-SINH TÙ-TÀI PHẦN I KHÓA I (NGÀY 24-5-63).

Có 35.465 học-sinh ghi tên dự kỳ thi Tú-Tài phần I, khóa I mở vào ngày 24-5-63.

Riêng Trung-tâm Sài-gòn - Gia-Định có 20.751 thí-sinh, phân chia ra như sau :

Khoa-học thực-nhiệm	7.447 thí-sinh
Toán	10.158 thí-sinh
Văn-chương và Sinh-ngữ	3.146 thí-sinh.

Tại Nam-Phân có 27.228 thí-sinh, trong số có 2.987 thí-sinh ở Trung-tâm Mỹ-Tho và 3.490 ở Trung-tâm Cần-Thơ.

Tại Trung-Phân, có 8.237 thí-sinh :

Đà-Lạt	573 thí-sinh
Huế	2.654 -
Nha-Trang	2.254 -
Đà-Nẵng	1.546 -
Qui-Nhon	1.210 -

13. 14.008 THÍ-SINH TRÚNG TUYỀN KỶ THI TRUNG-HỌC ĐỆ-NHẤT-CẤP TẠI NAM-PHÂN.

Trong số 50.887 thí-sinh tham dự kỳ thi Trung-học đệ nhất-cấp tại Nam-phân, đã có 14.008 người trúng-tuyển hẳn.

Tại Sài-gòn, trong số 20.767 thí-sinh tại 9 Hội-đồng giám-khảo, có 6.362 người trúng-tuyển, tức 30,63 %.

Tại Gia-Định, trong số 7.527 thí-sinh tại 3 Hội-đồng giám-khảo, có 1.466 người trúng-tuyển, tức 19,47 %.

Tại các tỉnh khác ở Nam-phân, trong số 22.593 thí-sinh tại 17 Hội-đồng giám-khảo, có 6.180 người trúng-tuyển, tức khoảng 27 %.

14. NGÀY LỄ QUỐC-TẾ HỒNG-THẬP-TỰ TẠI SÀI-GÒN.

Ngày lễ Quốc-Tế Hồng-Thập-Tự đã cử-hành hồi 9 giờ sáng ngày 8-5-63 tại trụ-sở Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam, số 201 đường Hồng-Thập-Tự, dưới sự chủ tọa của ông Nguyễn-Văn-Thơ, Đồng-lý Văn-phòng, đại-diện ông Bộ-Trưởng Y-Tế.

Trong số các nhân-vật tới dự lễ, người ta nhận thấy có nhiều đại-diện các Nha Sở và các đoàn-thể.

Trong diễn-văn khai-mạc, Bác-sĩ Phạm-văn-Hạt, Chủ-Tịch Hội-Hồng-Thập-Tự Việt-Nam, nhấn mạnh rằng hằng năm các quốc-gia hội-viên Hồng-Thập-Tự Quốc-tế đều long-trong cử-hành ngày lễ Quốc-tế Hồng-Thập-Tự vào ngày 8-5 để kỷ-niệm sinh-nhật ông Henry Dunant, người đã khởi xướng lý-tưởng Hồng-Tự từ hơn 100 năm nay.

Bác-sĩ cho biết nhơn-dịp ngày Quốc-Tế Hồng-Thập-Tự, Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam quyết-dịnh phát-động liên-tục một chiến-dịch Hiến-Máu thường-xuyên mang danh là « Hiến-Máu Phụng-Sự Nhân-Loại » để quy-tụ những vị hảo-tâm vui lòng hy-sinh hiến máu và lần lần đi đến thành-lập Ngân-hàng Máu khi có đầy-đủ phương-tiện để cung-ứng cho nhu-cầu hiện-tại trong nước.

Bác-sĩ hồ-hào mọi người nên hiến máu và quả-quyết rằng hiến máu hoàn-toàn không hại cho sức khỏe. Ông cho biết tại tỉnh Định-Tường mới thành-lập dưới sự bảo-trợ của Phân-Bộ Hồng-Thập-Tự một Chi-hội « Những người hiến máu » gồm 40 hội-viên và ước mong rằng phong-trào sẽ lan rộng khắp nơi trong nước và một ngày gần đây sẽ thành-lập một Hội « Những người hiến máu » cho toàn-quốc.

Sau đó là lễ trao bằng danh-dự cho 15 vị tình-nguyên đầu tiên hiến máu gồm có ngoại-kiểu và đồng-bào thuộc mọi giới. Mỗi vị này tình-nguyên hiến 150 phân-khối huyết.

Các Nữ y-tá và Thanh-niên cấp-cứu của Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam đã tham-dự các công-tác cứu-trợ nạn-nhân hỏa-hoạn và chiến-dịch chích ngừa dịch-hạch vừa qua cũng đã được giới-thiệu với các quan-khách.

15. KIẾN-HÒA: MỞ KHÓA TU-NGHIỆP SU-PHẠM DÀNH CHO CÁC GIÁO-CHỨC.

Ty Tiểu-học Kiến-Hòa, sáng 6-5-63 đã khai-giảng khóa tu-nghiệp su-phạm nhân-dịp kỳ nghỉ hè năm 1963 dành cho 144 Hiệu-Trưởng và Trưởng-giáo các trường Tiểu-học và sơ-cấp trong tỉnh, tại trường nữ tiểu-học tỉnh-lỵ Trúc-Giang.

Trong diễn-văn khai-mạc khóa tu-nghiệp, ông Dương-Thành-Mậu, Trưởng-Ty Tiểu-học Kiến-Hòa đã nhấn mạnh đến tầm quan-trọng nhiệm-vụ của người giáo-chức dưới Chánh-thê Cộng-Hòa Nhân-vị và trình-bày chương-trình tổng-quát giáo-dục con em cùng những đức-tính gương-mẫu của nhà mô-phạm.

Khóa tu-nghiệp này tiếp-diễn trong 20 ngày. Chương-trình tu-nghiệp, ngoài vấn-đề chuyên-môn, các tu-nghiệp-viên còn được hướng-dẫn về lý-thuyết Quốc-sách Ấp Chiến-lược và chánh-sách chiêu-hồi của Chánh-phủ.

Người ta được biết, tỉnh Kiến-Hòa có 1.104 nam-nữ giáo-viên phụ trách 113 trường tiểu-học và sơ-cấp trong miền-học vừa qua, thu nhận 48.743 học-sinh.

16. THI-TUYỂN SINH-VIÊN NHẬP HỌC NĂM THỨ NHẤT HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH.

Theo nghị-định số 390-TTP/TTK ngày 7-5-63 của Tổng-Thống, một kỳ thi tuyển một trăm sinh-viên nhập học năm thứ nhất Ban Phê-Thông (khóa XI) Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, sẽ mở tại Sài-gòn và Huế vào ngày 10 tháng 7 năm 1963 và những ngày kế tiếp.

Những thí-sinh (nam và nữ) phải có đủ các điều-kiện ấn-định trong các điều 7 và 8 nghị-định số 483-PTT/TTK ngày 9 tháng 8 năm 1955 sửa đổi và bổ túc do nghị-định số 382-TTP/TTK ngày 30 tháng 8 năm 1957 thiết-lập và điều-hành Học-viện Quốc-gia Hành-chánh.

17. VINH-BÌNH: 380 GIÁO-VIÊN TIỂU-HỌC HƯỚNG-ỨNG QUỐC-SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC VÀ CHÍNH-SÁCH CHIÊU-HỒI VỀ CÔNG-TÁC TẠI 3 QUẬN TRÀ-ÔN, VŨNG-LIÊM, CÀNG-LONG.

380 giáo-viên tiểu-học công-tư-thực thuộc liên chi-hội giáo-giới tỉnh Vinh-Bình, sáng ngày 9-5, đã hướng-ứng quốc-sách ấp chiến-lược và chính-sách chiêu-hồi lên đường về công-tác tại 3 quận: Trà-Ôn, Vũng-Liêm và Càng-Long, nhân dịp kỳ nghỉ hè cuối niên-khóa 1962-1963. Số giáo-viên này chia thành 3 đoàn công-tác như sau: đoàn công-tác tại quận Trà-Ôn gồm 50 người, đoàn công-tác tại quận Vũng-Liêm 50 người và đoàn công-tác tại quận Càng-Long 280 người.

Được biết, trước khi lên đường phục-vụ quốc-sách ấp chiến-lược và chính-sách chiêu-hồi tại 3 quận nói trên, tất cả số giáo-viên trên đây đã được Ủy-ban đặc-trách ấp chiến-lược tỉnh và Ty Tiểu-học Vinh-Bình tổ-chức học-tập kỹ-lượng về các kế-hoạch thực-hiện quốc-sách ấp chiến-lược và chính-sách chiêu-hồi trong 6 ngày kể từ 3-5 cho đến ngày khởi hành.

18. PLEIKU: LỄ KHAI-GIẢNG KHÓA I TU-NGHIỆP SU-PHẠM HÈ 1963 DÀNH CHO GIÁO-CHỨC LIÊN-TỈNH PLEIKU - PHÚ-BỒN.

Lễ khai-giảng khóa I tu-nghiệp Su-phạm vào dịp hè 1963 dành cho 65 giáo-chức liên-tỉnh Pleiku - Phú-Bồn đã cử-hành vào sáng 10-5-63 tại trường tiểu-học ở thị-xã Pleiku, dưới sự chủ-tọa của Ông Trưởng-Ty Tiểu-Học Pleiku kiêm Giám-Đốc tu-nghiệp.

Chương-trình tu-nghiệp của khóa này tiếp-diễn trong 15 ngày, 75 giờ, gồm có các vấn-đề giáo-dục cộng-đồng, quốc-sách và chính-sách của chính-phủ cùng thực-tập các môn học phổ-thông và « Kỹ-thuật truyền-thụ, sinh-hoạt của giáo-chức tại thôn quê ».

Theo Ty Tiểu-Học Pleiku, sau khóa này, Ty này sẽ tiếp-tục mở thêm 2 khóa khác dành cho giáo-chức công-tư-thực của hai tỉnh Pleiku và Phú-Bồn. Khóa 2 sẽ khai-mạc vào ngày 1-6 và bế-giảng vào ngày 15-6-63 dành cho 64 giáo-chức. Khóa 3, khai-mạc ngày 22-6 và bế-giảng vào ngày 6-7-63 dành cho 65 giáo-chức công-tư-thực.

Được biết, riêng tỉnh Pleiku có 16 trường Tiểu-học, 24 trường sơ-cấp công-lập và 13 tư-thực tiểu-học cùng sơ-cấp.

19. BÌNH-THUẬN: MỞ LỚP ĐÀO-TẠO HIỆU-TRƯỞNG VÀ ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC PHỤ-TRÁCH CÁC TRƯỜNG SƠ-CẤP TẠI ẤP CHIẾN-LƯỢC THUỘC HAI TỈNH BÌNH-THUẬN VÀ NINH-THUẬN.

Ty Tiểu-học Bình-Thuận đã khai-giảng tại trường Nam Tiểu-học ở tỉnh lỵ Phan-Thiết vào sáng 13-5-63 lớp đào-tạo Hiệu-trưởng và Ủy-viên Giáo-dục phụ-trách các trường sơ-cấp tại Ấp chiến-lược thuộc hai tỉnh Bình-Thuận và Ninh-Thuận.

Lớp này, tiếp-diễn trong 2 tháng, dành cho 62 học-viên thuộc hai tỉnh nói trên. Trong thời-gian theo học lớp này, các học-viên được sống theo chế-độ nội trú. Riêng số học-viên Hiệu-Trưởng chỉ thụ-huấn lớp này trong 1 tháng.

Chương-trình học-tập, ngoài vấn-đề chuyên-môn, các học-viên còn được hướng-dẫn học-tập thêm về chánh-trị, văn-hóa và y-tế. Sau khi tốt nghiệp, các học-viên được tuyển-dụng thực-thụ và được hưởng thù-lao mỗi tháng 800đ do Quỹ Viện-trợ Mỹ đài thọ.

20. HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN PHÁT CHƯNG CHỈ VĂN-BẰNG TIÊU-HỌC CHO HỌC-VIÊN TRƯNG TUYỀN.

Chiều 11-5-63, hội Văn-hóa Bình-Dân đã tổ-chức tại trụ-sở số 7, đường Phan-Kê-Bình, một buổi liên-hoan nhân dịp hội-viên của Hội đấu bằng Tiêu-học khóa ngày 15-4-1963.

Tới dự buổi liên-hoan, có ông bà Bùi-Kiến-Thành, Hội-Trưởng Hội Văn-Hóa Bình-Dân, ông Vũ-Đức-Chang, Giám-Đốc Nha Tư-Thực và Bình-dân Giáo-dục, cùng một số đồng giảng-viên và học-viên của hội.

Trong dịp này, ông Trưởng-ban tráng-niên giáo-dục của Hội Văn-Hóa Bình-Dân đã cho biết chương-trình giảng dạy của ngành tráng-niên giáo-dục Hội Văn-hóa Bình-dân gồm có:

- Cáo lớp thi Tiêu-học: từ vỡ lòng (chống nạn thất học) đến lớp luyện thi bằng Tiêu-học.
- Các lớp phổ-thông Việt-Ngữ.
- Các lớp tiếp-liên (thất và lục).
- Các lớp chuyên-nghiệp (cắt may).

Trong 8 năm hoạt-động, kể từ ngày 15-8-1955 đến nay, Hội đã mở được 23 khóa, mỗi khóa 3 tháng và thành-lập được 1.561 lớp. Số học-viên trong các lớp này là 66.002 người. Trong số học-viên kể trên có 4.064 người đấu bằng Tiêu-học, 21.386 người thoát nạn mù chữ, 38.446 người theo học các lớp bổ-túc và 2.106 người tốt nghiệp lớp cắt may.

Ngoài ra, Hội đã xuất-bản: 50.000 cuốn vỡ lòng theo phương-pháp O-Cờ-Ôc.

Từ con số 47 lớp với hơn một ngàn học-viên của khóa thứ nhất hiện nay trung-bình mỗi khóa mở 80 lớp tại Trung-tâm tráng-niên giáo-dục và có thể thu-nhận được hơn 3.000 học-viên.

Sự tiến-triển khả-quan đã biến-chuyển theo từng thời-kỳ và có thể chia ra làm 3 giai-đoạn.

Giai-đoạn thứ nhất: từ 1955 đến 1957. Mở những lớp chống nạn thất học và các lớp bổ-túc văn-hóa cho những người mới biết đọc biết viết.

Giai-đoạn thứ hai: từ 1957 đến 1960. Mở thêm những lớp nhĩ và nhất theo lời yêu-cầu của các anh em chị em tư-chức quân-nhân và thợ-thuyền đã từng theo học các lớp dưới.

Cũng trong thời-gian trên, Hội còn mở thêm các lớp dạy cắt may để giúp chị em phụ-nữ có phương-tiện học thêm một nghề hữu-dụng.

Giai-đoạn thứ ba: từ 1960 đến nay.

21. PHÁI-BỘ U.S.O.M GIÚP-ĐỠ NGÀNH TIÊU-HỌC PHÚ-YÊN.

Sau khi thỏa-hiệp với Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ USOM đã cấp cho Ty Tiêu-học Phú-Yên một ngân-khoản 2.100.000\$ để xây cất 42 phòng học tại Ấp Chiến-lược đã hoàn-thành.

Trong vụ Hè 1963 này, USOM cũng giúp cho Ty Tiêu-học Phú-Yên mở một khóa đào-tạo Ủy-viên Giáo-dục Ấp Chiến-lược. Số Ủy-viên Giáo-dục được tuyển là 28 người, họ sẽ được huấn-luyện trong thời-gian 3 tháng.

Ngoài ra, Phái-bộ USOM còn cấp học-phẩm (sách vở, giấy bút...) cho 2.100 học-sinh nghèo trong tỉnh để giúp các em có phương-tiện theo học tại các trường trong Ấp Chiến-lược.

22. NHA TIÊU-HỌC NAM-PHẦN TÔ-CHỨC TRẠI HÈ DÀNH CHO HỌC-SINH CÁC TỈNH NAM-PHẦN Ở VŨNG-TÀU.

Nhà Tiêu-học Nam-phần thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã tổ-chức trại hè năm 1963 tại Vũng-Tàu (Phước-Tuy) dành cho nam nữ học-sinh các trường tiêu-học công-lập và tư-thực ở các tỉnh Nam-Phần. Trại Hè này gồm có hai đợt, đợt đầu từ 12 đến 21-5-63 dành cho 200 nam-sinh và đợt nhì từ 22-5-63 đến 31-5-63, dành cho 200 nữ-sinh, của 25 tỉnh ở Nam-Phần.

Các học-sinh được tuyển chọn tham-dự trại hè này đều là những học-sinh ưu-tú, tánh-hạnh tốt, gia-đình nghèo, kém sức khỏe, và được Bộ Quốc-gia Giáo-dục đài-thọ mọi phí-khoản về di-chuyển, ăn và ở.

Đợt đầu của Trại hè nói trên đã khai-mạc tại sân Trại hè học-sinh toàn-quốc ở số 2 đường Trần-Hưng-Đạo, Quận-ly Vũng-Tàu, vào sáng 16-5-63, trước sự hiện-diện của ông Phó Quận-Trưởng, đại-diện ông Quận-Trưởng Vũng-Tàu, ông Nguyễn-Thành-Dợt, Thanh-tra Tiêu-học Bình-Hòa, Trại Trường, cùng Ban hướng-dẫn và Ban huấn-luyện gồm trên 20 nam giáo-viên.

23. LONG-AN: LỄ BẾ-GIẢNG KHÓA 7 ĐÀO-TẠO GIÁO-VIÊN CỘNG-ĐỒNG TẠI TRUNG-TÂM GIÁO-DỤC CĂN-BẢN TOÀN-QUỐC.

Trung-tâm giáo-dục căn-bản toàn-quốc tại xã Khánh-Hậu, quận Thủ-Thừa (Long-An), sáng 18-5-63, đã cử-hành lễ bế-giảng khóa 7 đào-tạo giáo-viên cộng-đồng. Khóa này có 100 giáo-sinh, trong số có 40 nữ giáo-sinh đều được tốt-nghiệp.

Người ta được biết, Trung-tâm giáo-dục căn-bản toàn-quốc, được thiết-lập tại Khánh-Hậu (Long-An) từ năm 1957 đến nay, đã đào-tạo được 500 giáo-sinh cộng-đồng, trong số có 200 nữ giáo-sinh, qua 7 khóa. Từ năm 1957 đến 1960, số giáo-sinh được tuyển vào mỗi khóa hàng năm là 50 người (20 nữ) nhưng từ năm 1961 đến năm 1963, số giáo-sinh đã được tuyển vào gấp đôi mỗi khóa hàng năm 100 người (40 nữ).

Nguồn tin thông-thạo cho hay, Trung-tâm giáo-dục căn-bản toàn-quốc ở Khánh-Hậu sẽ mở kỳ thi tuyển giáo-sinh nhập học khóa 8 niên-khóa 1963-1964 vào ngày 19-7-1963. Số giáo-sinh dự tuyển có lẽ vẫn giữ mức như khóa 7 là 100 người.

24. AN-GIANG : MỞ KHÓA TU-NGHIỆP SƯ-PHẠM VÀO DỊP HÈ 1963 DÀNH CHO CÁC GIÁO-CHỨC.

Sáng 20-5-63, Ty Tiểu-học An-Giang đã khai-giảng tại phòng khánh-tiết ở khu học-đường tỉnh-ly Long-Xuyên khóa tu-nghiệp sư-phạm vào dịp hè 1963 dành cho 200 giáo-viên tiểu-học tập-sự. Buổi lễ khai giảng đặt dưới quyền chủ-tọa của Trung-tá Nguyễn-Văn-Minh, Tỉnh-trưởng An-Giang. Chương-trình của khóa tu-nghiệp này tiếp-diễn trong 3 tuần lễ, ngoài phần sư-phạm lý-thuyết cũng như về sư-phạm thực-hành, còn dành một phần quan-trọng giúp các giáo-viên thấu-triệt đường lối giáo-dục tân-tiến, hoạch-định sát với chánh-sách cộng-đồng đồng-tiến của Chánh-phủ.

Người ta được biết tỉnh An-Giang có 1.226 nam-nữ giáo-viên phụ-trách 216 trường tiểu-học và sơ-cấp trong niên-học vừa qua, thu-nhận 74.201 học-sinh.

25. TRƯỜNG ĐẠI-HỌC DƯỢC-KHOA SÀI-GÒN MỚI CÓ THÊM MỘT THÍNH- ĐƯỜNG VÀ MỘT PHÒNG THÍ-NGHIỆM HÓA-HỌC.

Trường Đại-học Dược-khoa Sài-gòn mới có thêm một thính-đường 500 chỗ ngồi và một phòng thí-nghiệm hóa-học.

Chiều qua, ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục và ông Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn đã tới trường Đại-học Dược-khoa, để quan-sát các công-tác xây cất hai cơ-sở nói trên.

Việc xây-cất thính-đường tốn-phí 600.000\$ do một nhóm Dược-sư tặng, còn việc thiết-lập phòng thí-nghiệm hóa-học tốn-phí 1.500.000\$ do ngân-sách quốc-gia đài-thọ. Phòng Thí-nghiệm này dùng để cho các sinh-viên thực-tập và các Giáo-sư khảo-cứu.

Xin nhắc lại rằng trường Đại-học Dược-khoa Sài-gòn đã được Kế-hoạch Colombo viện trợ về niên-khóa 1962-63, các dụng-cụ và máy móc trang-bị khoa-học trị giá 2 triệu đồng.

26. BẢ HOÀN-TẤT CÔNG-TÁC XÂY CẤT TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC VÀ KỊCH-NGHỆ HUẾ TÔNG-PHÍ TRÊN 1.690.000 ĐỒNG.

Tỉnh Thừa-Thiên vừa hoàn-tất công-tác xây-cất trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ, tại Đại Hội thuộc quận Thành-Nội (Huế). Tổng-phí xây-cất trường này lên đến 1.690.799 \$ 00 do ngân-sách ngoại-viện đài-thọ.

Trường nguyên là nhà Duyệt-Thị cũ được phá đi xây cất lại dài 60 thước, rộng 25 thước, gồm có 5 phòng, 1 phòng học dành cho giáo-sư và một thính-phòng 200 chỗ ngồi cho học-viên.

Hiện nay, Ty Kiến-thiết thành-phố Huế đang trang-bị bàn ghế và đặt hệ-thống điện-khí cho nhà trường trước khi hoàn trường cho Ban Giám-Đốc nhà trường vào cuối tháng 5-63 tới đây.

Được biết, công-tác xây cất trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ Huế được khởi công đầu tháng 7-62.

27. NĂM ĐÊM TRÌNH-DIỄN "VĂN-NGHỆ ẤP CHIẾN-LƯỢC" TẠI THỦ-ĐÔ CỦA CÁC LIÊN-TỈNH TRONG TOÀN-QUỐC.

Từ tháng 6 năm 1962, ngành thông-tin đã tổ-chức từ cấp thôn xã trở lên, những cuộc thi đua văn-nghệ, mệnh danh là "Văn-nghệ Ấp Chiến-lược".

Cuộc thi đua này đã tuần tự tiếp-diễn qua bốn đợt :

Đợt 1 : cấp thôn, ấp, làng xã

Đợt 2 : cấp quận

Đợt 3 : cấp tỉnh

Đợt 4 : cấp liên-tỉnh.

Và 5 đêm từ 20 đến 24-5-1963 là đợt chung-kết giữa các liên-tỉnh tại Thủ-đô (rạp Quốc-Thanh, đường Võ-Tánh). Các tổ-chức địa-phương cũng như ban tổ-chức trung-tương đều ghi nhận trọng bốn đợt vừa qua khắp toàn-quốc một tinh-thần thi đua hào-hứng đã chứng tỏ sự tham-gia nhiệt-liệt của mọi tầng lớp dân-chúng đối với Quốc-sách Ấp Chiến-Lược.

Văn-Hóa-Vụ Trường đã giải-thích "Văn-nghệ Ấp Chiến-Lược" có mục-dịch cổ-động cho phong-trào xây-dựng Ấp Chiến-Lược, đồng thời nêu cao thành-quả của Quốc-sách ấy. Văn-nghệ Ấp Chiến-Lược là một phong-trào của nhân-dân, do nhân-dân làm và làm cho nhân-dân.

Đợt chung-kết giữa các liên-tỉnh tại Thủ-đô được chia ra như sau :

Đêm 20-5-63, do Liên-tỉnh Gia-Định, Đô-thành Sài-gòn, Mỹ-Tho và Long-An cùng liên-tỉnh Tây-Ninh, Đà-Lạt, Tuyên-Đức và Lâm-Đông trình diễn. Buổi văn-nghệ này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ, Tổng-thơ-ký Ủy-Ban Liên bộ Đặc-trách Ấp Chiến-lược.

Đêm 21-5-63, do liên-tỉnh Vinh-Long, Vinh-Bình, Kiến-Phong và Kiến-Hòa cùng liên-tỉnh An-Xuyên và Ba-Xuyên trình diễn. Đêm Văn-nghệ này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Công-Dân Vụ.

Đêm 22-5-63, do liên-tỉnh Bình-Định và Quảng-Ngãi cùng liên-tỉnh Khánh-Hòa, Ninh-Thuận và Bình-Thuận trình-diễn. Đêm Văn-ngệ này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Tổng Giám-Đốc Thông-Tin.

Đêm 23-5-63, do liên-tỉnh Darlac, Kontum và Quảng-Đức và liên-tỉnh Biên-Hòa, Bình-Tuy, Phước-Tuy, Long-Khánh, Bình-Dương trình-diễn. Đêm này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Tổng Giám-Đốc Thanh-niên.

Đêm 24-5-63 do liên-tỉnh Thừa-Thiên, Đà-Nẵng, Quảng-Trị, Quảng-Tin và liên-tỉnh Phong-Dinh, An-Giang, Kiên-Giang trình-diễn. Đêm này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Tổng Đoàn-trưởng Công-Dân-Vũ.

Các liên-tỉnh trình-diễn các màn hợp ca, đơn ca, vũ-khúc, cđ nhạc, kịch v.v...

Về giải thưởng có một giải nhất 20.000 đồng cho liên-tỉnh nào xuất sắc nhất, một giải nhì 15.000 đồng và một giải ba 10.000 đồng.

Ngoài ra, còn có 8 giải khuyến-khích, mỗi giải 5.000 đồng và tuyên-dương danh-dự cho các bộ-môn: Kịch, Vũ và Nhạc (hợp ca) nam nữ diễn viên kịch xuất sắc nhất, vũ công, đơn ca tân, cđ nhạc.

Người ta được biết có 383 người của 11 liên-tỉnh về Thủ-đô tham dự cuộc thi đua Văn-ngệ Ấp Chiến-lược này.

28. CHƯƠNG TRÌNH DẠY ANH-NGỮ SEAREP CHẤM DỨT VÀO THÁNG SÁU 1963.

Chương-trình giảng dạy Anh-ngữ tại các nước trong vùng Đông-Nam-Á (The South East Asia Regional English Project — SEAREP) hoạt-động tại Việt-Nam từ 5 năm nay, đã chấm dứt vào tháng sáu 1963, theo lời tuyên-bố mới đây của ông Gerald Sanders, người có trách-nhiệm điều-khiển chương-trình này tại Việt-Nam từ năm 1962.

Chương-trình SEAREP khởi sự đồng thời tại Việt-Nam, Thái-Lan và Ai-Lao vào năm 1958, sau khi một bản khế-uớc được ký kết giữa Chính-Phủ Hoa-Kỳ và Viện Đại-Học Michigan.

Riêng tại Việt-Nam, trọng-tâm công-tác của chương-trình SEAREP là đào-tạo các giáo-sư Anh-ngữ tại trường Quốc-gia Sư-phạm và xuất-bản sách học, mở các kỳ thi Anh-ngữ cho các sinh-viên Việt-Nam. Đồng thời chương-trình SEAREP cũng đóng vai cố-vấn về môn dạy Anh-ngữ cho các cơ-quan văn-hóa khác như các trường Trung-Học, Hội Việt-Mỹ, trường Đại-học Quân-sự Đà-Lạt và Viện Đại-học Huế.

Chương-trình SEAREP cũng đã cử hai sinh-viên là các ông Nguyễn-Đặng-Liêm và Đỗ-Đình-Tuấn qua du-học tại Đại-học-đường Michigan. Sau khi đậu bằng M. A. về Anh-ngữ, ông Tuấn hiện dạy tại trường Trung-học Nguyễn-Trãi

và ông Liêm giúp chương-trình SEAREP soạn-thảo những cuốn sách dạy Anh-ngữ. Cho tới nay, chương-trình SEAREP đã xuất-bản được 3 cuốn sách cho các sinh-viên Việt-Nam sử-dụng.

Trong 5 năm trời hoạt-động, chương-trình SEAREP đã hợp-tác chặt-chẽ với Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Mỹ USOM, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Phái-đoàn Văn-hóa Pháp, Hội-đồng Văn-hóa Anh và Kế-hoạch Colombo, để trao đổi tài-liệu, soạn-thảo những chương-trình giảng dạy.

Tính đến nay, khoảng 5.000 cuốn sách do chương-trình SEAREP xuất-bản đã được cấp phát cho các giáo-sư, sinh-viên và các thư-viện tại Việt-Nam. Nhiều sinh-viên Việt-Nam cũng đã có cái may-mắn được học Anh-ngữ trực-tiếp với các giáo-sư của chương-trình SEAREP. Cho tới nay, cả thầy có 5 người giúp việc trong chương-trình SEAREP nhưng 4 người đã lần-lượt ra về khi thấy chương-trình sắp-sửa hết hạn.

Ông Sanders từ Thái-Lan tới Việt-Nam hồi tháng 9 năm 1962. Tại Hoa-Kỳ, ông là giáo-sư Anh-ngữ tại Viện Đại-học Michigan và Viện Đại-học Quốc-gia Wayne.

29. HỘI VIỆT-MỸ MỞ KHÓA HỘI-THẢO NGHIÊN-CỨU.

Một khóa hội-thảo nghiên-cứu do Sứ-quán Hoa-Kỳ bảo-trợ đã mở trong hai ngày 18 và 19-5-1963 tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ số 55 đường Mạc-Đình-Chi Sài-gòn.

Nhân dịp này, ông John Hoskins, Cố-vấn Pháp-lý của Cơ-quan Viện-trợ Mỹ USOM đã trình-bày về vấn-đề bầu-cử tại các Tiểu-bang Hợp-Chúng-Quốc và ông Herbert Walther, thuộc Ban Giáo-dục Cơ-quan Viện-trợ Mỹ USOM đã so-sánh các hệ-thống giáo-dục.

Khoảng 30 người thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Quốc-Hội, Viện Đại-học Sài-gòn, Cơ-quan Viện-trợ Mỹ USOM, Phòng Thông-Tin Hoa-Kỳ, Hội Việt-Mỹ, các trường Trung-học công và tư ở Sài-gòn cùng xí-nghiệp thương-mại đã tham-dự khóa Hội-thảo này.

30. KHÓA HỘI-THẢO MÙA HÈ 1963 VỀ SINH-HOẠT HOA-KỲ.

Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ cho biết Tòa Đại-Sứ Hoa-Kỳ sẽ bảo-trợ việc tổ-chức lần thứ 3 tại Đà-Lạt khóa hội-thảo thường-niên nhóm vào dịp mùa hè trong tuần lễ từ 30 tháng 6 đến mồng 7 tháng 7, nhằm nghiên-cứu về Hợp-Chúng-Quốc Hoa-Kỳ.

Theo chương-trình dự-định thì 3 giáo-sư Hoa-Kỳ hiện đang viếng thăm các quốc-gia Á-Châu, có thể đến Việt-Nam để điều-khiển chương-trình hội-thảo nói trên.

Thành-phần các dự-thỉnh-viên khóa hội-thảo gồm có những giáo-sư phụ-trách Anh-ngữ và môn lịch-sử văn-minh Hoa-Kỳ tại các Trường Trung-Học, cùng những sinh-viên vừa tốt-nghiệp Đại-Học Sư-Phạm, là những giáo-sư ra trường dạy học lần đầu tiên trong niên-khóa tới đây.

Khóa hội-thảo sẽ dùng toàn Anh-ngữ, nên ai muốn tham-dự cần phải có một trình-độ cao về am hiểu cũng như đàm-thoại bằng Anh-ngữ. Ưu-tiên sẽ dành cho những giáo-sư đang dạy hoặc sẽ dạy ở các trường tỉnh.

31. VIỆT-NAM VÀ PHÁP TRAO ĐỔI CÔNG-HÀM, CHẤM DỨT CÁC HOẠT-ĐỘNG CỦA TRƯỜNG VIỄN-ĐÔNG BÁC-CỒ.

Sáng 22-5-63, Ngoại-Trưởng Vũ-Văn-Mẫu và ông Roger Lalouette, Đại-sứ Pháp tại Việt-Nam đã trao đổi công-hàm, chấm-dứt các hoạt-động của trường Viễn-Đông Bác-Cồ Pháp dưới hình-thức hiện nay, trên toàn-thể lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Các tài-sản sở-hữu của Trường Viễn-Đông Bác-Cồ, tọa lạc trên lãnh-thổ Việt-Nam sẽ được chuyển giao cho Chính-phủ Việt-Nam, theo đúng các điều-khoản của thỏa-hiệp ngày 24-3-1960. Các tài-sản ấy gồm có các bất-động-sản là một biệt-thự, ở số 37, đường Trương-Minh-Ký, Sài-gòn, một miếng đất trên đường đi Prenn ở Đà-Lạt trước có một nhà nghỉ bằng cây nhưng tòa nhà này đã bị thiêu hủy trong một trận hỏa tai trước đây, một bảo-tàng-viện ở Đà-Nẵng và một thửa đất với biệt-thự và nhà phụ-thuộc trên đường Nam-Giao ở Huế; và các động-sản là các sản-phẩm mỹ-thuật, sách vở, tài-liệu, phim ảnh cực-vi chụp tài-liệu và đồ-đạc.

Theo các công-hàm trao đổi sáng 22-5-62, nhà cầm-quyền Việt-Nam sẽ cho phép các nhân-viên trường Viễn-Đông Bác-Cồ đến tiếp-tục các cuộc khảo-cứu trên lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa, trong một tinh-thần hợp-tác với Viện Khảo-cổ Quốc-gia Việt-Nam. Trên phương-diện khoa-học, kỹ-thuật và tài-chánh, các nhà khảo-cổ được chấp-nhận vẫn là các nhân-viên của Trường Viễn-Đông Bác-Cồ, và với tư-cách đó, đặt dưới quyền của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, và dưới sự kiểm-soát của « Académie des Inscriptions et Belles Lettres ».

Các công-hàm nói trên còn dự-liệu rằng một Trung-tâm Sưu-tầm Cổ-tích sẽ có thể được thiết-lập tại Việt-Nam và quy-chế của Trung-tâm sẽ được ấn-dịnh bằng một thỏa-hiệp chung giữa các đại-diện của hai Chính-phủ Việt và Pháp.

Trường Viễn-Đông Bác-Cồ của Pháp đã được thành-lập ở Hà-Nội năm 1898. Từ năm 1901, Trường này ấn hành một tập-san định-kỳ gọi là « Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient », đăng nhiều bài có giá-trị về nền văn-minh Đông-Phương; việc ấn-hành tập-san này chẳng may bị gián-đoạn trong thời-chiến.

Trường Viễn-Đông Bác-Cồ có nhiều tài-liệu quan-trọng về các nền văn-minh của các quốc-gia Viễn-Đông tại Thư-viện Hà Nội, và một Bảo-tàng-viện lớn: Viện Bảo-tàng Louis Finot ở Hà-Nội.

Theo Hiệp-dịnh Genève năm 1954, một chi-nhánh của trường Viễn-Đông Bác-Cồ đã được thiết-lập tại tòa nhà số 37 đường Trương-Minh-Ký Sài-gòn và người ta đã đem được vào Sài-gòn lối 800 cuốn vi-phim chụp các bản-thảo phần lớn là Hán-tự.

32. VỀ KỶ THI NHẬP HỌC LỚP DỰ-BỊ Y-KHOA TẠI VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ (NIÊN-HỌC 63-64).

Viện Đại-học Huế sẽ mở một kỳ thi-tuyển 100 sinh-viên nhập học lớp Dự-bị Y-khoa tại trường Đại-học Khoa-học Huế (khách-sạn Morin cũ) vào khoảng trung-tuần tháng 8-63 (ngày chính-thức sẽ được loan báo sau).

Điều-kiện dự-thi: Các ứng-tuyển phải có bằng Tú-tài toàn-phần hay một văn-bằng tương-đương về học-vụ. Hồ-sơ xin dự thi phải nộp tại Phòng Học-vụ Viện Đại-học (số 3 đường Lê-Lợi Huệ) trước ngày 15-7-63, gồm có đơn xin dự-thi (có mẫu in sẵn), một bản sao văn-bằng Tú-tài I và 2 (phải xuất-trình bản-chính để kiểm-soát), một giấy khai-sinh hợp-lệ và 1 ảnh 4x6.

Các bài thi gồm có bài khảo về Văn-hóa, bài khảo về Toán, bài khảo về Khoa-học và bài khảo về Sinh-ngữ.

Các thí-sinh đậu Tú-tài toàn phần kỳ hai, niên học 62-63 có thể nộp hồ-sơ trễ nhất trước ngày 31-7-63. Muốn biết thêm chi-tiết về kỳ thi, xin hỏi Phòng Học-vụ Viện Đại-học Huế, số 3 đường Lê-Lợi.

33. TÍNH TRUNG-BÌNH, KHOẢNG 28% THI-SINH GỐC HOA Ở ĐÔ-THÀNH TRÚNG TUYỂN TRONG KỶ THI TRUNG-HỌC ĐỆ-NHẤT-CẤP NĂM NAY.

Trong kỳ thi Trung-học Đệ-nhất-cấp năm nay, 28% thí-sinh gốc Hoa ở Đô-Thành đã trúng-tuyển trong số khoảng 300 học-sinh ghi tên dự thi (năm 1961 có khoảng 100 và năm 1962 chừng 250 học-sinh gốc Hoa đã ghi tên dự các kỳ thi Trung-học Đệ-nhất-cấp). Số thí-sinh nói trên thuộc 7 trường trong số các Tư-thục Trung-học dạy học-sinh gốc Hoa tại Đô-thành. Riêng trường Thủ-Khoa Huân, sĩ-số gốc Hoa chiếm 2/3 toàn-thể số học-sinh trúng tuyển hay ghi tên dự kỳ thi Trung-học năm nay.

Dưới đây là vài con số sưu-tập được về số học-sinh gốc Hoa thuộc 7 trường Trung-học Đệ-nhất-cấp:

Tên trường	Số học-sinh ghi tên	Số học-sinh trúng tuyển	Tỷ-lệ đỗ
Minh-Viễn (Thái-Bình)			
Dương Tự-Do)	31	8	25%

Tri-Dung	71	10	14%
Bác-Ái Học-viện	35	15	42%
Thủ-Khoa Huấn	134	55	41%
Viễn-Đông	38	11	29%
Việt-Tứ	8	1	12%
Chấn-Trung	24	9	37%

34. CAN-NHÂN Ở CÁC TRUNG-TÂM CẢI-HUẤN ĐƯỢC DỰ THI TIÊU-HỌC VÀ TRUNG-HỌC ĐỆ NHẤT-CẤP.

Trong kỳ thi Tiêu-học vừa qua (15-4-63), tại 25 Trung-tâm Cải-Huấn trong toàn-quốc có 443 can-phạm dự thi. Kết-quả 406 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Trong kỳ thi Trung-học Đệ-nhất-cấp tại hai Trung-tâm Cải-Huấn Sài-gòn (Chi-Hòa) và Phú-Lợi có 30 can-phạm dự-thi và 5 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Với chính-sách Cải-Huấn hiện nay của Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, các Trung-tâm Cải-Huấn không còn là những hỏa-ngục tiêu-hao thể-xác và tinh-thần của các phạm-nhân như trước.

Tại các Trung-tâm Cải-Huấn, những thường-phạm đều được học-tập về công-dân giáo-dục gây ý-thức để họ được ăn-năn hối cải đồng-thời phát-khởi lòng tự-giác để cho khi vào Trung-tâm họ là một can-nhân, khi ra khỏi Trung-tâm, họ là một công-dân.

Đối với những chánh-trị-phạm bị Cộng-sản mê hoặc, Trung-tâm Cải-Huấn là nơi hướng-dẫn họ theo chánh-nghĩa Quốc-gia để đá-phá tư-tưởng sai-lầm hầu xây-dựng tư-tưởng mới lấy Nhân-Vị làm phương-châm, biến các can-phạm khi vào Trung-tâm là thù, khi rời Trung-tâm là bạn. Người mù chữ được học chữ. Người chưa biết nghề được học nghề. Còn những người biết đọc biết viết được bồi-túc văn-hóa từ trình-độ Tiêu-học đến trình-độ Trung-học.

35. LỄ KHÁNH-THÀNH PHÒNG THÍ-NHIỆM Y-HỌC PHÒNG-CHỨNG CỦA Y-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN.

Nhận thấy Y-học Phòng-chứng rất quan-hệ nên từ năm 1961, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã đồng-ý với Phân-bộ Y-tế của Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ, trong khi chờ đợi xây cất Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa, phải thiết-lập một phòng thí-nghiệm để cho bộ-môn ấy có thể được giảng dạy không những về lý-thuyết mà cả về thực-tập. Phòng thí-nghiệm ấy tọa-lạc tại 131 đường Nhân-Vị, đã khởi-công năm 1962 và hoàn-thành vào tháng giêng 1963, với tôn-phi là 1.600.000 đồng bạc, do Viện-trợ Mỹ đài-tho.

Lễ khánh-thành Phòng thí-nghiệm đã cử-hành sáng 27-5-63 dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Tham-dự buổi lễ, người ta nhận thấy nhiều nhân-vật Thủ-đó, trong số có giáo-sư Lê-Văn-Thới, Viện-trưởng Viện-Đại-học Sài-gòn, các ông Joseph L. Brent, Giám-đốc Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Willard Boynton, Trưởng-ban Y-tế trong Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Robin, Cố-vấn Văn-hóa tại Sứ-quán Pháp, các vị Khoa-trưởng Đại-học và giáo-sư Đại-học Y-khoa Sài-gòn.

Nhân-dịp này, giáo-sư Phạm-Biểu-Tâm, Khoa-trưởng trường Đại-học Y-khoa Sài-gòn, và ông Jacques May, Trưởng-phòng Y-học phòng-chứng tại Trường Đại-học Y-khoa, đã trình-bày với ông Bộ-trưởng các máy-móc trong phòng thí-nghiệm.

Nhiều dụng-cụ tinh-vi để giảng dạy sinh-viên tại giá 85.000 Mỹ-kim đã trang-bị phòng thí-nghiệm và những buổi giảng tập có thể bắt đầu vào kỳ nhập học tháng 8 sắp đến.

3 Giáo-sư Mỹ là Bác-sĩ J. May ở Đại-học Columbia, Nữ-u.Ước, bác-sĩ David Weinman ở Đại-học Yale và bác-sĩ Pierre Arquembourg ở Đại-học Tulane sẽ phụ-trách phòng thí-nghiệm ấy với một số bác-sĩ tháng 7 tới. Mỗi vị đều làm việc ít nhất là 2 năm và tiếp-tục phục-vụ từng 2 năm một.

36. QUẢNG-NGÃI : LỄ KHAI GIẢNG KHÓA HUẤN-LUYỆN ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC ÁP CHIẾN-LƯỢC.

Ông Nguyễn-văn-Tất, Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi, sáng 27-5-63, đã chủ-tọa lễ khai-giảng khóa huấn-luyện Ủy-viên Giáo-dục Áp Chiến-lược đầu tiên của tỉnh này tổ-chức tại trường Nam Tiêu-học thị-xã Quảng-Ngãi. Hiện-diện trong buổi lễ có vị đại-diện cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ và rất đông đại-diện cơ-quan, đoàn-thể địa-phương.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Lê-Hữu-Dực, Trưởng-Ty Tiêu-học-vụ Quảng-Ngãi cho biết, khóa huấn-luyện này dành cho 34 học-viên Ủy-viên Giáo-dục Áp Chiến-lược và 17 Hiệu-trưởng hương-thôn. Trong thời-gian thụ-huấn là 6 tuần lễ, các học-viên theo chế-độ nội-trú và được Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ đài-tho các phí-khoản về ăn uống.

Sau khi tốt-nghiệp khóa này, các Ủy-viên Giáo-dục trên đây sẽ phụ-trách các hương-trưởng tại 17 ấp chiến-lược trong niên-học sắp đến. Mỗi Ủy-viên được hưởng trợ-cấp hằng tháng là 600 \$ do ngân-sách ngoại-viện đài-tho trong 6 tháng đầu. Sau đó, các Ủy-viên Giáo-dục sẽ hưởng phụ-cấp do ngân-sách xã đài-tho.

37. PLEIKU : XÂY CẤT MỘT TRƯỜNG TRUNG-HỌC CÔNG-LẬP TẠI QUẬN LỆ-THANH.

Một trường trung-học vừa được khởi công xây cất tại trung-tâm quận-ly Lệ-Thanh (Pleiku), cách tỉnh-ly Pleiku 58 cây số về phía Tây-Nam. Tổng-phi dự

Viễn-Đông	38	11	29%
Việt-Tử	8	1	12%
Chấn-Trung	24	9	37%

34 CAN-NHÂN Ở CÁC TRUNG-TÂM CẢI-HUẤN ĐƯỢC DỰ THỊ TIÊU-HỌC VÀ TRUNG-HỌC ĐỀ NHẤT-CẤP.

Trong kỳ thi Tiêu-học vừa qua (15-4-63), tại 25 Trung-tâm Cải-Huấn trong toàn-quốc có 443 can-phrm dự thi. Kết-quả 406 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Trong kỳ thi Trung-học Đề-nhất-cấp tại hai Trung-tâm Cải-Huấn Sài-gòn (Chi-Hòa) và Phú-Lợi có 30 can-phạm dự-thi và 5 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Với chính-sách Cải-Huấn hiện nay của Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, các Trung-tâm Cải-Huấn không còn là những hỏa-ngục tiêu-hao thể-xác và tinh-thần của các phạm-nhân như trước.

Tại các Trung-tâm Cải-Huấn, những thường-phạm đều được học-tập về công-dân giáo-dục gây ý-thức để họ được ăn-nhịn hồi cải đồng-thời phát-khởi lòng tự-giác để cho khi vào Trung-tâm họ là một can-nhân, khi ra khỏi Trung-tâm, họ là một công-dân.

Đối với những chánh-trị-phạm bị Cộng-sản mê hoặc, Trung-tâm Cải-Huấn là nơi hướng-dẫn họ theo chánh-nghĩa Quốc-gia để đả-phá tư-tưởng sai-lầm hầu xây-dựng tư-tưởng mới lấy Nhân-Vị làm phương-châm, biến các can-phạm khi vào Trung-tâm là thù, khi rời Trung-tâm là bạn. Người mù chữ được học chữ. Người chưa biết nghề được học nghề. Còn những người biết đọc biết viết được bổ-túc văn-hóa từ trình-độ Tiêu-học đến trình-độ Trung-học.

35. LỄ KHÁNH-THÀNH PHÒNG THÍ-NGHIỆM Y-HỌC PHÒNG-CHỪNG CỦA Y-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN.

Nhận thấy Y-học Phòng-chống rất quan-hệ nên từ năm 1961, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã đồng-ý với Phân-bộ Y-tế của Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ, trong khi chờ đợi xây cất Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa, phải thiết-lập một phòng thí-nghiệm để cho bộ-môn ấy có thể được giảng dạy không những về lý-thuyết mà cả về thực-tập. Phòng thí-nghiệm ấy tọa-lạc tại 131 đường Nhân-Vị, đã khởi-công năm 1962 và hoàn-thành vào tháng giêng 1963, với tôn-phí là 1.600.000 đồng bạc, do Viện-trợ Mỹ đài thọ.

Lễ khánh-thành Phòng thí-nghiệm đã cử-hành sáng 27-5-63 dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

trong Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Robin, Co-van Văn-hoa tại Bộ-quốc Pháp, các vị Khoa-trưởng Đại-học và giáo-sư Đại-học Y-khoa Sài-gòn.

Nhân-dịp này, giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-trưởng trường Đại-học Y-khoa Sài-gòn, và ông Jacques May, Trưởng-phòng Y-học phòng-chống tại Trường Đại-học Y-khoa, đã trình-bày với ông Bộ-trưởng các máy-móc trong phòng thí-nghiệm.

Nhiều dụng-cụ tinh-vi để giảng dạy sinh-viên trị giá 85.000 Mỹ-kim đã trang-bị phòng thí-nghiệm và những buổi giảng tập có thể bắt đầu vào kỳ nhập học tháng 8 sắp đến.

3 Giáo-sư Mỹ là Bác-sĩ J. May ở Đại-học Columbia, Nữ-u.Ước, bác-sĩ David Weinman ở Đại-học Yale và bác-sĩ Pierre Arquembourg ở Đại-học Tulane sẽ phụ-trách phòng thí-nghiệm ấy với một số bác-sĩ khác 7 tới. Mỗi vị đều làm việc ít nhất là 2 năm và tiếp-tục phục-vụ từng 2 năm một.

36. QUẢNG-NGÃI : LỄ KHAI GIẢNG KHÓA HUẤN-LUYỆN ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Ông Nguyễn-văn-Tất, Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi, sáng 27-5-63, đã chủ-tọa lễ khai-giảng khóa huấn-luyện Ủy-viên Giáo-dục Ấp Chiến-lược đầu tiên của tỉnh này tổ-chức tại trường Nam Tiêu-học thị-xã Quảng-Ngãi. Hiện-diện trong buổi lễ có vị đại-diện cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ và rất đông đại-diện cơ-quan, đoàn-thể địa-phương.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Lê-Hữu-Dực, Trưởng-Ty Tiêu-học-vụ Quảng-Ngãi cho biết, khóa huấn-luyện này dành cho 34 học-viên Ủy-viên Giáo-dục Ấp Chiến-lược và 17 Hiệu-trưởng hương-thôn. Trong thời-gian thụ-huấn là 6 tuần lễ, các học-viên theo chế-độ nội-trú và được Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ đài-thọ các phí-khoản về ăn uống.

Sau khi tốt-nghiệp khóa này, các Ủy-viên Giáo-dục trên đây sẽ phụ-trách các hướng-trưởng tại 17 ấp chiến-lược trong niên-học sắp đến. Mỗi Ủy-viên được hưởng trợ-cấp hằng tháng là 600 \$ do ngân-sách ngoại-viện đài thọ trong 6 tháng đầu. Sau đó, các Ủy-viên Giáo-dục sẽ hưởng phụ-cấp do ngân-sách xã đài-thọ.

37. PLEIKU : XÂY CÁT MỘT TRƯỜNG TRUNG-HỌC CÔNG-LẬP TẠI QUẬN LÊ-THANH.

Một trường trung-học vừa được khởi công xây cất tại trung-tâm quận-ly Lê-Thanh (Pleiku), cách tỉnh-ly Pleiku 58 cây số về phía Tây-Nam. Tổng-phí dự

Tri-Dụng	71	10	14%
Bác-Ái Học-viện	35	15	42%
Thủ-Khoa Huân	134	55	41%
Viễn-Đông	38	11	29%
Việt-Tú	8	1	12%
Chấn-Trung	24	9	37%

34 CAN-NHÂN Ở CÁC TRUNG-TÂM CẢI-HUẤN ĐƯỢC DỰ THI TIÊU-HỌC VÀ TRUNG-HỌC ĐỆ NHẤT-CẤP.

Trong kỳ thi Tiêu-học vừa qua (15-4-63), tại 25 Trung-tâm Cải-Huấn trong toàn-quốc có 443 can-phạm dự thi. Kết-quả 406 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Trong kỳ thi Trung-học Đệ-nhất-cấp tại hai Trung-tâm Cải-Huấn Sài-gòn (Chi-Hòa) và Phú-Lợi có 30 can-phạm dự-thi và 5 thí-sinh can-phạm trúng-tuyển.

Với chính-sách Cải-Huấn hiện nay của Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, các Trung-tâm Cải-Huấn không còn là những hỏa-ngục tiêu-hao thể-xác và tinh-thần của các phạm-nhân như trước.

Tại các Trung-tâm Cải-Huấn, những thường-phạm đều được học-tập về công-dân giáo-dục gây ý-thức để họ được ăn-năn hối cải đồng-thời phát-khởi lòng tự-giác để cho khi vào Trung-tâm họ là một can-nhân, khi ra khỏi Trung-tâm, họ là một công-dân.

Đối với những chánh-trị-phạm bị Cộng-sản mê hoặc, Trung-tâm Cải-Huấn là nơi hướng-dẫn họ theo chánh-nghĩa Quốc-gia để đá-phá tư-tưởng sai-lầm hầu xây-dựng tư-tưởng mới lấy Nhân-Vị làm phương-châm, biến các can-phạm khi vào Trung-tâm là thù, khi rời Trung-tâm là bạn. Người mù chữ được học chữ. Người chưa biết nghề được học nghề. Còn những người biết đọc biết viết được bổ-túc văn-hóa từ trình-độ Tiêu-học đến trình-độ Trung-học.

35. LỄ KHÁNH-THÀNH PHÒNG THÍ-NGHIỆM Y-HỌC PHÒNG-CHỪNG CỦA Y-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN.

Nhận thấy Y-học Phòng-chúng rất quan-hệ nên từ năm 1961, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã đồng-ý với Phân-bộ Y-tế của Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ, trong khi chờ đợi xây cất Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa, phải thiết-lập một phòng thí-nghiệm để cho bộ-môn ấy có thể được giảng dạy không những về lý-thuyết mà cả về thực-tập. Phòng thí-nghiệm ấy tọa-lạc tại 131 đường Nhân-Vị, đã khởi-công năm 1962 và hoàn-thành vào tháng giêng 1963, với tổn-phí là 1.600.000 đồng bạc, do Viện-trợ Mỹ đài thọ.

Lễ khánh-thành Phòng thí-nghiệm đã cử-hành sáng 27-5-63 dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Tham-dự buổi lễ, người ta nhận thấy nhiều nhân-vật Thủ-đô, trong số có giáo-sư Lê-Văn-Thời, Viện-trưởng Viện-Đại-học Sài-gòn, các ông Joseph L. Brent, Giám-đốc Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Willard Boynton, Trưởng-ban Y-tế trong Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Robin, Cố-vấn Văn-hóa tại Sứ-quán Pháp, các vị Khoa-trưởng Đại-học và giáo-sư Đại-học Y-khoa Sài-gòn.

Nhân-dịp này, giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-trưởng Trung-Đại-học Y-khoa Sài-gòn, và ông Jacques May, Trưởng-phòng Y-học phòng-chúng tại Trường Đại-học Y-khoa, đã trình-bày với ông Bộ-trưởng các máy-móc trong phòng thí-nghiệm.

Nhiều dụng-cụ tinh-vi để giảng dạy sinh-viên trị giá 85.000 Mỹ-kim đã trang-bị phòng thí-nghiệm và những buổi giảng tập có thể bắt đầu vào kỳ nhập học tháng 8 sắp đến.

3 Giáo-sư Mỹ là Bác-sĩ J. May ở Đại-học Columbia, Nữ-u-ớc, bác-sĩ David Weiman ở Đại-học Yale và bác-sĩ Pierre Arquembourg ở Đại-học Tulane sẽ phụ-trách phòng thí-nghiệm ấy với một số bác-sĩ tháng 7 tới. Mỗi vị đều làm việc ít nhất là 2 năm và tiếp-tục phục-vụ từng 2 năm một.

36. QUẢNG-NGÃI : LỄ KHAI GIẢNG KHÓA HUẤN-LUYỆN ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC ÁP CHIẾN-LƯỢC.

Ông Nguyễn-văn-Tất, Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi, sáng 27-5-63, đã chủ-tọa lễ khai-giảng khóa huấn-luyện Ủy-viên Giáo-dục Áp Chiến-lược đầu tiên của tỉnh này tổ-chức tại trường Nam Tiêu-học thị-xã Quảng-Ngãi. Hiện-diện trong buổi lễ có vị đại-diện cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ và rất đông đại-diện cơ-quan, đoàn-thể địa-phương.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Lê-Hữu-Dực, Trưởng-Ty Tiêu-học-vụ Quảng-Ngãi cho biết, khóa huấn-luyện này dành cho 34 học-viên Ủy-viên Giáo-dục Áp Chiến-lược và 17 Hiệu-trưởng hương-thôn. Trong thời-gian thụ-huấn là 6 tuần lễ, các học-viên theo chế-độ nội-trú và được Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ đài-tho các phí-khoản về ăn uống.

Sau khi tốt-nghiệp khóa này, các Ủy-viên Giáo-dục trên đây sẽ phụ-trách các hương-trưởng tại 17 ấp chiến-lược trong niên-học sắp đến. Mỗi Ủy-viên được hưởng trợ-cấp hằng tháng là 600 \$ do ngân-sách ngoại-viện đài thọ trong 6 tháng đầu. Sau đó, các Ủy-viên Giáo-dục sẽ hưởng phụ-cấp do ngân-sách xã đài-tho.

37. PLEIKU : XÂY CẤT MỘT TRƯỜNG TRUNG-HỌC CÔNG-LẬP TẠI QUẬN LỆ-THANH.

Một trường trung-học vừa được khởi công xây cất tại trung-tâm quận-ly Lệ-Thanh (Pleiku), cách tỉnh-ly Pleiku 58 cây số về phía Tây-Nam. Tổng-phí dự

trụ xây cất trường trung-học này là 2.423.196\$ do ngân-sách Dinh-diền đài-thọ. Đây là trường trung-học công-lập đầu tiên tại một trong 3 quận thuộc tỉnh Pleiku.

Trường trung-học này, được xây cất bằng vật-liệu nặng theo hình cánh cung, là nhà trệt gồm 6 lớp học, 1 phòng hiệu-trưởng, 1 phòng giáo-sư, 1 văn-phòng. Công-tác xây-cất sẽ hoàn-thành vào cuối tháng 8-1963 tới đây.

38. BÌNH-TUY: XÂY CẤT MỘT TRƯỜNG TRUNG-HỌC TẠI DINH-ĐIỀN VÕ-ĐẤT.

Một trường Trung-học công-lập vừa được thiết-lập tại Trung-tâm Dinh-diền Võ-Đất, quận Tánh-Linh (Bình-Tuy), cách tỉnh-lỵ Hàm-Tân 98 cây số về phía Tây-Bắc. Trường này, gồm có 3 lớp từ Đệ-Thất đến Đệ-Ngũ, sẽ khai-giảng vào đầu niên-học 1963-1964 tới đây.

Đây là trường Trung-học công-lập thứ hai của tỉnh Bình-Tuy. Trường Trung-học công-lập thứ nhất được thiết-lập tại tỉnh-lỵ Hàm-Tân vào năm 1958. Trường Trung-học tại tỉnh-lỵ, trong niên-học 1962-1963, có tất cả 9 lớp từ Đệ-Thất đến Đệ-Nhi, thu-nhận 393 học-sinh, do 14 giáo-sư phụ-trách, so với niên-khoá 1958-1959 chỉ có 1 lớp Đệ-Thất thu nhận 29 học-sinh, do 1 giáo-sư phụ-trách.

Ngoài hai trường Trung-học công-lập nói trên, tỉnh Bình-Tuy còn có 1 Trường-học tư-thực, do họ đạo Công-giáo xứ Vinh-Tân thiết-lập hồi năm 1958 tại tỉnh-lỵ Hàm-Tân. Trong niên-học 1962-1963 vừa qua, trường này có 4 lớp từ Đệ-Thất đến Đệ-Tứ, thu nhận 159 học-sinh với 4 giáo-sư.

39. CHÁNH-PHỦ XÁC NHẬN QUAN-ĐIỂM VỀ VẤN-ĐỀ TÔN-GIÁO.

Trong một « Thông-cáo cho tất cả cán-bộ các ngành » được phổ biến ngày 29-5, Chánh-phủ Việt-Nam đã xác-nhận quan-điểm về vấn-đề tôn-giáo. Sau đây là nguyên-văn bản thông-cáo :

« Đối với vấn-đề Tôn-giáo trong lãnh-thổ Việt - Nam, Chánh - Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa xác-nhận quan-điểm như sau :

(1) Tất cả cán-bộ phải triệt-đề tôn-trọng quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do hành-giáo và tự-do truyền-giáo đã được ghi trong Hiến-Pháp (điều 17), miễn là việc sử-dụng quyền ấy không trái với luân-lý và thuần-phong mỹ-tục cùng không phương-hại đến nền an-ninh công-cộng.

(2) Tất cả cán-bộ chỉ có thể khuyến-kích những cá - nhân, nhóm hay đoàn-thể tư nào trực-tiếp và tích-cực tham-gia vào cuộc tranh-đấu của Dân - tộc đánh Chậm tiến, Chia rẽ và Cộng-sản, do Ngô Tổng-thống lãnh-đạo, không thiên-vị, không phân-biệt màu sắc triết-lý hay tôn-giáo.

(3) Quốc-kỳ tượng-trưng cuộc tranh-đấu toàn-diện, toàn dân, toàn quân, để bảo-vệ sự sống còn và tự-do của Dân - tộc (trong đó có sự sống còn và sự tự-do của tất cả mọi người dân Việt kể cả các giáo-đồ).

« Nói cách khác, trong Quốc-kỳ đã có các đoàn-kỳ sống trên đất Việt. Vì thế mà trong các cuộc sinh-hoạt công-khai của Dân Việt, dù là cá-nhân, gia-đình hay đoàn-thể, Đại-kỳ phải là Quốc-kỳ.

« Tất cả mọi người Dân Việt có bôn-phận thiêng-liêng phải tôn - trọng, quý-mến và hy-sinh tánh-mạng để bảo-vệ Quốc kỳ, nghĩa là để bảo-vệ sự sống còn, tự-do và tương-lai của Dân-tộc, vì Dân-tộc còn, các cá-nhân các đoàn - thể các tôn-giáo mới còn.

(4) Khi quy-định thề-thức treo Quốc-kỳ và đạo-kỳ, Chánh-phủ chỉ muốn nhắc nhở Quốc-kỳ là tượng-trưng cho chánh-nghĩa, là kết-tinh ý-chí đấu-tranh toàn-diện, toàn dân, toàn quân, Chánh-phủ không hề có ý - nghi phân-biệt đối xử với bất cứ tôn-giáo nào.

(5) Đối với các Dân-tộc và đoàn-thể quốc-tế, Nhân-dân Việt-Nam hết lòng biết ơn họ nếu họ trực-tiếp và tích-cực ủng-hộ cuộc đấu-tranh của Dân-tộc Việt-Nam đang đương-đầu với đế-quốc Cộng-sản. Còn những đoàn-thể quốc-tế nào không có giúp-đỡ dân ta một chút gì cả, trong lúc nhờ sự hy-sinh của ta mà họ mới hưởng an-lạc, thì Nhân-dân Việt-Nam yêu-cầu họ đừng xen vào việc nội-bộ ta và nếu họ xen vào nội-bộ ta thì Nhân-dân Việt-Nam sẵn-sàng đối-phó.

(6) Những cán-bộ địa-phương nào đã đi sai đường lối trên, đã có những thái-độ thiên-vị hoặc không có lập-trường vững-chắc, thì phải sửa sai ».

40. GIOAN XXIII MỘT VỊ GIÁO-HOÀNG GẦN DÂN VIỆT-NAM.

Vào khoảng 3 giờ sáng 4.6.63, Thủ-đô Sài-gòn đã tiếp nhận được tin Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII từ-trần ở La-Mã trước đó 15 phút. Đức Giáo-Hoàng mệnh-chung đúng 19 giờ 49, giờ địa-phương, tức là 18 giờ 49, giờ quốc-tế hay 2 giờ 49, giờ Sài-gòn.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã gửi đến Đức Hồng Y Sự-vụ-Trưởng Benedetto Aloisi Masella một bức điện-văn phân-ưu, sau khi Đức Giáo - Hoàng Gioan XXIII từ-trần.

Tòa Tổng Giám-Mục Địa-phận Sài-gòn và một số các Nhà thờ, Tu-viện và cơ-sở Công-giáo ở Thủ-đô đã được thông-báo ngay về tin buồn này. Vì vậy, những tư - tưởng, những lời cầu - nguyện của các người Công - Giáo và kể đó những Thánh-lễ đầu tiên trong ngày đã được dâng tiến để kính nhớ và cầu - nguyện cho linh-hồn Đức Giáo-Hoàng.

Giới Công-giáo Việt-Nam tỏ ra vô-cùng xúc-động trước cái chết của Đức Giáo-Hoàng. Mặc dầu lên ngôi Giáo-Hoàng La-Mã chỉ có mấy năm, Người đã

gây một ảnh-hưởng sâu rộng có tính-cách quyết-định trong sự tiến-triển của Giáo-Hội Công-Giáo tại Việt-Nam. Thực vậy, ngày 24-11-60, Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII đã thiết-lập hàng Giáo-phẩm tại Việt-Nam và nâng các Tòa đại-điện Tổng Tòa lên thành những Tòa Giám-Mục và Tổng Giám-Mục quy-tu thành 3 Giáo-Tỉnh. Thế là Đức Giáo-Hoàng đã thực-sự thừa nhận sự trưởng-thành của Giáo-Hội Công-Giáo tại Việt-Nam sau 3 thế-kỷ truyền-giáo.

Giới Công-Giáo Việt-Nam ghi nhớ mãi lòng ưu-ái của Đức Giáo-Hoàng, vì Người đã chiếu-cổ cử Đức Hồng-Y Gregoire Pierre Agagianian làm Đặc-sứ Toàn-quyền thay mặt Người chủ-tọa Đại-hội Thánh-Mẫu Toàn-quốc lần thứ nhất tại Sài-gòn đầu năm 1960 để kỷ-niệm Tam-bách chu-niên ngày thành-lập hai địa-phận Công-giáo đầu tiên ở Việt-Nam, và mới đây Người lại hứa cũng sẽ cử đại-điện đến chủ-tọa Đại-hội Thánh-Mẫu Toàn-quốc lần thứ hai sẽ tổ-chức tại La-Vang vào tháng 5 năm 1964.

Đối với dân-chúng Việt-Nam nói chung, Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII nổi danh với việc triệu-tập Công-Đồng-Chung Vatican II cùng những công-tác tại Công-Đồng này và việc công-bố các Thông-diệp lừng-lẫy về các vấn-đề xã-hội và hòa-bình thế-giới, mà các báo Thủ-đô đã bình-luận rất nhiều.

Dân-chúng Việt-Nam còn tỏ ra có cảm-tình đặc-biệt với Đức Giáo-Hoàng, vì Người đã tỏ lòng ân-cần cứu-trợ các trẻ mồ-côi, các người gặp tai-nạn và nghèo khó. Trước mỗi thiên-tai xảy ra (như nạn lụt Hậu-Giang, bão-tổ ở miền Trung và hòa-hoạn ở Khánh-Hội) cũng như trong nhiều Viện Cỏ-nhi, Viện Cứu-tế và các công-kuộc xã-hội khác, Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII đã tỏ sự hiện-diện của Người với những lời ân-cần ủy-lạo và những sự cứu-trợ rộng-rãi.

Mọi người đều nhìn-nhận chưa bao giờ một vị Giáo-Hoàng La-Mã lại gần dân-chúng Việt-Nam như vậy.

41. MỘT ĐOÀN CA-NHẠC PHI-LUẬT-TÂN TRÌNH-ĐIỂN HAI BUỔI CA-NHẠC TẠI SÀI-GÒN.

Một đoàn ca-nhạc Phi-Luật-Tân gồm 7 ca-sĩ và nhạc-sĩ Phi-Luật-Tân trình-diễn hai buổi ca-nhạc tại rạp Đại-Nam vào ngày 12 và 13-6-63, buổi thứ nhất nhân dịp lễ Quốc-Khánh Phi-Luật-Tân và buổi thứ hai giúp quỹ Phong-trào Liên-đới Phụ-nữ.

Đoàn ca-nhạc này gồm cô Fides Cuyugan-Asencio ca-sĩ, cô Dolly Buencamino Francia, ca-sĩ, ông Sergio Esmilla, đệ-nhất vi-cầm, ông Luis Garcia, đệ-nhị vi-cầm, ông Maximino Esguerra, hồ-cầm và ông Regalado José, dương-cầm, ông Jose Lauchengco.

42. ĐỔI TÊN VĂN-BẰNG TỬ-TÀI KỸ-THUẬT VÀ TRUNG-HỌC KỸ-THUẬT ĐỆ-NHẤT-CẤP.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã ký ngày 29 tháng 5 năm 1963 Nghị-định số 770-GD/PC/NĐ đổi tên Văn-bằng Tử-tài Kỹ-thuật là Văn-bằng "Tử-tài Kỹ-thuật (ngành Công-Kỹ-Nghệ)". Văn-bằng này có giá-trị tương-đương với bằng Tử-tài Phổ-thông.

Văn-bằng Trung-học Kỹ-thuật Đệ-nhứt-cấp (Ban Toán, Chuyên-nghiệp hay Nữ-công) nay đổi tên là Văn-bằng Trung-học Kỹ-thuật Đệ-nhất cấp (ngành Công-Kỹ-Nghệ: Ban Toán, chuyên-nghiệp hay Nữ-công). Văn-bằng này có giá-trị tương-đương với Bằng Trung-Học Đệ-Nhất-cấp Phổ-thông.

43. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI TẠI MẤY TRƯỜNG ĐẠI-HỌC.

• Dưới đây là danh-sách 50 sinh-viên tốt-nghiệp khóa III trường Đại-học Sư-phạm Đà-Lạt:

Ban Triết-học: Nguyễn-Phúc-Lộc, Hồ-Công-Hưng, Nguyễn-Hữu-Hiệp, Phạm-Minh-Quy (*Bình Thứ*); Ngô-Đức-Diễm, Phan-Hữu-Nghĩa, Nguyễn-Văn-Sáu, Nguyễn-Lộc-Thọ, Đỗ-Xuân-Hồng, Nguyễn-Minh-Ty, Nguyễn-Đình-Sinh, Ngô-Tôn-Long, Vũ-Tế-Lương, Bùi-Văn-Bình, Bành-Ngọc-Quý, Trần-thị Thanh-Tân, Nguyễn-Văn-Gioang, Võ-Thành-Công, Võ-Văn-Khỏe, Phan-Thái (*Thứ*).

Ban Pháp-văn: Nguyễn-Thành-Thuận, Dương-Hồng-Đức, Tăng-Như-Bình, Nguyễn-Kim-Tính, Nguyễn-thị Quang-Thoại, Ngô-Thị-Hoa, Phạm-Thế-Trúc (*Bình Thứ*); Trần-Chu-Đức, Nguyễn-Văn-Ăn, Huỳnh-Văn-Khiết, Lê-Nguyệt-Long, Đỗ-Thế-Vinh, Trần-Phát-Vinh, Lê-Tấn-Phước, Phạm-thị Như-Huê, Võ-Hữu-Lễ, Hồ-Mạnh-Trình, Huỳnh-Thành-Công, Dương-Danh-Khoa, Nguyễn-Anh-Cúc, Nguyễn-Văn-Mẹo, Hồ-Văn-Giàu, Nguyễn-Thiệu-Hưng, Nguyễn-Thúy-Lan, Bạch-Như-Tuyết, Nguyễn-Văn-Lễ, Hồ-Ngọc-Hữu, Trần-Văn-Tính, Quách-Tuyết-Lan, Nguyễn-thị Phụng-Kiều (*Thứ*).

• Có 6 sinh-viên trường Luật-khoa thuộc Viện Đại-học Huế được trúng tuyển kỳ thi Cử-nhân Luật-khoa toàn-phần khóa I niên-khoá 1962-1963 mở tại Huế vào ngày 1-4. Các tân Cử-nhân Luật-khoa là Nguyễn-Khoa-Kiểm, Nguyễn-Khánh, Thái-Tăng-Quý, Hồ-Đắc-Thái, Nguyễn-Văn-Thường và Nguyễn-Công-Hào (*Thứ*).

Ngoài ra, còn có 25 sinh-viên khác được trúng tuyển các kỳ thi lấy chứng-chỉ một và hai Luật-khoa trong khóa I do Viện Đại-học Huế mở. Số sinh-viên trúng tuyển gồm có 14 chứng-chỉ một và 11 chứng-chỉ hai.

• Dưới đây là danh-sách thí-sinh trúng tuyển kỳ thi khóa I niên-khoá 1962-63 tại Trường Đại-học Văn-khoa Huế:

Chứng-chỉ Luận-lý và Siêu-hình: Hoàng-Phủ Ngọc-Tường (Bình Thử); Nguyễn-Vinh-Gioan (Thử).

Chứng-chỉ Hán-văn: Ngô-Văn-Lại, Nguyễn-Văn-Danh, Nguyễn-Phước-Thị-Ái (Bình-Thử); Bùi-Dã, Thân-Trọng-Thanh, Phạm-Liễu, Lê-Ân, Lê-Văn-Cơ, Nguyễn-Đình-Thoại, Lê-thị Thanh-Vân, Tôn-Thất-Nguyên, Nguyễn-Xuân-Thu, Trần-Phước-Hải (Thử).

Chứng-chỉ Ngữ-học Việt-Nam: Nguyễn-thị Thanh-Tâm (Bình Thử); Nguyễn-Văn-Hàm (Thử).

• Sau đây là danh-sách thí-sinh trúng tuyển hân kỳ thi khóa I niên-học 1962-63 tại Trường Đại-học Văn-khoa Huế.

Chứng-chỉ Lịch-sử Triết-học: (2 người) Nguyễn-Vinh-Gioan (Bình thử) Ngô-Văn-Bằng (Thử).

Chứng-chỉ Văn-chương Việt-Nam: (4 người) Hồ-Hữu-Hạnh (Bình thử), Hà Thúc-Hoan, Nguyễn-Đình-Niên, Lê-Nhật-Thăng (Thử).

Chứng-chỉ Ngữ-học Pháp: (5 người) Đoàn-Quang-Hàm Đẳng-Văn-Nhật, Trần-Văn-Hoài (Bình thử) Nguyễn-Văn-Thơ, Nguyễn-Diên (Thử).

• Dưới đây là danh-sách thí-sinh trúng tuyển kỳ thi khóa I niên-học 1962-63 tại Trường Đại-Học Văn-Khoa Huế :

Chứng-chỉ Việt-Nam và Đông-Nam-Á: Lê-Văn-Tự (Bình), Nguyễn-Khuê, Thái-Huy-Bào, Phạm-Văn-Thiết (Bình-thử), Lương-Thị-Quyên, Nguyễn-Văn-Hàm, Võ-Văn-Dật, Phạm-Tạo, Trần-Thị Nhụ-Hương (Thử).

Chứng-chỉ Dự-bị Văn-Khoa: Nguyễn-Như-Thề, Phạm-Ngọc-Son, Nguyễn-Văn-Lạc, Hồ-Đình-Chữ, Công-Tằng Tôn-Nữ Khánh-Tinh, Nguyễn-Đức-Trọng, Cao-Thị Quế-Hương, Âu-Thị Minh-Nguyệt, Nguyễn-Khắc-Đoàn (Bình thử), Trần-Vinh-Anh, Nguyễn-Thức-Tuân, Lê-Quân-Thụy, Lương-Dinh, Trần-Xuân-Kiểm, Trương-Đình-Trai, Ngô-Đức-Phước, Nguyễn-Đức-Cung, Tống-Nhận, Phan-Roi, Nguyễn-Văn-Tiên, Ngô-Văn-Tiên, Trần-Văn-Phương, Lê-Khắc-Phương-Lan, Nguyễn-Xuân-An-Hòa, Lê-Ngọc-Bích, Ngô-Hữu-Kinh, Vương-Hữu-Lễ, Lê-Văn-Chương, Bửu-Chánh, Lê-Thị-Trà, Phạm-Thị-Quyên (Thử).

• Có 51 sinh-viên Đại-học Sư-phạm thuộc Viện Đại-học Huế đã tốt-nghiệp, trong số 62 sinh-viên năm thứ 3 khóa "Nguyễn-Du" (1960-1963) dự thi, vào kỳ thi cuối năm đợt I vừa qua.

Người ta được biết, trường Đại-học Sư-phạm thuộc Viện Đại-học Huế, được thiết-lập từ năm 1958, đến nay đã đào-tạo được 124 giáo-sư Trung-học đệ-nhất-cấp và 210 giáo-sư Trung-học đệ-nhi-cấp. Trong niên-học 1962-1963, trường này có 290 sinh-viên.

Dưới đây là danh-sách các sinh-viên tốt-nghiệp thiết-thọ Đại-học Sư-Phạm Huế niên-khoá 1962-1963 :

Ban Anh-Văn: Đặng-Minh-Trai, Nguyễn-Xuân-Tiếp, Nguyễn-Thị Hoàng-Tâm, Tạ-Quang-Khanh, Nguyễn-Quang-Lan (Thử).

Ban Pháp-Văn: Đặng-Quang-Đàng, Nguyễn-Thị-Phương-Khanh, Tăng-Kim-Lân, Nguyễn-Văn-Thơ, Lê-Bá-Quân, Nguyễn-Thiện, Hồ-Thị-Bích, Nguyễn-Huy-Hoàng, Hoàng-Đức-Thạc, Bửu-Vân (Thử).

Ban Lý-Hóa: Nguyễn-Văn-Thọ, Nguyễn-Phụng-Hoàng (Bình), Nguyễn-Quang-Tâm, Nguyễn-Văn-Kính, Võ-Ngọc-Lô, Lê-Son, Nguyễn-Trung-Can, Tôn-Thất-Quy, Đoàn-Ngọc-Quỳnh, Đỗ-Toàn, Trịnh-Viết-Bách (Bình thử), Lê-Bá-Lại, Phan-Ngọc, Phạm-Văn-Ninh, Lê-Khắc-Khoan, Lê-Quang-Khanh, Phùng-Rân, Nguyễn-Khắc-Lăng, Hồ-Đình-Hà (Thử).

Ban Sử-Địa: Thái-Huy-Bào, Nguyễn Khuê (Bình Thử), Lê-Văn-Tự (Thử).

Ban Việt-văn: Nguyễn-Mộng-Giác (Bình Thử), Hà-Thúc-Hoan, Dương-Ngọc-Tạo, Lê-Vàng, Nguyễn-Văn-Mỹ, Nguyễn-Văn-Liên, Lê-Quang-Tấn (Thử).

Ban Toán: Cao-Huy-Hòa, Lê-Đình-Ninh (Bình Thử), Nguyễn-Văn-Hoài, Lê-Đức-Phúc, Phan-Văn-Ngọc (Thử).

Ban Văn-vật: Hà-Công-Bê, Cao-Quảng-Hà (Thử).

• Dưới đây là danh sách thí-sinh trúng tuyển hân các kỳ thi khóa I niên-học 62-63 của trường Đại-học Văn-khoa Huế :

Chứng-chỉ Ngữ-học Anh: Lê-Khắc-Ngọc-Mai, Võ-Ngọc-Thiên-Ấn (Thử).

Chứng-chỉ Tâm-lý-học: Lê-Từ-Thành, Thái-Thị Kim-Lan (Bình Thử).

Chứng-chỉ Văn-hóa Anh-Mỹ: Nguyễn-Anh-Tuấn (Bình hạng), Trần-Thị Thu-Tâm, Nguyễn-Thị-Cầm, Trương-Hữu-Kha, Hồ-Hữu-Hạnh, Tạ-Quốc-Bảo, Nguyễn-Xuân-Hùng (Bình-Thử).

• Trong khóa I niên-học 1962-1963, 42 sinh-viên đã đậu bằng Cử-nhân Văn-chương (trong số có 22 bằng Cử-nhân giáo-khoa và 20 bằng Cử-nhân tự-do) tại Văn-khoa Đại-học đường Sài-gòn. Dưới đây là danh-sách các sinh-viên trúng tuyển:

Bảng Cử-nhân giáo-khoa :

Ban Triết: Cô Trần-Thị-Nở, ÔỒ, Phạm-Kiều-Tùng, Nguyễn-Văn-Thảo, Phạm-Văn-Thịnh và Bùi-Văn-Thủ.

Ban Sử: Ông Phạm-Cao-Dương.

Ban Việt-văn: ÔỒ, Bùi-Quang-Kim, Trần-Trung-Lương.

Ban Pháp-văn: Các cô Lê-Thị-Bích, Nguyễn-Nương Minh-Châu, Lê-Mỹ-Hạnh, Bùi-Thị Thu-Hương, Lương-Thị-Nga Josephine, Thái-Ngọc-Thế Renée ;

Ô. Bùi-Thế-Cần, Lưu-Nguyên-Đạt, Hoàng-Văn-Hải, Phạm-Dương-Hiền, Hoàng-Văn-Hương, Phạm-Ngọc-Kha, Nguyễn-Độc-Khanh và Ngô-Văn-Minh.

Bảng Cử-nhân tự-do :

Các cô Hoàng-Thị Kim-Loan, Phạm-Thị Nhã-Y ; Ô. Thâm-Nghĩa-Cần, Nguyễn-Văn-Cầm, Lê-Mộng-Chung, Nguyễn-Xuân-Dậu, Nguyễn-Như-Dũng, Lý-Kim-Hoa, Lưu-Minh-Hoàng, Bùi-Huy-Hưu, Trần-Quang-Huy, Nguyễn-Tử Quốc-Hùng, Nguyễn-Tăng-Huyền, Đặng-Quốc-Toàn, Nguyễn-Anh-Tuấn, Trần-Trọng-Thanh, Hồ-Văn-Trai, Phạm-Văn-Vinh, Đặng-Phúc-Xuân và Nguyễn-Huy-Xương.

44. MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN.

• Chiều 11-5-63 tại trụ-sở Tổng-hội Giáo-giới số 2, Đại-lộ Thống-Nhất, ông Trương-Văn-Chôm, Khoa-Trưởng Trường Đại-Học Dược khoa Sài-gòn đã nói chuyện *Tại sao tôi thành Giáo-sư Dược-khoa ?*

Buổi nói chuyện này do Tinh-Việt Văn-Đoàn và Tuần-báo Văn-Đàn tổ-chức trong khuôn-khố các cuộc nói chuyện. «Đi tìm một Chí Hướng» cho Thanh-niên Việt-Nam, và đặt dưới sự Chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục. Đầu tiên, diễn-giả đã bình-luận về quan-niệm «Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh» để nhấn mạnh rằng một nông-dân, một người thợ hay một binh-sĩ còn ích cho quốc-gia hơn là một nhà khoa-học, khi chưa phát-minh được gì hay một giáo-sư, «mà sinh-viên chưa lĩnh-hội được bao nhiêu».

Đoạn, diễn-giả đã nói qua về «quãng đời riêng tư» bằng một giọng e-dè cũng như các diễn-giả trước đây của các cuộc nói chuyện «Đi tìm một Chí Hướng» này. Ông cho biết từ nhỏ đã có khiếu về toán-học, và lớn lên «vẫn say-sưa với môn-học này». Vì thế, sau đại-chiến thứ hai, khi xuất-đương, ông vẫn ôm mộng học kỹ-sư. Nhưng khi sang Pháp, diễn-giả nói tiếp, «được gần gũi thầy, bạn, sau nhiều cuộc thảo-luận, ông đã quay qua ngành Dược-khoa».

Ông cho biết sở-di có sự chuyển-hướng này vì một mặt lúc bấy giờ, lúc nước ta chưa có kỹ-nghệ nào sợ rằng khi về nước làm kỹ-sư bán giấy. «Tôi là người yêu khoa-học, chuộng thực-tế, chỉ muốn học cho kết-quả thực-tế, tức là muốn thực-hành ngay sở-nguyện, sở-năng của mình».

Trong khi đó, chương-trình Dược-khoa rất rộng, về lý-thuyết cũng như về mặt thực-hành: Vì vậy, ông nói «Khi ra trường tôi hy-vọng sẽ có đủ khả-năng tiếp-tục nghiên-cứu về khoa-học». Ông nói tiếp «Thêm một yếu-tố đã khuyến-khích tôi quyết-chí theo học Dược-khoa là... xưa nay, những nhà bác-học tiếng-tâm vang lừng trên thế-giới phần nhiều đều xuất-phát tự giới Dược-sĩ».

Buổi nói chuyện có sự tham-dự rất đông-đáo thanh-niên và sinh-viên. Trên hàng danh-dự, người ta còn thấy có ông Nguyễn-Đình-Hưng, Đồng-lý Văn-

phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Linh-mục Cao-Văn-Luận, Viện-Trưởng Viện Đại-học Huế, các Vị Khoa-Trưởng Đại-học ở Sài-gòn.

Giáo-sư Trương-Văn-Chôm ngoài chức-vụ Khoa-Trưởng, còn đảm-lãnh nhiều chức-vụ khác như Dân-Biểu Quốc-Hội, Chủ-tịch Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam, Phó Chủ-Tịch Hội Hóa-Học Việt-Nam v. v . . .

• Trong chương-trình diễn-thuyết về Văn-hóa Mỹ-Quốc do Hội Việt-Mỹ bảo-trợ, ông David A. Engel nói chuyện vào hồi 20 giờ tới 30-5-63 về đề-tài *Nền giáo-dục Hoa-Kỳ ở cấp Trung-học*.

Buổi nói chuyện được tổ-chức tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ số 55 Mạc-Đình-Chi, Sài-gòn. Diễn-giả trình-bày bằng Việt-ngữ.

• Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam đã tổ-chức một buổi nói chuyện về văn-đề văn-chương tại Đại-thính-đường Trường Quốc-Gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ số 112 đường Nguyễn-Du Sài-gòn, vào lúc 10 giờ sáng Chủ-nhật 26-5-1963.

Diễn-giả là nhà văn Trần-Phong-Giao đã trình-bày đề-tài: *John Steinbeck, giải thưởng Văn-chương Nobel năm 1962*.

• Hội Việt-Mỹ tổ-chức những buổi diễn-thuyết về văn-hóa Việt-Nam vào mỗi chiều thứ Sáu cuối tháng, hồi 4 giờ, tại Thính-đường của Hội, bắt đầu từ tháng Sáu năm 1963.

Diễn-giả sẽ trình-bày bằng Anh-ngữ và khi thuận-tiện, sẽ chứng-minh bằng những tài-liệu cụ-thể. Cuối mỗi buổi nói chuyện, diễn-giả sẽ giải-đáp các câu hỏi của thính-giả.

Sau đây là đề-tài, ngày giờ và diễn-giả các buổi nói chuyện :

Hệ-thống giáo-dục tại Việt-Nam. Diễn-giả : Giáo-Sư Nguyễn-Đình-Hòa, Tiến-sĩ (Đại-học Nữ-u-ớc 1956), Giám-đốc Nha Văn-hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Tổng-thor-ký Ủy-hội Quốc-gia UNESCO. Ngày diễn-thuyết : 21-6-1963.

Phong-tục và Tập-quán Cổ-truyền tại Việt-Nam. Diễn-giả : Ông Phạm-Gia-Thịnh, tốt-nghiệp Đại-Học Hà-Nội, Phó Chủ-Tịch Hội Phật-giáo và Không-giáo ; hiện là Thanh-Tra Bộ Tài-Chánh. Ngày diễn-thuyết : 19-7-1963.

Giới-thiệu lịch-sử Việt-Nam. Diễn-giả : Ông Trùng-Bửu-Lâm, Tiến-Sĩ (Đại-Học Louvain, năm 1957) Giám-Đốc Viện Khảo-Cổ Quốc-Gia. Ngày diễn-thuyết : 23-8-1963.

Sán-khẩu Việt-Nam. Diễn-giả : Ông Nguyễn-Phước-Thiện, Chủ-Bút báo Việt-Mỹ. Ngày diễn-thuyết : 20-9-1963.

45. MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN, MỸ-THO VÀ PHƯỚC-TUY.

• Sáng nay, ông Ngô-Trọng-Hiếu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ đã chủ-tọa lễ khai-mạc cuộc Triển-lâm Hội-họa mùa Xuân 1963 trước sự hiện-diện của các vị đại-diện Ngoại-giao và Lãnh-sự-đoàn, trong số có ông H.A.F. Hohler, Đại-sứ Anh, J.K. Ganju, Tổng Lãnh-sự Ấn-Độ, R.J. Obez, Tổng Lãnh-sự Pháp v. v. . .

Trong số các nhân-vật Việt-Nam, người ta thấy có các ông Phan-Văn-Tạo, Tổng Giám-Đốc Thông-Tin và Lê-Văn-Lắm, Giám-đốc Nha Mỹ-thuật Học-vụ, Chủ-tịch Hội-đồng Giám-khảo cuộc triển-lâm.

Cuộc triển-lâm hội-họa mùa Xuân 1963 được chia ra làm 2 phần : phần đầu khai-mạc 7-5-63, gồm có 83 bức sơn dầu, kén chọn trong số 400 tác-phẩm của các họa-sĩ thuộc đủ môn-phái và ở khắp nơi trong nước gửi tới.

Phần thứ hai, dành cho các loại tranh lụa, phần màu, phần tiên, màu nước, vẽ than, và những họa-phẩm thực-hiện bằng cách cắt và dán giấy màu. Về phần này tổng-cộng có 110 bức chọn lựa trong số trên 400 họa-phẩm gửi dự thi.

Những họa-phẩm này đã được gửi tới tham-dự cuộc Triển-lâm Hội-họa Mùa Thu năm 1962, nhưng vì cuộc triển-lâm ấy không tổ-chức được nên mới để dành cho tới nay và đem ra trưng-bày trong cuộc Triển-lâm Hội-họa Mùa Xuân 1963 phần thứ hai.

• Sáng 18-5-63, cuộc triển-lâm đợt nhì Hội-Họa Mùa Xuân 1963 đã khai-mạc tại phòng Thông-tin Đô-Thành, dưới sự chủ-tọa của ông Phan-Văn-Tạo, Tổng Giám-đốc Thông-Tin, và trước sự hiện-diện của một số đồng quan-khách.

Cuộc triển-lâm đợt nhì này gồm có 110 bức họa thuộc nhiều loại ; phần màu, màu nước, phần tiên, vẽ than, tranh lụa, và giấy cắt dán.

Các giải thưởng gồm có 3 huy-chương bạc cùng với mỗi chiếc một giải thưởng 3.000 đồng ; 11 huy-chương đồng cùng với mỗi chiếc 2.000 đồng và 13 bằng danh-dự.

• Ông Huỳnh-Văn-Liêm, Phó Tỉnh-Trưởng Hành-chánh đại-diện Thiếu-tá Tỉnh-Trưởng Định-Tường, sáng 7-5-63, đến trường nam tiểu-học ở tỉnh-ly Mỹ-Tho, cắt băng khai-mạc khu triển-lâm, đng-kết thành-tích hoạt-dộng của 6 trường cộng-đồng tỉnh Định-Tường, trong niên-khoá 62-63.

Khu triển-lâm này chiếm 4 lớp học của trường nam tiểu-học tỉnh-ly Mỹ-Tho. Tại đây, người ta thấy trình-bày trên 70 mô-hình, hình-ảnh, bản-đồ diễn-tả thành-tích giáo-dục cộng-đồng qua các phương-pháp thính-thị, và phương-pháp chủ-điểm cùng những học cụ và những sản-phẩm nông-nghiệp của 6 trường cộng-đồng trong tỉnh là : trường An-Thái-Đông (quận Sùng-Hiếu), trường Thanh-Phú, Vinh-Kim (quận Long-Định), trường Chợ Gạo (quận Chợ Gạo), trường Tân-Hiệp (quận Bến-Tranh) và trường Mỹ-Đông-Trung (quận Khiêm-Ích).

Khu triển-lâm nói trên mở cửa cho đồng-bào vào xem suốt ngày 7-5-63, và kể từ ngày 8-5-63 trở đi, dùng làm nơi quan-sát và thực-tập cho 207 nam nữ giáo-viên đang dự khóa tu-nghiệp tại tỉnh-ly.

Được biết trong niên-khoá 1962-63, tỉnh Định-Tường có 184 trường sơ-cấp và tiểu-học gồm 1.089 lớp, thu-nhận 62.408 học-sinh do 1.334 giáo-viên phụ-trách giảng dạy.

• Lễ khai-mạc Phòng Triển-lâm Hội-họa Mùa Xuân Quý-Mão kỳ V (đợt II : bột màu, phần tiên, tranh lụa, than chì, thủy-mặc) cử hành tại Phòng Thông-Tin Đô-thành, 165 đường Tự-Do Sài-gòn, đúng 10 giờ, ngày 18 tháng 5 năm 1963. Buổi lễ đặt dưới quyền chủ-tọa của Ông Tổng Giám-Đốc Thông-Tin. Triển-lâm này trưng-bày 110 họa-phẩm và mở cửa đến 27-5-63.

• Sáng 19-5-63, cuộc triển-lâm của họa sĩ Võ-Doãn-Giáp để lấy tiền giúp các nạn-nhân hỏa-hoạn đã khai-mạc tại Phòng Thương-Mại Sài-gòn, dưới sự chủ-tọa của ông Cao-Văn-Tường, Dân-Biểu Quốc-Hội, đại-diện ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội kiêm Chủ-Tịch Phong-trào Tương-trợ đồng-bào bị nạn hỏa-hoạn và bão lụt.

Cuộc triển-lâm này gồm có 48 bức tranh lụa, 8 bức tranh sơn dầu, 6 bức phần tiên, 4 bức bột màu và 14 tranh vẽ. Họa-sĩ Võ-Doãn-Giáp đã trình-bày đủ mọi đề-tài : phong-cảnh, nhân-vật, hoạt-cảnh, ngựa, chim, tĩnh-vật, hoa . . . Trong số các họa-phẩm được nhiều người chú-ý nhất có những bức « Hai chị em » (số 4), « Ngựa rừng » (số 2), « Gió Trắng » (số 6), « Bên Suối Cam-Ly » (số 64), v.v.. Về loại tranh vẽ, bức « Thiểu-nữ Việt » cũng được mọi người tán-thưởng.

Cuộc triển-lâm của họa-sĩ Võ-Doãn-Giáp mở cửa cho tới hết ngày 31-5.

• Tối 24-5-63, ông Lê-Văn-Đệ, Giám-đốc Trường Cao-đẳng Quốc-Gia Mỹ-thuật Gia-Định, đã khai-mạc Triển-lâm họa-phẩm của hai họa-sĩ Marylyn Thompson và Duy-Thanh, tổ-chức tại quán rượu của Hội Việt-Mỹ.

Tại Triển-lãm này, Bà Marylyn Thompson trưng bày 20 bức tranh sơn dầu về phong-cảnh, hoa quả, tĩnh-vật, chân-dung, bố-trí nhân-vật, còn họa-sĩ Duy-Thanh trưng-bày 6 họa-phẩm.

• Sáng 28-5-63, ông Nguyễn-Duy-Miễn, Văn-hóa-vụ-trưởng Nha Tổng Giám-đốc Thông-Tin đã chủ-tọa lễ khai-mạc triển-lãm họa-phẩm của họa-sĩ Văn-Đen tổ-chức tại Phòng Thông-tin ĐĐ-thành. Họa-sĩ Văn-Đen trưng bày 82 họa-phẩm sơn dầu gồm 9 bức về tĩnh-vật, 39 bức về phong-cảnh, 30 bức về chân-dung và 4 bức đặc-biệt có đề-tài.

• Một cuộc triển-lãm họa-phẩm của các bệnh-nhân Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa được tổ-chức tại Phòng Thông-Tin, đường Tự-Do, từ 6 đến 11-6-63. Triển-lãm này đặt dưới sự bảo-trợ của Giáo-sư Trần-Đình-Đệ, Bộ-Trưởng Y-tế và ông H.A F Hohler, Đại-sứ Anh tại Việt-Nam. Tiền bán các họa-phẩm dùng vào việc cải-thiện các tiện-nghi trị-liệu tại bệnh-viện. Tại Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa, các bệnh-nhân đã thuyên giảm đều được khuyến-kích học vẽ tại một Trung-tâm Hướng-nghiệp đặt trong Dưỡng-trí-viện. Biện-pháp này có mục-dịch giúp họ lấy lại thăng-bằng trước khi trở về đời sống tập-thể.

• Họa-sĩ Nguyễn-Lâm và Nguyễn-Phước trưng-bày họa-phẩm tại Phòng Thông-Tin Vũng-Tàu, tỉnh Phước-Tuy, từ ngày 25 tháng 5 đến ngày 8 tháng 6 năm 1963. Triển-lãm này gồm có 26 bức tranh phong cảnh, hoa, tĩnh-vật, chân-dung, bố-cục nhân-vật và sinh-hoạt, của họa-sĩ Nguyễn-Lâm và 12 bức khác của ông Nguyễn-Phước. Họa-sĩ Nguyễn-Lâm đã được bằng tưởng-lệ của Đại-hội Triển-lãm Hội-họa Mùa Xuân 1961, với họa-phẩm «Người Mù» và một huy-chương bạc Đại-hội Triển-lãm Mùa Xuân 1962.

B. TIN NGOÀI NƯỚC

1. ÔNG LÂM-LÊ-TRINH KIÊM-NHIỆM CHỨC VỤ ĐẠI-SỨ TẠI TEHERAN.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa vừa ký sắc-lệnh số 46-NG ngày 3 tháng 5 năm 1963 thiết-lập một Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Teheran và cử ông Lâm-Lê-Trinh, Đại-Sứ Việt-Nam tại Ankara (Thổ-Nhi-Kỳ), kiêm nhiệm chức-vụ Đại-Sứ Việt-Nam cạnh Chính-phủ Iran (Ba-Tur).

Vương-quốc Iran công-nhân Việt-Nam Cộng-Hoà trên pháp-lý vào ngày 30 tháng 5 năm 1962. Vị tân Đại-Sứ Việt-Nam tại Teheran, ngoài trú-nhiệm-sở ở Ankara còn có kiêm nhiệm-sở khác ở hai quốc-gia Liban và Jordanie.

2. ĐẠI-HỘI LIÊN-HIỆP CỰU CHIẾN-SĨ THẾ-GIỚI THẢO-LUẬN VỀ DỰ-QUYẾT LIÊN-QUAN ĐẾN CỰU CHIẾN-SĨ VIỆT-NAM.

Hội Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam vừa cho biết ba nhân-viên sau đây của Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Đại hội thứ 10 của Liên-hiệp Cựu chiến-sĩ Thế-giới khai-mạc hôm nay tại Copenhagen, đã rời Sài-gòn 5-5-63.

Trung-Tá Trương-Khuê-Quan, Tổng Thư-ký Hội Cựu-Chiến-sĩ, Thiếu-Tá Phạm-Đỗ-Thanh, Ủy-viên Pháp-chế, Trung-Tá Lê-Văn-Thông, Ủy-viên Hướng-nghiệp.

Trung-Tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ, Chủ-Tịch Hội Cựu-Chiến-sĩ, Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam, đã đi Copenhagen hôm 3-5-63, còn nhân-viên thứ 5 của Phái-đoàn là ông Nguyễn-Duy-Toàn, Xứ-lý Thường-vụ Sứ-quán ở Darka.

Hội Cựu Chiến-sĩ cũng cho biết rằng Đại-hội Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ dành phiên họp ngày thứ Tư 8-5 để thảo-luận về các dự quyết liên-quan đến hoạt-động của cựu chiến-sĩ Việt-Nam, như việc tổ-chức tại Sài-gòn một Hội-nghị Pháp-chế các cựu chiến-sĩ các nước Á-Châu và Viễn-Đông, và việc trao-đổi ý-kiến về vấn-đề chỉnh-hình giữa Việt-Nam và các nước Phi-Châu.

3. VIỆT-NAM THAM-DỰ MỘT KHÓA HỘI-THẢO CỦA TỒ-CHỨC Y-TẾ QUỐC-TẾ Ở MANILLE.

Bác-sĩ Phạm-Phu-Khai, Giám-Đốc Bệnh-viện Chợ-Rẫy và Bác-sĩ Trương-Minh-Các, Chánh Sự-Vụ Sở Y-Tế tại Bộ Y-Tế, đại-diện Việt-Nam tham-dự một khóa Hội-thảo, do Văn-phòng địa-phương Tây Thái-Bình-Dương của TỒ-chức Y-tế Quốc-tế mở ở Manille, Thủ-đô Phi-Luật-Tân.

Khóa Hội-thảo này thảo-luận về « Vai trò của Bệnh-viện trong các Chương-trình Y-tế công-cộng ».

Các đại-diện của 16 nước và lãnh-thò trong vùng cùng các quan-sát-viên của nhiều nước khác trên thế-giới tham-dự khóa hội-thảo này, họp từ ngày 13-5 đến 20-5.

4. MỘT NGHIỆP-ẢNH-GIA VIỆT-NAM ĐƯỢC GIẢI-THƯỞNG PHIM THỜI-SỰ CỦA MỸ.

Ông Hà-Thúc-Cần, số nhà 27, đường Ngô-Đức-Kể, Sài-gòn, vừa trúng giải nhì trong kỳ thi hàng năm lần thứ 20 về phim thời-sự của Mỹ, do Hiệp-hội Nghiệp-ảnh-gia báo-chí Hoa-Kỳ tổ-chức cùng với Trường Báo-chí thuộc Viện Đại-Học Missouri và nhà xuất-bản « World Book Encyclopedia ». (Từ-điền Bách-khoa Thế-giới). Từ nhiều năm nay, ông Hà-Thúc-Cần là một nghiệp-ảnh-viên ban Tin-Tức của hãng Columbia Broadcasting Service (CBS).

Công việc của ông là quay những cuốn phim thời-sự ngắn cho hãng CBS ở Việt-Nam và đã nhiều lần ông Cần được phép đi theo quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong các cuộc hành-quân.

Cuốn phim ông Hàn-Thúc-Cần được giải-thưởng nói trên là một trong những cuốn phim ông đã quay được tại mặt trận. Ông Cần quê-quán tại Huế, năm nay 36 tuổi và vẫn sống độc-thân. Theo ông cho biết, đã nhiều lần ông phải liều mạng xông-pha nơi đạn lửa để quay lấy những mẫu phim thời-sự và sẵn-sàng làm như vậy nhiều lần nữa để phục-vụ nghề-nghiệp.

Giải-thưởng của ông Cần gồm có một bộ từ-điền bách-khoa 20 cuốn và một bộ về thủ-công trẻ em 15 cuốn.

5. PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THAM-DỰ KHÓA HỘI-THẢO TẠI PHI-LUẬT-TÂN VỀ VAI TRÒ PHỤ-NỮ TRONG VẤN-ĐỀ MỞ-MANG THÔN-QUÊ.

Một phái-đoàn phụ-nữ gồm 4 nhân-viên tham-dự khóa Hội-thảo địa-phương về vai trò phụ-nữ trong vấn-đề mở-mang thôn-quê tổ-chức tại Manille và Baguio (Phi-Luật-Tân) từ 31-5 đến 14-6-1963.

Thành-phần phái-đoàn như sau: Cô Phùng-Thị-Bách, Xứ-lý Thường-vụ Phòng Sinh-hoạt Gia-đình tại Bộ Cải-Tiến Nông-Thôn; Cô Trần-Thị Cầm-Tuyên, kiêm-sự Nông-chính, phụ-trách công-tác sinh-hoạt gia-đình tỉnh Thừa-Thiên; Bà Huỳnh-Thành-Nhận, Giáo-sư trường Trung-học Gia-Long; Cô Trịnh-thị-Minh-Hà, Bác-sĩ Y-khoa.

Tham-dự khóa Hội-thảo này có ước độ 60 nữ đại-biêu và quan-sát-viên của 16 quốc-gia và lãnh-thò, sau đây: Miến-Điện, Cambodge, Trung-Hoa Dân-Quốc, Indonésia, Đại-Hàn, Ai-Lao, Phi Luật-Tân, Thái-Lan, Úc-Đại-Lợi, Hương-Cảng, Nhật-Bản, Mã-Lai, Tân-Tây-Lan, Tân-Gia-Ba, Hoa-Kỳ, Việt-Nam Cộng-Hòa.

Khóa Hội-thảo này tổ-chức lần thứ nhất tại Viễn-Đông đặt dưới quyền bảo-trợ của Chính-phủ Phi-Luật-Tân và Hoa-Kỳ.

6. TÒA ĐẠI-SỨ VIỆT-NAM TỔ-CHỨC MỘT CUỘC TRIỀN-LÂM VĂN-HÓA VÀ TIÊU-CÔNG-NGHỆ TẠI BA-LÊ.

Ngày 21-5-63, Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Pháp sẽ tổ-chức một cuộc triển-lâm văn-hóa và triển-lâm tiêu-công-ngệ Việt-Nam tại Viện Pháp-Việt, đường Saint-Jacques, Ba-Lê, để trình-bày những sản-phẩm mỹ-thuật và tiêu-công-ngệ của Việt-Nam như: tranh lụa đồ gỗ, đồ sơn mài, đồ mỹ-thuật cổ, đồ ngà, đồ sứ, hàng thêu, thảm dệt, v.v...

Trong việc tổ-chức cuộc triển-lâm này, Tòa Đại-sứ Việt-Nam đã góp sức với Viện Pháp-Việt.

7. ĐẠI-SỨ PHẠM-KHẮC-HY KHAI-MẠC CUỘC TRIỀN-LÂM TIÊU-CÔNG-NGHỆ VIỆT-NAM TẠI BA-LÊ.

Hôm 21-5-63, Bác-sĩ Phạm-Khắc-Hy, Đại-sứ Việt-Nam tại Ba-Lê, đã khai-mạc cuộc Triển-lâm Tiêu-công-ngệ Việt-Nam tổ-chức tại Viện Pháp-Việt.

Cuộc Triển-lâm này không những chỉ trưng-bày các đồ bằng sơn mài, các tranh lụa, các ngà voi, các đồ thêu và các bức thảm tối-tân nhưng còn có một số cổ-vật từ thế-kỷ XVII và XVIII của các sưu-tập tư-nhân ở Huế và Sài-gòn, như kiếm cổ, huy-chương bằng bạc, vàng và ngọc-thạch, chiếu phong tước viết trên gấm, ấn-trịện v.v...

Trong một diễn-văn ngắn đọc nhân dịp này, ông Hồ-Đình-Xuân, người đứng ra tổ-chức Triển-lâm, đã đề-cập đến thi-văn Việt-Nam thường là những đề-tài cấu-tạo các đồ tiêu-công-ngệ.

Kể đó, Đại-sứ Việt-Nam lên tiếng khen ngợi nhà tổ-chức đã đưa trưng-bày tại Pháp những tác-phẩm của tiêu-công-ngệ-gia lành nghề mà thực ra họ chính là những nghệ-sĩ lỗi-lạc.

Trong số các quan-khách tham dự buổi lễ khai-mạc, người ta nhận thấy ông Gustave Meillon, Giám-Đốc Viện Pháp-Việt, ông Toàn-quyền Chauvet và nhiều nghệ-sĩ nhóm Pháp-Việt.

8. HAI CUỐN PHIM VỀ PHONG CẢNH VÀ ÁP CHIẾN-LƯỢC Ở VIỆT-NAM ĐƯỢC TRÌNH-BÀY VỚI CÔNG-CHỨNG ANH-QUỐC.

Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Luân-Đôn đã tổ-chức hôm 24-5-63 thứ Sáu, một buổi chiếu phim ở rạp « National Film Theater », tại thủ-đô Anh để trình-bày với công-chúng Anh hai cuốn phim Việt-Nam: "phong-cảnh Việt-Nam" và "đời

sống trong các Ấp Chiến-lược", nhân dịp kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiến-lược của Việt-Nam.

Ông Ngô-Đình-Luyện, Đại-sứ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Anh-Quốc, đã tới dự buổi chiếu phim này. Ngoài buổi chiếu phim, Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Luân-Đôn từ một tháng nay còn tổ-chức các hội trình-bày tranh-ảnh hay nói chuyện cũng trong khuôn-khổ ngày kỷ-niệm nói trên. Các vị Trưởng-nhiệm-sở Ngoại-giao tại thủ-đô Anh và các vị Nghị-sĩ, đại-diện báo-chí cùng nhiều nhân-vật Anh và ngoại-quốc đã đến dự buổi chiếu phim Việt-Nam. Sau buổi chiếu phim, Tòa Đại-sứ Việt-Nam đã tổ-chức một tiệc rượu.

9. BUỔI NÓI CHUYỆN TẠI HÁN-THÀNH VỀ CUỘC CHIẾN-ĐẤU CHỐNG CỘNG CỦA VIỆT-NAM.

Ông Nguyễn-Quý-Anh, Đại-Lý Đại-sứ Việt-Nam tại Đại-Hàn, đã tuyên-bố ngày 25-5-63 rằng cuộc chiến-đấu hiện nay tại Việt-Nam nhằm bảo-vệ chủ-quyền quốc-gia, chống lại những hoạt-động phá-hoại và những cuộc tấn-công vũ-trang của Cộng-sản.

Ngỏ lời trước hơn 300 đại-diện báo-chí và các Viện Đại-học tại Trung-tâm báo-chí Hán-Thành, ông Nguyễn-Quý-Anh tuyên-bố tiếp rằng nếu không có cuộc chiến-đấu anh-dũng của nhân-dân Việt-Nam, những hoạt-động phá-hoại và những cuộc tấn-công của Cộng-sản sẽ đe-dọa toàn-thể miền Đông Nam-Á và cả Thế-giới Tự-do nữa.

Ông Nguyễn-Quý-Anh cũng đã nhấn mạnh rằng cuộc đấu-tranh tại Việt-Nam hiện nay là một cuộc đấu-tranh chính-trị và xã-hội, nhằm mục-đích đem lại cho dân-chúng một phẩm-giá mới và giúp họ ý-thức được vai trò của họ trong công-kuộc xây-dựng một xã-hội dân-chủ.

10. MỘT CHUYÊN-VIÊN VIỆT-NAM VỪA ĐẬU BẰNG TẤN-SĨ KỸ-SƯ.

Ông Nguyễn-Khắc-Nhân, Kỹ-sư Đại-học và Thủy-lợi tốt-nghiệp Ecole Nationale Supérieure d'Electrotechnique et d'Hydraulique ở Grenoble đã đệ trình hai luận-án Tấn-sĩ ngày 17-5 vừa qua tại Khoa-học Đại-học-đường Grenoble, về hai đề-tài sau đây:

"Nghiên-cứu về các chế-độ điều-hành khác nhau của một hệ-thống chuyên-vận tinh-lực cao-áp".

"Các nguồn thủy-điện-lực ở Việt-Nam".

Ông Nguyễn-Khắc-Nhân đã được chấm đậu bằng Tấn-sĩ Kỹ-sư (hạng Tối Danh-dự) với lời khen của Ban Giám-khảo.

Ông Nguyễn-Khắc-Nhân hiện là Giám-Đốc trường Cao-đẳng Điện-học Phú-Thọ và là Phụ-tá Tổng-Cuộc Trường Điện-Lực-Cuộc Việt-Nam.

11. HAI HỌC SINH VIỆT-NAM ĐƯỢC GIẢI-THƯỞNG TRONG CUỘC TRIỂN-LÂM MỸ-THUẬT HỌC-SINH THẾ-GIỚI TẠI HÁN-THÀNH.

Hai học-sinh Việt-Nam, em Nguyễn-Thượng-Côn, trường Mỹ-nghệ Thực-hành Biên-Hòa và em Từ-Quý-Châu, trường Trung-học Nguyễn-Trãi Sài-gòn, vừa chiếm được hai giải thưởng quan-trọng tại cuộc*Triển-lâm Mỹ-thuật Học-sinh Thế-giới tại Hán-Thành (Đại-Hàn). Đây là cuộc triển-lâm hàng năm lần thứ 4 tại Thủ-đô Đại-Hàn.

Bức họa "Ấp Chiến-lược" của em Nguyễn-Thượng-Côn đã trúng giải thưởng của ông Chủ-tịch cuộc Triển-lâm và họa-phẩm "Small craft" của em Từ-Quý-Châu được thưởng giải kỷ-niệm Tan-Won.

Ông Tongsik Cho, Chủ-tịch Ủy-ban Tổ-chức cuộc Triển-lâm nói trên vừa gửi qua bưu-hàm ngoại-giao đến ông Giám-đốc Mỹ-thuật Học-vụ 2 tấm "lắc" sơn có khảm sà cừ, và các bằng thưởng đề nhờ trao lại cho hai học-sinh trúng giải.

Cuộc triển-lâm mỹ-thuật học-sinh thế-giới tại Hán-Thành do Trường Nữ Trung-học Dongduk dưới sự tổ-chức, dưới sự bảo-trợ của Bộ Giáo-Dục và Thông-Tin Đại-Hàn, tại Phòng Triển-lâm Mỹ-Thuật Quốc-gia, thuộc Dinh Kyung Bok ở Hán-Thành, từ ngày 3 đến ngày 17-5-63.

12. VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TẾ LAO-ĐỘNG (GENÈVE).

Chiều 30-5-63, Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự khóa họp thứ 47 Hội-ngị Quốc-tế Lao-động đã rời Sài-gòn đi Genève.

Phái-đoàn này do ông Nguyễn-Lê-Giang, Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Lao-Động hướng-dẫn, gồm các ông Phan-Trọng-Nhiễm, Tổng Thư-Ký Bộ Lao-Động đại-diện Chính-Phủ, Trần-Văn-Lộc, Chủ-Tịch Phòng Thương-Mại Sài-gòn, đại-diện chủ-nhân, Đàm-Sỹ-Hiến, Phó Chủ-Tịch Tổng Liên-Đoàn Lao-Công, đại-diện công-nhân.

Ông Phan-Trọng-Nhiễm đã rời Sài-gòn ngày 27-5-63 để dự kỳ họp thứ 155 Hội đồng Quản-trị Tổ-chức Lao-động Quốc-tế.

Theo các giới thạo tin, người ta cho rằng đại-biêu công-nhân của Phái-đoàn Việt-Nam sẽ ứng-cử vào Hội-đồng Quản-trị Tổ-chức Quốc-tế Lao-động, phải bầu lại trong khóa họp này.

Hội-đồng Quản-trị có 40 nhân-viên gồm 20 đại-biểu Chính phủ, 10 đại-biểu chủ-nhân và 10 đại-biểu công-nhân. Đại-biểu chủ-nhân và đại-biểu công-nhân sẽ do đại-biểu các giới liên-hệ tham-dự Hội-nghị bầu-cử. Hai đại-biểu chủ-nhân và hai đại-biểu công-nhân phải thuộc các quốc-gia ngoài Âu-Châu. Ngoài ra, điều-lệ Hội-nghị và điều-lệ Hội-đồng Quản-trị dự-trừ việc bổ-nhiệm các đại-biểu phụ-tá.

NORMAL SCHOOLS SEEK 1,000 NEW STUDENTS.

Competitive entrance examinations will be held July 17 to admit 1,000 new students to the Saigon, Vinh Long and Qui Nhon normal schools.

The Saigon school will admit 400 students to its two-year regular section, while the other schools will each accept 300.

Applicants must hold the Baccalaureat diploma, Part I, and be from 18 to 23 years old. The age limit may be extended up to 28 for certain civil servants or ex-servicemen.

VIETNAMESE TELLS WCOTP MEET TEACHERS MUST PLAY WIDER ROLE.

One of Viet Nam's four delegates to the first WCOTP-sponsored conference on «The Conditions of Teachers in Asia» has called on Asian countries to adopt their concepts of education to their respective urgent needs.

Mr. Nguyen Huu Chinh, an executive member of the World Confederation of Organizations of the Teaching Profession, strongly recommended that the role of teachers be readjusted to their countries' «revolutionary demands». He said that in the world's present situation, it is the duty of teachers not to concern themselves exclusively with their classes but also to help solve the problems facing their countries.

The conference met in New Delhi May 29-June 5 with the participation of some 20 Asian countries. The three other Vietnamese delegates returned here yesterday, but Mr. Chinh has gone to Algiers to confer with the education authorities there in his capacity as a WCOTP executive officer.

VIET-NAM CONTRIBUTES US\$ 25,000 TO UNESCO.

Viet-Nam will contribute US\$ 25, 000 to the operations of UNESCO for this year and 1964.

The contribution will be paid in French francs to UNESCO headquarters in Paris.

VIETNAMESE STUDENT GETS TOP HONORS AT U.S. UNIVERSITY.

An exchange student from Viet-Nam will lead 653 University of New Hampshire seniors Sunday in the march up the aisle to receive their degrees.

Nguyen Duc Cuong, 21, was chosen for the honor as the top-ranking student in his class. He came close to achieving a straight «A» record during his four years at the university.

TWO NEW VIETNAMESE DOCTORS OF PHYSICS.

Two Vietnamese students in France have just received doctorate degrees in physics with honors.

Mr. Tran Thanh Van won special praise from a Paris jury, which commented that he had submitted «one of the best physics theses in the past few years». Mr. Van passed with the «Very Honorable» mention.

The second student, Mr. Pham Van Huong of Bordeaux University Faculty of Science, got the same degree with the «Honorable» mention and the congratulations of the jury.

TIN SÁCH BÁO MỚI NHẬN

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhã ý gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân-mến :

TÒ-QUỐC, Phú-Mậu Trần-xuân-Đàn, do tác-giả xuất-bản tại Huế, 1961 50 trang (giấy blanc fin), giá 15\$. Thi-phẩm này gồm những bài thơ trường-thiên chứa-chan tình-cảm, lời thơ bình-dị và lưu-loát, đọc lên dễ gọi lòng yêu nước, thương nòi, và khích-lệ chí quyết-tiến của thanh-niên và chiến-sĩ Việt-Nam.

HỒN ĐẤT NƯỚC, Phú-Mậu Trần-xuân-Đàn, do tác-giả xuất-bản tại Huế, 1962, 46 trang (giấy blanc fin), giá 10\$.

Thi-phẩm này cũng do thi-sĩ Trần-xuân-Đàn trước-tác, sau khi cho xuất-bản tập thơ « Tò-quốc » nói trên. Tác-giả vẫn dùng thể song-thất lục-bát để gọi lòng thiết-tha yêu nước của toàn-thể đồng-bào, theo như mấy vắn thơ sau đây của thi-sĩ họ Trần :

— Người yêu nước bày mưu cứu nước,
Kẻ thương dân liệu chước cứu dân.
Từ nơi xa đến chỗ gần,
Tham-gia phổ-biến tinh-thần quốc-gia.
— Có hoa vẫn có hoa trước trước,
Non nước là non nước ngày xưa.
Tuy rằng năm tháng trôi đưa,
Nghìn thu sử-sách vẫn chưa phai mờ.

KIỆN-VĂN TIÊU-LỰC (quyển nhất), Quế-Đường Lê-quý-Đôn biên-soạn, Trúc-viên Lê-mạnh-Liêu phiên-dịch, do sở Tu-Thư Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản Sài-gòn, 1963, dày gần 400 trang, giá 120\$.

Theo lời soạn-giả, sách này không nên coi là một cuốn tiêu-thuyết mà là « một mối lớn về lời nói, việc làm và sự học hỏi » của các vị tiền-bối để lại. Thánh hiền xưa đã dạy : « Người nào hiểu biết được nhiều lời dạy hay của cổ-

[Tập XII, Quyển 6 (Tháng 6, 1963)]

nhân thì đem những điều đó mà sửa mình, có thể nâng cao trình-độ mình lên, bằng đem dùng ra đời, đời có thể trở nên đời tốt. Người nào nghiên-cứu được nhiều lời dạy cao rộng và sách vở phép-tắc của cổ-nhân thì biết ứng đối khi có người hỏi đến, hoặc khi làm việc, nhờ đó có thể cân-nhắc lẽ phải quấy ».

Độc quyền sách này, ấn-hành trong khuôn-khổ chương-trình hợp-tác giữa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Phái-bộ viện-trợ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam, rất bổ-ích cho đường xử-thế và làm giàu thêm kiến-văn cho độc-giả.

BUỐC THỜI-GIAN, Trúc-Anh-Tâm, do nhà in Nam-Việt ấn-hành tại Đà-Nẵng, 1963, 90 trang giấy trắng, giá 25\$.

Đây là thi-phẩm đầu-tiên của Trúc-Anh-Tâm. Tập¹ thơ này gồm 25 bài thơ, lời lẽ thanh-tạo, ý-tưởng đời-đào, và theo lời thi-sĩ Thân-Liên Lê-văn-Tất nhận-xét trong bài tựa :

*Vui-buồn xáo trộn lẫn nhau,
Độc qua, lòng thấy nao nao... cảm-hoài.*

Thư-từ và bu-phiếu xin gửi về Ô. Trúc-Anh-Tâm (96, Đường Phan-Chu-Trinh, Đà-Nẵng).

QUAN-NIỆM và SÁNG-TÁC THƠ, Đoàn-Thêm, Viện Đại-Học Huế xuất-bản năm 1962, 456 trang giấy trắng mịn. Khổ 20cm x 13cm 5, Giá 75\$.

Sau khi cho xuất-bản quyền sách « Tìm hiểu Hội-Họa » để giúp độc-giả có những thường-thức căn-bản về thưởng-ngoạn bức tranh và có những nhận xét chắc-chắn về mọi ngành, mọi nhóm và các nhà danh-họa, thi-sĩ họ Đoàn lại cho xuất-bản quyền sách nói trên đây rất có giá-trị, không kém gì quyền « Tìm hiểu Hội-Họa ».

Có thể nói rằng tác-phẩm này là cuốn sách quốc-văn đầu tiên tập-trung đầy đủ nhất những quan-niệm và sáng-tác Thơ theo lời thi-nhân, học-giả và triết-nhân cổ kim bên Tây-phương.

Khi lựa chọn kỹ-lưỡng và trích-dịch rất sát ý-nghĩa « một số tư-tưởng nào xét ra có ích-lợi chung cho các độc-giả, các nhà phê-bình hoặc các thi-nhân », thi-sĩ họ Đoàn chủ-ý muốn bạn đọc « hiểu các thi-nhân nhiều hơn, hiểu đường lối của họ, những nỗi khó-khăn mà họ đã gặp, những giai-đoạn mà họ từng qua ».

Sách này gồm 2 phần chính và một phần phụ-lục :

(1) *Ý-kiến các thi-nhân* (80 vị) trình-bày và xếp đặt theo từng vấn-đề cho dễ đường so-sánh: Thơ là gì, Hồn thi-nhân, Lãnh-vực và mục-dịch thơ, Thi-nhân và thời-gian, Thiên-tài và công-phu, Thi-hứng và hoạt-động sáng-tác, Các nguồn thơ, v. v...

(2) Ý-kiến của các học-giả triết-nhân, nhà phê-bình (17 vị): Ý-kiến tổng-quát về thơ, Thiên-tài, thi-hứng và sáng-tác, Các nguồn thơ, Thế nào cho nên thơ, Thi-nhân và ngôn-ngữ, Thi-nhân và độc-giả.

(3) Phụ-lục: Danh-mục và tiểu-sử các thi-nhân học-giả có tên kê trong sách này.

Nói tóm, độc-giả nhờ đọc tác-phẩm nói trên dịch-thuật, trình-bày và phân-loại rất công-phụ, cò thể « nhận-định được dễ-dàng các đồng-diềm cùng các mâu-thuần mà xét đoán hoặc tìm lập-trường cho mình » trong kỹ-thuật sáng-tác thi-ca.

LANH MẠNH, tập-san Khoa-học, văn-hóa và xã-hội, Đã phát hành số 80 tháng 5 năm 1963 tại Huế, 32 trang khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Tâm-hồn Cao-Bá-Quát, Thi-ca tiền-chiến và nguồn mỹ-cảm của con người, Những mảnh hồn dân-tộc qua ca-dao lịch-sử, Vì nghĩa công quên thù riêng, Ngày giỗ tại Việt-Nam, Việt-Nam chữ S, Một khám-phá của vệ-tinh về hình-thể trái đất, Tỏ-chức giáo-dục về khoa-học và kỹ-thuật ở Tây-Đức, Cách sử-dụng sữa hộp, v. v. . .

TIN SÁCH, nguyệt-san do Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản. Đã phát hành số 11 (bộ mới) tháng 5 năm 1963 tại Sài-gòn, 32 trang, giá 5\$.

Số này xuất-bản những sách mới xuất-bản trong tháng. Ngoài ra, lại có những bài sáng-tác và phê-bình những sách mới ấn-hành (Vài nhận-xét về sách tái-bản), Phê-bình sách: Xây-dựng tác-phẩm tiểu-thuyết, Những vần thơ trẻ, Thảo-luận về cuốn « Ai sẽ thắng ».

QUÊ HUƠNG, nguyệt-san nghiên-cứu chính-trị. Đã phát-hành số 46 tháng 4 năm 1963 tại Sài-gòn, dày 160 trang, giá bán 20\$.

Nội-dung gồm những bài: Khoa-học và chánh-trị, một vấn-đề then-chốt hiện nay, Vai trò hương-ước trong quốc-sách ấp chiến-lược, Thế-giới quân-bình, Những bầy trẻ, Vài nhận-xét về luật thiếu-nhi phạm-pháp, Vấn-đề cấu-tạo tư-bản trong vùng chậm-tiến, Kỹ-thuật dân-chủ, Chế-độ điền-địa và chính-sách nông-nghiệp, v. v. . .

ĐẠI-HỌC, tạp-chí nghiên-cứu của viện Đại-học Huế. Đã phát-hành số 32 tháng 4 năm 1963 tại Huế, 140 trang, giá 20\$.

Nội-dung gồm những bài: Tiến-trình hình-thành của dân-tộc Việt-Nam, Vài ý về u-mặc, Mấy điều ghi nhận về ý-niệm công-bình, Sống chung hòa-bình, Kịch-gia Ionesco, Đọc quyền Việt-Nam ca-trù biên-khảo, v. v. . .

SÁNG DỘI MIỀN NAM, nguyệt-san nghiên-cứu văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành số 46 tháng 4 năm 1963 tại Sài-gòn, 36 trang giấy tốt khổ lớn, giá 15\$.

Nội-dung gồm những bài: Vài đặc-diềm trong chánh-sách Lao-Động của Việt-Nam Cộng-Hòa, Thơ « Bờ-đề hành », Văn-đề nhân-công và huấn-nghệ, Tranh về Ấp Chiến-lược của thiếu-nhi, Hương-ước trong Ấp chiến-lược, Địa-vị kinh-tế của Biên-Hòa, Ngành tâm-tang tại miền Nam, Dương-tri-viện Biên-Hòa, v. v. . .

MINH-TÂN nguyệt-san, cơ-quan chấn-hưng Khổng-Học. Đã phát hành số 105 tháng 4 năm 1963 tại Sài-gòn, 44 trang khổ lớn, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Lịch-sử và dân-tộc, Tinh hữu-nghị Hoa-Việt và tương-lai vùng Đông-Nam Á-Châu, Chúng-tộc Việt-Nam, Tại sao cần phải chấn-hưng nền Khổng-Học, Một vấn-đề có tính-cách văn-học, Xuân-Thu trong-mục, Tả-truyện cú-giải, Ngày kỷ-niệm Đức Quốc-Tổ Hùng-Vương, Quan-diềm phương-pháp và đối-tượng của giáo-dục trong học-thuyết Khổng-Tử, v. v. . .

BÁCH-KHOA số 154 đã phát-hành ngày 1-6-63 tại Sài-gòn, 132 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Trước thế cờ độc của Bắc-Kinh, Nhà ngoại-giao Phan-Thanh-Giản, Ai là Adam, Lá thơ Thụy-Si, Niềm-tin mong manh, Những chặng đường quan-trọng của văn-học Liên-xô hiện-đại, Gian nhà của Matrona, Trả lời cuộc phỏng-vấn giới nhạc-sĩ, v. v. . .

GIÓ NAM, nguyệt-san văn-hóa và nghị-luận. Đã phát-hành số 56 tháng 5 năm 1963, 56 trang khổ lớn, giá 8\$.

Nội-dung gồm những bài: Tỏ-chức quản-trị Công-tác chiêu-hồi, Hai vấn-kiện lịch-sử trong ngày 17-4-1963, Nội-dung cuộc tranh-chấp Nga-sô và Trung-Cộng, Sự phát-triển của chủ-nghĩa phát-xít, Tuyên-truyền chính-trị là gì? Phở-đào Thái-Lang, Bệnh tăng huyết áp, Về di anh, Bài ca tuổi trẻ, v. v. . .

CHẤN-HUNG KINH-TẾ, cơ-quan thông-tin sưu-tầm và nghiên-cứu kinh-tế. Đã phát-hành số 327 ngày 30-5-63 tại Sài-gòn, 36 trang giấy tốt khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Văn-đề phát-triển, Du-luận thế-giới đối với quốc-sách ấp chiến-lược tại Việt-Nam Cộng-Hòa, Tình-hình và triển-vọng đường, Mức sống và nếp sống, Những yếu-tố tăng-giá hiệu-xuất, Công-việc kiểm-soát thi-hành ngân-sách, Kinh-tế và xã-hội, Nhà máy xi-măng Hà-Tiên, v. v. . .

VĂN-ĐÀN TUẦN BÁO số 31 (Bộ IV) từ 6 đến 13-6-6, đã phát-hành tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá 6\$.

Nội-dung gồm những bài: Giáo-Hoàng không chết, Có thể làm nghề đúng với chí-hướng hồi còn trẻ không, Sự-nghiệp Mark Twain và bàn tay của

người vợ hiền, Hai chiến-sĩ cần-vương tỉnh Bình-Định, Duyên tao-ngộ giữa thi-sĩ R. Browing và E. Barrett, v. v...

HÌNH ẢNH VIỆT-NAM số 63 tháng 5 năm 1963 đã phát-hành tại Sài-gòn, 20 trang giấy tốt khổ lớn, không ghi giá bán.

Nội-dung gồm nhiều tranh-ảnh về thời-sự Việt-Nam và có những bài: Phó Tổng-Thống Trần-Thành và Phái-Đoàn Trung-Hoa Dân-quốc chính-thức viếng thăm Việt-Nam Cộng-Hòa (từ 4 đến 9 tháng 3 năm 1963), Ngày Phụ-nữ Việt-Nam và Lễ kỷ-niệm Hai Bà Trưng tại Sài-Gòn, Xây Khóm Chiến-lược, đắp đường ven đê, Khánh-thành Bảo-Tháp tại Vũng-Tàu, v. v. . .

PHỒ-THÔNG số 104 phát-hành ngày 1-6-63 tại Sài-gòn, 148 trang, giá \$.

Nội-dung gồm những bài: Thái-độ xây lưng của sĩ-phu ngày trước, Thủ-Tướng Mac Millan, Những người diên thời-đại, Du-Ký nơi Phật nhập Niết-bàn, Bức thư Paris, Mỗi tình vô vọng của Brahms, Gió đêm ngoài phố, Ưc Thuận-Hóa cổ-sự, Tiếng nói của gái và trai thế-hệ, Tình sa-mạc, v. v. . .

THỜI NAY số 89 phát-hành ngày 1-6-63 tại Sài-gòn, 148 trang giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Chuyến bay của Cooper, Luther King, Ku khux klan, cơn ác mộng da đen. Vị Hoàng-Đế cuối cùng của Trung-Hoa, Phương-pháp định-hướng không cần địa-đàn, Lá thư Mỹ-quốc, Nếu loài vật đến trường..., Tắm, xưa và nay, Vòng số 8 trái đất, mặt trăng, trái đất, Theo gót Christophe Colomb, Ngọn đời vinh biệt, v. v. . .

CHIẾN-SĨ CỘNG-HÒA số 106 (Bộ mới) đã phát-hành ngày 15-5-63 tại Sài-gòn, 34 trang, không ghi giá bán.

Nội-dung gồm những bài: Học-tập tuyên-cáo của Tổng-Thống ban-hành chánh-sách chiêu-hồi, Cầu-tiến, Chim bay về tổ, Giá-trị của đạo-đức trong công-cuộc xây-đựng xứ-sở và con người, Lời mẹ tình quê, Anh quân-nhân gương-mẫu, Đọc thơ Chiến-sĩ, v. v. . .

MINH-LÝ

phần phụ-trương

HENRY F. BLOOD
Summer Institute of Linguistics
University of North Dakota

the vowel system of Uon Njuñ Mnong Rølom

0. Introduction
1. Phonetic Quality of Vowels
2. Contrasts Illustrated
3. Interpretation
4. Distribution
5. Observations

0. Introduction.

Rølom is one of a rather large number of dialects of the Mnong dialect group, which in turn is a member of the Mon-Khmer language family. The Mnong language area extends just a little under 200 kilometers east and west and roughly half that distance north and south in northeastern Cambodia and south central Vietnam. The Rølom dialect is spoken by approximately 4,000 people in the district of Lạc Thiện in the province of Đarlạc, Vietnam, generally southeast of Banmethuot and northwest of Dalat.

The Mnong dialects are closely related to Kòho¹, Stieng and Chrau². Apparently many of the Mnong dialects are not mutually intelligible. Within the

¹ See William A. Smalley, "Srà Phonemes and Syllables," *Journal of the American Oriental Society*, Vol. 74, No. 4, Oct. - Dec., 1955.

² See David D. Thomas, "Remarques sur la phonologie du Chrau", *Bulletin de la Société de Linguistique de Paris*, tome XLVI. (1962).

I am indebted to Mr. Thomas, a member of the Summer Institute of Linguistics, for numerous helpful suggestions in connection with the preparation of this paper. Mr. Milton Barker, also of S.I.L., likewise made many valuable suggestions.

Rolom dialect area itself, there are regular sound shifts and considerable vocabulary differences. The sub-dialect herein described is spoken by approximately 1,000 people with only minor changes from village to village in the vicinity of the district center, Lạc Thiện. My informant's³ village was Uon Njuñ.

The Uon Njuñ Rolom vowel system is of interest because it is a departure from the 3-3-3 arrangement⁴ of three degrees of height and three degrees of fronting often found in the Mon-Khmer languages in this area of Vietnam.

1. Phonetic Quality of Vowels.

There are sixteen vowel phonemes. They are:

Front	Central	Back
i		u
(i) ĩ ĩa ⁵	ũ	ũ ũ ũa ⁵
ê	â	ô
e	ă a	õ (o)

(The two forms in parentheses are allophones, the distribution of which will be discussed in the following section. They are included here the better to illustrate the pattern tendency toward phonetic symmetry).

³ From July, 1961 through May, 1962, my informant was Muom Nôm, a well-educated young man of about 22. He is almost completely bilingual, knowing the trade language, Rade, perhaps as well as his own language. This made it easy to check on unusual syllable and word patterns as to possible Rade origin.

I had previously studied for about a year with an informant from Uon Biep, 10 kilometers to the east of Lạc Thiện.

⁴ Smalley analyzes three degrees of height for the back vowels of Sré on the following basis: "/σ/ has two distinct allophones which cannot be separated in the present data: [σ], mid, back, varying to central unrounded, which occurs with /i/ (high, short tone-length component) and [o], low, open, back, slightly rounded, which occurs with /u/ (low, long tone-length component)".

Miss Beulah Bowen of the Christian and Missionary Alliance has since noted one very common exception to the above statement of complementary distribution in the word *dông*, 'large', where σ occurs with the low, long tone-length component. Since this puts -ông in contrast with -ong, it would seem that the four phonetic degrees of back vowel height in Sré would be most accurately analyzed as representing four phonemic degrees.

⁵ *ia* and *úa* are placed on the chart at mid-high front and back positions, since syllable center - when it is possible to ascertain it - is on the *i* and *ú* phones respectively. Also in words of the C₁V₁C₂ C₁V₂C₂ type, V₁ and V₂ are always of the same degree of phonemic height (except where V₂ is filled by *a/ă*) in all non-suspect occurrences. Since *ia* or *úa* in V₂ position are always preceded in this type of word by *ú* or *l* in V₁ position, *ia* and *úa* would be classified as mid-high vowels.

1.1 Front Vowels: Unrounded.

/i/ : High, close.

/ĩ/ : Mid-high, close.

This vowel has a short allophone which occurs only in the first syllable of a two syllable word of the C₁V₁C₂-C₁V₂C₂ pattern in which the vowel of the last syllable is short. (Cf. [nd̃ng-nd̃ng], /nd̃ng-nd̃ng/ 'eel' with [nj̃ng-njúang], /nj̃ng-njúang/ 'stilts').

/ia/ : Glided, close — mid-high front to mid-low central.

/ê/ : Mid, close.

/e/ : Mid-low, open.

1.2 Central Vowels: Unrounded

/ũ/ : Mid-high, close, short.

/â/ : Mid, close, short.

/σ/ : Mid, open, long, slightly glided. Glides toward mid-high close position.

The glide is most noticeable in open syllables. Of the two 'mid' vowels, *â* is often slightly lower than *σ*.

/ă/ : Low, open, short.

/a/ : Low, open, long.

Of these last two vowels, the short form is often a little higher, varying from low to mid-low.

1.3 Back Vowels: Rounded.

/u/ : High, close.

/ũ/ : Mid-high, close, short.

/ô/ : Mid-high, close, long.

/úa/ : Glided, close. — mid-high, back to mid-low, central.

/ô/ : Mid, close.

/õ/ : Low, close, short.

This vowel has a non-short allophone occurring before *k*, *ʔ* and *ʃ*. (Cf. [toʔ], /tõʔ/ 'yonder' with [tõk], /tõk/ 'take').

2. Contrastiveness Demonstrated.

2.1 Before *k* and *ng*.

While no one consonant has been found preceded by the full set of vowel contrasts, fifteen of the sixteen vowels have been found preceding the velar consonants *k* and *ng*. Only the mid-low front vowel /*e*/ is missing in this environment.

Front Vowels

- bing 'planet / large star'
 bing 'full' (of liquid)
 piang 'cooked rice'
 gêng 'only one' (tusk).

Central Vowels

- lũng 'to borrow without repaying'
 lãng 'throw'
 long 'to squirm' (Used only of a child registering displeasure at the position in which he is tied while being carried).
 lãng a fragrant grass-like leaf used for making beverages.
 lang 'unfold'

Back Vowels

- lung 'unmarried / barren'
 bũng 'spider'
 tut lũng a type of tree
 sũang 'step over'
 lũng ndrìh 'part' (in hair)
 lũng 'flesh / meat'.

It will be noted that the above list contains a minimal 'quadruplet' in which all four degrees of back vowel height occur in the environment, *l-ng*.

2.2 Front Vowels in Other Environments.

Their occurrence in the following environments collectively shows the full contrastiveness of the front vowels.

Before *h*:

- tìh 'mistake / sin'
 tìh 'grown up'
 tìah 'blind'
 tẽh 'to report'
 tẽh 'soil / earth'

In Open Syllables:

- ji 'sore / sick'
 nji, dı possessive indicators
 êê 'transverse floor beam'
 de 'she / her'.

Before *t*:

- hit hut the cry of a large bird
 ku ? ít 'small'
 ? iat 'hear'
 ? êt ? êt name of a bird

(The same vowels also occur before *k* and *ng*. See 2. 1.).

Before Glottal Stop:

- tì ? 'above / yonder to the east'
 jia ? 'to stain'
 kê ? 'to guard'
 le ? 'finished / all'.

3. Problems of Interpretation.

3.1 Vowel Height.

3.1.1 Suggested Methods of Reducing Front Vowel Height to Three Levels.

Although the front vowels have been interpreted as having four degrees of phonemic height, the fact that the full four degrees of height does not occur except in the highly suspect environments of *-h* and *-ø*, would suggest the possibility of an alternate interpretation by which the front vowel height is reduced to three degrees. Before *h* and *ø*, the set could be reduced to three by interpreting [-*êh*] as /-*eš*/ and [-*ê*] as /-*ey*/. The phonetic norm of *-š* is [-*ih*], so that [-*êh*] could be considered to be /-*êš*/ with the vowel raised by the *i* on-glide of the following consonant. This interpretation would result in the elimination of /*ê*/ from the 4-way contrast, leaving only /*i*/, /*i*/, and /*e*/.

The only other environments in which [*ê*] occurs are before *?*, *k*, *ng*, and *t*. Before *?*, only *i*, *ê*, and *e* occur. This makes it possible to interpret [i ? , ê ? and e ?] as /i ? , i ? , and e ?/ respectively.

Before *k*, *ng*, *t*, only [i, i, and ê] occur. To eliminate /*ê*/, [-*êk*], [-*êng*], and [-*êt*] may be interpreted as /*ek*/, /-*eng*/, and /-*et*/ in a manner parallel to the interpretation of [-i ?] and [-ê ?] as /-i ?/ and /i ?/.

Another possible means of reducing the front vowels to three, would be by analyzing [e] as an allophone of either /ä/ or /â/ on the basis of complementary distribution ([e] occurs only before *h*, *ʔ*, and *ø*; [ä] and [â] elsewhere).

3.1.2 Symmetry Favors Four Degrees of Front Vowel Height.

In the back vowels, however, which have the same four degrees of phonetic height (See phonetic chart in Section I), the four forms are unambiguously phonemic. Before the velar consonants, *k* and *ng*, there are the full four degrees of contrastive height — *u*, *û*, *ø*, and *o*⁶. Also, while *-h* and *-ø* are highly suspect environments following the front vowels, and an interpretation of [-êh] and [-ê] as /-eš/ and /-ey/ respectively, is a natural one, there are no such suspect sequences with the back vowels that would permit a parallel interpretation of the back vowels.

The fact that the front vowels display almost identical phonetic patterns, including the same four phonetic degrees of vowel height, would be an argument in favor of interpreting the front vowels as having four phonemic degrees of height.

3.1.3 Objections to Interpretations Resulting in only Three Degrees of Front Vowel Height.

Some objection can be raised to each of the suggested methods of reducing front vowel height to three degrees:

(a) Interpretation of [iʔ] and [êʔ] as /iʔ/ and /iʔ/, and of [êk] [êng], and [êt] as /ek/, /eng/, and /et/, would produce an undesirable intersection of vowel phonemes, with [ê] being assigned to both /i/ and /e/.

(b) The interpretation of [e] as an allophone of /ä/ or /â/ would be quite plausible distributionally. However, interpreting [e] as the long allophone of /ä/ in those environments where shortness is not permitted would be somewhat awkward when there is already existing an articulatorily-similar long [a] belonging to the /a/ phoneme.

Considering [e] as the long allophone of /â/ would be more plausible. The objection to a uniting of [e] and [â] into the central vowel /â/ is the considerable phonetic distance between the two phones in view of the lack of symmetry produced by such an interpretation.

⁶ /ø/ may not be analyzed as the short form of /ô/ since its non-short allophone [o] occurs before *ʔ* in contrast with *ø*.

3.1.4 Summary of Arguments Regarding Front Vowel Height

In sum, then, the only argument favoring reduction of the front vowels to three levels is *economy*. The arguments against such interpretations are mainly that they produce an *intersection of phonemes* and/or a *lack of symmetry*. On the other hand, symmetry favors the interpretation of four degrees of front vowel height.

3.2 Interpretation of Vowoid Sequences.

The following are all the vowoid sequences which may occur in Uon Njun Rølom.

3.2.1 In Open Syllables (i. e., syllables ending in vowoids):

-iü, -iü, -iaü, -ou, -äu, -au, -oi, -äi, -ai, -ui, -üi, -ueⁱ, and -üa. In all of these sequences, the normal syllable pattern would suggest that the final -u should be considered /-w/ and the final -i as /-y/. The interpretation of the sequences except -iaü (/iaw/), -üa, and -ueⁱ (/üey/) would be clearly VC.

3.2.2 Before *č* and *ñ*:

-rič, -oič, -äč, -aič, -uič, -üč, -üaič, -riñ, -oiñ, -äñ, aiñ, -uiñ, -üñ, -üaiñ. But -ič and -iñ may be interpreted as /č/ and /ñ/, since the palatal consonants are always preceded by the *i* on-glide. All except -üaič, and -üaiñ, then, would be clearly VC.

3.2.3 Before *h*: -iah, -oih, -üah, -uih, -üih.

[ih] has been interpreted as /-š/, a member of the palatal series, on the basis of complementary distribution and phonetic similarity with [š]. (The grounds for this interpretation will be more completely demonstrated in my forthcoming paper on the consonants of Mnong Rølom.)

-üeY. Y, a voiceless palatal fricative, is an allophonic form of /-š/ occurring after [-üe], so that [-üeY] could be tentatively interpreted as /-ües/.

All except -iah, -üah, and -üeY (/ües/), then, would be clearly VC.

3.2.4 Before All Other Consonants: -iaC and -üaC.

3.2.5 Conclusion.

The sequences left as apparently VVC are: -iaw, -iah, iaC, -üa, -üaič, -üaiñ, -üah, -üaC, -üey, and -ües. But *üe* occurs only before /y/ and /š/ where

úa never occurs. Thus, *ue* is in complementary distribution with *úa*, so that *-ue^v* and *-ueš* would be interpreted as */-úay/* and */-úas/* respectively. Some dialectal sound shifts⁷ also support this analysis. (It should be noted that interpretation of *[-úey]* and *[-úes]* as */-úy/* and */-ús/* is impossible as these phonetic sequences are in contrast with *[-úy]* and *[-úih]* which have already been interpreted as */-úy/* and */-ús/*.)

Interpretation of *[úe]* as */úa/* before */y/* and */š/* would reduce all vowel sequences in Uon Njuñ Rorom to either */ia/* or */úa/*. Since these glides are severely restricted in number, are irreversible, and are phonetically parallel (normally mid-high gliding to mid-low), and since normal syllable pattern has -VC, the glides are interpreted as unit vowels, rather than clusters. The interpretation of *ía* and *úa* as unit vowels would, in turn, eliminate all vowel clusters from the phonemic syllable patterns of Uon Njuñ Rorom.

3.3 Interpretation of Vowel Length.

Analysis of the four phonetic degrees of front vowel height as representing four phonemic degrees, gives symmetry between front and back vowel height. This suggests another problem — vowel length. The front and back vowels are likewise phonetically symmetrical at mid-high position, manifesting three 'length' types: short *[i, ú]*, simple *[i, ú]*, and glided *[ía, úa]*⁵. In the back vowels, each occurs before the velar consonants, *k* and *ng* (see 2. 1) and hence is phonemic.

In the front vowels, however, *i* has been found only in the first syllable of a few two syllable words in which the vowel of the second syllable is short (see 1. 1). All two-syllable words of the type *C₁V₁C₂-C₁V₂C₂* have both vowels of the same phonetic length type — either both short or both non-short. This is a clear conditioning factor, so that *[i]* is interpreted as an allophone of */i/*. *i*, then, is a basically non-short vowel with a short allophone occurring where only short vowel phones may occur.

A similar problem arises in the interpretation of *[o]* which occurs before *k* and *ng*; and *[o]* which occurs before *h*, *ʔ* and *ø*. Not only are the two phones in complementary distribution, but there is also a clear conditioning factor in that *[o]* occurs only in those environments where phonetic shortness never occurs. But, while *i* may be analyzed as a basically non-short phoneme having a short

⁷ *úa* of the area just northeast of Lạc Thiện becomes *o* in Uon Biep (*kúan* 'child' > *kōn*; *trúañ* 'wear about loins' > *trōñ*). Also, *jueŋ* 'search for' becomes *jōy*. This shift is not consistent before *y*, however, and never occurs before *-š*.

allophone *[i]*, *o* would be best analyzed as a basically short phoneme */ō/* having a non-short allophone *[o]* in those environments where phonetic shortness never occurs.

The uniting of *[i]* and *[i]* into */i/*, and of *[ō]* and *[o]* into */ō/*, would preclude any emic division between vowel length classes. At first a division was favored giving vowel length classes — a short vowel class, which may not occur before *h*, *š*, *ʔ*, and *ø*, and a non-short class which may occur in those environments. However, such an interpretation would add two more vowels, */i/* and */o/*⁸ without anything apparently to be gained by such an addition.

3.4 Possible Interpretations Producing Greater Symmetry.

3.4.1 Interpretation of *ǔ* as a 'front' vowel.

One word, *gít*, 'to know' which a recent informant wrote as *gít* (insisting that it was sometimes pronounced that way) might suggest placing *ǔ* with the front vowels. This would make a completely symmetrical vowel pattern by giving both front and back vowels short, simple and glided forms in mid-high positions and leaving two degrees of length and two degrees of height in the central vowels.

However, this interpretation is contrary to both the phonetic norm of the vowel and the normal distribution of vowels before palatal consonants. (It has already been mentioned that only one word has been found containing a front vowel before a palatal consonant, whereas *ǔ* + *č/n* is quite common).

3.4.2 Interpretation of *â* as a 'front' vowel.

Another possible interpretation which would produce almost as much symmetry as the interpretation of *ǔ* as a front vowel is the interpretation of *â* as a 'front' vowel.

The uniting of *[â]* and *[e]* into a 'central' vowel */â/* on the basis of complementary distribution has already been rejected because the uniting of two phones having such a phonetic distance between them seemed undesirable since it produced further lack of symmetry (three degrees of front vowel height against four degrees of back vowel height).

⁸ This follows from the fact that it would be contradictory to say that */ō/* was a member of the short vowel class, but that it had a non-short allophone *[o]* occurring where members of the short vowel class do not occur. Thus, phonemic vowel length classes would clearly divide */ō/* and */o/*. A similar contradiction would accompany the uniting of *[i]* and *[i]* if */i/* were classified as a member of the non-short vowel class.

However, uniting [ã] and [e]⁹ into a 'front' vowel /ã/ would produce an almost completely symmetrical pattern for the vowels. (The only exception to complete phonemic symmetry would be the front vowel allophone [ĩ] which parallels the back vowel phoneme /ũ/). [ã ~ e] = /ã/, then, would be completely symmetrical with [ö ~ o] = /ö/. Both would be basically short vowels with non-short allophones in those environments where contrastive shortness does not occur. Also, unlike *ĩ* or *ã*, *ä* does not occur before the palatal consonants, and thus has the distribution of a 'front' vowel.

Distributionally, then, the above interpretation is seen to be quite feasible. However, because of the considerable phonetic distance between [e] and [ã] and because of the consequent unfavorable native reaction¹⁰ to such an interpretation, I have preferred to separate them.

4. Distribution.

4.1 On the Word Level.

Although phonological words of up to two syllables occur in Mnong Rölom, the distribution of vowels may be stated almost entirely on the syllable level. However, two types of two-syllable words modify the phonetic quality of the vowel of the first syllable.

In one type — the most common two-syllable type — the first syllable reduplicates all but the final consonant (if any) of the last syllable. In this type of word, the vowel of the first syllable is non-contrastive both as to quality (varying from that of the vowel of the last syllable to a mid-central quality) and to quantity (somewhere between short and non-short). Incidentally, this in-between phonetic length is a characteristic of all unstressed open syllables in text.

⁹ The uniting of [ã] and [e] into /ã/ is similar to Smalley's uniting of [ɔ̃] and [õ] in Sré. In both cases, the phonetically central allophone is the one occurring with shortness (See footnote 4).

¹⁰ I realize that, in some circles, an unfavorable native reaction would not be considered much of an objection to reckon with. However, in all other interpretations involved in the phonemic analysis of this language, the uniting of two phones into a single phoneme has met with at least some favorable native reaction.

Even the uniting of [úa] and [úe] into /úa/ received some early support by the naive reaction of Mnong school children who had studied some Vietnamese. Some would write [múe¹] 'one' as *mué*, others as *muó*. The latter form includes the Vietnamese glide (written as *uo*) which is the closest phonetic equivalent to *úa* in Rölom.

The other type — C₁V₁C₂-C₁V₂C₂ — has already been discussed in section 3.3 and footnote 5. The following vowel distribution has been found in words of this type:

V₁ - *i*, V₂ - *u* (*a* has not yet been found in V₂ position here, but might be expected to occur).

V₁ - *i*, V₂ - *úa* or *a*.

V₁ - [ĩ], V₂ - *ũ* or *ã*.

V₁ - *ĩ*, V₂ - *ã*.

V₁ - *u*, V₂ - *i* or *a*.

V₁ - *ũ*, V₂ - *ía* or *a*.

V₁ - *ũ*, V₂ - *ã*.

The non-occurrence of *ĩ* in V₂ position is the conditioning factor for the uniting of [ĩ] and [i] into /i/. (See Section 3.3)

The following additional restrictions may be noted:

- (1) Only high or mid-high vowels or *a/ã* may occur.
- (2) The glided vowels and *a/ã* occur only in V₂ position.
- (3) If V₁ is *i* or *ũ*, only the glided forms or *a/ã* may occur in V₂ position.
- (4) If V₁ is a front vowel, V₂ is back or *a/ã*.
- (5) If V₁ is back, V₂ is front or *a/ã*.
- (6) If V₁ is central (*ĩ*), V₂ is also central (*ã*).

4.2 On the Syllable Level.

4.2.1 With Regard to Preceding Consonant

All syllables begin with consonants¹¹. Since there are 26 consonants¹² that may occur syllable-initially, there is, as might be expected, considerable defective vowel distribution with regard to the preceding consonant. In this environment, the only obvious pattern to emerge is that front vowels never follow *y* and back vowels never follow *w*.

4.2.2 With Regard to Following Consonant.

Syllables may close either with a consonant or a vowel. There are only 15 consonants which may occur syllable-finally, as the 11 voiced stops do not

¹¹ In very rapid speech, particularly of the older people, several words may be slurred so that, among other things, syllable-initial glottal stops are dropped.

¹² The consonants of Uon Njuñ Rölom are: voiceless stops - *p, t, č, k, ʔ*; voiced stops - (simple) *b, d, j, g*; (preglottalized) *ɓ, ɗ, dj*; (pre-nasalized) *mb, nd, nj, ngg*; nasals - *m, n, ñ, ng*; others - *l, r, w, y, h, š*.

occur in that position. Although there is some obviously defective distribution with regard to the following consonant, there are also many clear patterns. For this reason, the rest of the statements of vowel distribution will be made with regard to following consonant.

4. 2. 1 Distribution of Phonetically Short Vowels.

Perhaps the most obvious feature of vowel distribution is that phonetic vowel shortness does not occur before *h*, *ʃ*, *ø*, or (with the one exception, *čhʊ*¹³ 'to wrinkle' (nose or mouth) before *ʔ*).

4. 2. 2 Distribution of Front Vowels.

Before the bilabial and alveolar consonants (*p*, *m*, *w*, *t*, *n*, *l*, *r*), the front vowels *i*, *ɪ* and *ia* occur. In addition, *ɛ* has been found before *t* in a few words.

Before the velar consonants (*k*, *ŋ*), *i*, *ɪ*, *ia* and *ɛ* occur.

Before the palatal consonants (*y*, *ç*, *ñ*, *ʃ*) with one exception, (in which *i* precedes *ñ*), front vowels have not been found.

Before *h* and *o*, all the front vowels occur, except that *ia* does not occur before *ø* (except in proper names¹⁴).

Before *ʔ*, all of the front vowels but *i* occur.

4. 2. 2. 3 Distribution of Central Vowels.

Before the bilabial, alveolar and velar contoids (*p*, *m*, *t*, *n*, *l*, *r*, *k*, *ŋ*), all the central vowels occur. (*ã* can occur only preceding these consonants.)

Before the semi-vowels (*w*, *y*), *o*, *ã* and *a* occur. (*a* is the only vowel quality with length contrast before the semi-vowels.)

Before the palatals *ç* and *ñ*, *ɨ*, *o*, *ã* and *a* occur. (The short vowel *ɨ* can occur wherever *ã* can occur except before the semi-vowels.)

Before *h*, *ʃ*, *ʔ*, *ø*, the non-short central vowels *o* and *a* occur, except that, in this sub-dialect, *a* does not occur before *ʃ* and the short vowel *ɨ* occurs before *ʔ* in one word.

13 Unlike the other short vowels, *ɨ* is not contrastively short, as there is no articulatorily-similar non-short vowel. However, it is phonetically short and, but for the one exception, its distribution is the same as the other consistently short vowels in that it does not occur before *h*, *ʃ*, *ʔ*, or *ø*.

14 In the phonemic analysis of Mnong Rølom, proper names, words obviously of Rade origin, animal cries, exclamations and final particles have been eliminated. Words in each of these classes sometimes violate the normal distribution pattern of the phonemes.

4. 2. 2. 4 Distribution of Back Vowels.

Before the bilabial contoids (*m* and *p*), *u*, *ɨ*, and *ø* occur.

Before the semi-vowel *w*, no back vowel occurs. (This parallels the non-occurrence of front vowels before the semi-vowel *y* in particular and the almost complete non-occurrence of front vowels before the palatal consonants in general.)

Before the alveolar and palatal consonants (*t*, *n*, *r*, *l*, *y*, *ç*, *ñ*, *ʃ*) *u*, *ɨ* and *ua* occur.

Before the velar consonants (*k* and *ŋ*), all the back vowels occur. (This is the only environment in which phonetic shortness occurs in the back vowels. The phoneme /*ɨ*/ and the allophone [ɨ̃] or the phoneme /*ø*/ occur only in this environment.

Before *h*, *u*, *ɨ*, *ua* and *o* have been found.

Before *ø*, *u*, *ua*, and *o* have been found.

Before *ʔ*, *ɨ*, *ø* and *o* have been found. (The non-occurrence of both *u* and *i* before *ʔ* constitutes a pattern in which no high vowel occurs before *ʔ*.)

(For a chart of vowel distribution in relation to following consonant, see appendix.)

5. Observations.

The vowel system of Uon Njuñ Rølom is a departure from the more common 3-3-3 arrangement (for languages of this area) of three degrees of height and three degrees of fronting. Even in the Mnong Rølom dialect area, the four phonemic degrees of vowel height in the front and back vowels is probably the exception rather than the rule.

Because a careful comparative study was outside the scope of this paper, I have not thought it necessary to trace all the sound shifts within the dialect area. However, it appears that, although other sub-dialects with which I am familiar may have four phonetic degrees of front and back vowel height, there is no necessity of analyzing them as having four phonemic degrees as only the short and glided forms (*ɨ*, *ia* and *ua*) occur at mid-high position. *i* and *u* do not occur in these other sub-dialects.

The Uon Njuñ area is central, not only geographically, but it also seems to be a transitional area for sound shifts. Thus, the four degrees of vowel height can be 'explained' either (a) as the result of an incomplete sound shift, or (b)

as being due to the presence of an 'in-between' sound not found in the surrounding sub-dialects.

The *i* - *ê* distinction is an example of the former. Most of the *ê*'s of the surrounding sub-dialects shift to *i* in the Uon Njuñ area, while a few words retain the *ê*.

On the other hand, *û* is a sound mid-way between the *ô* of Uon Dieo to the northeast and the *ũ* of Uon Bang to the southwest. (The shift is as follows: *ô* → *ũ* → *u*/*ô*, in which the *ũ* of Uon Njuñ 'splits' to become either *u* or *ô* in the Uon Bang area). The glided vowel *ũa* of Uon Dieo 'splits' to become *ũa* and *ô* (before bilabial and velar consonants)¹⁵ in the Uon Njuñ area. There is a further shift to *ô* in the Uon Bang area, but it is neither consistent nor complete.) Thus, the Uon Njuñ sub-dialect has both *ũ* and *ô* in addition to the other vowels of the surrounding dialect areas.

15 Before the bilabial and velar consonants, the *ũa* of the area to northeast shifts to *ô* in the Lạc Thiện area. Before other consonants, the *ũa* remains as *ũa*. *Cuak* and *Cuang* in the area to the northeast becomes *Cuak* and *Cuang* in the Lạc Thiện area,

APPENDIX

Distribution of Vowels with regard to Following Consonant

	FRONT VOWELS					CENTRAL					BACK VOWELS					
	i	(i)	ia	ê	e	ư	â	ơ	ơ	ơ	ư	ũa	ô	ô	(o)	allo.
Bilabial																
Alveolar																
Velar																
Semi-vowel																
Palatal																
Other																

P m t n l r k ng w y > c ñ s h ʔ ø

one word

[-içy]

[-içY]

Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên
Sur-Phạm Đại-Học-Đường, Viện Đại-Học Sài-gòn
dưới quyền Chủ-Tọa Tối Cao của
TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

DIỄN-VĂN

của

ÔNG KHOA-TRƯỞNG SƯ-PHẠM ĐẠI-HỌC-BUỜNG SÀI-GÒN
(15 - 5 - 1968)

Kính thưa TÔNG-THỐNG,

Toàn-thể sinh-viên và ban giảng-huấn của trường Đại-Học Sư-Phạm Sài-Gòn kính-cần ghi tạc trong tâm-trí đặc-ân mà TÔNG-THỐNG đã ban cho bằng cách đến chủ-tọa Lễ long-trọng đặt viên đá đầu tiên cho trường-sở mới sắp xây cất tại Thủ-Đức. Sự hiện-diện cao-cả của TÔNG-THỐNG đối với chúng tôi là một khích-lệ vô giá, vì nó trọng-trung lòng ưu-ái đặc-biệt của TÔNG-THỐNG đối với nguồn gốc, tiền-truyền, tiền-đồ và cứu-cánh của văn-hóa nước nhà.

Đề xứng-đáng với sự tin-nhiệm của TÔNG-THỐNG và của quốc-dân, trường Đại-Học Sư-Phạm nỗ-lực thực-hiện sứ-mạng đào-tạo những cán-bộ giáo-dục có bôn-phận hướng-dẫn con em trên con đường phục-vụ Tự-Do và Nhân-Vị, trong tình-trạng lịch-sử của một nước Việt-Nam hy-sinh xương máu để trường-tồn và bảo-vệ những giá-trị tinh-thần làm nền-tảng cho công-bằng xã-hội, hạnh-phúc cá-nhân và cho những vận-động anh-hùng của dân-tộc.

Kính thưa TÔNG-THỐNG,

Thưa Quý Vị,

Trường Đại-Học Sư-Phạm, thành-lập trong thời chinh-chiến, giữ vết-tích của lịch-sử Việt-Nam trong mười lăm năm qua. Lúc đầu tiên, trường Cao-Đẳng Sư-Phạm, đặt vào khoảng 1950 tại Hà-Nội. Bốn năm sau, hiệp-định Genève cắt đôi lãnh-thổ, trường đó được dời vào Nam, theo gót một triệu đồng-bào di-cư bỏ quê cha đất tổ để chọn tự-do. Lúc đó, vì thiếu trường-sở, nên trường Cao-Đẳng

Sư-Phạm chỉ tổ-chức những lớp buổi tối tại trường Thực-Nghiệp ở đường Hồng-Thập-Tự, bây giờ là trường Trung-Học Kỹ-Thuật Nguyễn-Trường-Tộ. Sau khi quân-đội quốc-gia đánh tan quân-đội phản-ngịch đã chiếm cứ một khu xung-quanh Đại-lộ Cộng-Hòa, trường Cao-Đẳng Sư-Phạm được đặt tại hai tòa nhà ngày trước là nơi nội-trú của học-sinh trường trung-học Petrus Trương-Vinh-Ký.

Năm 1958, TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ký Sắc-lệnh cải-tổ trường Cao-Đẳng Sư-Phạm thành trường Đại-Học Sư-Phạm với trình-độ và tinh-thần của một phân-khoa Đại-Học, và nhiệm-vụ đào-tạo giáo-sư Trung-học Đệ-Nhị-cấp.

Suốt ba năm nay, Chính-Phủ lưu-ý đặc-biệt đến việc xây cất một trường-sở mới cho Đại-Học Sư-Phạm tại Thủ-Đức và chính TÔNG-THỐNG đã hạ-cổ lưu-tâm đến đồ-án của trường mới. Và viên đá mà trong chốc lát TÔNG-THỐNG sẽ thân hành đặt viên đá đầu tiên của bốn tòa nhà tối-tân, xứng-đáng là nơi đào-tạo những giáo-chức Trung-Học của nước ta.

Tòa nhà thứ nhất là tòa nhà chính của trường, gồm có 14 lớp học, một phòng diễn-thuyết và hội-họp sinh-viên, một phòng thính-thị để học sinh-ngữ và ba phòng thí-nghiệm khoa-học.

Tòa nhà thứ hai là một đại-giảng-đường có 1.200 chỗ ngồi. Ở đây, có thể diễn-kịch hay chiếu phim-ảnh và khi cần, ghế ngồi sẽ được cất đi và giảng-đường thành một thao-trường để sinh-viên huấn-luyện thể-dục trong bóng mát hoặc trong lúc mưa gió.

Hai tòa nhà cuối cùng dành cho một trường Trung-học Kiểu-mẫu, có thư-viện, phòng thí-nghiệm khoa-học, phòng điện-ảnh, những lớp học thường và những lớp để dạy hướng-nghiệp như họa-hình kỹ-nghệ, nghề thợ mộc, nhiếp-ảnh, thương-mãi, gia-chính, v. v. . . Trường Trung-Học Kiểu-mẫu này sẽ hướng-dẫn học-sinh đến các ngành thực-nghiệp, giúp cho họ, sau khi học lý-thuyết, biết nhìn vào thực-tế và đời sống hằng ngày của đồng-bào.

Trong lúc trường-sở mới của Đại-Học Sư-Phạm được xây cất thì học-trình của trường bắt đầu thay đổi, để theo đà tiến-triển của nền giáo-dục nước nhà và phù-hợp với kế-hoạch tổng-quát của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục nhằm mục-tiêu cải-thiện về phẩm sự đào-luyện các giáo-chức Tiểu và Trung-Học. Bắt đầu từ niên-học sắp tới, trường Đại-Học Sư-Phạm sẽ mở thêm một lớp Dự-Bị để chọn-lọc một cách kỹ-lưỡng hơn các giáo-sinh và gây cho họ một nhận-thức vững-chãi sự-mệnh của những cán-bộ giáo-dục.

Việc xây cất bốn tòa nhà nói trên tốn 31 triệu bạc Việt-Nam. Ngân-khoản này do Cơ-quan Viện-trợ Mỹ đài thọ. Trong đồ-án của trường còn có một tòa nhà thứ năm gồm có 9 xưởng thủ-công, cũng quan-niệm theo chương-trình hướng-

ngiệp nói trên. Tòa nhà này cần ngân-khoản 8 triệu đồng Việt-Nam, và hiện nay Chính-Phủ đang nghiên-cứu việc thực-hiện dự xây cất bđ-túc.

Bản đồ-án của trường-sở mới của Đại-Học Sư-Phạm là do sự cộng-tác giữa kiến-trúc-sư Mỹ là ông Beidler và những kiến-trúc-sư Việt-Nam là qui ông Lê-Văn-Lâm, Giám-Đốc Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Trần-Văn-Tải và Bùi-Quang-Hanh, Giám-Đốc và Giáo-sư trường Cao-Đẳng Kiến-Trúc. Ông Ngô-Việt-Thụ đã thượng-duyet toàn-thể đồ-án và tích-hợp nó vào trong hệ-thống kiến-trúc của Đại-Học Sài-gòn sẽ được xây cất tại Thủ-Đức.

Trường Đại-Học Sư-Phạm Sài-gòn xin cảm ơn Ông Đại-Sứ Hoa-Kỳ cùng phái-đoàn Viện-Trợ Mỹ đã giúp-đỡ thiết-thực và hữu-hiệu để trường có những điều-kiện vật-chất có thể bành-trướng theo nhu-cầu sư-phạm của nước Việt-Nam. Chúng tôi cũng không quên nêu những cố-gắng của phái-đoàn Đại-Học Ohio cộng-tác chặt-chẽ với ban Giám-Đốc Đại-Học Sư-Phạm để mở rộng chương-trình và canh-tân phương-pháp đào-tạo giáo-sư Trung-Học.

Nhưng những tòa nhà đồ-sộ và đủ tiện-nghi, những dụng-cụ tối-tân, và ngay đến một chương-trình hợp-thời và những phương-pháp thiết-thực, vẫn chưa phải là phẩm chính-yếu của một nền Sư-Phạm Việt-Nam. Vì là công-dân của một nước chậm tiến, và vì chậm tiến nên một mặt bị Cộng-sản đe-dọa, một mặt khác bị thôi-miên bởi những tiến-bộ vật-chất hay một số học-thuyết thịnh-hành trên vai nước tư-bản, chúng tôi quan-niệm văn-hóa là kết-tinh của một cuộc tranh-đấu tinh-thần, vận-dụng tất cả những tư-tưởng nhân-bản chân-chính trong thế-giới hiện-tại, nhưng rút sinh-lực trong tâm-hồn và khả-năng của dân-tộc và rút kinh-nghiệm trong nhiệm-vụ lịch-sử của nước nhà. Chúng tôi sẽ cố-gắng để các giáo-sinh tự-giác và hiểu rõ rằng những tư-tưởng siêu-việt và những sáng-tác quý giá nhất không phải là do học đòi bắt chước mà ra, mà do tìm-tòi trong tình thương và trong hy-sinh. Vì vậy, trong lúc đưa lại cho giáo-sinh những kết-quả mà các nhà tư-tưởng hay khoa-học đã đạt được, trường Đại-Học Sư-Phạm có bổn-phận thiết-yếu làm thế nào để giáo-sinh ý-thức trọn vẹn tinh-thể đặc-biệt của nước nhà, ngộ-hầu giúp họ tự tìm thấy mình và tìm thấy kẻ khác trong nhịp sống của dân-tộc.

Và sau này, khi đến lượt các sinh-viên đó tiếp-xúc với những linh-hồn non trẻ và hăng-hái của học-sinh, họ biết hướng-dẫn các thể-hệ sau tiếp-tục sống và tranh-đấu theo tất cả chiều hướng của con người cụ-thể, trong những điều-kiện kinh-tế, xã-hội và lịch-sử của nước nhà.

Được như vậy thì trường Đại-Học Sư-Phạm mới xứng-đáng với tấm lòng tru-ái của TÔNG-THỐNG, xứng-đáng với niềm hy-vọng mà quốc-dân đặt trên các mầm non của đất nước, và đáp lại sự hợp-tác của các nước bạn trong công-kuộc xây-dựng một nền văn-hóa của Việt-Nam tự-do.

Ceremony of the Laying of the Cornerstone
of the Faculty of Pedagogy, Saigon University,
placed under the High Patronage of
HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

SPEECH

by
the Dean
of the Faculty of Pedagogy
(May 15, 1968)

Mr. President of the Republic,

We all of the Faculty of Pedagogy, students and teachers alike, are, in our hearts of hearts, very much gratified and grateful for the patronage that Your Excellency has conferred upon this ceremony of the laying of the cornerstone for our new Faculty. It is a signal favour that we shall bear for ever in our minds, as your distinguished presence here, Mr President, is at once a great encouragement for us and a concrete expression of your deep concern over the origin, the evolution, the future and the ultimate purposes of our national culture.

Our Faculty of Pedagogy wants to be equal to the task entrusted to it by Your Excellency and by the nation. We set our hearts on training educational cadres who will have to guide our children and show them how to serve Freedom and Man in the historical context of our country that is still fighting bloody battles for its survival and for the defence of those spiritual values, without which there would be no grounds for social justice, no foundation for individual happiness and no basis for our people's heroic impulses.

Mr. President,
Ladies and Gentlemen,

The Faculty of Pedagogy, which was established during a war-torn period, still bears some traces of the nation's historical events of the past 15 years. It was first named Higher School of Pedagogy in 1950, and it was opened in Hanoi.

IV

Four years later, after the Geneva Agreements had cut the land into two, the School was moved down to the South in the wake of one million refugees who had chosen to barter even their homeland for a freer life.

Saigon was then suffering a serious shortage of school buildings, and the transplanted Higher School of Pedagogy had no choice but to operate at night in a technical school, on Hồng Tháp Tư str., which is now named Nguyen Trương Tô technical secondary school.

After our national troops had made a clean sweep of those rebels who were occupying an area along Công Hoa street, the Higher School of Pedagogy could have at its disposal two large buildings which used to be the boarders' quarters of the Lycée Petrus Trương Vinh Ky. In 1958, an Order in Council reorganized the Higher School of Pedagogy into the Faculty of Pedagogy and, in doing so, had conferred upon it the status and the spirit of a real University College.

For the last three years, the Government has earnestly considered the possibility of having the Faculty of Pedagogy new buildings erected at Thuduc, and H.E. the President himself has condescended to hear the reports of our top architects over the plans and designs of the new project ; and in a short while, the cornerstone to be laid by Mr. President will officially start up the construction of the four impressive buildings which will be a most appropriate center for the training of our educational cadres.

The first one will be the school main building, comprising 14 class-rooms, 1 conference room, 1 audio-visual room and 3 science laboratories. The 2nd one will house a large auditorium with a seating capacity of 1500. It can be used for artistic performances or film-shows, and when the weather is either too sultry or too wet, it can serve as a gymnasium after the chairs have been removed.

The last two buildings will be for the pilot secondary school with its library, its science laboratories, its class-rooms, its projection room, and its especially equipped rooms for the teaching of vocational subjects (mechanical drawing, woodwork, home economics...).

The pilot secondary school will lay stress on vocational guidance, for our students to have a chance to make their theoretical knowledge complete, and thus to get the ability to look, with a sound practical sense, into the realities of life around them.

Pending the construction of the Faculty of Pedagogy new buildings, our academic programs have undergone some readjustments to keep pace with the growth of our national education, in accordance with the general plan of reforms which has been worked out by the Ministry of Education, and which aims at the

V

betterment of the training of teachers for secondary and elementary schools. To this end, a departmental order has decided that, at the beginning of the next academic year, a preparatory course will be opened, so that we may ensure a better selection of student-teachers upon whom we shall inculcate the true mission of educational cadres.

The cost for the construction of the above-mentioned four buildings will amount to 31 million VN piasters, and will be borne by the United States Aid Program. A fifth building, provided for in the plans, will include 9 workshops for vocational teaching. This building will cost 8 million VN piasters, and will be erected at a later date.

The plans of the new Faculty of Pedagogy have been jointly drawn by an American architect, Mr. Beidler, and Vietnamese architects: Mr. Lê Văn Lâm, Director of the Fine Arts Department of the Ministry of Education, Mr. Trần Văn Tai, Director of the Higher School of Architecture, and Mr. Bui Quang Hanh, Professor of Architecture. Mr. Ngô Viet Thu has given the finishing touch to the plans and made them fit the general context of all University Colleges to be built at Thuduc. To our eminent architects, we say 'Thank you' from a full heart.

May we convey our heart-felt thanks to Mr. Ambassador of the United States, and to the United States Operations Mission for their tangible help, as the new physical facilities will provide our Faculty with more adequate means for a reinforcement of teacher education in accordance with the nation's educational needs.

We would like also to acknowledge the good will and effort of the Ohio Contract Team in their dealing with the Faculty administrators, with a view to planning possible readjustments in teacher training methods.

Large school buildings with modern equipment, and even appropriate programs of study or realistic educational methods are not what is considered the main components of the Vietnamese pedagogical system.

As we are citizens of a country in process of development, and because of this situation of ours, we are being threatened in two ways, firstly by Communism, and secondly by the lure of materialistic gains, and by that of such doctrines as are fast growing in some capitalist countries, we, therefore, want to define the concept of culture as the fruit of a spiritual fight which will have mobilized all the true humanistic values the whole world over, while taking into account the spiritual force of the people and the historical mission of the nation.

We shall endeavour to help our student-teachers awake themselves to the fact that the loftiest thoughts and the most valuable achievements do not originate in mere imitation, but in Love and sacrifices instead. This is the reason why, apart from making our students familiar with the teachings of Science and Philosophy, it is the Faculty of Pedagogy important duty to seek ways and means to make those young men fully realize the exceptional situation of our country, and consequently to offer them the possibility of getting to know themselves and to know their countrymen better in the context of national life.

In the near future, when it is their turns to come into contact with their young and eager pupils, they will know how to steer the young folk into a way of life which should allow the full development of man's all dimensions according to the economical, social and historical datum of the country.

Only in this way will the Faculty of Pedagogy be worthy of your solicitude, Mr. President, and worthy of the confidence of the country which has pinned its faith on the young generations. Moreover, our Faculty will thus have responded properly to the kind cooperation of friendly nations that are helping Free Vietnam to strengthen its own culture.



**Ceremony of the Laying of the Cornerstone
of the Faculty of Pedagogy, Saigon University,
placed under the High Patronage of
HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM**

SPEECH

by

AMBASSADOR FREDERIC E. NOLTING, JR.

(May 15, 1968)

Mr. President,
Your Excellencies,
Distinguished Members of the Faculty of Saigon University,
Ladies and Gentlemen,

For the second time in about ten days, I am privileged to take part in the inauguration of important events in the field of education in Viet-Nam — events which represent, I think, milestones in the steady progress of the people of Viet-Nam, under your leadership and government, Mr. President. Only a few days ago, you laid the cornerstone for the Medical Teaching Center of the University of Saigon and today, we inaugurate this new Faculty of Pedagogy and its associated Secondary Demonstration School. These measures, I think, are highly significant. They demonstrate by deeds the concern of the Republic of Viet-Nam — and of the United States — for the welfare of the Vietnamese people. They are milestones in the eight years of your progress in building the infrastructure of democracy in Viet-Nam. Again I say that there is no force or intimidation, no misrepresentation or slander, that can stop your progress towards a free and happy society if you vigorously pursue this present course. A free and happy society, I am convinced, will be the fruit — the "superstructure", if you will — of these measures which are being taken today. The fact that, despite the onerous burden of carrying on a war for its very survival, Viet-Nam has worked unceasingly to provide its people with a modern effective system of education testifies to your understanding of the true nature of this struggle. Surely there is no greater bulwark against the doctrines of Communism than a people soundly educated by well-trained teachers.

The quality of a nation's teachers, I am sure you agree, is a matter of deepest social concern. Entrusting its children to the charge of men and women

VIII

who are intelligent, informed, skillful and devoted to their calling and to the young people who are committed to their charge is the essence of wisdom in a nation. I congratulate you that, recognizing this need, you will soon have here an institution dedicated to the improvement of the education of Vietnamese youth which will compare, I think, favorably with any teacher training center in the world.

Four years of hard work and careful planning have gone into making this concept a reality. I can think of no more worthy project in which my Government has been pleased to cooperate. As you have been already advised, on this site will rise two three-story building and a large auditorium which will be supplied with the most modern tools for research and learning. Later on, we hope, there will be provided experts in secondary education to be brought here from Ohio University. This institution will have all the necessary factors for developing teacher education of the highest quality and I have no doubt that your educators will make excellent use of these facilities.

Mr. President, yesterday some of us had the privilege of visiting several provinces and I remember particularly seeing the secondary school that was being created in Kien Phong Province at Tram Chim. It was under construction, not in the village itself but across the canal from the village. This was possible only because of the great improvement in security conditions in that area. A bridge will be built to link the school and the village. This school will have, I was told, about 200 pupils, secondary pupils, requiring, I would suppose, about ten teachers. All over the country one sees the planning which has gone into the educational system of Viet-Nam and it is a matter of the greatest encouragement to my country to see the parts of the plan being realized — the schools going up, the training institute being constructed here in Saigon at this beautiful University site, all of these parts of the plan fitting into a whole for the long-range and sound development of your nation.

I wish, therefore, if I may be permitted, to congratulate the distinguished Minister of Education and former Rector of this University and all of those, both Vietnamese and American, whose vision and work extend beyond the present battle to the challenge ahead to make, through proper education of the young people of Viet-Nam, a country devoted to peace and understanding, to tolerance and right principles, and to a sense of national destiny which is so deeply engrained over thousands of years of Vietnamese history. On behalf of my Government and the American people whose pleasure and enlightened self-interest it is to contribute to this project, I wish you great success. Thank you.

IX

Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên
Sư-Phạm Đại-Học-Đường, Viện Đại-Học Sài-gòn
dưới quyền Chủ-Tọa Tối Cao của
TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

DIỄN-VĂN

của
ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
(15 - 5 - 1968)

Kính thưa **TÔNG-THỐNG**,

Chỉ trong vòng một tuần lễ, gia-đình giáo-dục chúng tôi được vinh-hạnh nghênh tiếp **TÔNG-THỐNG** hai lần. Lần này, trong một khung cảnh hùng-vi, địa-thế cao đẹp bao quát cả một vùng rộng lớn diện-tích 60 mẫu mà chính **TÔNG-THỐNG** đã đích thân lựa chọn cho một dự-án Khu Đại-Học lớn-lao, Người lại vui lòng tới đặt viên đá đầu tiên đánh dấu cuộc khởi-công, làm cho toàn-thể giáo-chức và sinh-viên vô cùng cảm-động trước cử-chỉ ân-cần đó. Một lần nữa, chúng tôi xin đạo-đạt lên **TÔNG-THỐNG** lòng thành-kính và tri-ân sâu xa của chúng tôi.

Kính thưa **TÔNG-THỐNG**,

Không có nhân-viên Đại-học nào mà không mơ ước được sống gần các bạn đồng-nghiệp và sinh-viên của mình trong một khu Đại-học đầy đủ tiện-nghỉ dễ siết chặt tình thân-ái, trao đổi kinh-nghiệm hầu mỗi ngày một tiến tới trong phạm-vi chuyên-môn cũng như trong tinh-thần phục-vụ.

Mơ ước đó đã bắt đầu thực-hiện ngay từ năm 1960, khi **TÔNG-THỐNG** chỉ-thị xây cất Làng Đại-Học và thiết-lập đồ-án cùng vạch vẽ đường lưu-thông trong Khu Đại-Học Thủ-Đức. Làng Đại-học đã gần hoàn-thành và hôm nay, chúng ta khởi-công phần đầu của Khu Đại-Học, với Trường Đại-Học Sư-Phạm và Trường Trung-Học kiểu mẫu. Công-trình này sẽ hoàn-tất trong 11 tháng và sau đó, sẽ đến lượt Trường Đại-Học Khoa-Học và những Phân-khoa khác. Chúng tôi

cũng đang nghiên-cứu việc xây cất các cơ-sở dành cho sinh-viên như nơi ăn chốn ở và thư-viện.

Như vậy, chỉ trong vài năm nữa, dải đất chạy dài theo xa lộ Biên-Hòa sẽ tượng-trưng một cách rực-rỡ cho sự tiến-bộ của dân-tộc Việt-Nam trong phạm-vi văn-hóa, cũng như trong các phạm-vi chính-trị, xã-hội, kinh-tế.

«An trái nhớ kẻ trồng cây». Nếu toàn-dân đều tri-ân **TÔNG-THỐNG** về những công-nghiệp mà Người đã gây dựng cho xứ-sở, thì cán-bộ giáo-dục và sinh-viên là những người chuyên lo phục-vụ những giá-trị tinh-thần, lại càng đặc-biệt ghi nhớ công ơn của Người đối với nền đại-học. Những thế-hệ tương-lai sẽ không ngớt ca-tụng công-trình kiến-tạo đất nước của Chánh-Phủ do **TÔNG-THỐNG** lãnh-đạo. Chúng tôi cũng xin cảm tạ tất cả những Vị đã công-tác trực-tiếp hay gián-tiếp vào sự thực-hiện giai-đoạn sơ-khởi của dự-án đại-quy-mô này, đặc-biệt Ông Đại-Sứ Nolting và các nhân-viên trong ủy-ban giáo-dục của Phái-bộ Viện-trợ Mỹ.

Kính thưa **TÔNG-THỐNG**,

Thưa Quý Vị,

Sở dĩ Trường Đại-học Sư-Phạm đã được phần ưu-tiên trong dự-án Khu Đại-Học Thủ-Đức, đó là vì sự đào-tạo giáo-chức là nền-tảng của mọi tiến-bộ của nền giáo-dục. Sự đào-tạo này không những phải đứng-dẫn trên phương-diện chuyên-môn, mà còn phải thật sự đáp lại những nhu-cầu của dân-tộc cũng như những đòi hỏi của một thế-giới biến-chuyển không ngừng. Nền giáo-dục của ta, cũng như tại các nước khác, hiện đang gặp một sự biến đổi chưa từng thấy. Tính-chất của sự biến đổi đó vừa nằm trong sự phát-triển vừa nằm trong sự giới-hạn: Học-đường phải đương đầu với những công việc lớn-lao hơn trước kia (sự gia-tăng sĩ-số, sự cần-thiết kéo dài thời-gian học-vấn, sự bành-trướng giáo-dục cho tất cả các tầng lớp xã-hội . . . Nhưng đồng-thời, vai trò của học-đường trong việc chuẩn-bị vào đời lại bị giảm bớt. Là vì giữa nhà trường với gia-đình, xã-hội đem lại cho thiếu-niên nhiều cơ-hội học-hỏi và đào-luyện: chớp-bóng, vô-tuyến truyền-thanh, mọi ấn-loát-phẩm, các cuộc du-lịch, tạo thành những nguồn kiến-thức mà thiếu-niên có thể trực-tiếp tìm được không phải nhờ đến sự trung-gian của chúng ta. Trong hoàn-cảnh mới ấy, trọng-trách của học-đường phải được xét lại. Thầy giáo là người độc-nhất có thể giúp-đỡ học-sinh sắp đặt, phân-loại những kiến-thức hỗn-tạp thu lượm ngoài đời, phê-phán và đối-chiếu nguồn gốc của những kiến-thức ấy.

Nhưng lớp học không phải chỉ là một nơi dùng để truyền-thụ kiến-thức. Lớp học cũng là một đoàn-thể liên-kết trò với trò, và trò với thầy trong những tương-quan có thể là một thuận-lợi hay một trở-ngại cho hiệu-quả của sự truyền-

thụ ấy. Thầy giáo phải lưu-ý và căn-cứ vào thực-trạng ấy, hầu hướng học-sinh về những trách-nhiệm công-dân và xã-hội đang chờ đợi họ.

Lúc ấy, nhà trường, nơi giáo-huấn thật sự chứ không phải chỉ là nơi phổ-biến các môn học được ghi trong chương-trình, sẽ là mối giã liên-lạc giữa giáo-chức và gia-đình, sẽ là một Trung-Tâm tranh-đấu như TÔNG-THỐNG đã dạy trong buổi lễ đặt viên đá đầu tiên cho Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa trong tuần rồi. Hơn bao giờ hết, chúng tôi mong ước phụ-huynh học-sinh và thầy giáo thường tiếp-xúc với nhau, để diu-dắt con em hữu-hiệu hơn, trong giai-đoạn tích-cực đấu-tranh hiện-tại của dân-tộc.

Kính thưa TÔNG-THÔNG,

Thưa Quý Vị,

Buổi lễ trang-nghiêm hôm nay đánh dấu một giai-đoạn của nền đại-học quốc-gia.

Tôi tin tưởng rằng ở Trường Đại-Học Sư-Phạm này, các cán-bộ giáo-dục sẽ luôn luôn tâm-niệm những lời chỉ-giáo của TÔNG-THỐNG về tự cách-mạng bản-thân và cố-gắng đào-tạo những giáo-chức xứng-đáng với truyền-thống muôn đời của nhà giáo Việt-Nam cũng như đối với nhiệm-vụ lịch-sử của người công-dân nước Việt.

Trân-trọng kính chào TÔNG-THỐNG và Quý Vị.

Ceremony of the Laying of the Cornerstone
of the Faculty of Pedagogy, Saigon University,
placed under the High Patronage of
HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

ADDRESS

by
THE SECRETARY OF STATE FOR NATIONAL EDUCATION
(May 15, 1968)

Mr. President of the Republic,

Within just one week, our family of educators have had the honor of greeting you twice. Today, in this imposing environment, a huge site englobing an area of 60 hectares which you have personally chosen for the University Campus Project, you have been so kind as to come and lay the foundation stone of the Faculty of Pedagogy, thus marking the start of the implementation of the project. All of us, educators as well as students, feel deeply moved by this thoughtful gesture, and once more, we wish to express to you our profound gratitude.

Mr. President,

Every university member dreams of living among his colleagues and students in a well-equipped campus to strengthen the bonds of friendship, and exchange experiences so as to improve himself both from the technical and from the professional viewpoint.

This dream began to come true in 1960 when you, Mr. President, issued orders to build the University Village, and to draw construction plans for the University Campus at Thu-Duc. The University Village is nearing completion, and today we begin the construction of the first phase of the Campus project with the Faculty of Pedagogy and the Pilot High School. This work, scheduled to be completed within 11 months, will be followed by the building of the Faculty of Sciences and other Faculties. Also, such facilities as living quarters and libraries for the students are under study.

Thus, within a few years, the whole area along the Bien-Hoa Highway will be the living symbol of the great progress of the Vietnamese people in the cultural as well as political, social and economic field.

«When you eat the fruit, think of the man who planted the tree». If the Vietnamese people as a whole are thankful to you for what you have done for the country, we, education cadres and students, who have the duty to promote spiritual values, should all the more bear in mind your great achievements for the benefit of our University. Future generations will always extoll the realizations of the Government under your leadership.

We also wish to extend our warmest thanks to all those who have participated directly or indirectly in the implementation of the first phase of this immense project, particularly Ambassador Nolting, Director Brent, Dr. Hammond and his colleagues in USAID Education Division with whom we have been working in friendly cooperation for the development of higher education as well as of strategic hamlet schools.

Mr. President,

Ladies and Gentlemen,

If the Faculty of Pedagogy has had the priority in the University Campus Project, it is because the training of teachers is the basic factor for any progress in education. This training should not only be adequate technically, but should also actually satisfy the needs of the population as well as the requirements of an ever-changing world. Education, in our country as elsewhere, is undergoing an unprecedented metamorphosis characterized both by a broadening and a limitation of its function: the school of today must cope with ampler problems than in the past (increase in school population, the need for prolonged studies, wider access to every social stratum). But at the same time, the part played by the school in the preparation for life tends to be less and less important. For besides the family and the school, the community provides other media of instruction — the cinema, the radio, books and brochures of all kinds, travels — so many sources of culture to which they can accede without our help. In this new situation, the role of the school may be questioned. The mass of information that children receive out of school and throughout their lives cannot be easily controlled. The teacher will do his duty, will be irreplaceable only in so far as he teaches them how to organize their knowledge, how to discuss and confront the sources of information.

But the classroom is not only the place for a mere transfer of knowledge. It is also a community which gives birth to bonds between the students

themselves and between the students and their teacher, bonds whose interplay may promote or impede the efficiency of that transfer. The teacher must keep that in mind and take advantage of this reality to lead his students toward the civic and social responsibilities that are awaiting them.

Only then, does the school, — the very *center of education* and no longer a mere dispenser of syllabus subjects —, constitute of necessity a link between the world of teachers and the family world to become a “center of combat”, — to quote the words of the President of the Republic in his Message at the laying of the foundation stone of the Medical Education Center.

More than ever, contacts between parents and teachers are desirable in order to guide our youth more efficiently in this decisive stage of our history.

Mr. President,

Ladies and Gentlemen,

This splendid ceremony constitutes one of the important landmarks of our higher education.

I am confident that in this Faculty of Pedagogy all education cadres will endeavour to live up to the advice of the Chief of State so as to improve themselves and train teachers worthy of the age-old traditions of Vietnamese educators, and the historic mission of Vietnamese citizens.

MESSAGE
of
THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC
at the Ceremony of the Laying of the Cornerstone
of the Faculty of Pedagogy
(May 15, 1968)

Ladies and Gentlemen,

Last week I laid the cornerstone of the Medical Education Center. Today I am happy to preside over a similar ceremony for the Faculty of Pedagogy.

The work undertaken here constitutes the first phase of a vast collection of buildings destined to house all the university installations which will be transferred from Saigon to Thu-Duc. This University Center that the Government is building and reorganizing, will be provided with the most modern installations, offering to professors and students of all fields of study in an atmosphere highly conducive to intellectual effort, and far from city noises, in relaxation and calm.

At a time when the national resources must be in a great part mobilized for the anti-Communist struggle, the huge undertaking that I mention represents a considerable effort, signifying our will to accelerate the reconstruction of the country simultaneously in all domains: cultural, economic and social.

The results reached in these domains, as well as the successes obtained in the military field, we owe to the spirit of solidarity, and to the fighting spirit which inspires our entire people in the service of the National Cause. We owe these results equally to the friendly aid granted to us by the Government and the people of the United States to whom I express, on this occasion, my warm thanks.

Dear Students :

I wish to reiterate what I told your fellows in medicine last week. It is this: technical knowledge, however vast or deep, brings to the individual but an

XVI

instrument favorable only to his own selfish interest if it is not directed towards our common revolutionary effort. This requires, in such a difficult period, that each one of you assume the destiny of the Fatherland in the same spirit as that of our combat forces. In other words, apply yourselves passionately to the fulfillment of your civic duty.

Upon you devolves the responsibility of introducing the new generation to the struggle of our people on all fronts: political, economic, social, military, diplomatic and cultural. This confers to your mission a particular importance.

This is why you must, starting from today, elevate your souls to the height at which we all must establish that new life we have promised to the people.

Without this sublime will you may find yourselves reduced to the role of mere robots, registering and redistributing abstract knowledge, devoid of relation to the tangible and the fruitful life of the nation.

I assure you, however, I am persuaded that, thanks to the training given to you in this Faculty, you will become teachers worthy of the republican regime, and will fully merit the confidence that the government and the people solemnly place in you.

XVII

SPEAK VIETNAMESE

(REVISED EDITION, 1963)

by

NGUYEN DINH HÒA, PH. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

VN\$ 100.

Please order from the Publisher :-
TEXTBOOK AND PUBLICATION SERVICE
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION
89, Le Van Duyet Street
SAIGON, VIETNAM

QUAN-NIỆM và SÁNG-TÁC

THƠ

THEO LỜI THI-NHÂN VÀ HỌC-GIẢ PHƯƠNG TÂY

của ĐOÀN-THÊM

Cuốn sách quốc-văn đầu tiên tập-trung và phổ-biến những quan-niệm và sáng-tác thơ theo lời Thi-nhân và Học-giả phương Tây.

Viện Đại-Học Huế xuất-bản năm 1962

456 trang (giấy trắng mịn, khổ 20cm X 13cm,5), giá bán 75\$

Sách gồm 2 phần chính và 1 phần phụ-lục :

- Ý-kiến các thi nhân (Thơ là gì, Hồn thi-nhân, lãnh-vực và mục-đích thơ, Các nguồn thơ, v.v...).
- Ý-kiến của các học-giả, triết-nhân, nhà phê-bình (ý-kiến tổng-quát về Thơ, Thiên-tài, thi-hứng và sáng-tác, v.v...).
- Phụ-lục : Danh-mục và tiêu-sứ các thi-nhôn và học-giả (có ghi tên trong sách này).

Tòa-soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)
266, Đường Công-Lý, Sài-gòn
Điện-thoại : 24.633

*
Chủ-nhiệm { NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
kiêm Chủ-bút }
Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

*
Ấn-Quán: VĂN-KHOA
217-219, Đường Nguyễn-Biều, Sài-gòn
Tổng Phát-Hành bán lẻ: Thống-Nhất
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-bản
Nghị-định số 332 Cab/Sg
ngày 5-5-1962

In 2000 cuốn số 82
tại nhà in Văn-Khoa
219, Đ. Nguyễn-Biều, Sài-gòn

THÈ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Nguyệt-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nông-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V. H. N. S. Về vấn-đề bản-thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Nguyệt-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Nguyệt-San, số 266 Đường Công-Lý, Sài-gòn.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi (có đánh lề ở cả 2 bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm-lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài, có đoạn văn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản, và trích-dẫn ở trang nào).

Thí-du : Nguyễn-Văn-X... *Văn-Học Việt-Nam* (Sài-gòn : X Xuất-bản-cục, 1960) trang...

Trần-Văn-X... « *Điền cổ* », *Văn-Hóa Nguyệt-San*, Tập... Số... (tháng... năm...) trang...

5. Bao nhiêu cước-chủ đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V. H. N. S. Khi bài đã gửi cho đăng V. H. N. S., mà soạn-giả sau lại muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V. H. N. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ-hữu tránh sự trùng-điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các bài đăng V. H. N. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v..., mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

Tòa-soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**
NHÀ VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)
266, Đường Công-lý, Sài-gòn
Điện-thoại : 24.633

Chủ-nhiệm } NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
kiểm-Chủ-bút }
Quản-lý } BÙI-ĐÌNH-SAN
Thư-ký } NGUYỄN-VĂN-NINH

Ấn-Quán: **VĂN-KHOA**
217-219, Đường Nguyễn-Biêu, Sài-gòn
Tổng Phát-Hành bán lẻ: Thống-Nhất
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-bản
Nghị-định số 332 Cab/Sg
ngày 5-5-1962

In 2000 cuốn số 82
tại nhà in Văn-Khoa
219, Đ. Nguyễn-Biêu, Sài-gòn

THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Nguyệt-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V. H. N. S. Về vấn-đề bản-thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Nguyệt-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Nguyệt-San, số 266 Đường Công-lý, Sài-gòn.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi (có dành lề ở cả 2 bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhàm-lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả đề tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài, có đoạn văn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản, và trích-dẫn ở trang nào).

Thi-dụ : Nguyễn-Văn-X... *Văn-Học Việt-Nam* (Sài-gòn : X Xuất-bản-cục, 1960) trang...

Trần-Văn-X... « *Điền cổ* », *Văn-Hóa Nguyệt-San*, Tập... Số... (tháng... năm...) trang...

5. Bao nhiêu cước-chú, đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V. H. N. S. Khi bài đã gửi cho đăng V. H. N. S., mà soạn-giả sau lại muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V. H. N. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ-hữu tránh sự trùng-điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các bài đăng V. H. N. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v..., mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.